Văn hóa Thể thao NGHỆ AN

SỐ **08** (THÁNG 01/2023)

TRONG SỐ NÀY

Chịu trách nhiệm nội dung:
ThS. TRẦN THỊ MỸ HẠNH
Giám đốc Sở Văn hóa & Thể thao

Biên tập:
QUÁCH THỊ CƯỜNG
CHU THỊ XUYẾN
HỒ MẠNH HÀ

Trình bày:
QUANG MINH

Tòa soạn:
Số 74, Đ. Nguyễn Thị Minh Khai,
TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại:
0238.3844511 - 0902121415
Email:
vanhoanghean2021@gmail.com

VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

ĐẶNG CÔNG THÀNH — Bác Hồ với mùa Xuân của đất nước, của Đảng và dân tộc 4

Quách Thị Cường — Văn hóa Thể thao Nghệ An 2022: Thích ứng nhanh, nâng tầm vị thế, trở thành mục tiêu, động lực thúc đẩy tỉnh nhà phát triển 7

VĂN HÓA TẾT - TẾT VĂN HÓA

NGUYỄN HÙNG VĨ — Phong tục có thể thay đổi nhưng cảm thức về Tết vẫn vẹn nguyên....11

BÙI LINH CẢM — Tết xưa, Tết nay nhìn từ văn hóa....13

MAY HUYỀN — Độc đáo mâm cúng Tết của dân tộc Ơ Đu....17

HỮU VI — Món cúng ngày Tết của người miền núi Nghệ An 19

GIANG AN — Bánh ong, món ăn dân dã độc đáo trên mâm cỗ cúng ngày Tết....22

TRẦN ĐÌNH HÀ — Du xuân qua miền di sản....24

HUY HUYỀN — Văn hóa Tết và Tết con Mèo....27

THÁI HUY BÍCH — Tản mạn về Tết Nguyên đán....29

ĐẤT & NGƯỜI XỨ NGHỆ

NGUYỄN THỊ THUÝ — Văn hóa Quỳnh Văn gần 100 năm nhìn lại....30

PHONG LÊ — Trần Hữu Thung - nhà thơ xứ Nghệ....33

ĐÀO TAM TỈNH — Hai danh nhân người Nghệ sinh năm Mão có công với triều Tây Sơn 36

LA GIANG — Học giả, nhà giáo dục Trần Trọng Kim (1883 - 1953)....40

PHẠM BÁ NHIỄU — Nhạc sĩ Tân Huyền & những ca khúc nổi tiếng đi cùng năm tháng....43

GẶP GỠ VĂN HÓA

TRẦN XUÂN HOÀI — Khi nhà khoa học viết văn 46

NHỮNG GÓC NHÌN VĂN HÓA

PHẠM XUÂN NGUYÊN	Giải thưởng Nobel văn chương	48
VĨNH KHÁNH	Đề cương Văn hóa Việt Nam và hành trình nhận thức, lý luận văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam	52
NGÂN THANH	Trí thức Việt Nam với công cuộc "tự khai hóa" những năm đầu thế kỷ XX	56
BÙI HÀO	Giao thoa, tiếp biến văn hóa qua hôn nhân đa tộc người	59
ANH TUẤN	Vai trò của đội ngũ cán bộ văn hóa trong xây dựng môi trường văn hóa cơ sở ở Nghệ An	64
PHẠM THẠCH HOÀNG	Tung bay lá cờ tổ quốc	68
PHONG HỒ (sưu tầm)	Những mốc son năm Mão trong tiến trình lịch sử Việt Nam	71

DIỄN ĐÀN VĂN HÓA

TRANG TUỆ	Phong tục tập quán cần phải được nhìn nhận phù hợp	72
THẠCH QUỲ	Chợ quê giữ lại hồn quê những gì?	75

CỬA SỔ VĂN HÓA

HỮU ĐỨC	Tết Tây - Tết Ta	78

VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG

THÁI HẠO	Tết ở nhà trường, khi ngày vui ngắn chẳng tày gang	81
THẢO NGUYÊN	Ký ức trường xưa và chuyện di dời các ngôi trường	83

XỨ NGHỆ NGÀY NAY

NGỌC MAI	Một năm thành công của nghệ thuật biểu diễn Nghệ An	84
THANH TOÀN	Những nét đẹp văn hóa của ngư dân vùng biển Quỳnh Lưu dịp đầu xuân	88
TRANG ĐOAN	Họa sỹ Trọng Hiệp: Tôi muốn làm điều gì đó cho hội họa xứ Nghệ	90
NGUYỄN XUÂN	Thể thao Nghệ An 2022: Nhìn lại để vươn xa	93
NGỌC MAI - HỒ HÀ	10 sự kiện Văn hóa - Thể thao nổi bật năm 2022	96

- **Bìa 1:** Tranh: CHÍ ĐÀM (chất liệu tổng hợp)
- **Bìa 2:** Ảnh: PHONG HỒ - NGUYỄN ĐẠO
- **Bìa 3:** Ảnh: HẬU NGUYỄN
- **Bìa 4:** Ảnh: MẠNH HÙNG, ĐÌNH CHIẾN

In 500 cuốn, khổ 19 x 27cm tại Công ty TNHH In Hòa Nhơn - Số 6/6 Lê Khôi, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Giấy phép xuất bản số: 90/GP-XBBT do Sở Thông tin và Truyền thông Nghệ An cấp ngày 19/07/2021
In và nộp lưu chiểu tháng 01/2023

Tết, Trở về và đi ra

Tết Nguyên Đán - Buổi sáng đầu tiên, ngày đầu tiên, là sự khởi đầu của một năm. Là sự giao hòa vũ trụ, là lúc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới. Với người Việt - cộng đồng cư dân nông nghiệp trong lịch sử, Tết Nguyên Đán là còn là thời điểm giao hòa giữa con người với thần linh, là không gian chứa đựng nhiều ý nghĩa tâm linh và văn hóa. Tết, theo dòng lịch sử, đã trở thành một trầm tích văn hóa với nhiều phong tục tập quán mang dấu ấn lịch sử của các cộng đồng cư dân, các vùng miền tạo nên bản sắc chung của Tết Việt Nam.

Văn hóa Tết được bổ sung nhiều hình thức thể hiện mới để phù hợp hoàn cảnh, điều kiện mới đồng thời cũng điều chỉnh, làm biến đổi nhiều phong tục tập quán cổ truyền. Đó là quy luật phát triển của văn hóa, trong đó có văn hóa Tết của người Việt.

Hiện nay, văn hóa Tết, cụ thể là phong tục tập quán đón Tết, vui Tết, chơi Tết, ăn Tết đã có nhiều chuyển động, thay đổi. Người ta Chơi Tết nhiều hơn Ăn Tết. Chơi Tết cũng khác xưa. Nếu trước đây chủ yếu diễn ra trong không gian làng, mọi người đều Trở về tụ họp để thực hiện các nghi lễ với thần linh, tổ tiên, vui chơi cùng cộng đồng làng thì ngày nay xu thế hướng ngoại, Đi ra/xa để đón Tết, chơi Tết đang dần phổ biến hơn. Chơi Tết đang gắn với du lịch, với nhu cầu khám phá văn hóa mới ngoài không gian làng. Theo đó, tâm thức về Tết, nhất là đối với lớp người trẻ cũng đã có nhiều khác biệt so với các thế hệ tiền nhân.

Một diện mạo văn hóa Tết mới đang hình thành. Đó là điều bình thường trong sự vận động phát triển của xã hội. Xã hội, nhất là các thế hệ cao tuổi, không nên quá lo lắng về điều đó. Trên dòng thời gian, thế hệ nào cũng có sự thay đổi, dù ít hay nhiều, trong việc đón nhận Tết, ứng xử với Tết.

Vấn đề đáng bàn là cộng đồng xã hội, các nhà quản lý, nhất là ngành văn hóa ứng xử thế nào với sự thay đổi này để vừa bảo tồn được các giá trị truyền thống, vừa biết chọn lọc để điều chỉnh cách thức, phong tục tập quán Tết một cách phù hợp. Chúng ta chưa và không thể chấp nhận Tết chỉ có Ăn và Chơi. Tết là thời gian, là không gian để hồi hướng về Tổ tiên, Gia đình, và quê hương đất nước mà đại diện là các Thần linh. Nhưng phải chấp nhận xu thế Mở, Đi ra của Tết thay cho chỉ có Trở về.

Bởi vậy, Nhà nước, cụ thể là các ngành văn hóa, du lịch, thương mại, giao thông vận tải, viễn thông, ngân hàng... cần đầu tư kiến tạo các điểm đến, cung cấp các dịch vụ cần thiết và sự đảm bảo an toàn cho những du khách hành hương trong dịp Tết.

Để phục vụ cho du khách trong dịp Tết, cần hướng đến những điểm đến phù hợp trong dòng tâm thức về văn hóa cội nguồn, về Tết. Nếu không thực hiện các nghi lễ tâm linh trong không gian gia đình, làng xã thì các du khách vẫn có thể bày tỏ tình cảm tại các không gian tâm linh ngoài làng xã của mình. Không đi lễ chùa, lễ đền ở quê thì vẫn có thể lễ chùa, đền và các sinh hoạt văn hóa, tâm linh ở nơi khác. Không gặp nhau ở quê thì họ vẫn có thể giao lưu với người thân, đồng hương ở xứ người. Thậm chí họ có thể gặp nhau, chúc Tết qua các trang mạng xã hội, qua messenger, zalo...; Hoặc thưởng thức hương vị ẩm thực Tết, tham gia các sinh hoạt Tết của các vùng miền trong dịp Tết.

Đi ra và Trở về vẫn là hai dòng song hành trong mỗi dịp Tết đến hiện nay của các cộng đồng dân cư. Văn hóa Tết có thể có những biến đổi về hình thức thể hiện nhưng tâm thức Tết thì vẫn nguyên vẹn trong mỗi người Việt Nam. Nhận thức rõ điều đó để đáp ứng các nhu cầu của người dân là điều cần thiết đối với chính quyền và các cơ quan chức năng của mình.

VĂN HÓA THỂ THAO NGHỆ AN

Bác Hồ đọc thơ chúc Tết năm 1968. Ảnh TL

Bác Hồ với mùa Xuân của đất nước, của Đảng và dân tộc

ĐẶNG CÔNG THÀNH

Cứ mỗi mùa Xuân đến trong lòng chúng ta không khỏi bồi hồi cảm xúc thật thiêng liêng cao quý, cảm xúc ấy vừa có gì đời thường, máu thịt, thân thương vừa tâm linh khát vọng... Ấy là mùa chuyển giao tự nhiên của đất trời từ mùa Đông khí hậu lạnh, khô, băng giá, vạn vật như phải gồng mình lên để tồn tại,... sang mùa Xuân thời tiết ôn hòa, khí hậu ấm áp, hoa cỏ ngập tràn, vạn vật như thoát thai đón một thiên đường của sự sinh sôi phát triển.

Với đất nước, mùa Xuân như có một cái gì đó thật tâm linh luôn gắn Bác Hồ, với Đảng, với Nhân dân, với dân tộc, đó là những mùa Xuân đặc biệt ghi dấu ấn lịch sử của chặng đường cách mạng Việt Nam, tiếp bước lịch sử truyền thống hào hùng vẻ vang của cha ông từ buổi đầu dựng nước.

Chúng ta đều biết, cách đây 93 năm (1930 - 2023), như định mệnh không thể là mùa khác, Bác Hồ đã chọn mùa Xuân năm 1930 khi

tình hình cách mạng đã có những bước tiến mới, nắm bắt "thiên thời, địa lợi, nhân hòa", Bác đã thống nhất được 3 tổ chức cộng sản Việt Nam lại và Ngày 03 - 02 - 1930, Người tổ chức Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là mùa Xuân lịch sử mở đầu cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập cho dân tộc, có Đảng lãnh đạo và người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam là nhà yêu nước và cách mạng vĩ đại Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, là Bác Hồ của Nhân dân ta.

Đảng ta ra đời vào mùa xuân - mùa xuân của đất nước và dân tộc. Thế là từ bấy đến nay, nhất là từ khi nước nhà độc lập, thống nhất, cứ mỗi lần Tết đến, Xuân sang, Nhân dân ta lại một lần mừng năm mới, mừng xuân, mừng Đảng, mừng đất nước, mừng dân tộc. Những cái mừng ấy hòa quyện với nhau làm một, tạo nên sự linh thiêng, sức mạnh tinh thần to lớn để Tổ quốc đi lên.

Bác Hồ, vị lãnh tụ kính yêu của Đảng và của dân tộc ta, là hiện thân sáng ngời của cách mạng và kháng chiến, của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời cho đến khi Bác đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, Người đã có 24 năm cùng toàn dân và toàn quân đón Tết, vui Xuân. Năm nào Bác cũng có thư hoặc thơ chúc Tết.

Nếu có ai hỏi trong 24 cái Tết ấy, Tết nào là Tết đặc sắc nhất của Bác, câu trả lời sẽ là: Không! Không thể nói Tết nào là đặc sắc nhất, bởi mỗi cái Tết của Bác đều có nét đặc sắc riêng, không thể nào đo đếm đơn thuần được. Nhưng nếu lựa chọn bất kỳ, xin lấy Tết Quý Tỵ 1953 làm ví dụ thì mùa xuân này, Quý Mão 2023 cách Quý Tỵ 1953 vừa tròn 70 năm.

Quý Mão 2023 là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, cũng là năm thứ ba của giai đoạn phấn đấu nước rút, nhằm phấn đấu đến năm 2025 nước ta là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

Còn Mùa Xuân Quý Tỵ 1953, cuộc kháng chiến chống Pháp của Nhân dân ta đã bước vào năm thứ tám kể từ khi Toàn quốc kháng chiến bùng nổ; là năm chúng ta bắt đầu đẩy mạnh tiến lên chuẩn bị tổng phản công trong giai đoạn tiếp theo. Nhân dịp Tết Dương lịch, ngày 01 tháng 01 năm 1953, Bác Hồ gửi Thơ chúc Tết đến đồng bào và chiến sĩ cả nước:

Toàn thể chiến sĩ thi đua giết giặc,
Đồng bào cả nước đoàn kết một lòng.
Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi,
Độc lập thống nhất, nhất định thành công.

Cũng trong ngày này, Bác tiếp tục dự phiên họp Hội đồng Chính phủ. Tổng kết cuộc họp, Người nêu: Phải có chính sách cán bộ, phấn đấu nâng cao mức sống của cán bộ và các tầng lớp nhân dân. Phải triệt để chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Cán bộ phải gương mẫu đi trước; có thưởng, có phạt.

Ngày đầu năm Dương lịch, Bác tiếp và chụp ảnh với đồng chí La Quý Ba cùng các đồng chí nữ trong Đoàn cố vấn Trung Quốc đến chúc mừng Người nhân dịp năm mới.

Hơn một tháng sau, đến Tết cổ truyền của dân tộc, Bác Hồ cũng có Thơ chúc Tết đăng trên Báo Nhân Dân số 95 (ngày 11 đến ngày 15-2-1953):

Thơ chúc Tết Xuân Quý Tỵ 1953

Mừng năm Thìn vừa qua,
Mừng Xuân Tỵ đã tới.
Mừng phát động nông dân,
Mừng hậu phương phấn khởi.
Mừng tiền tuyến toàn quân
Thi đua chiến thắng mới.
Mừng toàn dân kết đoàn,
Mừng kháng chiến thắng lợi.
Mừng năm mới, nhiệm vụ mới,
Lực lượng mới, thành công mới.
Mừng toàn thể chiến sĩ và đồng bào,
Mừng phe dân chủ hòa bình thế giới.

Nhân dân ta đón Tết Quý Tỵ 1953 khi Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa 2) vừa kết thúc thắng lợi. Hội nghị đánh giá tình hình thế giới và trong nước năm 1952 và đề ra nhiệm vụ năm 1953 mà trọng tâm là: Lãnh đạo kháng chiến và chính sách quân sự, xây dựng một quân đội nhân dân thật vững mạnh và luôn luôn tiến bộ; phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức để tiến đến cải cách ruộng đất.

Nói về tầm quan trọng và ý nghĩa của cải cách ruộng đất, Bác nhấn mạnh: "... Ngày nay, kháng chiến đã 7 năm, đồng bào nông dân hy sinh cho Tổ quốc, đóng góp cho kháng chiến đã nhiều và vẫn sẵn sàng hy sinh, đóng góp nữa. Song họ vẫn là lớp người nghèo khổ hơn hết, vì thiếu ruộng hoặc không có ruộng cày. Đó là một điều rất không hợp lý. Muốn kháng chiến hoàn toàn thắng lợi, dân chủ nhân dân thật thà thực hiện thì phải thiết thực nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của nông dân, phải chia ruộng đất cho nông dân". Trên thực tế, dù có một số sai lầm lệch lạc được Bác Hồ kịp thời ngăn chặn, cải cách ruộng đất đã thu được kết quả to lớn. Hàng triệu nông dân có ruộng, đời sống được cải thiện, kháng chiến có thêm sức mạnh.

Đồng thời, từ đầu năm 1953, với bút danh Đ.X, Bác viết một loạt 50 bài thường thức về chính trị đăng trên Báo Cứu Quốc. Nội dung các bài viết là những vấn đề lý luận chính trị cơ bản, đi sâu chủ đề công tác xây dựng Đảng, xây dựng lý tưởng và niềm tin cho cán bộ, đảng viên để vượt qua gian khổ, hy sinh nhằm đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Trước Tết, quân ta đã kết thúc thắng lợi Chiến dịch Tây Bắc: Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phá tan âm mưu lập "xứ Thái tự trị" của Pháp, giải phóng một phần đất đai, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc. Rồi sau Tết ba tháng, liên quân Lào - Việt mở chiến dịch Thượng Lào, giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phong Xa Lỳ. Nhờ vậy, căn cứ kháng chiến Thượng Lào nối liền với vùng Tây Bắc, tạo một thế mạnh uy hiếp quân Pháp.

Đầu tháng 3 năm 1953, Bác Hồ chủ tọa phiên họp Hội đồng Chính phủ. Bác phát biểu tổng kết phiên họp, nhấn mạnh: Phiên họp đã giải quyết được nhiều vấn đề quan trọng, nhất là chính sách ruộng đất. Song chúng ta không được chủ quan, phải có quyết tâm sửa chữa sai lầm, khuyết điểm nhằm đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Có thể nói, Xuân Quý Tỵ 1953, với những câu thơ chúc Tết ngắn gọn, lời thơ mộc mạc, súc tích, gần gũi thân quen nhưng chứa đựng tư duy đổi mới về xây dựng Đảng, một chủ trương lớn của Đảng trong giai đoạn quyết chiến chiến lược: Đẩy mạnh phản công đánh thắng thực dân Pháp xâm lược, chấm dứt cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ của dân tộc ta sau những tháng năm giành được độc lập dân tộc. Lời và từng ý thơ của Bác luôn thể hiện tinh thần quyết tâm, niềm lạc quan, tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến, kiến quốc "Kháng chiến, kiến quốc nhất định hoàn toàn thành công".

Xuân Quý Tỵ 1953 cũng như mọi mùa xuân khác, trước đó cũng như sau này, Bác Hồ luôn hết lòng chăm lo cho đất nước, cho dân tộc, cho Đảng, cho công việc và cho mỗi con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh là vĩ nhân đã in đậm dấu ấn vào lịch sử dân tộc và lịch sử nhân loại. Dù đã mãi mãi đi xa, nhưng hình ảnh giản dị, tư tưởng và tấm gương đạo đức sáng ngời của Người luôn sống mãi trong trái tim các thế hệ người Việt Nam và bè bạn quốc tế. Mùa Xuân với Bác Hồ là cả những biển trời rộng lớn, bao la, khát vọng cho đất nước thanh bình, phát triển, dân tộc trường tồn rất đáng trân trọng, tự hào.

Xuân Quý Mão 2023 năm nay, cũng như bao mùa xuân khác từ khi Người về cõi vĩnh hằng, chúng ta vẫn thấy như luôn có Bác bên mình. Mong xuân này sẽ khởi đầu một năm mới đầy khởi sắc. Công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng bộ máy lãnh đạo và quản lý tinh gọn, hiệu quả sẽ gặt hái thêm nhiều kết quả mới; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tiếp tục được đẩy mạnh, để vườn xuân đất nước ngày càng nảy lộc, đơm hoa, kết trái, dân tộc trường tồn.

Lễ Vinh danh và kỷ niệm 250 năm sinh, 200 năm mất nữ sĩ Hồ Xuân Hương. Ảnh: Phong Hồ

VĂN HÓA THỂ THAO NGHỆ AN 2022: Thích ứng nhanh, nâng tầm vị thế, trở thành mục tiêu, động lực thúc đẩy tỉnh nhà phát triển

QUÁCH THỊ CƯỜNG

BÁM SÁT CHỈ ĐẠO CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG TẠI HỘI NGHỊ VĂN HÓA TOÀN QUỐC CUỐI NĂM 2021 VÀ CHỦ ĐỀ NĂM CÔNG TÁC 2022 MÀ BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH PHÁT ĐỘNG TRIỂN KHAI TẠI NGHỆ AN "XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA CƠ SỞ VÀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ", NĂM QUA, NGÀNH VĂN HÓA VÀ THỂ THAO NGHỆ AN ĐÃ CÓ NHIỀU NỖ LỰC, BỨT PHÁ, ĐẠT ĐƯỢC NHIỀU THÀNH TỰU QUAN TRỌNG, THỰC SỰ TRỞ THÀNH ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY TỈNH NHÀ PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG.

Xây dựng và hoàn thiện thể chế để khơi thông nguồn lực phát triển văn hóa. Văn hóa có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An trở thành tỉnh trung tâm của vùng Bắc Trung Bộ. Việc hoàn thiện thể chế chính sách và khơi thông các nguồn lực để phát triển văn hóa là một trong những giải pháp quan trọng để chấn hưng văn hóa theo chủ trương, đường lối của Đảng mà đồng chí Tổng Bí thư đã nhấn mạnh tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021. Với sự tham mưu tích cực của ngành Văn hóa và Thể thao, tỉnh Nghệ An đã ban hành nhiều chính sách mới nhằm hỗ trợ phát triển đời sống văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh nhà. Đó là chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất và dạy bơi cho trẻ em; hỗ trợ nghệ nhân, câu lạc bộ trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể và nghệ sĩ đang làm việc tại Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh; hỗ trợ bảo tồn và phát

Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam được tổ chức tại huyện Con Cuông với chương trình nghệ thuật đặc sắc.

huy di sản văn hóa; hỗ trợ phát triển đời sống văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An,... Các chính sách hỗ trợ đã tháo gỡ những nút thắt trong hoạt động văn hóa thể thao, thông qua các chính sách nay, hàng trăm tỷ đồng được cân đối cấp để hỗ trợ, đầu tư phát triển văn hóa thể thao tạo tiềm năng, lợi thế, và nền tảng phát triển của tỉnh và từng địa phương. Bên cạnh đó, nhiều chiến lược, chương trình về văn hóa, gia đình cũng đã được tỉnh ban hành tạo cơ sở quan trọng cho việc xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở Nghệ An từ nay đến năm 2030, như: Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030; Chương trình về phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới đến năm 2025; Chương trình giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình đến năm đến năm 2030; Chương trình thực hiện Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" giai đoạn 2022 - 2026.

Công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số được triển khai thống nhất từ quan điểm chỉ đạo đến hành động. Toàn ngành tập trung thực hiện các nội dung: Đầu tư hạ tầng số, triển khai các nền tảng số dùng chung cho ngành Văn hóa và Thể thao như bảo tàng số, di tích số, di sản số. Dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp được triển khai ngày càng hiệu quả, tăng mức độ hài lòng đối với các dịch vụ công ích. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh luôn được chú trọng; Nguồn lực dành cho chuyển đổi số được quan tâm, tăng cường, đặc biệt là kinh phí cho chuyển đổi số phục vụ công tác chuyên môn như triển khai các hệ thống ứng dụng, tạo lập cơ sở dữ liệu, duy trì vận hành, tuyên truyền và đào tạo để tạo đà đưa văn hóa trở thành mục tiêu phát triển bền vững trong thời kỳ kỷ nguyên số.

Đa dạng hóa các hoạt động văn hóa nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị, tham gia các liên hoan trong nước và quốc tế. Nghệ thuật chuyên nghiệp không ngừng nỗ lực sáng tạo, dàn dựng các chương trình nghệ thuật mang tính thể nghiệm mới để tham gia các cuộc thi và phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị, phục vụ công chúng khán giả thưởng thức. Các chương trình được đánh giá cao về tính nghệ thuật, tính thời sự, bám sát thực tiễn cuộc sống, bản sắc văn hóa của dân tộc. Năm 2022, nghệ thuật chuyên nghiệp Nghệ An liên tục tỏa sáng và thành công tại các liên hoan toàn quốc và khu vực (Liên hoan Tuồng và Dân ca Kịch toàn quốc - tháng 5/2022, Liên hoan Ca Múa Nhạc chuyên nghiệp toàn quốc -

tháng 6/2022, Liên hoan Âm nhạc ASEAN - tháng 12/2022) với 3 HCV toàn đoàn và nhiều HCV, HCB, giải Xuất sắc cá nhân, tiết mục. Cùng với hoạt động biểu diễn chuyên nghiệp, các hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng cũng được tổ chức đa dạng với nhiều hoạt động hướng về cơ sở, tạo điểm nhấn và cầu nối giúp lan tỏa, gắn kết phong trào ở các địa phương. Hoạt động văn hóa nghệ thuật từ chuyên nghiệp đến không chuyên trong năm qua đã tạo nên bầu không khí hào hứng, sôi động và ấn tượng trong đời sống văn hóa xứ Nghệ sau thời gian dài trầm lắng vì đại dịch COVID-19, đồng thời khẳng định sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư của tỉnh và ngành Văn hóa, Thể thao để tạo nên thương hiệu cho văn hóa nghệ thuật Nghệ An. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật không những đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của Nhân dân, mà còn quảng bá hình ảnh văn hóa, con người Nghệ An, tạo sức hút, góp phần xây dựng thương hiệu du lịch về miền Ví, Giặm.

Quan tâm xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" để các giá trị văn hóa trở thành nguồn sức mạnh nội sinh đưa Nghệ An thoát khỏi tình trạng tỉnh nghèo. Thông qua đội ngũ cán bộ văn hóa, cộng tác viên văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, yếu tố văn hóa được các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể chú trọng đưa vào trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tất cả được cụ thể hóa thành văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở, văn hóa giao thông, văn hóa làng xã, văn hóa gia đình, văn hóa ứng xử, văn minh đô thị, văn hóa chợ, quy tắc ứng xử của ngành, của trường học thân thiện, học sinh tích cực...Các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; về xây dựng gia đình văn hóa, con người văn hóa Nghệ An đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đã thực sự đi vào cuộc sống, điều chỉnh hành vi, lối sống, nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Năm 2022, toàn tỉnh có 2.565 làng, bản, khối phố (gọi chung là làng) đạt danh hiệu Làng Văn hóa; 325 xã, phường có thiết chế VHTT đạt chuẩn theo tiêu chí của Bộ VH,TT&DL; 85% số hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình Văn hóa. Văn hóa đã và đang trở thành nguồn lực nội sinh để toàn Đảng, toàn dân Nghệ An đưa hết sức lực, tâm huyết, trí tuệ của mình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà, làm cho dân giàu, nước mạnh, đảm bảo môi trường phát triển bền vững.

Giá trị di sản văn hóa dần được chuyển hóa thành nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội. Với 2.602 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, 463 di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc đã được kiểm kê, tỉnh Nghệ An xác định di sản văn hóa là nguồn lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Công tác tu bổ, chống xuống cấp di tích được quan tâm. Dù còn nhiều khó khăn nhưng năm 2022, Nghệ An đã đầu tư 14 (mười bốn) tỷ đồng tu bổ, chống xuống cấp tại các di tích: Đình Trang, Đình Mõ, Đền Rậm, Đền thờ Ngô Trí Hòa... Việc trưng bày tại Khu Di tích Kim Liên và các Bảo tàng: Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh, Bảo tàng Nghệ An bước đầu cũng được đổi mới theo hướng ứng dụng công nghệ 3D tạo không gian trải nghiệm cho người xem trên mọi thiết bị, không gian và thời gian. Đây là một bước tiến mới trong lĩnh vực hoạt động của các bảo tàng, di tích tại Nghệ An. Công tác xếp hạng di tích được triển khai đúng quy định. Trong năm, Nghệ An có thêm 10 di tích được công nhận cấp tỉnh, 01 di tích Quốc gia đặc biệt (Đền thờ Vua Mai Hắc Đế). Nhiều di tích được xếp hạng phát huy tốt giá trị, trở thành điểm du lịch hấp dẫn, thu hút khách đến tham quan. Lễ Vinh danh và kỷ niệm 250 năm sinh, 200 năm mất của nữ sĩ Hồ Xuân Hương - danh nhân văn hóa thế giới đã được tỉnh Nghệ An tổ chức trọng thể với nhiều hoạt động (dâng hương tưởng niệm, hội thảo khoa học quy mô quốc tế, triển lãm hội họa, biểu diễn nghệ thuật,...) nhằm tôn vinh nữ sĩ và các giá trị di sản thơ của bà. Việc bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa của Nghệ An đã góp phần quan trọng trong giáo dục truyền thống văn hóa và cách mạng của dân tộc, khơi dậy niềm tự hào, ý chí tự lực vươn lên của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nhất là phát triển du lịch.

VĐV Phạm Thị Hồng Thanh tỏa sáng với 3 HCV Giải Cử tạ vô địch châu Á 2022.

Thể thao Nghệ An vượt qua thách thức, khẳng định vị thế trong nền thể thao nước nhà. Đại hội Thể dục Thể thao các cấp và các giải thi đấu quốc gia tại Nghệ An được tổ chức thành công trong điều kiện còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19. Năm 2022 được coi là một năm Vàng của thể thao Nghệ An với 106 HCV trong tổng số 369 huy chương các loại tại 72 giải toàn quốc; 13 HCV, 15HCB, 28 HCĐ tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022 (xếp thứ 18/65 tỉnh, thành, ngành). Đặc biệt, VĐV cử tạ Phạm Thị Hồng Thanh liên tục đem vinh quang về cho tỉnh nhà, nước nhà với 3 HCV hạng 64kg nữ (giải Vô địch Cử tạ châu Á diễn ra từ ngày 06 - 16/10 tại Manama - Bahrain); HCV Sea Games 31 (là người phá cả 3 kỷ lục Sea Games ở hạng cân 64kg nữ các nội dung cử giật, cử đẩy và tổng cử); 03 HCV Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX. Bóng đá mùa giải năm 2022 cũng bội thu, Đội 1 Câu lạc bộ Bóng đá Sông Lam Nghệ An đứng thứ 5 của Bảng xếp hạng Giải Bóng đá vô địch quốc gia. Các đội trẻ U9, U11, U13, U15 đạt HCV toàn quốc; U17, U19 đạt HCĐ toàn quốc. Những kết quả đó không chỉ khẳng định vị thế của thể thao Nghệ An trong nền thể thao nước nhà mà còn đóng góp quan trọng trong xây dựng thể lực, tầm vóc con người Nghệ An trên con đường hội nhập và phát triển.

Những kết quả trên đây sẽ là hành trang để Văn hóa và Thể thao Nghệ An vững tin trên con đường phát triển ổn định và bền vững từ nay đến năm 2030. Trước mắt, các hoạt động tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối sống, xây dựng gia đình văn hóa, xây dựng con người Nghệ An phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của toàn ngành. Các lĩnh vực: Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản, văn hóa cơ sở, thư viện, bản quyền tác giả, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm...cũng sẽ có nhiều nội dung quan trọng được ngành triển khai trong năm 2023.

Năm 2023, ngành Văn hóa và Thể thao Nghệ An sẽ tập trung triển khai Chiến lược phát triển văn hóa, thể thao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án phát triển các môn thể thao trọng điểm; Cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại"; Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030; Chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, tham dự và giành thành tích tốt tại các sự kiện thể thao quốc gia và quốc tế; Chủ động tăng cường, mở rộng các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực của ngành; Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị của ngành; Triển khai Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ngành theo hướng tinh gọn, hiệu quả; Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực ngành theo hướng chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ trong giai đoạn mới.

Với phương châm hành động "Thích ứng nhanh, nâng tầm vị thế, trở thành mục tiêu, động lực thúc đẩy Nghệ An phát triển nhanh và bền vững", ngành Văn hóa và Thể thao Nghệ An sẽ tiếp tục đoàn kết, nỗ lực thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho Nhân dân, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trên vùng đất địa linh nhân kiệt.

Nhà nghiên cứu Văn hóa dân gian Nguyễn Hùng Vĩ

Phong tục có thể thay đổi nhưng cảm thức về Tết vẫn vẹn nguyên

NHÂN DỊP TẾT SẮP TỚI, VHTTNA ĐÃ CÓ CUỘC TRAO ĐỔI NHANH VỚI NHÀ NGHIÊN CỨU VĂN HÓA DÂN GIAN (NNCVHDG) NGUYỄN HÙNG VĨ - GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI VỀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CẢM THỨC VÀ PHONG TỤC ĐÓN TẾT NGÀY NAY. XIN TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU CÙNG BẠN ĐỌC.

VHTTNA: *Thưa ông, xưa và nay người ta chờ đón cái Tết như thế nào? Có gì khác nhau không?*

NNCVHDG Nguyễn Hùng Vĩ: Tết Nguyên đán là thời điểm kết thúc năm cũ và bắt đầu một năm mới, và theo thói quen dân gian, nó bắt đầu tính cho một mùa mới trong bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Với các chính thể quản trị xã hội ngày trước, Tết cũng là thời điểm bắt đầu một năm thực thi các kế hoạch vận hành hoạt động cho quốc gia. Với từng con người, Tết thức dậy tâm thức cá nhân về ý nghĩa sự tồn tại của chính mình, không những trong tính chu kỳ, mà quan trọng hơn là trong thời gian một đi không trở lại.

Theo trục không gian, các cụ xưa nói, Tết cả là thời điểm giao hòa Thiên - Địa - Nhân là như vậy. Nguyễn Trãi, khi ẩn dật ở Côn Sơn, ngẫm nghĩ nhiều về thế thái nhân tình mà vẫn mang tâm thức: "Chong đèn chực tuổi cay con mắt". Thật là tâm trạng.

Trong tâm thức của một cộng đồng, theo trục thời gian, thì Quá khứ - Hiện tại - Tương lai bừng lên trong Tết. Người ta ôn cố - uống nước nhớ nguồn; người ta tri tân, ngẫm ngợi về những gì được mất hôm nay; người ta kỳ vọng, hướng đến những dự định tốt đẹp cho ngày mai.

Trong xã hội, theo trục văn hóa, Tết là thời điểm bùng nổ sắc màu, âm thanh, vũ đạo: sửa sang, trang trí, lễ hội, trình diễn, giao tiếp, ứng xử đẹp trong dịp Tết. Vẫn con người đời thường ấy, Tết cuốn họ vào một festival cộng đồng sôi động và tử tế.

Đó là những tâm thức tạo nên những gì bất biến trong sự vận động bất định của thiên nhiên và con người.

Không thời nào giống thời nào cả. Giống nhau là không vận động và phát triển. "Xưa" là dằng dặc mà "nay" chỉ là thời điểm mà thôi. Sự khác nhau mới làm nên cái gọi là văn hóa, là đặc tính của vận động và phát triển văn hóa.

Người Việt Nam từ xưa, dẫu đều là "đón Tết", nhưng "ăn Tết", "chơi Tết", "vui như Tết" thì ít mà "lo Tết", "chạy Tết", "xoay Tết" thì nhiều. Nhìn quá

khứ quốc gia - dân tộc từ vài ngàn năm trở lại qua tài liệu cổ sử, tài liệu khảo cổ học, tài liệu địa văn hóa, ta thấy cái gam màu nổi bật lên đó là cái sự NGHÈO. Có phong phú về bản sắc thật nhưng rất là khiêm tốn về thành quả.

Với Tết, tâm lý ai và thời nào cũng hồ hởi đón đợi cả thôi, nhưng thế hệ chúng tôi, sinh ra và lớn lên trong chiến tranh, vui thì ít mà lo buồn thì nhiều. Nhìn xóm làng lo Tết trong mùa giáp hạt, nhìn cha mẹ xoay xỏa bó chè, cân nếp, tấm áo, manh quần cho con cái mà thấy lòng tức tưởi. Radio đem đến niềm vui "tin chiến thắng" nhưng trong một không khí phảng phất tin đồn về các anh chị đi chiến trường ai hy sinh, ai bị thương. Trong cái rét cuối năm, chúng tôi đi thăm từng gia đình quân nhân bặt tin con cái. Nước mắt chan hòa.

Bây giờ thì khác lắm rồi, vẫn còn một số người nghèo nhưng đã bớt âu lo, buồn khổ gấp nhiều lần. Biết thế thì càng hiểu hơn cái hạnh phúc hôm nay mà chúng ta có được.

VHTTNA: *Nhưng mỗi thời nhu cầu mỗi khác. Khi nhu cầu chưa được đáp ứng thì sự vui Tết nó sẽ giảm đi nhiều, phải không ông?*

NNCVHDG Nguyễn Hùng Vĩ: Niềm vui là gì nhỉ? Hay nói rộng hơn, hạnh phúc của con người là gì? Theo tôi, hạnh phúc chính là một trạng thái tâm lý tích cực nó bừng lên vào thời điểm con người đạt được một kỳ vọng nào đó. Đó là những kỳ vọng nhân bản về điều kiện kinh tế, tiện nghi sống và sức khỏe, về sự hiểu biết, về sự tôn trọng và được tôn trọng, về sự sáng tạo và về nhân cách tự do.

Kỳ vọng luôn thay đổi và sự đạt được kỳ vọng cũng rất khó khăn trong sự thay đổi. Bởi thế mới có nhiều quan niệm về hạnh phúc khác nhau. Sự vận động là bất tận. Cho nên, niềm vui người này khác người khác và hạnh phúc thời này khác thời khác.

Kỳ vọng khi dựng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, như Bác Hồ đã nói là "Ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành". Đó là một thời. Rồi đến lúc: ai cũng đủ ăn, đủ mặc, đủ điều kiện học hành. Đó là một thời rất gần đây. Rồi sẽ đến: ai cũng được ăn ngon, mặc đẹp, ai cũng được học hành thăng tiến. Kỳ vọng nó cứ vận động như vậy. Nhưng không bao giờ mọi kỳ vọng cho một cá nhân được đáp ứng hoàn thiện cả. Kỳ vọng đến mức ảo tưởng, vượt khỏi điều kiện thực tế, thì khó mà đạt được. Một người cũng vậy và một cộng đồng cũng vậy. Bi kịch sẽ xảy ra, nỗi buồn sẽ xuất hiện, ngay cả với Tết. Sự giảm đi niềm vui Tết là nằm ở đó. Nếu bớt đi ảo tưởng thì niềm vui sẽ thiết thực đến với chúng ta. Không gian truyền thông mạng hiện nay vô cùng tiện ích, song, nó cũng đẩy tâm lý "sống ảo" lan tràn khắp nơi. Nhiều bi kịch trong cuộc sống thường nhật cũng như trong vận động lịch sử các cộng đồng sẽ diễn ra như một tất yếu.

VHTTNA: *Tết là để đoàn tụ cùng gia đình, bè bạn, xóm làng, tổ tiên... nhưng hiện nay nhiều người chọn Tết để du lịch và họ ăn Tết ở nơi xa. Điều này có làm mất truyền thống Tết Việt hay không?*

NNCVHDG Nguyễn Hùng Vĩ: Chuyện ăn Tết nơi xa thì thời nào cũng có. Lịch sử nước ta là một lịch sử mở cõi hàng ngàn năm. Trong điều kiện giao thông đường bộ và đường biển ngày xưa, không phải cứ muốn về quê cha đất tổ là thực hiện được. Họ ăn Tết ở đất mới, quê mới: "Gánh theo cả tên làng trong mỗi chuyến di cư". Ngày nay, điều kiện giao thông tốt hơn nhưng con người đi xa hơn, sang các quốc gia khác làm ăn sinh sống. Khoảng cách địa lý rất xa xôi. Cái Tết đất khách quê người đúng là khó mà như ý được nhưng họ sẽ có những cách đoàn tụ riêng của mình. Khi đó tình đồng hương, đồng tộc, đồng văn sẽ thay thế cho gia đình ruột rà, xóm giềng thân hữu. Vả lại thời đại Internet này, khoảng cách xa xôi sẽ được thu ngắn lại.

Nhân dịp Tết để tổ chức một chuyến du lịch cũng là một động thái Tết mới cho những ai có điều kiện. Về Tết với quê nhà cũng là một phương thức du lịch theo nghĩa rộng của nó. Không có gì đáng ngại cả. Nó làm phong phú cuộc sống thêm nhân dịp Tết, nó đóng góp sắc màu vào cái Tết cổ truyền.

Phong tục, tập quán có thể thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh mới, điều kiện mới, nhưng cảm thức về Tết, theo tôi vẫn giữ nguyên trong mỗi người Việt Nam chúng ta.

VHTTNA: *Tết này, ông mong muốn điều gì nhất?*

NNCVHDG Nguyễn Hùng Vĩ: Thứ nhất vẫn là sức khỏe. Trải qua ba cái Tết thấp thỏm vì Covid 19 là ngấm lắm rồi. Cũng may là chúng ta sớm có "ngoại giao vắc xin" cũng như nhanh chóng chuyển hướng sang "bình thường mới" mà tình hình mở ra như hôm nay. Không chủ quan nhưng cũng không quá lo lắng nữa. Tôi mong một cái Tết an lành cho gia đình và cho mọi người.

VHTTNA: *Xin trân trọng cảm ơn những trao đổi của ông. Kính chúc ông và gia đình năm mới an lành, hạnh phúc!*

LA GIANG *(thực hiện)*

Du xuân ngày Tết. Ảnh: Ngọc Mai

TẾT XƯA, TẾT NAY *nhìn từ văn hóa*

BÙI LINH CẢM

Tết xưa - hương Xuân, vị Tết trong những áng thơ văn

Trong văn chương mùa thu và mùa xuân thường gợi nhiều cảm hứng cho người nghệ sĩ. Nhưng có lẽ mùa Xuân và Tết bao giờ cũng là nguồn cảm hứng dồi dào cuốn hút niềm mê say không chỉ người sáng tác mà cả người thưởng thức. Không phải vô cớ mà nữ thi sĩ Anh Thơ (1918 - 2005) trong tập *Bức tranh quê* (1941) đã viết liền tám bài thơ ca ngợi vẻ đẹp mùa Xuân và Tết: *Chiều xuân, Ngày xuân, Đêm xuân, Đêm trăng xuân, Chợ ngày xuân, Chiều ba mươi Tết, Đêm ba mươi Tết, Ngày Tết.* Những vần thơ Tết của thi sĩ thật giản dị, đậm đà hương sắc làng quê: *"Ngoài đường ngõ bùn lầy theo nước chảy/Thằng cu con quần đỏ cưỡi lưng bà/Các cô gái đội vàng hương ôm váy/Miệng tươi cười mừng tuổi những người qua"* (*Ngày Tết*). Nhưng có lẽ để lại nhiều ấn tượng nhất đối với độc giả thời nay là thi sĩ Đoàn Văn Cừ (1913 - 2004) với những bài thơ đặc sắc của ông về mùa Xuân và Tết trong tập thơ nổi tiếng *Thôn ca* (1944). Trong tập thơ đậm đà chất "chân quê" này thi sĩ đã viết liền 10 bài thơ về mùa Xuân và Tết: *Nắng xuân, Mùa xuân, Năm mới, Tết, Chơi xuân, Chợ làng vào xuân, Chợ tết, Tết quê bà, Đám cưới mùa xuân, Đám hội.* Hình ảnh Tết cổ truyền dân tộc hiện lên trong thơ Đoàn Văn Cừ rất đỗi gần gũi, thân quen với mọi người Việt Nam - dù ở trong nước hay đang định cư ở nước ngoài - đều cảm thấy như là hơi thở của cuộc sống trần thế: *"Cây nêu trồng ngoài ngõ/Soi bóng dưới lòng ao/Chùm khánh sành gặp gió/Kêu lính kính trên cao"*. Và dường như mỗi chúng ta khi còn nhỏ hay đã lớn nếu được về quê bà ăn Tết thì thật là vui vì nơi đây có: *"Gạo nếp ngày xuân gói bánh chưng/Cá đêm cuối chạp nướng than hồng/Quần đào,*

áo đỏ, tranh gà lợn/Cơm tám, dưa hành, thịt mỡ đông" (Tết quê bà). Ai ở xa có dịp cố hương vào cữ cuối năm cũ đầu năm mới lại không hơn một lần háo hức đi chợ Tết ở quê. Người đọc nhiều thế hệ truyền tụng và yêu thích bài thơ *Chợ Tết* của thi sĩ Đoàn Văn Cừ vì chất sống và niềm vui sống như một thứ men say nồng. Có thể nói đây là một bức tranh Tết vẽ bằng thơ. Chợ Tết bao giờ cũng tấp nập, đông vui: *"Người các ấp tưng bừng ra chợ Tết/Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc/Những thằng cu áo đỏ chạy lon ton/Vài cụ già chống gậy bước lom khom/Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ/Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ/Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu"*. Đó là một khung cảnh yên bình, điền viên toát lên cái không khí "thôn ca" giản dị của những người nhà quê chất phác, hiền lành. Đó là cảnh ngoài chợ khi "ống kính" của nhà thơ quay xa. Rồi từ xa đến gần, quay "cận cảnh" chợ Tết: *"Người mua bán ra vào đầy cổng chợ/Con trâu đứng vờ dim hai mắt ngủ/Để lắng nghe người khách nói bô bô/Anh hàng tranh kĩu kịt gánh đôi bồ/Tìm đến chỗ đông người ngồi dở bán/Một thầy khoá gò lưng trên cánh phản/Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân/Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cằm/Miệng nhẩm đọc vài hàng câu đối đỏ/Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ/Nước thời gian gội tóc trắng phau phau"*. Nhà văn Hoài Thanh đã nhận xét hết sức tinh tế: "Những hình ảnh cuộc đời Việt Nam xưa còn lưu lại trong thời này chẳng bao lâu sẽ mất hết. Nếu ta không gấp gấp ghi chép lấy thì rồi chẳng còn biết tìm kiếm vào đâu. (...). Phải có thơ. Trong các nhà thơ đồng quê, không ai có ngòi bút dồi dào mà rực rỡ như Đoàn Văn Cừ" (*Thi nhân Việt Nam*). Cũng theo nhà văn Hoài Thanh thì những bức tranh thơ của Đoàn Văn Cừ, bức nào cũng "Đầy rẫy sự sống và rộn rịp những hình sắc tươi vui".

Tết không chỉ đi vào những trang thơ mà cả những trang văn - một hình thức ngôn từ tưởng chừng như khô khan hơn so với "Nàng thơ". Nhà văn Tô Hoài trong tác phẩm *Chuyện cũ Hà Nội* (in lần đầu, năm 1980) đã viết liền 8 bài về cảnh Xuân và Tết Hà Nội (*Những ngày áp Tết, Đêm giao thừa, Đón giao thừa, Hội làng, Pháo, Giỗ tết, Khai bút, Chơi chùa)*. Đọc văn Tô Hoài chúng ta được bồi bổ thêm cái tinh thần "ôn cố tri tân" rất cần thiết cho con người hiện đại đang có xu hướng bị văn minh kĩ thuật "số hóa" làm cho xa rời quá khứ, truyền thống. Bài *Khai bút* khiến chúng ta thấm thía hơn về một nét sinh hoạt văn hóa cổ truyền rất Việt Nam "Đầu năm khai bút bút khai hoa". Nhà văn nói chuyện riêng của mình mà như nói hộ nhiều người: "Không nhớ tôi còn có cái thích khai bút từ năm nào. Nhưng đến bây giờ vẫn giữ thói quen hay hay ấy. Và vẫn nhớ tôi khai bút năm mới từ những năm còn xa xôi với nghề văn. Khai bút loăng quăng vào nhật ký, làm bài thơ, viết cái thư, viết vẩn vơ...Rõ ràng một điều gì chờ đợi. Đến khi làm nghề văn thì mỗi năm tôi khai bút bằng một cái truyện ngắn".

Tết nay - sắc màu thời đại mới

Nhà văn Nguyễn Tuân (1910- 1987) dù chỉ viết có một bài bút ký ngắn về tết nhưng để lại dấu ấn nghệ thuật đặc sắc: *Cánh B52 rụng xuống một thôn hoa Hà Nội* (in trong tác phẩm *Ký Nguyễn Tuân*, Nxb Văn học, 1976). Văn Nguyễn Tuân trước năm 1945, như chúng ta biết, thường phải đọc nhẩn nha và ngẫm ngợi mới thấy hết cái nhã thú của nghệ thuật ngôn từ. Văn Nguyễn Tuân thời đại cách mạng và kháng chiến đã trở nên mạnh mẽ, gấp gáp và sôi động hơn rất nhiều: "Mười tám cái Tết chống Mỹ, những người lao động xã hội chủ nghĩa Hà Nội chả còn dành được mấy thời khắc mà tạt vào Trại Hàng Hoa cổ truyền của mình. Nhưng mà cữ này, - giữa khoảng Tết dương 1973 và Tết âm Quý Sửu, thôn hoa ngoại thành Ngọc Hà lại là nơi được nhiều người Hà Nội chân chính tới chia vui với làng hoa khu Ba Đình. Hăm ba con đại bàng Mỹ B52 là thành tựu chiến thắng chung của Thủ đô trong chiến dịch mười hai ngày đêm liền Hà Nội chỉ ngủ có một mắt, nhưng thôn hoa đây là nơi được triển lãm *tại chỗ* những chiến lợi phẩm Mỹ đuy - ra B52 bị *bắn rơi tại chỗ*. Để đâu cho hết xe đạp của người đi xem hàng hoa đang mở chợ phiên. (...). Năm nay Hà Nội ăn tết to thật đấy! Riêng một mình Thủ đô mà xơi của nó hăm ba cỗ B52. Có bao nhiêu đào cúc quất là người Hà Nội cũng mua cho bằng hết với bất kể giá nào. Đúng thế, hoa Tết

này là giành cho những người chiến thắng, hoa ta ta trồng chậu ta, hoa Tết ta nhất định không phải là nở cho những tên trọc phú thả mìn gỡ mìn từ trường nào. Ông cụ viết câu đối Hàng Bồ bảo rằng, theo lời tổ tiên tám chín đời nói trong gia phả, thì cái năm vua Tây Sơn đuổi xâm lăng nhà Thanh khỏi Hà Nội và giỗ trận thì hoa hoàng mai nở rất nhiều. (...). Năm nay, cúc được mùa to. Nhìn hoa Tết năm nay, thấy nhớ mai vàng nở mừng vua Quang Trung đuổi xong giặc. Thấy nhớ cái Tết tiếp quản đào chiến thắng nở từ rừng Điện Biên Phủ kéo về, đỏ rực cả phố sông Tô Lịch".

Nhà văn Nguyễn Minh Châu (1930-1989) đã viết hẳn một truyện ngắn đặc sắc, nhan đề *Chợ Tết* (in trên tạp chí Văn nghệ quân đội, số 2 năm 1988). Chợ Tết đây dĩ nhiên là chợ Tết ở quê, trên mảnh đất còn xác xơ, lồi lõm vì bom đạn ở một vùng quê khu Bốn: "Trên nền đất lồi lõm, mấp mô mới dựng lên chơ vơ hai chiếc lều bằng nứa lợp phên tranh. Mới thấy dọn trong một ngôi lều cái sạp sách của cửa hàng quốc doanh, mặt hàng chủ yếu được bày là những bức tranh cá chép, tranh mâm ngũ quả, cùng mấy bộ liễn. Tận góc khuất một ngôi lều khác là một lão thầy bói mặc chiếc áo Tôn Trung Sơn màu xám như một cán bộ thuế vụ". Đúng là một phiên chợ Tết bề ngoài thật tuềnh toàng, thoạt trông cũng rất có thể bùi ngùi. Nhưng vượt lên trên tất cả thiếu thốn, nhà văn nhìn thấy một mạch đời tràn trề nhựa sống của Nhân dân

Chợ hoa ngày Tết ở Hà Nội trước năm 1990. Ảnh: Internet

bất tử và bất diệt: "Trên mảnh đất bom đạn và chiến tranh đã nhào nặn đến biến dạng, Định có dịp thấy tất cả những gì quen thuộc với Định từ nhỏ, chính Định cũng đã quen đi, thì nó vẫn còn đó. Định thích thú ngắm nghía những con lợ đất sơn đỏ, những chiếc kèn cũng bằng đất vắt hình con gà trống, những nhành hoa thờ ơ với những bông hoa bằng giấy kim tuyến lỗ chỗ vết kim châm. Chen lấn giữa đám con nít bâu quanh một cái bàn, Định đứng xem một anh chàng đội mũ phớt tàng, mặt rỗ hoa đang vắt con giống. Từ một hàng những vắt bột nếp nhuộm màu ngũ sắc với một chiếc que tre, mười ngón tay cứ thoăn thoắt trong nháy mắt đã làm sống lại những Phàn Lê Hoa, những Quan Công, v.v... Bánh mướt, bánh xèo...Định la cà suốt một dãy bán miếng chín quen thuộc với Định từ bé. (...). Một cái gì bao quanh Định, một không khí luôn luôn bao bọc Định, đấy là sự quen thuộc, một nếp sống quen thuộc đã có từ lâu đời và chả có gì bị phá vỡ đang phô diễn trong phiên chợ Tết ban đầu khiến Định say mê và cảm động". Cũng viết về Tết, song bút ký đặc sắc *Nghĩ lúc giao thừa* (in trên báo Nhân Dân ngày 3-1-1984) chứa chất chiêm nghiệm nhân sinh. Trong bút ký này nhà văn đã bổ sung thêm ý nghĩa lịch sử và nhân văn của hai chữ "giao thừa" theo cách cảm nhận mới của thời đại: "Tôi không thể nào quên được cái đêm mồng 1 tháng 5 năm 1975, đúng một ngày sau khi quân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn, cả Hà Nội đổ về phía Bờ Hồ dự đốt pháo hoa mừng đại thắng. Khi những đốm pháo hoa vừa tắt chỉ còn để lại giữa vòm trời sáng trong trên nóc Tháp Rùa những dải khói trắng, thì từ bốn phía Bờ Hồ, các nam nữ thanh niên ồn ào tản đi dạo các đường phố đông đúc của ngày hội, riêng chỉ có những cặp vợ chồng cán bộ và bộ đội ở vào lứa tuổi bốn, năm mươi, mà cuộc đời riêng đã gắn chặt vào số phận đất nước, là vẫn ngồi lại. Họ ngồi đến quá nửa đêm mà vẫn cứ muốn ngồi lại mãi.

Đêm ấy mới thật là đêm giao thừa có ý nghĩa nhất của cả đời họ. Trong giờ phút ấy, người ta muốn có mặt bên nhau, thích ngồi lại bên nhau. (...). Họ nói chuyện rất ít, mà việc gì phải nói nhiều? Đất nước đang thấm vào tâm hồn từng người".

Đón xuân, đón Tết lòng người ai chả thênh thang, phơi phới như lời văn tha thiết và thành kính của nhà văn: "Giao thừa đã điểm! Khoảnh khắc thời gian tách ra làm đôi, lòng mỗi con người Việt Nam đang tìm đến nhau để sum họp, trong khói pháo và hương trầm ngào ngạt trước bàn thờ tổ tiên, lòng chúng ta sao mà bồn chồn, náo nức, rộn ràng đến khó tả".

Tết thời @, 4.0 - nhiều cung bậc sắc điệu mới

Câu ca dao cổ về Tết có vẻ như không hợp thời nữa: *"Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ/Cây nêu tràng pháo bánh chưng xanh"*. Có mấy thứ không còn hợp thời: pháo thì bị cấm triệt để từ lâu vì gây nhiều hiểm họa, thịt mỡ thì nay ít người hạp vì sợ mỡ máu, hay béo phì (nhất là phụ nữ). Trên ban thờ sự bày biện đồ cúng cũng đã thay đổi nhiều, nhất là thức uống thì rất khác xưa (hình như các *Cụ* cũng hiện đại hơn, không phản đối khi con cháu bày lên cung tiến nào rượu mạnh, rượu vang, bia, nước ngọt, sô-cô-la, chà là,.. toàn những thứ tân kỳ từ trời Tây đổ bộ về). Những món khoái khẩu trong mâm cơm cúng (như canh bóng) cũng giảm thiểu vì vấn đề an ninh thực phẩm. Công thức mâm cúng (*mâm cao cỗ đầy*) chiều ba mươi và sáng mồng một - "8 đĩa 8 bát" cũng hết sức linh hoạt (tuy nhiên mỗi miền Bắc - Trung - Nam lại có vị, sắc riêng). Đêm giao thừa vắng tiếng pháo đôi khi lòng lại thấy nao nao (cũng vì dân ta hay cực đoan, đã đốt là đốt cho đã, gây cháy nổ và sát thương người, nên cấm hẳn là phải cả lý, cả tình). Nhưng gần đây Nhà nước cho phép dùng pháo hoa, cũng đỡ buồn một chút vì có tiếng nổ dẫu lẹt đẹt.

Tết giờ sự ăn chơi cũng đã soán ngôi. Ngày trước nghèo đói thì trông chờ ba ngày Tết để được ăn ngon mặc đẹp. Giờ kinh tế lên thì chuyện ấy cứ là quanh năm, nói như trẻ con "nhỏ như con thỏ" (cũng không loại trừ một số vùng sâu, vùng xa vẫn còn nhiều khó khăn). Trẻ em mong Tết để được "lì xì". Cũng không có gì là không hay, không đúng cái gọi là "văn hóa phong bì" (suy cho cùng *lì xì* cũng thấm hơi hướng văn hóa phong bì). Có nhiều người nói vui, nghe có vẻ triết lý: "Dân ta chuyển nhanh từ phong kiến lên phong bì" (!?).

Tết thời @, 4.0 cánh trẻ và trung niên chuyển hướng từ *ăn* sang *chơi*. Nhiều gia đình vợ chồng son hay con cái đã lớn thường tập hợp trong các nhóm (*group*), do những quan hệ họ hàng hay công việc, tổ chức dã ngoại (*picnic*), hoặc du lịch cả trong và ngoài nước (đi gần gần, châu Á, hay Đông Nam Á chẳng hạn). Tết cũng là dịp để mọi người (đặc biệt lớp trẻ) đi lễ các đền chùa với những lời cầu khấn tha thiết mong nhận về tốt lành sức khỏe, tiến bộ, tiền tài, may mắn trong thi cử đỗ đạt, với tâm cảm "Mã đáo thành công". Mỹ tục của năm mới truyền thống "Mồng một tết cha, mồng hai tết mẹ, mồng ba tết thầy", nay đúng hơn cả ở hai công đoạn đầu. Cũng bởi trong năm đã có Ngày Nhà giáo 20-11. Không khí thời đại "phả" vào các chỉ thị của Nhà nước về việc các cấp dưới không "đi tết" cấp trên, về lý là đúng đắn song về tình thì khó mà triệt thoái nếu xem hành xử đó thuộc điều cấm (người ta nếu không công khai thì bí mật, miễn là không "bị lộ"). Tết thời đại còn có mỹ tục mới mẻ: trồng cây, gây rừng bởi: "Vì lợi ích mười năm thì trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì trồng người" (Hồ Chủ tịch). Chiến dịch quốc gia trồng 1 tỷ cây xanh đã, đang và sẽ phủ xanh lãnh thổ, tiến tới tạo cơ hội cho con người sống trong không gian xanh sạch. Lịch sử nước Pháp đã ghi công cho Hoàng đế Napoléon Bonaparte trong quyết sách trồng cây, gây rừng đặc biệt quanh thủ đô Paris hoa lệ. Chỉ số thảm cây xanh trên đầu người là dấu chỉ của văn minh - văn hóa - nhân văn. Mỗi người Việt Nam hãy trước hết làm việc tốt như lời Bác Hồ dặn: "Mùa xuân là Tết trồng cây/Làm cho đất nước càng ngày càng xuân". Không chỉ là một chiến dịch có thời hạn, không chỉ là công việc trước mắt có tính chất phong trào thi đua, nó là mỹ tục, văn minh, văn hóa của người Việt thông minh và nhân ái khi thấm thía căn cơ nguyên lý tối thượng "Con người là một phần của tự nhiên".

Độc đáo mâm cúng Tết của dân tộc Ơ Đu

MAY HUYỀN

Những ngày cuối năm, không khí Tết đã tràn về trên muôn nẻo ngóc ngách của bản Văng Môn xã Nga My, huyện Tương Dương, Nghệ An - nơi duy nhất của dải đất hình chữ S có cộng đồng dân tộc Ơ Đu sinh sống. Người người sắm Tết, nhà nhà sắm Tết, những sản vật như thịt chuột rừng, thịt sóc, cơm lam, rượu nếp cẩm, khầu hang (xôi cốm) chuẩn bị cho mâm cúng năm mới cũng được bà con chuẩn bị đầy đủ.

Theo chỉ dẫn của bà con dân bản, chúng tôi tìm đến nhà già làng Lo Thanh Bình để tìm hiểu rõ hơn về nét độc đáo riêng biệt của mâm cúng người Ơ Đu trong ngày Tết. Già Bình năm nay hơn 74 tuổi, sức khỏe vẫn như "cây rừng", vẫn ngày ngày có những lời hay, việc thật để làm gương cho thế hệ con cháu học tập. Khi được hỏi về truyền thống của dân tộc mình trong ngày lễ, Tết, già Bình phấn khởi bộc bạch: *"Tôi cũng có tuổi rồi, thấy xã hội phát triển, con cháu đi đây, đi đó nhiều, học được nhiều lời hay, ý phải, nhưng thật lòng bản thân tôi không muốn con cháu mình quên đi những nét đẹp của phong tục dân tộc mình, nhất là lễ cúng tổ tiên ngày lễ, Tết. Dân tộc Ơ Đu, không giống các dân tộc khác có rằm, có tục cúng tổ tiên ngày đầu tháng, cuối tháng, chỉ duy nhất cúng tổ tiên ngày Tết Nguyên đán. Vì thế, năm nào tôi cũng cố gắng tìm đủ các loại sản vật mà trước đây cha ông người Ơ Đu đã cúng tổ tiên như: Chuột rừng, sóc, nhọc, cơm lam, rượu siêu, rượu nếp cẩm Xôi hoặc cơm bày trên mâm cúng cũng phải đủ 3 màu, đen, tím, trắng"*.

Với người Ơ Đu, trước đây họ chỉ tính năm mới căn cứ vào tiếng sấm đầu tiên. Chính vì vậy mà mâm cúng của họ không có bánh chưng như một số dân tộc khác, nhưng phải đầy đủ sản vật của núi rừng để dâng lên những đấng linh thiêng đã nuôi sống tổ tiên người Ơ Đu qua bao thế hệ. Để có được những sản vật đó, thì trước đây, người đàn ông, đàn bà phải tự mình vào rừng săn bắt, chặt hái để dâng lên tổ tiên bằng tấm lòng chân thành nhất, nếu không tổ tiên sẽ nổi giận, năm mới mùa màng thất thu. Ngày nay, cuộc sống đã đổi mới, đồng thời do người Ơ Đu sống xen ghép với nhiều dân tộc anh em khác, nên mâm cúng Tết đã có nhiều đổi thay hơn để phù hợp với thời đại mới. Nói về sự khác biệt, độc đáo trong mâm cúng Tết của người Ơ Đu, chị Lương Thị Lan - Trưởng bản Văng Môn, xã Nga My, huyện Tương Dương cho biết: *"Dân tộc Ơ Đu cũng có cái khác với dân tộc khác, như đũa được vót từ nứa, sau đó vấn tròn dây lạt tạo thành đường xoắn, với thành ý năm mới cầu cho con cháu mạnh khỏe, đoàn kết và phát tài, phát lộc"*.

Hiện nay, người Ơ Đu chỉ sinh sống duy nhất ở bản tái định cư Văng Môn, xã Nga My, là một trong 6 dân tộc ít người nhất của Việt Nam, họ rất ít ngày lễ trong năm, vì thế với đồng bào Ơ Đu, ngày Tết được họ mong đợi nhất. Ngày nay, dù cuộc sống của họ đã ấm no, đủ đầy hơn nhưng thế hệ con cháu vẫn phải nhớ cha ông họ đã từng kham khổ thế nào để phấn đấu, nỗ lực thật nhiều hơn nữa, tìm được cuộc sống ngày một tươi sáng hơn. Cũng vì thế mà ngày Tết họ phải tạ ơn tổ tiên, thần linh bằng những sản vật từ núi rừng, sông suối. *"Được sự hỗ trợ, ưu ái rất nhiều từ các chương trình, chính sách của Đảng, Nhà Nước, bà con Ơ Đu cũng từng bước yên tâm lao động, sinh sống và cùng chung tay xây dựng bản ngày một ấm no hơn. Nhân dân Ơ Đu đã biết cách trồng cỏ, chăn nuôi, họ biết giữ gìn văn hóa của dân tộc mình, tổ chức Tết vui tươi hơn"* - Bà Vi Thị Mùi - Phó Chủ tịch UBND xã Nga My cho biết thêm.

Trong bài cúng đầu năm mới, họ cầu tổ tiên, trời đất, thần núi, thần rừng ban mưa thuận, gió hòa cho rẫy lúa, nương ngô được mùa, con cháu đầy đàn, và luôn biết đến công ơn sinh thành của tổ tiên. Người Ơ Đu rất mến khách, họ quan niệm nếu Tết có khách lạ đến chơi cả năm sẽ gặp may mắn. Vì vậy, trong khi cúng gia tiên, thầy mo cũng cầu xin cho khách đến nhà một năm mới thật nhiều niềm vui. Ngoài ra gia chủ còn tiếp đón khách rất chu đáo. Khách được mời ăn, mời rượu và mời ngủ tại nhà. Trước khi ra về, người Ơ Đu còn mừng tuổi cho khách những ống cơm lam, chai rượu nếp cẩm do chính tay họ làm ra.

Xôi cẩm (khẩu cẩm panh) món không thể thiếu trong mâm cúng Tết của dân tộc Ơ Đu

Tùy vào điều kiện kinh tế của gia chủ, nhưng các sản vật kiếm được từ thiên nhiên vẫn phải có để dâng tổ tiên trong ngày Tết truyền thống

Sau lễ cúng tổ tiên, con cháu và các thành viên trong gia đình, hàng xóm cùng sum vầy bên mâm cơm, chúc nhau chén rượu siêu, cầu năm mới mưa thuận gió hòa, mọi người bình an

Món cúng ngày Tết của người miền núi Nghệ An

HỮU VI

TẾT NGUYÊN ĐÁN, NGƯỜI VÙNG CAO THƯỜNG ĐEM NHỮNG MÓN ĂN ĐỘC ĐÁO ĐỂ KHOẢN ĐÃI KHÁCH VÀ THỜ CÚNG TỔ TIÊN. ĐIỀU NÀY ĐÃ LÀM NÊN NÉT THÚ VỊ TRONG ẨM THỰC CỦA NGƯỜI MIỀN NÚI, KHIẾN TA THÊM YÊU TỪNG MIỀN ĐẤT ĐÃ ĐẶT CHÂN ĐẾN.

Bà Xồng Y Mị và chiếc bánh nếp

Bánh nếp người Mông

Cho đến nay, cộng đồng Mông ở miền Tây Nghệ An ít nhiều còn những điều bí ẩn. Nhiều sản vật của người Mông đã thành đặc sản, từ con dao đến cây rau cải hay những vật nuôi như ngựa, bò, chó, gà... Thế nhưng bánh nếp thì ít người nói đến.

Một buổi chiều cuối năm, hoa đào đã nở bung trên các nẻo đường vào bản Huổi Sơn (Tam Hợp - Tương Dương). Mọi nhà đang chuẩn bị những công việc cuối cùng trên nương rẫy để trở về nhà đón Tết. Đi qua một ngôi nhà nhỏ thấy có tiếng chày, chúng tôi ghé chơi thấy một bà mẹ người Mông đang giã một thứ gì đó dẻo quánh trong chiếc cối hình máng, Cái chày đẽo từ cây gỗ tạo thành một hình vuông góc. Người ta chỉ việc bổ nó xuống chứ không phải làm động tác giã, đỡ tốn sức. Người phụ nữ Mông tên là Xồng Y Mị nói ngay: "Mẹ đang giã bánh nếp." Qua già bản Vừ Tồng Lông, chúng tôi biết thêm chiếc bánh sẽ được đặt lên mâm và cúng gọi tổ tiên về ăn Tết.

Đúng như tên gọi của nó, loại bánh này được làm từ cơm nếp. Nhìn bề ngoài, trông rất đỗi giản dị. Bánh có hình tam giác cân, dày hơn 1cm, được bọc một lớp lá dong. Bà Y Mị cho biết thêm: Người Mông thường ăn bánh nếp vào những lúc trời lạnh giá, nhất là khi có sương mù, ngồi bên bếp lửa. Bánh nếp thường được chấm với mật mía. Đây cũng là món "khoái khẩu" của bầy trẻ nhỏ. Còn ông Vừ Tồng Lông, Trưởng bản Huổi Sơn cho biết thêm: Hầu như trong bản nhà nào cũng có chiếc cối để giã bánh nếp, bánh ngô, bánh đậu. Riêng bánh nếp ngoài để ăn cho vui vào ngày nông nhàn, lạnh giá, người Mông ở Huổi Sơn còn bày trên mâm cúng tổ tiên vào chiều ba mươi Tết. Chiếc bánh cúng tổ tiên được làm với kích cỡ lớn có khi lên đến 1 hoặc 2kg. Mâm cúng có bày bánh nếp cùng với xôi, thịt gà, lợn đã luộc chín được bày ở chỗ trang trọng nhất trong nhà, sau đó gia chủ sẽ khấn gọi những người đã qua đời trong gia đình về cùng vui Tết.

Chiếc bánh nếp thường rất dẻo và thơm. Để làm được nó cũng chẳng mấy khó khăn. Trước tiên, loại gạo nếp làm bánh phải là thứ nếp nương ngon nhất. Loại nếp này được cộng đồng người Mông trồng trên rẫy. Sau khi gặt về, lúa được đem giã thủ công rồi đem ngâm gạo và đồ chín như

cách bà con vùng cao vẫn đồ xôi hàng ngày. Sau khi xôi đã nguội sẽ cho vào cối giã. Bà Y Mị chia sẻ: "Giã bánh phải làm sao cho nó thật dẻo, không còn nhìn ra hạt gạo nữa mà sánh đặc lại mới thôi." Lúc này chỉ còn mỗi việc nhào thành hình tam giác cân và bọc lá dong lại nữa là thành chiếc bánh nếp. Trước khi nhào bánh, người Mông luộc 1 quả trứng gà, bôi phần lòng đỏ lên tay để chống dính, nếu không bánh sẽ dính vào tay rất khó chịu.

Trước khi ăn bánh nếp, người Mông sẽ nướng nó lên cho bánh trở nên dẻo quánh, càng thêm ngon, lá dong cũng dễ bóc chứ không dính chặt vào cái bánh nữa. Bên bếp lửa ngày đông, chiếc bánh nếp chấm mật mía thành một món ăn đặc biệt giúp cho những ngày nông nhàn không còn dài lê thê.

Bánh ngô, cũng có hình thức giống như bánh nếp. Bánh được làm từ bột ngô nếp đồ chín trong chiếc hông gỗ và bọc trong một lớp lá dong. Thay vì nướng, sau khi gói, bánh ngô được luộc chín. Thứ bánh này thường được chấm với mật ong thay vì mật mía như cái bánh nếp. Đây cũng là một món bánh cúng Tết của người Mông ở bản Huổi Sơn.

Cá nướng

Những ngày cận Tết, trên gác bếp nhà ông Lang Văn Cường ở bản Mỏng, xã Cắm Muộn - Quế Phong đã chất đầy những xâu cá nướng. Ngoài những loài cá suối như cá mương, cá mát, trên giàn hong còn có cá trắm nướng. Đó là ông đang chuẩn bị cho mâm cúng tổ tiên. Ông Cường cho biết: Người miền xuôi không thể thiếu bánh chưng, mâm ngũ quả thì mâm cúng vào sáng mồng 1 Tết của người Thái quê ông không thể vắng bóng món cá nướng. "Không có cá nướng coi như chưa có Tết" - ông Cường chia sẻ. Chính vì thế mà trước Tết người ta đã phải chuẩn bị cá cúng, có khi cả nửa tháng trời. Cá được đánh từ suối về rồi đem nướng, phơi khô trên gác bếp chờ Tết đem cúng tổ tiên. Điều này đã thành phong tục của cộng đồng Thái nơi đây cũng như nhiều dòng họ khác ở những nơi có người Thái sinh sống. Đối với dòng họ của ông Cường, vào sáng mồng 1 Tết, cá nướng được đem kho rồi bày lên mâm cúng.

Chưa phải là thầy mo nhưng ông Lang Văn Cường cũng có thể thực hiện những bài cúng trong ngày Tết và nắm rõ quy tắc của tục cúng cá. Ông cho biết: Trong nhà người Thái thường có nhiều bàn thờ. Bàn thờ chính ở gian ngoài thờ tổ tiên. Những mâm khác thờ các loại ma trong nhà. Mâm chính phải nướng nguyên một con cá. Còn những mâm khác có thể cúng bằng cá cắt khúc.

Cũng theo ông Cường thì người Thái cúng cá với tinh thần mong muốn được như con cá chép vượt Vũ Môn. Người Thái có tích riêng gọi là "Lai pá thi" (chuyện cá thi bơi) trong truyện cá chép có thể vượt qua con thác Cón Bôn để vào Mường Trời còn cá bống thì bị mắc cạn. "Người ta cúng cá nướng để mong muốn có được nhuệ khí và tinh thần của con cá chép." - ông Cường chia sẻ thêm.

Cá nướng cũng không thể thiếu trong mâm cúng ở lễ hội Hang Bua (Quỳ Châu) và những lễ hội lớn của người Thái ở miền Tây Nghệ An. Tại hội Hang Bua còn có món "pá pình diết", tạm gọi là cá nướng nguyên con, không phải mổ.

Trong mâm cúng của người Thái nhóm Tày Thanh và Tày Mười ở xã Tam Hợp (Tương Dương) cũng không thể thiếu món cá nướng. Nơi đây, trời phú cho con người một vùng thiên nhiên trong lành. Trong vùng có hai con suối chính là suối Chà Lạp và kh??? Cặt đều dồi dào cá. Trời bắt đầu vào đông đến tận cuối xuân năm sau là mùa nước cạn, suối trong veo. Người ta có thể nhìn thấy từng viên sỏi nhỏ và đám rêu xanh rờn dưới đáy suối. Mùa này khi đêm xuống, từng đàn cá mát lại bỏ các hốc đá ra ăn rêu. Đây cũng là lúc người dân ra suối đánh cá chuẩn bị mâm cúng Tết. Ông Vi Cảnh Toàn trú bản Văng Môn (xã Tam Hợp) cho biết: Cứ gần đến Tết, dân bản lại tranh thủ ra suối Chà Lạp chạy qua giữa bản thả lưới, quăng chài bắt cá chuẩn bị mâm cúng Tết. Ở bản người Thái này, bà con chỉ cúng tổ tiên bằng loài cá mát, cá khác chỉ dùng làm thực phẩm hàng ngày.

Mâm cúng của người Thái ở xã Tam Hợp thường không thể thiếu 2 đĩa cá nướng, mỗi đĩa gồm 9 con. Một loại cá gọi là "pá pình tộp". Cá được mổ ra nhồi gia vị rồi gấp lại nướng. Một loại khác là "pá pình phé", cá đánh về mổ, phanh rộng rồi đem nướng. Mâm cúng còn có 9 gói mọc. Con số chín này là một sự gợi nhớ về đền Chín Gian (Quế Phong) như là vùng đất tổ của cộng đồng Thái nơi đây. Nhiều cộng đồng người Thái ở huyện Tương Dương cũng có tục cúng cá. Thế như tục cúng cá mỗi nơi lại có sự khác biệt. Trong mâm cúng của người Thái ở xã Yên Na thường có 2 đĩa, mỗi đĩa 2 con.

Xã Môn Sơn (Con Cuông) có con sông Giăng chạy qua. Đây cũng là con sông trong lành bậc nhất ở Nghệ An. Nơi đây là vùng Mường Quạ xưa với câu ngạn ngữ nổi tiếng: "Cơm Kẻ Quạ, cá

sông Giăng". Đây cũng là vùng người thái nhóm Tày Thanh với tục thờ cá. Ngoài sông Giăng, Môn Sơn còn có nhiều con suối lớn khác, là nơi cư ngụ của loài cá mát. Chính vì thế khi Tết đến, mâm cúng của người Thái nơi đây không thể thiếu món cá mát nướng. Anh Vi Văn Tranh trú bản Nam Sơn (Môn Sơn) - một vùng cư trú lâu đời của người Thái chia sẻ: Từ tháng chạp, những con cá mát vảy trắng như bạc đã được đánh về và chọn kỹ để nướng cúng tổ tiên. Mâm cúng của bà con nơi đây cũng có 2 loại cá nướng là "pá pình phé" và "pá pình tộp". Cá được chế biến khá cầu kỳ. Với món "pá pình tộp", người ta chỉ mổ cá dọc theo sống lưng cho gia vị như hành, ớt, sả, hạt "mác khén" và rồi gấp lại mới bỏ vào vỉ nướng làm bằng nứa. Còn món "pá pình phé", người ta cũng mổ cá từ sống lưng, cắt bỏ vây, đuôi rồi đem nướng, sau đó còn khâu lại bằng sợi chỉ mới đem cúng.

Chính vì cách chế biến câu kỳ, mỗi người lại có một bí quyết riêng nên vào ngày Tết về Mường Quạ (xã Môn Sơn và Lục Dạ - huyện Con Cuông) thưởng thức cá mát nướng sẽ là một trải nghiệm thú vị. Có thế nói đây là vùng có món cá nướng ngon bậc nhất ở miền Tây Nghệ An.

Món xương lam của người Khơ mú

Người Khơ mú ở Nghệ An sống tập trung ở các huyện Kỳ Sơn, Tương Dương. Cộng đồng Khơ mú vốn nổi tiếng với tài năng đan lát. Về ẩm thực, cộng đồng này cũng có những nét độc đáo. Một trong những món ăn được ưa thích nhất của người Khơ mú là xương lam được chế biến từ xương động vật và một số gia vị.

Cũng như cơm lam, xương động vật được nấu trong ống nứa gọi là xương lam. Ngoài ra người Khơ mú còn lam cá, thịt, rau, bí xanh, bí đỏ trong ống nứa. Xương lợn được ưa thích nhất để làm món ăn ăn này.

Đến bản Huổi Cụt (Yên Na - Tương Dương) hỏi về món xương lam, bà con Khơ mú ở đây cho biết: "Món này ngon chớ. Nhưng nấu thì hơi lâu đấy." Còn theo chị Lữ Thị Phôm thì: Xương lam thường được nấu vào những ngày đông lạnh giá và thết đãi khách vào dịp Tết nguyên đán. Đây là món không thể thiếu trong mâm cúng ngày Tết của cộng đồng Khơ mú nơi đây.

Xương được chọn để làm món lam thường là phần sụn, hoặc xương mềm. Sau khi đã cắt nhỏ, xương lợn được cho và ống nứa rồi đổ nước cho ngập hết phần xương. Để món ăn này thêm đậm

Món xương lam của người Khơ Mú

Lam cá, thịt, rau

vị, gia vị để nấu không thể thiếu ớt tươi và sả. Trước khi đun chiếc ống nứa cũng được nút kín bằng lá sả.

Để tránh khỏi làm cháy ống nứa và món ăn thêm phần thơm ngon, ống lam phải là nứa non và chỉ được nướng trên than hồng. Cách nướng như vậy sẽ giúp xương chín và nhừ, khi ăn sẽ rất mềm. Phải mất vài giờ đồng hồ đun như thế, xương mới nhừ và món lam mới gọi là "đạt". Tuy nhiên, sự kỳ công này sẽ mang lại một món ăn ngon và độc đáo bậc nhất của người Khơ mú. Vào dịp Tết và những ngày lạnh giá, được thưởng thức một bát xương lam sẽ khiến cơ thể thêm ấm áp, có sức để chống chọi với cái lạnh vùng cao. Tất nhiên món ăn này cũng khiến ngày Tết thêm phần ý nghĩa.

Vào ngày Tết, tùy theo từng dòng họ, món xương lam được đặt lên mâm cúng và thầy mo cúng gọi ma nhà đến dùng bữa. Qua đó cầu mong một năm mới mùa màng tốt tươi, người và gia súc được khỏe mạnh.

Bánh ong món ăn dân dã độc đáo trên mâm cỗ cúng ngày Tết

GIANG AN

TỪ NHỮNG NGUYÊN LIỆU SẴN CÓ HÀNG NGÀY NHƯ BỘT NẾP, MẬT MÍA, HẠT LẠC, HẠT VỪNG, NGƯỜI DÂN ĐÃ SÁNG TẠO RA MÓN BÁNH ONG (CÒN GỌI LÀ CHÈ LAM) NGON NGỌT, DẺO THƠM. MÓN BÁNH ONG NÀY LÀ MỘT MÓN ĂN KHÔNG THỂ THIẾU TRONG MÂM CƠM CÚNG TỔ TIÊN VÀ ĐÃI KHÁCH NGÀY TẾT CỦA NGƯỜI DÂN XÃ THỊNH THÀNH, HUYỆN YÊN THÀNH, NGHỆ AN.

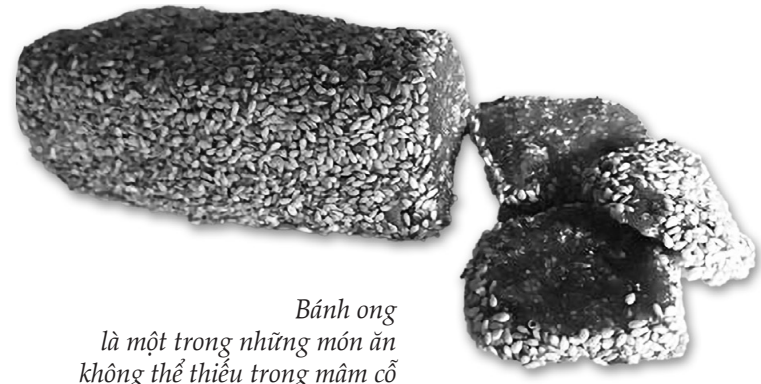

Bánh ong là một trong những món ăn không thể thiếu trong mâm cỗ cúng ngày Tết

Mâm cỗ ngày Tết tỏ lòng thành kính của con cháu đến ông bà, tổ tiên và người đã khuất. Ở mỗi vùng quê có những món ăn khác nhau trên mâm cỗ ngày Tết. Ngoài những món phổ thông từ thịt, cá thì trên mâm cúng cỗ ngày Tết của người dân xã Thịnh Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An đều xuất hiện món bánh ong.

Nguyên liệu của món bánh này cũng rất thân thuộc, lúa nếp khi chín được gặt về, tuốt lấy hạt rồi cho lên luộc. Khi lúa đã chín, bắc ra để ráo, phơi khô rồi xay lấy hạt. Sau khi xay, những hạt nếp này có màu vàng nhạt và được rang chín thơm phức rồi nghiền thành bột mịn. Chị Phạm Thị Nga trú tại xóm Hồng Thịnh, xã Thịnh Thành cho biết: "Từ khi còn bé, tôi đã thấy món bánh ong này xuất hiện trên mâm cỗ ngày Tết của gia đình. Trong rất nhiều món thịt, cá, rau thì bánh ong được xem như là món ngọt để dâng ông bà, tổ tiên thưởng thức trong ngày Tết".

Để làm nên món bánh ong, người dân sẽ dùng mật mía, lạc đã rang chín nấu sôi lên rồi cho bột nếp đã nghiền mịn vào. Quá trình cho bột vào nồi đang sôi, người làm bánh phải đảo liên tục, đều tay để bột, mật và lạc được hòa quyện vào với nhau. Việc đảo này diễn ra khá lâu và mỏi nên thường thì những người chồng, trai tráng sẽ đảm nhiệm việc quấy bột. Khi những thứ trên đã tạo thành hỗn hợp đặc sệt, quyện chặt vào với nhau thì bắc xuống cho ra mâm để sẵn hạt vừng trắng đã rang vàng. Đến lúc này, tùy vào sở thích của từng người có thể nhào bánh thành các hình thù mình thích. Để bánh dậy mùi, người làm bánh thường cho thêm gừng tươi giã nát hoặc dừa bào sợi.

Ông Nguyễn Văn Hùng (72 tuổi), người dân xã Thịnh Thành cho biết: "Bánh ong được xem là món bánh truyền thống, trước đây khi cuộc sống còn khó khăn không có điều kiện mua nhiều loại bánh trái như bây giờ nên bánh ong được xem là thức quà đãi

khách ngày Tết. Bởi nguyên liệu làm bánh rất dễ tìm lại dễ chế biến và rẻ. Ngày nay, khi cuộc sống được nâng cao người dân dễ dàng mua bánh, trái về đãi khách thì bánh ong lại được xem như là món ăn truyền thống để dâng lên tổ tiên nên trong mâm cỗ nhà nào cũng sẽ có món này để thắp hương".

Nguyên liệu sẵn có lại dễ làm nên năm nào gia đình chị Phạm Thị Thủy cũng tự đổ bánh ong để dọn cỗ thắp hương và đãi khách. "Món này khá dễ làm, mùa đông lạnh nên bánh se lại cứng khi ăn sẽ có vị béo bùi của lạc, bột, dẻo của gạo nếp và ngọt thanh của mật nên nhiều người nghiện món này lắm. Năm nay tôi đã chuẩn bị gạo nếp để làm món bánh ong cho ngày Tết. Do làm nhiều năm nên giờ chỉ cần 15 phút đến 20 phút là tôi có thể làm xong mẻ bánh ong ngon lành rồi".

Thông thường, khi làm, người dân sẽ dùng khuôn dài để tạo hình cho bánh. Vì thế khi ăn, bánh sẽ được cắt thành miếng mỏng, nhỏ để bày lên đĩa rất đẹp mắt. Với nhiều người thì món bánh ong được xem là món ăn truyền thống gợi nhớ về những ngày Tết sum vầy. Những mong rằng món bánh ong sẽ mang đến sự ngọt ngào, may mắn cho mỗi người vào dịp Tết đến, xuân về.

Ngày nay, rất nhiều cơ sở làm sẵn những thanh bánh ong để người dân mua về và cắt ra dọn mâm rất tiện lợi nhưng nhiều nhà vẫn muốn tự tay làm bánh. Đây được xem là tấm lòng thành để gửi đến người đã khuất những mong những sự ngọt ngào, giản dị sẽ mang lại những điều may mắn cho năm mới sắp đến.

Mật và lạc rang được cho vào nồi nấu sôi

Khi mật và lạc đã sôi thì cho bột nếp vào quấy đều tay

Nặn bánh thành hình theo ý thích

Sản phẩm là những khúc bánh ong thơm lừng

Đào chè - Điểm du lịch sinh thái hấp dẫn

TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM CỦA CHÚNG TA CÓ NHIỀU VÙNG ĐẤT ĐÃ ĐI VÀO CA DAO, SỬ SÁCH. CÓ MỘT XỨ KINH BẮC SÔNG CẦU NƯỚC CHẢY LƠ THƠ. CÓ MỘT XỨ NGHỆ "NON XANH NƯỚC BIẾC" LÀ NƠI CÓ NHIỀU DI TÍCH LỊCH SỬ, QUÊ HƯƠNG CỦA BIẾT BAO ÔNG TRẠNG, ÔNG NGHÈ. Ở ĐÓ BÊN DÒNG LAM XANH BIẾC, HUYỆN THANH CHƯƠNG ĐƯỢC COI LÀ MỘT VÙNG DI SẢN VỚI NHIỀU LỄ HỘI VÀO ĐẦU MÙA XUÂN TỪ LÂU ĐÃ THU HÚT NHIỀU DU KHÁCH.

Du xuân qua miền di sản

TRẦN ĐÌNH HÀ

Đậm đặc di tích lịch sử văn hóa

Từ Vinh, theo Quốc lộ 46 khoảng gần 40km bằng đường bộ, bạn sẽ được đến một vùng di sản ở hai bên bờ sông Lam của huyện Thanh Chương. Lấy cầu Rộ làm trung tâm trong vòng bán kính 4 km là các di tích cấp Quốc gia nổi tiếng như Nhà thờ dòng họ Lê Kim thuộc xã Ngọc Sơn (sát ngay Cầu Rộ) nơi Bác Hồ từng sinh sống thuở thiếu thời khi Người theo cha về dạy học vào đầu thế kỷ XX. Qua Cầu Rộ là Đền Bạch Mã thuộc xã Võ Liệt thờ danh tướng Phan Đà, người có công phò giúp vua Lê trong cuộc kháng chiến chống quân Minh, di tích cấp Quốc gia công nhận năm 1993 - một trong tứ linh đền của xứ Nghệ (nhất Cờn, nhì Quả, tam Bạch Mã, tứ Chiêu Trưng). Ở đây còn có Đình Võ Liệt, di tích cấp Quốc gia công nhận năm 1988, được coi là Văn Miếu của huyện Thanh Chương, nơi thành lập chính quyền Xô Viết đầu tiên và duy nhất trong cao trào cách mạng 1930-1931. Từ Cầu Rộ theo đường tỉnh lộ 533 khoảng 2 km đến xã Thanh Chi có di tích Nền tế cờ của Sỹ phu Trần Tấn, nơi khởi nguồn cho cuộc khởi nghĩa Giáp Tuất (1874). Cạnh xã Thanh Chi là làng Lai Nhã (thuộc xã Thanh Khê) là quê hương của cử nhân Hồ Sĩ Tạo - một trí thức gắn với nhiều giai thoại rất cần tìm hiểu thêm... Từ Cầu Rộ theo Quốc lộ 46 ngược về phía Bắc dưới chân núi Nguộc là quần thể khu mộ Tổ của dòng họ Nguyễn Cảnh nức tiếng của Nghệ An. Ngoài khu mộ này còn có 2 di tích cấp quốc gia và nhiều di tích cấp tỉnh thờ Quận công Nguyễn Cảnh Huy, Nguyễn Cảnh Hoan (Trịnh Mô) và nhiều hiền tài của dòng họ như Đền Hữu (ở xã Thanh Yên), Nhà thờ và phần mộ Nguyễn Cảnh Huy, Đền Vạn (xã

Đại Đồng)... Cùng với hệ thống di tích phong phú với 13 di tích cấp Quốc gia, 56 di tích cấp tỉnh, huyện Thanh Chương cũng đã khôi phục các lễ hội thu hút nhiều du khách như lễ Khai hạ ở Đền Bà Chúa Chè ở xã Hạnh Lâm, Lễ khai hạ thần Cao Sơn Cao Các tại xã Đồng Văn... vào ngày mồng 7 tháng Giêng, lễ hội Đền Bạch Mã (là di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia) vào các ngày 9-10/2 âm lịch, Lễ hội Đền Bà Chúa vào các ngày 2-3/3 âm lịch...

Nhiều phong cảnh đẹp cần khám phá

Như đã nói ở trên, Thanh Chương là một vùng đất cổ, non nước hữu tình, các nhà khảo cổ đã tìm được di chỉ văn hóa Sơn Vi ở đồi Dùng, đồi Rạng. Cả huyện có diện tích 116.000 ha nhưng có đến 5 con sông chảy qua, từng được coi là quê hương của 36 bến đò. Ở đây có nhiều hình sông thế núi đẹp và hùng vĩ như Sông Lam - Núi Nguộc, có dãy Giăng Màn (tên gọi dãy Trường Sơn đoạn qua Thanh Chương) với nhiều đỉnh cao hơn 1000 m như Mũi Thuyền, Vũ Trụ với rừng nguyên sinh còn nguyên vẹn 7 tầng sinh thái, có nơi chưa một dấu chân người. Có thác Lơ Lụa với dòng nước trắng xóa đổ từ độ cao hơn 150 m, có Thác Cối đã thu hút rất nhiều du khách gần xa. Từ một huyện đơn tộc người, từ năm 2004 đã có thêm đồng bào các dân tộc Thái, Khơ Mú từ Tương Dương về làm ăn sinh sống làm phong phú thêm bản sắc văn hóa. Nơi đây còn có dấu tích của Thủ phủ Châu Hoan thuộc xã Phong Thịnh, ghi dấu tuổi ấu thơ của vua Đinh Tiên Hoàng khi thân phụ người làm Thứ sử Châu Hoan; dấu tích của Bãi Trận (thuộc xã Thanh Hòa) nơi được cho là điểm hội quân của Lê Lợi khi hành quân vào Nghệ An và các dấu tích gắn với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, khởi nghĩa Vụ Quang như: truông Mèn, Thành Bình Ngô, thành Lục Niên, căn cứ Bồ Lư...

Đình Võ Liệt - Di tích lịch sử Quốc gia

Vật cù - môn thể thao dân gian đặc sắc trong Lễ hội Đền Bạch Mã

Nhiều đặc sản nổi tiếng

Từ xa xưa Thanh Chương đã nổi tiếng với nhiều sản vật. Có lẽ không ai không biết những câu ca và thành ngữ như: "nhút Thanh Chương, tương Nam Đàn", "cá mát Sông Giăng, lòng chợ Phuống...", "ngon khoai chợ Rộ, ngọt măng Chợ Chùa". Ngoài các sản vật này Thanh Chương còn nổi tiếng với trám đen, cam bù, cam sen Cát Ngạn, cam đặc sản của các Tổng đội TNXP 2, Tổng đội 5. Từng nổi tiếng là đất chè, hiện toàn huyện có hơn 4.500 ha chè công nghiệp và hàng trăm ha chè thực phẩm của 3 xí nghiệp chè (chiếm 3/4 diện tích và sản lượng chè cả tỉnh) và ở các vườn hộ gia đình. Đặc biệt có điểm du lịch đảo chè được ví như Hạ Long xứ Nghệ, nơi có các đồi chè như hình bát úp nổi giữa hồ nước luôn xanh tốt mướt mát đến tận chân trời, kỳ thú như nơi tiên cảnh...mỗi năm

thu hút hàng chục ngàn du khách. Từ tiềm năng về đất đai và nguồn nhân lực, nhờ công cuộc xây dựng nông thôn mới, những năm gần đây, Thanh Chương đã có phong trào cải tạo vườn tạp xây dựng vườn VAC, hình thành nhiều trang trại, gia trại chăn nuôi gia súc, gia cầm, đã và đang có nhiều mô hình lớn về chăn nuôi gà tạo nên thương hiệu "Gà Thanh Chương". Đến thời điểm này, Thanh Chương đã có 14 sản phẩm được cấp chứng chỉ OCOP. Trong bối cảnh hội nhập, các sản phẩm từ các vườn hộ, các trang trại gia trại của Thanh Chương đã và sẽ tiếp tục có mặt trên thị trường trong và ngoài tỉnh.

Hạ tầng du lịch

Tùy theo điểm xuất phát mà du khách có thể chọn phương tiện đến với Thanh Chương cho mình. Có thể đến bằng xe khách, xe buýt. Mỗi phương tiện có lịch trình khác nhau, điểm đến khác nhau. Xe khách của các nhà xe đều có thông báo điểm đến là Dùng, Cầu Rộ, Thanh Chương hoặc Chợ Chùa, Chợ Rạng... Du khách cũng có thể đến Thanh Chương bằng phương tiện cá nhân vì đường rất tốt. Cách đây 20 năm từ một địa bàn được coi là tứ tắc, "mờ bụi đỏ", không có đường nhựa nay Thanh Chương có gần 500 km đường nhựa, hàng trăm km đường bê tông đạt chuẩn, đường nhựa đã đến trung tâm 38/38 xã. Có 3 tuyến quốc lộ 46 A, B. C chạy dọc huyện và đường Hồ Chí Minh với nhiều tuyến đường ngang nối các con đường này với nhau cũng được rải nhựa, bê tông. Du khách cũng có thể thuê xe ôm, xe máy hay taxi khám phá các điểm.... Đến Thanh Chương, bạn có thể nghỉ tại thị trấn Dùng với hệ thống nhà nghỉ khách sạn phong phú, giá cả phải chăng. Tại các thị tứ, trung tâm vùng cũng đều có nhà nghỉ và dịch vụ tiện lợi hoặc bạn có thể nghỉ tại các nhà dân miễn phí vì người Thanh Chương rất đôn hậu, hiếu khách.

Mùa Xuân là mùa của lễ hội, du lịch. Trong bối cảnh xã hội phát triển các nhu cầu về đời sống tâm linh, tìm hiểu khám phá, trải nghiệm đang được nhiều người quan tâm, bạn hãy về với vùng đất này theo dìu dặt, ấm êm câu hát đã đi vào lòng người: "Thanh Chương mời bạn về thăm"...

Tết Nguyên đán là một sinh hoạt văn hóa cổ truyền quan trọng hàng đầu của người Việt Nam. *Năm hết Tết đến,* mọi người gác hết công việc để chuẩn bị đón Tết, tắm mình trong không khí Tết, hưởng thụ Tết rồi thư giãn sau Tết: *Ra Giêng ngày rộng tháng dài...*

1. Từ tết trong tiếng Việt là âm Hán Việt cổ của chữ 節, mà âm Hán - Việt hiện đại là tiết. Tết và tiết đều bắt nguồn từ âm đọc trong tiếng Hán trung cổ của chữ "節", bính âm (đánh vần, Latin hóa chữ Trung Quốc) là jié. Tiết 節 vốn nghĩa là đốt, lóng như nói một đốt (lóng) tre 一節竹子 hay đốt ngón tay 指頭節... Trên dòng chảy thời gian liên tục trong một năm theo Âm lịch (đúng ra là Âm Dương hợp lịch vì tháng được tính theo trăng (mồng một lưỡi trai, mồng hai lá lúa...), còn 24 tiết trong năm được định theo mặt trời), người ta chia ra nhiều "tiết" - những sinh hoạt lễ lạt đan xen những sinh hoạt đời thường thế tục, chẳng hạn Đoan ngọ tiết - được gọi là Tết Đoan Ngọ, Trung thu tiết - được gọi là Tết Trung thu... Tết theo nghĩa rộng bao hàm những định kỳ lễ lạt trong năm. Tết nhân văn vẫn nương theo thời tiết tự nhiên chuyển vần theo mùa vụ trong một năm, chẳng hạn Tết Đoan ngọ là khoảng trước sau ngày Hạ chí, Tết Trung thu ở khoảng tiết Thu phân... Cho nên người ta cho rằng Tết Nguyên đán là nương theo tiết Lập Xuân, có điều là giữa cái Tết nhân văn và tiết tự nhiên không hoàn toàn trùng khít.

Văn hóa Tết và Tết con Mèo

HUY HUYỀN

Từ nguyên 元 trong nguyên đán 元旦 có nghĩa là sự khởi đầu hay là sơ khai và từ đán 旦 có nghĩa là buổi sáng sớm hay là bình minh. Nghĩa gốc của từ nguyên đán 元旦 là chỉ buổi sáng đầu tiên hay ngày đầu tiên (tức ngày mồng một) của một năm Âm lịch (còn gọi là: "nguyên sóc" 元朔, "nguyên nhật" 元日) là ngày lễ có ý nghĩa nhân văn vô cùng sâu sắc, là dịp để mọi người trở về quê hương.đoàn tụ gia đình. Vì vậy mà hiện nay hàng năm mọi người được nghỉ Tết cả tuần lễ. Trải qua bao biến động của lịch sử nhưng truyền thống tốt

đẹp này vẫn còn mãi với thời gian trong đời sống của người Việt. Người Việt luôn tin rằng những ngày Tết vui vẻ đầu năm sẽ báo hiệu một năm mới an lành tốt đẹp.

Không gian văn hóa - xã hội của Tết Nguyên đán là Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam và Singapore. Cả Trung Hoa, Triều Tiên - Hàn Quốc, Nhật Bản đã có một thời kỳ dài tuyên bố bỏ Tết này, nhưng hiện nay trừ Nhật Bản còn thì vẫn ăn Tết Nguyên đán. Ở nước ta lẻ tẻ có ý kiến đòi bỏ lịch cổ truyền & bỏ Tết Nguyên đán nhưng trước đây Bác Hồ từng không đồng ý và Nhân dân cũng phản ứng mãnh liệt. Nước ta chưa bao giờ bỏ Tết dù đã chính thức dùng Dương lịch trong các công sở, cơ quan nhà nước hàng trăm năm nay.

Ngoài Tết Nguyên đán còn gọi là Tết cả, trước đây trong chu kỳ 1 năm, người Việt còn duy trì những cái Tết con như Tết Nguyên tiêu (rằm tháng Giêng), Tết Hàn thực (mùng 3 tháng 3), Tết Đoan ngọ (mùng 5 tháng 5), Tết Trung thu (rằm tháng 8), Tết cơm mới (mùng 1 tháng 10 hay mùng 10 tháng 10 tùy vùng) v. v... Trong những ngày lễ ấy, mọi người đều tạm gác những lo âu mưu sinh giữa bộn bề cuộc sống để vui vẻ mở lòng với thiên nhiên, hòa cùng đất trời, bày tỏ tình yêu thương, gắn bó với nhau nhiều hơn. Trong đó, Tết Nguyên đán là quan trọng nhất.

Năm mới, cũng có nghĩa là sức sống mới, hy vọng mới, vận hội mới đang đến, ai ai cũng cầu mong những điều tốt lành mới sẽ đến với mình và gia đình, bạn bè. Trong không khí thiêng liêng đó, những phong tục được truyền từ ngàn đời xưa vẫn được người Việt trân trọng, giữ gìn và phát triển, như một mạch nguồn chảy mãi của văn hóa dân tộc. Đó là các phong tục: tiễn ông Táo ngày 23 tháng Chạp, thờ cúng gia tiên trong mấy ngày Tết, xông đất hay đạp đất sau thời điểm giao thừa, xin chữ và cho chữ, mừng tuổi (lì xì)... Ngoài ra, dù nghèo hay giàu, sang hay hèn, hầu như nhà nào cũng sắm sửa chọn cây/cành đào, mai đón Tết.

Bàn thờ gia tiên là nơi an dưỡng tâm linh người Việt, có vị trí đặc biệt quan trọng. Thờ cúng tổ tiên là nét đẹp văn hóa của người Việt xưa nay. Đây là dịp để con cháu bày tỏ lòng hiếu thảo với cha mẹ, với ông bà, tổ tiên, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn. Thế nên, người Việt dù có đi đâu, làm gì thì ngày Tết cũng quay về quê cha đất tổ, thắp nén hương lên bàn thờ tổ tiên. Cũng vì thế, bàn thờ ngày Tết trở thành trung tâm của ngôi nhà, trở thành góc xuân rực rỡ và thiêng liêng hơn cả. Trên bàn thờ đó có đủ cỗ bàn rượu thịt, hương, đăng, trầm, trà mà vị trí quan trọng là mâm ngũ quả,

một trong những nét đẹp tâm linh của người Việt. Người Việt dành nhiều thời gian và tâm sức để bày mâm ngũ quả bởi đó không chỉ mang ý nghĩa về mặt thẩm mỹ mà còn cả ý nghĩa về mặt tâm linh, hàm chứa nhiều hy vọng về một năm mới sung túc, nhiều sức khỏe và may mắn.

Mâm ngũ quả gồm 5 loại quả có màu sắc khác nhau, tương ứng với 5 màu sắc của ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ 金, 木, 水, 火, 土, tượng trưng cho mong ước được ngũ phúc: Phú, Quý, Thọ, Khang, Ninh 富, 貴, 壽, 康, 寧 (Giàu có, sang trọng, sống lâu, khỏe mạnh, bình yên). (Cũng có thuyết nói "ngũ phúc" 五福 gồm: "thọ, phú, quý, an lạc, tử tôn chúng đa" 壽, 富, 貴, 安樂, 子孫眾多).

2. Năm nay là năm Quý Mão, năm con Mèo theo lịch 12 con giáp. Đây là loại lịch của cư dân Đông Nam Á cổ của nền văn minh nông nghiệp lúa nước chứ không phải gốc của Trung Hoa hay Ấn Độ như nhiều người nhầm tưởng. (Trần Quốc Vượng (2000): *Lịch ta và nền văn hóa lúa nước cổ truyền* in trong *Văn hóa Việt Nam tìm tòi & suy ngẫm* NXB Văn hóa dân tộc, tr. 338)

Mèo nhà (tên khoa học là Felis catus) là động vật có vú, nhỏ nhắn, nhanh nhẹn và chuyên ăn thịt, sống chung với loài người, được nuôi để săn vật gây hại hoặc làm thú nuôi cùng với chó.

Theo các nhà khoa học, mèo nhà đã sống gần gũi với loài người ít nhất 9.500 năm, và hiện nay chúng là con vật cưng phổ biến nhất trên thế giới, có thể vì chúng sống sạch sẽ, ưa yên tĩnh, không cần nhiều không gian do chúng ít vận động, ngủ nhiều (trung bình 12 - 14 tiếng mỗi ngày), lại chuyên săn loài gậm nhấm như chuột, dán. Ở nước ta, mèo đi vào tục ngữ, thành ngữ, ca dao nhiều đến nỗi có người nói là mèo làm phong phú thêm ngôn ngữ nước nhà. Mèo cũng là hình ảnh quen thuộc trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật, mĩ thuật. Chẳng hạn các tác phẩm văn học viết về mèo như 2 bài thơ: *Con mèo* của Tú Mỡ, *Vịnh mèo* của Á Nam Trần Tuấn Khải, rồi truyện *Cái tết của mèo con* của Nguyễn Đình Thi hay bài thơ *Mèo con đi học* của Phan Thị Vàng Anh được Nguyễn Tiến Nghĩa phổ nhạc với những vần điệu đã nằm lòng nhiều thế hệ độc giả nhí...

Hôm nay trời nắng chang chang
Mèo con đi học chẳng mang thứ gì.
Chỉ mang một chiếc bút chì
Và mang một mẩu bánh mì con con.

Đặc biệt nữa là tác phẩm quốc âm sớm nhất viết về mèo: bài *Miêu* - một bài thơ vịnh mèo đặc sắc của Nguyễn Trãi:

... Hơn chó được ngồi khi mặt bếp
Tiếc hùm chẳng bảo chước leo cây...

Trong âm nhạc, có nhiều bài hát thiếu nhi quen thuộc như *Mèo con đi học, Rửa mặt như mèo*, *Ai cũng yêu chú mèo, Con mèo trèo cây cau, Vì sao con mèo rửa mặt...* Nhất là bài hát vui nhộn của thiếu nhi *Rửa mặt như mèo* (tác giả Hàn Ngọc Bích) rất quen thuộc với nhiều thế hệ tuổi thơ.

Ở thời đại Internet bùng nổ, mèo có lẽ là một loài vật được yêu thích nhất. Hình ảnh mèo xuất hiện dày đặc trên các phương tiện truyền thông, trong những tấm ảnh, bức họa hay những thước phim với vẻ nghịch ngợm, ranh mãnh, hoặc ngộ nghĩnh đáng yêu. Mèo là một nguồn cảm hứng bất tận của hội họa ở nhiều nước từ Đông sang Tây và cả nghệ thuật thư pháp của Trung Hoa bởi dáng vẻ quyến rũ, lả lơi, bên cạnh những đường nét tròn trịa xinh xắn của nó.

Theo tử vi, người cầm tinh con mèo (tuổi Mão) là những người thông minh, tốt bụng, nhiệt tình và có khả năng dễ thích nghi với môi trường, nhờ vậy thường nhận được sự yêu quý của mọi người. Đặc biệt, những người tuổi Mão có thể dốc hết sức mình để giúp đỡ người khác mà không màng đến lợi ích cá nhân.

Quê hương xứ Nghệ có 2 danh nhân lớn tuổi mão. Một là Nguyễn Thiếp (1723-1804), sinh năm Quý Mão. Ông là người làng Mật Thôn, huyện La Sơn, trấn Nghệ An (nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh). Là ẩn sỹ trên núi Bùi Phong, ông được vua Quang Trung mời ra chỉ đạo việc học trong nước. Ông làm Viện trưởng viện Sùng chính, chuyên biên dịch các sách chữ Hán ra chữ Nôm. Ông còn theo lệnh vua chỉ đạo việc xây dựng Phượng Hoàng Trung Đô, thủ đô mới của Vương triều Tây Sơn. Hai là Phan Bội Châu (1867-1940), sinh năm Đinh Mão tại làng Đan Nhiễm, xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Ông là chí sỹ yêu nước, lập hội Duy Tân để học việc cách tân đất nước, lãnh đạo phong trào Đông Du ở Nhật, thành lập Việt Nam quang phục hội ở Trung Quốc. Ông là tác giả của những câu thơ dậy sóng, được người đương thời suy tôn là bậc hay chữ nhất nước, được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đánh giá là "bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng" (*Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*)

Tản mạn về Tết Nguyên đán

THÁI HUY BÍCH

Ở nước ta, Tết Nguyên đán, gọi tắt là Tết, là tết to nhất trong một năm. Tết là dịp sum họp gia đình, để tống tiễn năm cũ, đón năm mới. Mong cho năm mới gặp nhiều may mắn, các gia đình phải lo làm nhiều việc: mua sắm Tết, vệ sinh nhà cửa, sắm sửa lễ cúng, lên lịch thời gian ăn Tết cho gia đình,... Ngoài ra còn phải tuân theo một số tập quán và kiêng kỵ mà không phải ai cũng hiểu thấu đáo.

Bài viết này xin chia sẻ vài điều về kiêng kỵ Tết xưa và nay.

1. Ngày xưa có nhiều kiêng kỵ trong Tết Nguyên Đán. Sách "Những kiêng kỵ dân gian Việt Nam" của tác giả Ánh Hồng (Nxb Văn hóa Dân tộc - 2003 tr 40) viết như sau:

"- Không cho người có tang, người đau ốm, người tàn tật, người xấu tính vào nhà.

- Kiêng không hót rác, phải vun lại, đợi khi động thổ mới đổ rác.

- Kiêng ăn nói bừa bãi, đôi khi lỡ miệng lại bị trách cứ. Gặp gỡ nhau phải tươi cười niềm nở.

- Đi ra đường phải chọn hướng, tránh làm đổ bể trong nhà.

- Kiêng đòi nợ vào những này này, người ta thường đòi nợ vào những ngày gần Tết hoặc đêm 30."

2. Ngày nay xã hội văn minh, các phong tục tốt đẹp của Tết xưa vẫn được trân trọng và gìn giữ. Nhưng những tập tục lạc hậu cũng dần loại bỏ. Tết là những ngày thiêng liêng, mọi người háo hức mong muốn sum họp gia đình đông đủ để tiễn năm cũ, đón năm mới. Các gia đình ra nghĩa trang thắp hương, dâng lễ vật lên bàn thờ cúng gia tiên, mời tiên linh về ăn Tết. Ngày Tết hễ gặp nhau là tay bắt mặt mừng, chúc nhau năm mới vạn sự tốt lành.

Trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", Nhân dân ta đã kế thừa phong tục tốt đẹp của người xưa và sáng tạo thêm những tập quán mới rất nhân văn. Chẳng hạn, sau khi dự lễ chào cờ sáng Mồng 1, một tốp 5-10 người kéo nhau đi chúc Tết, đi hết cả một vùng dân cư, không sót nhà nào. Thế là nhà nào cũng vui vì sáng đầu năm có cả đoàn khách xông nhà, kì vọng năm mới gặp nhiều may mắn. Một số người có điều kiện đã làm việc thiện vào dịp Tết để đem niềm vui cho những người yếu thế.

Ông bà, cha mẹ thường dặn dò cháu con phải lưu ý trong những ngày Tết:

- Luôn luôn tươi cười, nếu có chuyện bực mình cũng phải kiềm chế.

- Tránh một mình đến xông đất nhà khác khi đang có tang hoặc đang gặp điều xui xẻo.

- Sắp xếp thời gian hợp lí để vui Tết với gia đình và đi chúc Tết, không say rượu, không lãng phí thì giờ vào những việc vô bổ.

- Cẩn thận trong mọi việc để hạn chế đổ vỡ.

- Nếu nợ nần cũng nên thanh toán hoặc khất nợ trước ngày 30 Tết, không để chủ nợ đến đòi.

Ngày nay, mỗi người đều được tôn trọng, dù họ là người khuyết tật hay đang gặp hoạn nạn, ngày Tết càng không nên kì thị. Khách đến nhà chúc Tết phải niềm nở tiếp đón, không được ngăn cản họ vào nhà. Nếu nhỡ có người xông đất mà ta không vừa ý cũng đừng bận tâm. Khi lòng ta thanh thản mọi việc mới hanh thông.

Việc chọn hướng đi khi xuất hành là không cần thiết. Không có căn cứ khoa học nào lí giải việc chọn hướng cả. Nhiều người không quan tâm việc này suốt cuộc đời mà mọi việc vẫn suôn sẻ cả. Xuất hành hướng nào tùy theo mục tiêu của mỗi người trong chuyến đi.

Tóm lại, phong tục tập quán có thay đổi theo thời gian, theo vùng miền, nhưng dù ở địa phương nào thì Tết nay cũng cần ứng xử có văn hóa, làm sao để ai cũng được "Vui như Tết".

Văn hóa Quỳnh Văn gần 100 năm nhìn lại

NGUYỄN THỊ THUÝ

Quỳnh Văn là một văn hóa khảo cổ tiêu biểu cho giai đoạn Trung kỳ Đá mới phân bố trên hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, mà tập trung phần lớn ở vịnh biển Quỳnh Lưu, Nghệ An, là một trong ba trung tâm gốm sớm nhất ở nước ta.

Văn hóa Quỳnh Văn lần đầu tiên được biết đến khi Nhà nữ khảo cổ học Madele Colani là người đầu tiên phát hiện và ghi nhận loại hình di tích cồn sò điệp khu vực Cầu Giát (Nghệ An), được ghi chép trong *Recherches sur le pre'histoique indochinoises* (M. Colani, BEFEO 1930,30). Năm 1963, địa điểm Quỳnh Văn được phát hiện, ngay sau đó, trong những năm 1963-1964, Đội Khảo cổ học, tiền thân của Viện Khảo cổ học ngày nay đã tiến hành 3 đợt thám sát với diện tích 13m^2 và hai đợt khai quật với tổng diện tích 150m^2, thu được khối lượng lớn hiện vật đá, xương, vỏ nhuyễn thể và vài mảnh gốm. Đợt khai quật đặt nền móng cho việc phát hiện và nghiên cứu một hệ thống các di tích có cùng đặc điểm, tính chất với Quỳnh Văn tập trung xung quanh địa điểm Quỳnh Lưu và lan rộng xuống phía Nam đến Hà Tĩnh. Trong những năm 1963-1964, hàng loạt di tích cồn sò điệp đã được phát hiện và khai quật như Quỳnh Văn, Quỳnh Hoa I, II, III, Quỳnh Tùng, Thạch Lâm, Thạch Lạc, Thạch Đài, Cẩm Thành hình thành nên một tuyến văn hóa Tiền sử ven biển Bắc Trung Bộ. Tư liệu của đợt điều tra, thám sát và khai quật này được Hoàng Xuân Chinh tổng kết, đánh giá qua bài viết trong Kỷ yếu *Một số báo cáo về khảo cổ học Việt Nam* năm 1966 (Hoàng Xuân Chinh, 1966).

Các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước khảo sát di chỉ Quỳnh Văn

Năm 1974, địa điểm Phái Nam (Hà Tĩnh) thuộc văn hóa Quỳnh Văn, được Bùi Vinh khai quật và có những nghiên cứu đánh giá chi tiết, xác định phạm vi phân bố của văn hóa Quỳnh Văn lan rộng xuống vùng ven biển Hà Tĩnh (Bùi Vinh, 1978).

Những năm 1978-1979, Viện Khảo cổ phát hiện thêm một số di tích thuộc loại văn hóa Quỳnh Văn như Gò Lạp Bắc, Lèn Hang Thờ, Cồn Đất, Cồn Nghĩa Trang... Những phát hiện trên đã nổ ra cuộc tranh luận chưa đi đến hồi kết giữa các nhà khảo cổ học và các nhà địa chất về nguồn gốc của những cồn sò điệp là tự nhiên hay nhân tạo (Nguyễn Địch Dĩ, Nguyễn Lân Cường 1979).

Văn hóa Quỳnh Văn ngay sau đó đã nhận được sự quan tâm của các học giả thuộc cả lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội quan tâm, cùng thảo luận, các nhà nghiên cứu (đặc biệt vào những năm 80 thế kỷ 19) như Nguyễn Văn Hảo, Nguyễn Trung Chiến, Bùi Vinh, Nguyễn Địch Dĩ, Hoàng Kim Cường... Những thành tựu nghiên cứu văn hóa Quỳnh Văn đã được thể hiện khá toàn vẹn trong cuốn Văn hóa Quỳnh Văn của Nguyễn Trung Chiến.

Tính đến nay đã có 22 địa điểm văn hóa Quỳnh Văn được ghi nhận, trong đó có 20 địa điểm thuộc tỉnh Nghệ An, hầu hết được phát hiện và khai quật trước 1982, chỉ có địa điểm duy nhất (Rú Điệp, Hà Tĩnh) phát hiện và khai quật năm 2014-2015.

Kết quả khai quật những di chỉ cồn sò điệp Quỳnh Văn đã phát hiện nhiều loại hình di tích như mộ táng, di tích bếp, di tồn động vật và các dấu tích cư trú khác như hố cột nhỏ/cọc và hố đất đen. Bếp và tàn tích xương động vật phong phú bao gồm xương các loài động vật sống trong rừng như hươu nai, khỉ, trâu bò rừng, voi, tê giác; các loài cá nước mặn và nước lợ; một số loài chim, rùa cạn và rùa biển, vỏ sò điệp, càng cua... cho thấy nguồn thức ăn dồi dào, đa dạng của cư dân Quỳnh Văn cổ. Phương thức mai táng phổ biến của cư dân văn hóa Quỳnh Văn là chôn ngồi hoặc nằm co bó gối trong huyệt đất. Đồ tùy táng đa phần là công cụ đá, ngoài ra còn có công cụ xương và đồ trang sức như dao xương, trâm cài tóc bằng xương ống hươu nai, vỏ nhuyễn thể có xuyên lỗ để luồn dây đeo. Những hố đất đen có thể là nơi cất giấu lương thực, vũ khí hay công cụ lao động. Những hố cột nhỏ tìm thấy tại di chỉ Rú Điệp cho thấy cỏ thể cư dân thời kỳ này đã dựng những căn lều nhỏ làm nơi tạm trú trong khi thu lượm, tìm kiếm thức ăn (Philip Piper, Trần Kim Quý... 2020).

Bộ sưu tập di vật văn hóa Quỳnh Văn khá phong phú về chất liệu, bao gồm đồ đá, đồ gốm, xương và vỏ nhuyễn thể, phản ánh đời sống vật chất, tinh thần phong phú của cư dân cổ. Đồ đá tiêu biểu là công cụ ghè đẽo như công cụ hạch, công cụ hình múi bưởi, công cụ ¼ cuội, công cụ hình mai rùa, công cụ hình hạnh nhân, công cụ mũi nhọn, công cụ kiểu rìu ngắn... Công cụ mài chỉ có ở 4 địa điểm giai đoạn muộn: lớp trên Quỳnh Văn, Cồn Đất, Phái Nam và Rú Điệp với loại hình rìu có vai điển hình. Kỹ thuật ghè đẽo trên một hoặc hai mặt tùy theo loại hình công cụ, ghè 1 mặt chiếm ưu thế hơn, mật độ ghè đẽo dày từ 3-4 lớp ghè kế tiếp, tạo ra

Một phần địa tầng di chỉ Gò Lạp

các công cụ định hình và quy chuẩn. Nguyên liệu sử dụng chủ yếu là cuội nguyên hoặc đá gốc có nguồn gốc phun trào.

Công cụ xương có các loại hình dao, đục, mũi nhọn và đồ trang sức (trâm cài tóc), được làm từ xương ống hươu nai, răng và sừng động vật, có vết cắt và mài. Đồ trang sức bằng vỏ nhuyễn thể chỉ tìm thấy trong mộ táng địa điểm Quỳnh Văn, làm từ vỏ ốc kéo và vỏ ốc trai.

Đồ gốm Quỳnh Văn đặc trưng bởi hai loại: gốm văn chải hai mặt - đáy nhọn và gốm đáy tròn - văn đập nan trơn. Gốm đáy tròn - văn đập chỉ tìm thấy ở một vài di tích như Quỳnh Văn, Gò Lạp Bắc và lớp dưới Cồn Đất (huyện Quỳnh Lưu), trong khi đó gốm đáy nhọn - văn chải hai mặt đã tìm thấy ở hầu hết các di tích của văn hóa Quỳnh Văn. *Gốm đáy tròn - văn đập* là một loại đồ đựng có kích thước lớn, xương gốm thô pha nhiều sạn sỏi, bụng to, nở, cổ thắt và mép miệng vuốt nhọn, loe cong ra ngoài. Hoa văn là những đường rãnh nông, to bản, được tạo ra bằng kỹ thuật bàn đập - hòn kê. *Gốm đáy nhọn - văn chải hai mặt* là một loại hình đồ đựng đặc biệt của văn hoá Quỳnh Văn. Gốm có đáy hình nón, thân hình trụ, miện hơi loe vuốt nhọn, gốm thô với chất liệu sét thạch anh cạnh sắc. Đồ gốm được tạo ra chủ yếu bằng kỹ thuật giải cuộn, sau đó cùng dụng cụ có nhiều răng để hàn miết các mạch ghép con trạch, đã để lại những đường rãnh nhỏ in trên khắp mặt ngoài và trong đồ đựng. Hiện nay gốm đáy nhọn được xem như là một yếu tố nội sinh của văn hóa Quỳnh Văn và điểm khởi đầu cho một truyền thống đầy sức sống của gốm đá mới vùng ven biển Bắc Trung Bộ (Bùi Vinh, 1983)

Sự phát triển từ gốm đáy nhọn sang gốm văn thừng - đáy tròn thấy rõ trong nhiều địa điểm khác ở vùng này. Ở cồn sò điệp Trại Múng (Quỳnh Lưu) hay ở di tích cồn cát Bãi Phôi Phối (Nghi Xuân), chúng ta có thể thấy lớp dưới được đặc trưng bởi gốm đáy nhọn - văn chải hai mặt, lớp trên có đặc trưng bởi

gốm đáy nhọn - văn chải hai mặt, lớp trên có đặc trưng ưu thế của gốm văn thừng - đáy tròn, đôi khi có chân đế và văn khắc vạch.

Các mẫu vỏ điệp tại Quỳnh Văn, Quỳnh Hoa, Phái Nam và các mẫu C14 ở Gò Lạp Bắc và Cồn Đất đều tập trung trong khoảng niên đại 4780 - 3320 năm BP. Chuỗi niên đại mới nhất tại Rú Điệp và lớp sớm Thạch Lạc (tương đương gia đoạn cuối của Quỳnh Văn) cho thấy thời điểm tương đối kết thúc của Quỳnh Văn chuyển sang Thạch Lạc vào khoảng 5100-5000 năm cách ngày nay, tuy nhiên hiện nay tư liệu về thời điểm bắt đầu của văn hóa Quỳnh Văn đang còn bỏ ngỏ.

Loại hình cồn sò điệp ven biển cũng xuất hiện ở Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á khác như Malaysia, Đông Timor. Vùng ven biển Nam Trung Quốc phát hiện 3 địa điểm cồn sò điệp gồm Á Bồ Sơn, Mã Lan Chủng và Bối Giáo Sơn, phân bố ở vùng đồi gò ven biển hoặc nơi giao nhau giữa sông và biển, đều tập trung ở huyện Phòng Thành (tỉnh Quảng Tây). Tại Đông Timor hang Lene Hara được khảo sát, khai quật và định niên đại trong khoảng 4600-3000 năm cách ngày nay (Sue O'Connor, Matthew Spriggs and Peter Veth 2002). Các địa điểm Guar Kepah, Penang thuộc Malaysia cũng được khai quật, phân tích về cấu tạo, hình dạng và đặc trưng di tích kết hợp công nghệ 2-D (Najmiah Rosli, Nur Azwin Ismail, Hazuddin Mansor and Mokhtar Saidin 2019).

Loại hình di tích cồn sò điệp cũng xuất hiện phổ biến ở các vùng ven biển Nhật Bản và Hàn Quốc. Tại Nhật Bản, theo Keiji Imamura (Keiji Imamura 2005), gần một nửa trong số 2,000 địa điểm sò điệp được biết đến tập trung ở quận Kanto (vịnh Utsumi), niên đại khoảng 6,000 - 3,000 năm, tương ứng với thời gian từ Sơ kỳ đến hậu kỳ Jomon. Thời kỳ Chumul (8,000-3,000 năm BP) Hàn Quốc hình thức kinh tế khai thác nhuyễn thể cũng phổ biến, tạo nên hệ thống di tích cồn sò điệp ven biển phía Nam và phía Tây Hàn Quốc (Jun - Jeong Lee 2001).

Loại hình di tích cồn sò điệp Quỳnh Văn phân bố tập trung ở Nghệ An, hiện còn được bảo tồn khá tốt, là loại hình di tích đặc sắc không chỉ trên phương diện khảo cổ mà còn là dấu tích sống động phản ánh sự thay đổi môi trường, các giai đoạn biển tiến - biển lùi và khả năng thích ứng của con người trong giai đoạn môi trường đầy biến động này. Do đó, những di tích còn lại của văn hóa Quỳnh Văn nên được xây dựng hồ sơ bảo tồn như một hệ thống di sản đặc biệt quan trọng cần được vinh danh, bảo vệ.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Chung Chiến (1998), *Văn hóa Quỳnh Văn,* Nxb KHXH, Hà Nội.
2. Nguyễn Trung Chiến (1983), Suy nghĩ ban đầu về mối quan hệ giữa văn hóa Quỳnh Văn và văn hóa Thạch Lạc qua tài liệu gốm, NPHMV KCH năm, Nxb KHXH, Hà Nội, tr 60-62.
3. Nguyễn Trung Chiến (1984), *Địa tầng Cồn Đất và vấn đền nguồn gốc của các di tích cồn sò điệp thuộc văn hóa Quỳnh Văn vùng ven biển Nghệ Tĩnh*, Khảo cổ học (số 4), tr 20-30.
4. Nguyễn Văn Hảo và nnk (1979), Những di chỉ cồn điệp của văn hóa Quỳnh Văn. Khảo cổ học, số 3, tr. 10-19.

30. Huỳnh Ngọc Hương (1976), *Bờ biển Nghệ An với đợt biển tiến cuối cùng, Khảo cổ học (số 17)*, tr. 21-22.

5. Nguyễn Khắc Sử (1975), *Điều tra, sưu tầm khảo cổ học ở Quỳnh Hoa và Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An)*, Tư liệu Thư viện Viện Khảo cổ học.
6. Hà Văn Tấn (1978), *Nghệ Tĩnh trong tiền sử và sơ sử Việt Nam*, Khảo cổ học (số 2), tr. 21-29.
7. Bùi Vinh (1978), *Khai quật địa điểm Phái Nam (Nghệ Tĩnh),* Tư liệu Viện Khảo cổ học.
8. Bùi Vinh (1979), *Những vấn đề văn hóa Quỳnh Văn đặt ra sau khi khai quật Phái Nam (Nghệ Tĩnh)*, Khảo cổ học (số 1), tr. 21-28.
9. Keiji Imamura (2005), *Nhật Bản thời Tiền sử, những triển vọng mới trên hòn đảo Đông Á*, Nxb Văn hóa Thông tin.
10. Lam Thi My Dung, Nguyen Thi Thuy, Tran Kim Quy, Peter Bellwood, Chales Higham, Fiona Petchy, Elle Grono, Nguyen Chieu, Philip Piper (2020), *Ru Diep and Quynh Văn cultural of central Vietnam*, Archaeological Research in Asea, Volume 22, June 2020, 100190, Elservi Publisher.
11. Najmiah Rosli, Nur Azwin Ismail, Hazuddin Mansor and Mokhtar Saidin (2019), *Resistivity Characterisation of Shallow Stratigraphy in Delineating Shell Midden at Guar Kepah, Penang, Malaysia*, Journal of Physical Science, Vol. 30(1), 99-110, 2019.
12. Sue O'Connor, Matthew Spriggs and Peter Veth (2002), *Direct dating of shell beads from Lene Hara Cave, East Timor*, Australian.4r-chaeology, number 55,2002.

TRẦN HỮU THUNG
nhà thơ xứ Nghệ

PHONG LÊ

Đòi hỏi sinh hoạt văn nghệ nhân dân, và đòi hỏi xuất hiện những nhà thơ nhân dân - ấy là một đòi hỏi thường xuyên trong đời sống lao động và chiến đấu của quần chúng; nhưng sự thực có lúc mang tính chất cấp bách khác thường. Buổi đầu kháng chiến chống Pháp là lúc như thế. Khi cuộc sống đầy thiếu thốn gian khổ, nhưng lại bừng bừng khí thế đổi đời; khi sách vở giấy mực hiếm hoi, mà nhu cầu ca hát, phô diễn thì hầu như ai ai cũng có. Những đêm bập bùng lửa trại, tiễn dân công, đón bộ đội về làng, sinh hoạt tổ đội, mạn đàm, bình nghị, chia quả thực... Những câu hò nối đuôi nhau suốt lượt đoàn dân công tiếp vận, câu này gọi câu kia, như không dứt trong đêm trên đường ra hỏa tuyến... Cộng đồng sáng tạo ấy là đặc điểm của thứ không khí ấy. Linh hoạt, gọn nhẹ, tìm đến ngay với cách nói quần chúng, ấy là ưu thế của thứ văn nghệ ấy. Không thể tách rời dấu ấn thời đại đó với đặc điểm và đóng góp nổi bật của một lớp nhà thơ như Trần Hữu Thung (27/7/1925 - 31/7/1999).

Những ai có tuổi đời lớn lên gắn với Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống Pháp đều nhớ có lúc thơ Trần Hữu Thung thật sự sống động trong sinh hoạt văn nghệ của Nhân dân, nhất là Nhân dân Thanh Nghệ Tĩnh, vùng tự do Khu Bốn cũ. Điều dễ nhận là ông khai thác tốt chất dặm vè truyền thống và có khả năng nhập cuộc vào ca dao. Ông từng viết: "Tôi tập làm ca dao". Và quả có không ít câu thơ của ông có thể để lẫn vào ca dao:

Lúc đi giáo nỏ cầm tay
Lúc về súng lục cối xay đem về
Lúc sang đại bác moóc chê
Lúc về tàn rách, mũ mê thẹn thùng

(Đi, về)

Con cóc ngồi trên cọc tre
Nó trách Vĩnh Thụy nó chê Hải Thần
Lời vàng đã hẹn với dân
Cớ sao đem bắc lên cân những chì
Cóc buồn cóc khóc tỉ ti
Cóc thương, cóc giận kiếp bầy chó săn.

(Con cóc)

Thật ra, nhà thơ, người viết chuyên nghiệp làm ca dao, đó không phải là chuyện gì đáng sửng sốt. Có thể có bài hay, rồi theo thời gian, thơ họ lẫn vào kho tàng của Nhân dân, và đó là phần thưởng làm vẻ vang cho tác giả. Hoặc không hay, sẽ rơi ngay vào

quên lãng, mất tăm trong thời gian. Điều đáng bàn ở đây, đối với một nhà thơ như Trần Hữu Thung, là thi liệu, cảm xúc, giọng điệu, cách nói quả có một dấu ấn ảnh hưởng đặc biệt của văn học dân gian, nhờ vào đó, thơ ông đến ngay được với quần chúng, nhập ngay được vào tiếng nói của họ, đáp ứng được ngay các yêu cầu phô diễn của họ.

Tuyên truyền kháng chiến - là mảng thơ Trần Hữu Thung thực hiện với rất nhiều hào hứng, nhiệt tình, và thực sự là có hiệu quả. Đánh Pháp, chửi bù nhìn và bè lũ tay sai là việc Nhân dân ta tiến hành bằng súng, gươm, cuốc thuổng, gậy gộc, và cả bằng thơ ca nữa, nhưng không phải giới thơ ca chuyên nghiệp đều có thể làm ngay và có hiệu quả. Riêng Trần Hữu Thung có thể làm ngay không chút e dè, ngần ngại, như các bài "ca dao" kể trên, và nhiều bài khác trong các hình thức ru con, dặm vè quen thuộc.

❁

Bám chắc các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Chính phủ, nhằm động viên, tuyên truyền kịp thời các nhiệm vụ cách mạng, trong phần thành công của nó, thơ Trần Hữu Thung có giá trị một thứ *sử ca*, gồm những việc cần nhớ, lưu lại sâu đậm trong ý thức nhân dân, không phải không có sức hấp dẫn nhất định. Để hiểu giá trị này cần đặt thơ Trần Hữu Thung vào một giai đoạn mà nhu cầu văn nghệ của Nhân dân là rất lớn, nhờ ở sức giải phóng của Cách mạng Tháng Tám, nhưng do vừa mới thoát khỏi ách thực dân phong kiến nên trình độ văn hóa, tinh thần của Nhân dân cần gấp rút được nâng cao. Tuyên truyền kháng chiến, kêu gọi thanh niên nhập ngũ, cổ động dân công tiếp vận, động viên xây dựng hậu phương, giúp đỡ thương binh, bộ đội, cổ lệ phong trào mẹ chiến sĩ, hô hào đóng thuế nông nghiệp..., tất cả đều trở thành chất liệu hồn nhiên, và... vô tận của thơ ca. Phát động quần chúng nông dân đấu tranh giảm tô và cải cách ruộng đất tiếp đó, là một cuộc vận động cách mạng dân chủ lớn, đòi hỏi một nhận thức căn bản mới, *nhận thức về giai cấp*, đối với tất cả đội ngũ sáng tác của chúng ta lúc ấy. Nhưng với Trần Hữu Thung là một bước phát triển tự nhiên, không có đứt nối, không có khủng hoảng. Ở đây không có nỗi xúc động từ ngoài vào mà là cách nói trực tiếp ý chí, hành động của người trong cuộc với một loạt những bài: *Có chuỗi có xâu, Tố ra, Rạch hẳn làm hai, Đừng lầm, Cười được à, Chọn người chủ tọa, Mạn đàm quả thực*... Chính do "nhập cuộc" nên ông có thể nói được những điều "gan ruột" của bà con nông dân trong một lối phô diễn tự nhiên không có gì là gắng gượng, khiên cưỡng.

Nhưng phải nói là đôi khi do quá sát gần, không tạo được một khoảng cách cần thiết giữa người viết và đối tượng, nên thơ ông cũng đồng thời mang những hạn chế lịch sử khó tránh trong nhận thức và tình cảm của cả một tầng lớp, của một thời:

Uốn càng cong tre vồng càng mạnh
Bưng càng thẳng trống đánh càng kêu
Nhằm người càng khổ càng nghèo
Càng bị áp bức càng cao tinh thần

Có áp bức có đấu tranh, đó là kinh nghiệm lịch sử mà Mác đã đúc kết. Nhưng không nhất thiết bất cứ ai đã là người cùng khổ nhất thì đều trở thành người cách mạng nhất.

❁

Nhưng nếu Trần Hữu Thung chỉ dừng lại ở mục đích tuyên truyền cụ thể, nếu thơ ông chỉ là bản sao mờ nhạt các cuộc vận động quần chúng, các sinh hoạt chính trị qua từng thời kỳ, thì hẳn nó sẽ rơi vào lập tức sự quên lãng và tên tuổi của ông sẽ mai một đi như rất nhiều tên tuổi vô danh. Các phần giúp cho thơ ông vượt lên, không cần phải dựa vào một chiếu cố lịch sử nào vẫn là một bản lĩnh thơ có nét độc đáo, dấu chưa phải thật dầy dặn và dồi dào tiềm lực, để có thể lưu lại cho ta không phải chỉ một số bài.

Kể chuyện - ấy là sở trường của Trần Hữu Thung. Ông không nặng phô diễn tâm tình. Những bài thơ được nhớ và phổ biến một thời của ông đều là thơ kể chuyện. Điều này một phần do quy định của hoàn cảnh: thơ ít được in mà cần được đọc, không chỉ đọc mà cần phô diễn, nên rất cần động tác, cần diễn biến của sự việc. Và người đọc Khu Bốn cũ nhớ những O Bưởi, Hai Tộ của Trần Hữu Thung chính nhờ vào chất *truyện* đó:

Làng tôi có o tên Bưởi
Tuổi vừa đôi tám hai mươi
Bụng dạ như gương, học một biết mười...

Kể chuyện đồng chí Tô, o Bưởi, hoặc để cho Hai Tộ "hò khoan", dẫu là trong lối phô diễn gần với cách nghĩ của quần chúng, Trần Hữu Thung đã xác định chỗ đứng riêng của mình, chỗ đứng của người kể chuyện, của người làm thơ. Từ khởi điểm này sẽ có nhà thơ Trần Hữu Thung. Nhưng để phát triển và duy trì được nó lại là con đường khó, và kết quả không thể tính ở số lượng. Thời gian rồi sẽ làm một cuộc sàng lọc để chỉ giữ lại những gì phù hợp với quy luật của nghệ thuật, những gì thật sự

mang chất thơ. Sự sàng lọc ấy rồi sẽ giữ lại cho ta bài thơ *Thăm lúa*, nơi bộc lộ rõ nhất bản lĩnh thơ Trần Hữu Thung.

Bài thơ, như ta đã biết, làm lời người vợ nhớ chồng trong khung cảnh sinh hoạt bình dị mà sống động, đầy màu sắc của hậu phương nông thôn. Lời người vợ nói chuyện nhà nhưng cho thấy bóng người chồng trong kỷ niệm - nơi tiền tuyến xa. Qua tâm sự người vợ ta thấy buổi tiễn đưa bịn rịn, buồn nhưng không làm con người trĩu xuống, và nỗi nhớ không dứt trong cách xa:

Cam ba lần có trái
Bưởi ba lần ra hoa

một nỗi nhớ vừa kín đáo vừa hồn nhiên, không che giấu:

Xòe bàn tay bấm đốt
Tính đã bốn năm ròng
Người ta bảo không trông
Ai cũng bảo không mong
Riêng em thì em nhớ...

Nhưng có niềm vui bù lại, trong công việc, trong tình yêu, trong niềm tin ngày chiến thắng, chồng về. Với *Thăm lúa*, Trần Hữu Thung vẫn như "hóa thân" vào người vợ, vào tâm trạng người hậu phương, người ở nhà. Với *Thăm lúa*, Trần Hữu Thung vẫn quen thuộc trong thể thơ 5 chữ, kết cấu theo lối dặm vè. Nhưng khác ca dao, khác các điệu dân ca, ru con mà ông thường vận dụng, ở đây Trần Hữu Thung có ý thức giữ cho được bản sắc riêng của mình, bản sắc người kể, nhà thơ. Phong vị dân gian, màu sắc địa phương là cái đã được chuyển hóa vào lời chữ, giọng điệu, vào cách cảm nghĩ của mình, chứ không còn trong dạng của chính *bản thân* nó, như một sự sao chép, mô phỏng, như một sản phẩm của cộng đồng - cũng là của vô danh, từ xưa truyền lại.

❁

Từ những năm sáu mươi (thế kỷ trước), thơ Trần Hữu Thung trong những nỗ lực mới nhằm bám sát đời sống lao động, xây dựng trên đất nước, và trên địa bàn Nghệ Tĩnh quê hương thực ra không còn gây được sự chú ý lớn như thời kháng chiến chống Pháp. Tập thơ *Đất quê mình* (1971) và tiếp đó, *Tiếng chim đồng* (1975) nói chuyện sinh hoạt, làm ăn, cày bừa cấy gặt ở nông thôn; chuyện bà con nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể; chuyện những đổi mới thường ngày, rồi chuyện chiến đấu... Chẳng cần kể cho hết cũng đủ thấy đây là đề tài chung mà nhiều người viết cùng hướng tới, nhưng đạt cho được cách nói riêng, có phong vị riêng quả không phải dễ. Thật ra thì không phải là khó tìm trong *Đất quê mình* một tình yêu không dễ lẫn, một sự gắn bó thiết tha của nhà thơ đối với quê hương, trong cái vẻ khắc khổ riêng của nó, vùng quê Nghệ Tĩnh đất hẹp người đông, quanh năm vật lộn với lụt hạn, gió bão, với thiên nhiên khắc nghiệt hơn nhiều nơi, để giành từng hạt lúa, củ khoai...

Chưa có một chuyển biến thật mạnh về chất lượng, chưa kịp tự giàu có thêm, và còn ít biến hóa, thơ ông bị chìm đi. Có nhiều điều ông phải nhường cho người khác nói, có những chỗ ông nói thì người khác nói tốt hơn. Nếu có điều đáng chú ý trong sáng tác của Trần Hữu Thung ở các giai đoạn sau thì đó là một niềm thao thức lớn đối với lịch sử. Lịch sử dân tộc trên mảnh đất Hoan Diễn ngày xưa đầy các sự tích, các chiến công. Niềm thao thức đó trở đi trở lại nhiều lần trong ông và từng lúc, ông có dịp thể nghiệm như trong *Ngày thu ấy* - có phụ đề *Khúc ca Cách mạng Tháng Tám* (1957), *Cờ đỏ bên sông Lam* (1957), *Kể chuyện Minh Khai* (1961), và tập trung, nâng cao trong truyện thơ *Gió Nam* (1962). *Gió Nam*, như tên gọi, những cơn bão Lào, những vùng đất nóng, những da người xám nắng, cả tiếng to giọng... *Gió Nam*, đồng vọng tiếng lịch sử, cha ông. *Gió Nam*, theo nhịp võng ru, quá khứ thức dậy... Cảm hứng lịch sử, màu sắc địa phương, những chân dung người bộc trực kiên cường, những tính cách vừa phóng khoáng vừa khắc khổ, tinh thần khí lực có dư thừa, nhưng "thời thế" không cho thành đạt, những cuộc bạo động bị dìm trong máu, trong uất nghẹn, nhưng lời khảng khái vẫn vang ngân; những chiến sĩ lên giàn lửa, vẫn tiếp tục gọi lửa nơi những người sống... Có lẽ, tất cả đều là ngụ ý của người kể chuyện, qua những khổ thơ lúc dồn nén, khoắc khải, lúc dãn ra, vừa thư thái, vừa cổ kính...

Cho đến khi qua đời, cảm hứng lịch sử dường như vẫn sâu nặng ở Trần Hữu Thung, có điều nó đang tìm sự kết nối với cảm hứng thời sự. Đọc *Vinh rực lửa* (1969) trong chiến tranh, rồi đọc *Ký ức đồng chiêm* (1988) như một thứ biên niên sử, một bảo tàng của một vùng đất cổ, tôi cứ băn khoăn không biết cái dòng kênh xanh và cái viễn cảnh đầy lãng mạn của vùng quê sông Bùng có mối liên hệ hoặc duyên nợ gì với cái "dòng sông cụt", sản phẩm của cái thời "sắp xếp lại giang sơn" vừa hài hước, vừa bi thảm như trong một truyện ngắn của Trương Huy San? Ông là người đến tận cùng đời mình vẫn gắn bó máu thịt với đất quê, do vậy, điều dễ hiểu ông cũng là người nhạy cảm nhất về những bước đi của nó... Đã từng hào hứng về nó, hẳn có lúc ông đã lao lung nghĩ suy và đau khổ về nó.

Lăng mộ La sơn Phu tử Nguyễn Thiếp tại xã Nam Kim, huyện Nam Đàn. Ảnh: Hồ Hà

Hai danh nhân người Nghệ sinh năm Mão có công với triều Tây Sơn

ĐÀO TAM TỈNH

ĐẬU YÊN (1759-1792)

Đậu Yên sinh năm Kỷ Mão (1759), mất năm Nhâm Tý (1792), quê ở làng (L.) Yên Dũng Hạ, nay thuộc phường (P.) Trung Đô và Bến Thủy, thành phố (TP.) Vinh, tỉnh (T.) Nghệ An. Ông là chú ruột của Đậu Khâm (1762-1792), cả hai đều là dũng tướng có nhiều công lao trong Khởi nghĩa Tây Sơn, do Hoàng đế Quang Trung lãnh đạo.

Theo gia phả họ Đậu và lời kể của các bô lão trong dòng họ, trong làng, Đậu Yên và Đậu Khâm sinh ra trong một gia đình nông dân kiêm nghề chài lưới ở hạ lưu sông Lam. Thời tuổi trẻ, ông và cháu thường tụ tập cùng đồng môn học tập, rèn luyện, bày trận địa đấu võ nghệ trên rú Quyết; lại tổ chức các đội thuyền đua tranh vẫy vùng rượt đuổi nhau ngược xuôi trên sông Lam cho đến tận biển Song Ngư. Ông thông minh, có sức khỏe, tiếp thu nhanh phái võ Hồng Lam, nên thường vô địch trong các cuộc thách đấu và sớm có tư chất của một vị tướng. Ông lại có lòng yêu nước, thương nòi, hay làm việc nghĩa nên được mọi người kính nể.

Thời Lê - Trịnh và Trịnh - Nguyễn phân tranh, xã hội nhiễu nhương, các thế lực lớn cạnh tranh ngấp nghé ngôi vua, lập chúa. Các cuộc khởi nghĩa nông dân bùng nổ ở khắp nơi trong nước. Triều đình Lê - Trịnh giao cho Quận Việp - Hoàng Ngũ Phúc (1713-1776) làm Thống lãnh quân cơ đi đánh dẹp Nguyễn Hữu Cầu và Nguyễn Danh Phương, thắng trận được gia phong Đại tư đồ, kiêm trấn thủ Sơn Nam, tước Việp Quận công. Ông thu nạp

được nhiều tướng giỏi dưới trướng, nổi tiếng như Quận Huy, Nguyễn Hữu Chỉnh... Hữu Chỉnh (? - 1787) người L. Cổ Đan, X. Đông Hải, H. Chân Phúc, nay là X. Phúc Thọ, H. Nghi Lộc, T. Nghệ An, con nhà phú thương Nguyễn Mẫn. Năm 16 tuổi đã đỗ Hương cống, rồi thi đỗ Tam trường khoa thi Tạo sĩ (thi võ), văn võ song toàn, tính phóng khoáng, thích giao du, được Hoàng Ngũ Phúc cho làm môn khách trong trướng, sau giúp việc cho Quận Huy (Hoàng Đình Bảo). Quận Huy bị giết, Hữu Chỉnh chạy vào Nam theo Tây Sơn. Đậu Yên được Hữu Chỉnh thu nạp làm tướng, có chiến công đánh địch, sau đầu quân cho Tây Sơn từ năm 1786. Dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, ông xông pha đánh địch nhiều trận, lập nhiều công tích. Giặc Thanh sang xâm lược nước ta, Đậu Yên là một bộ tướng tiên phong, dẫn quân vượt sông Gián Khẩu, diệt gọn đồn tiền tiêu của giặc, rồi cùng các đạo quân Tây Sơn khác nhanh chóng tiến vào Thăng Long, vây chặt đồn Hạ Hồi, buộc quân địch phải tháo chạy toán loạn. Ông tả xung hữu đột trên khắp các mặt trận, lập được nhiều chiến công, nên sau đại thắng quân Thanh, vua Quang Trung ban cho ông tước Đô Yên hầu, Tham đốc Quận công. Cháu ông cũng lập nhiều công lao được ban chức Bắc Thành chánh quản hùng uy. Đâu Yên cùng cháu lại được giao nhiệm vụ làm tướng trấn giữ Đèo Ngang. Tại đây, ông đã trấn áp được bọn Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Tiến Tân thường hay đưa quân đến quấy phá quân Tây Sơn. Ngày 15/1/1792, trong một trận truy kích địch, Đậu Yên và cháu Đậu Khâm chẳng may cùng bị trúng tên tẩm độc và mất. Hai ông cháu được an táng tại Đèo Ngang. Đến năm 1797, họ Đậu và dân làng Yên Dũng Hạ mới cải táng, đưa hài cốt về chôn cất tại quê nhà, nay là vùng đất Phượng Hoàng Trung Đô và lập đền thờ (gần Trường Đại học Vinh). Đậu Yên được nhà Tây Sơn ban là Phúc thần và phong sắc là *Đô Yên hầu, Tham đốc Quận công*. Đậu Khâm được ban là Khâm phụng quân Bắc Thành, Chánh quản Hùng võ vệ, Thượng tướng quân. Thần Đậu Yên và Đậu Khâm linh thiêng hộ Quốc, phù dân, nên được triều Nguyễn về sau ban các sắc phong là *Dực bảo Trung hưng đoan túc tôn thần.*

LA SƠN PHU TỬ NGUYỄN THIẾP (1723 - 1804)

Nguyễn Thiếp sinh năm Quý Mão 1723 - mất năm 1804. Người ở Mật thôn, X. Nguyệt Ao, tổng Lai Thạch, H. La Sơn, phủ Đức Quang, nay thuộc xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Dòng họ Nguyễn Thiếp nguyên quê gốc ở xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân. Thân sinh là Nguyễn Quang Nhuận, thân mẫu là người họ Nguyễn Trường Lưu (thuộc dòng họ Tiến sĩ Nguyễn Huy Oánh, Nguyễn Huy Tự...). Ông húy là Minh, tự Quang Thiếp (sau kiêng húy bỏ chữ Quang - tên chúa Trịnh Giang), còn có tự Khải Xuyên, Hạn Ham, hiệu Lạp Phong Cư Sĩ, Bùi Phong Cư Sĩ, Cuồng Ẩn, Hạnh Am. Ông còn được tôn các hiệu: Lục Niên Tiên Sinh, Hạnh Am Tiên Sinh, Nguyệt Ao Tiên Sinh, La Giang Phu Tử; vua Quang Trung ban cho tên La Sơn Tiên Sinh.

Thời nhỏ, ông học chữ từ người chú là Tiến sĩ Nguyễn Hành, nên học rất giỏi. Khi Nguyễn Hành ra làm Hiến sát sứ Thái Nguyên đã gửi ông cho bạn thân là Hoàng giáp Nguyễn Nghiễm rèn dạy thêm. Chưa được 1 năm thì chẳng may chú ông đột ngột mất ở lị sở, ông đau buồn, phát bệnh bỏ đi lang thang, may được một cụ già ở thôn Vệ Hạ, xã Do Nhân đưa về chăm sóc, thuốc thang, rồi mới lần về được đến nhà.

Năm Cảnh Hưng thứ 4 (1743), Nguyễn Thiếp đi thi hương ở trường Nghệ An, khoa Quý Hợi và đậu Hương giải. Sau khi đậu, ông không có chí làm quan, nên không dự thi Hội, lui về ở ẩn, đọc sách Thánh hiền và du ngoạn đây đó. Ông lấy vợ là bà Đặng Thị Nghi, con gái của Thái bộc Đặng Thái Bàng ở Uy Viễn, Nghi Xuân.

Đến năm Mậu Thìn (1748), ông mới ra Bắc Hà dự thi Hội, do thầy học là Nguyễn Nghiễm thúc dục. Sách "*Dã sử nhật ký*" có ghi ông thi đậu Tam trường (Hội thí trúng tam trường). Năm Bính Tí (1756), ông được bổ chức quan Huấn đạo Anh Đô. Đến 1762, ông được bổ Tri huyện Thanh Giang (sau là Thanh Xuyên, rồi Thanh Chương). Năm 46 tuổi (Mậu Tí - 1768), ông xin từ quan, về xã Nam Hoa làm nhà trên núi Bùi Phong, thuộc dãy Thiên Nhẫn ở ẩn và dưỡng bệnh. Theo sách "*Lê Mạt tiết nghĩa lục*" và "*Thối thực ký văn*" của Trương Quốc Dụng thì nhà cửa (của Nguyễn Thiếp) tuy sơ sài, nhưng cũng được đặt tên thanh nhã, nhà ở là

"*Thận Tật am*" (Am dưỡng bệnh), lại có "*Vọng Vân đình*" (Đình ngắm mây) và "*Giới thạch trai*" (nhà đá vững)...

Hàng ngày, ông đọc sách, dạy vài ba học trò lớn nhỏ, dạo chơi cảnh sơn thủy. Phong cảnh nơi đây rất nên thơ, đối diện là Hoàng Bảng, có Lục Niên thành (Vọng gác tiền tiêu của Bình Định Vương Lê Lợi), có suối Bộc Bố - thác nước tuôn reo suốt ngày đêm, trông như một dải lụa trắng; có ao Tiên thiên nhiên trong mát, phía dưới là dòng Lam trong xanh... là những đề tài thi hứng cho Hạnh Am Tiên sinh. Ông nổi danh xa gần và được tôn gọi là Lục Niên Tiên sinh. Hoàng giáp Bùi Huy Bích, làm Hiệp trấn Nghệ An có gửi thư ca ngợi ông:

"*Khác người chỉ có một ông*
Ấn quan trao trả, non sông thỏa tình
Người ta trỏ Lục Niên Thành
Nam Sơn cạnh núi náu mình am Ông..."

(La Sơn Hoàng Xuân Hãn dịch)

Ông có bài thơ đáp:

"*Hoan Châu xưa chịu lính*
Tài lực chẳng còn bao
Huống hai ba năm nay
Mùa mất biết nhờ đâu
Dân mười phần, năm, sáu
Chết đói với phiêu lưu...
Giám nhờ quan Thừa truyền
Hết lòng cứu nguy nhau"...

Nhờ đó, quan Hiệp trấn có nới tay với dân trong trấn.

Năm Canh Tí (1780), Chúa Trịnh Sâm triệu ông vào Kinh, đến tháng 2, năm Tân Sửu (1781) mới về. "*Gia phả*" chép: "*Chúa Trịnh Sum nghe tiếng cụ, sai người mời ra Đông Kinh để lo việc nối ngôi vua Lê (định cướp ngôi). Cụ ra bảo làm thế không phải, nên rốt cuộc Chúa không dùng*".

Năm 61 tuổi (1783), ông soạn tập "*Hạnh am thi cảo*" (tập hợp các bài thơ của ông sáng tác) và viết bài "*Hạnh am ký*" lược thuật cuộc đời mình qua 60 năm bất như ý.

Cuối năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Huệ sai người đưa thư và vàng lụa lên núi Bùi Phong mời ông ra giúp việc. Ông gửi trả vật phẩm, có thư phúc đáp với cớ mình kém cỏi, tuổi cao yếu đau và lo việc hương hỏa gia đường để thoái thác. Nguyễn Huệ còn thư từ tha thiết mời ông đến hai lần nữa với lời lẽ chân thành, cầu thực, nhưng ông vẫn từ chối.

Đến tháng 4 năm Mậu Thân (1788), trên đường ra Thăng Long trừ Vũ Văn Nhậm, dừng lại ở Lam Thành (Hưng Nguyên), Nguyễn Huệ bèn gửi thư khẩn thiết mời ông xuống hội kiến "*Nay thiên hạ khốn khổ, không cùng Phu Tử cứu gỡ thì không biết cùng ai...*". Ông đành xuống núi "Gia phả" chép: Cụ đến, Huệ trách rằng*: "Đã lâu nghe đại danh. Ba lần cho tới mời, Tiên sinh không thèm ra. Ý Tiên sinh cho quả nhân là thằng giặc nhỏ không đủ làm anh hùng trong thiên hạ chăng?"*.

Cụ trả lời: "*Hơn 200 năm nay, quyền về tay họ Trịnh hung bạo. Vương mới đưa quân ra một lần mà dứt được, lại lập nhà Lê. Với danh nghĩa chính thì anh hùng ai lại chẳng theo. Nếu giả tiếng danh nghĩa, nói dối tôn vua để lấy tiếng thì lại hóa ra một kẻ gian hùng* ".

Huệ bèn đổi sắc mặt, ngồi dịch ra mà tiếp đãi rất trọng...

Nguyễn Huệ đã ủy cho ông giúp việc xem đất dựng đô ở Phù Thạch (Lam Thành), rồi ở Yên Trường (tức Phượng Hoàng Trung Đô).

Cuối năm 1788, được tin cấp báo 29 vạn quân Thanh sang xâm lược nước ta, Nguyễn Huệ theo lời khuyên của các tướng, đắp đàn ở phía Nam núi Ngự Bình làm lễ tế cáo trời đất rồi lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu Quang Trung. Lễ xong, ngày 25, Quang Trung lập tức ra lệnh xuất quân tiến ra Bắc đánh đuổi quân Thanh. Ngày 29, đại quân ra đến Nghệ An, đóng lại 10 ngày để tuyển thêm quân, được thêm hơn một vạn quân tinh nhuệ. Vua Quang Trung tổ chức cuộc duyệt binh lớn, lại triệu La Sơn Phu Tử đến dự và hỏi kế đánh quân Thanh:

"*Quân Thanh sang đánh, nay ta đem quân chống cự, về kế công thủ và được thua Tiên sinh cho biết thế nào?*"

Thấy được khí thế quyết tâm diệt giặc của binh sĩ Tây Sơn và lòng nhiệt tình ủng hộ của dân chúng, Nguyễn Thiếp trả lời:

"Nay trong nước trống không, lòng người ly tán. Quân Thanh ở xa lại, tình hình quân ta sức mạnh, sức yếu không biết, thế công thế thủ không hay. Chúa Công ra chuyến này chẳng qua 10 ngày là giặc Thanh sẽ tan"(1)

Lời Phu Tử rất hợp với ý của Quang Trung. Nhà vua đã quyết định một chiến lược đánh nhanh, giải quyết nhanh trong toàn bộ chiến dịch này. Đây là một cuộc tiến công thần tốc chưa từng có trong lịch sử từ trước cho đến lúc bấy giờ và đã nhanh chóng đánh tan 29 vạn quân Thanh xâm lược.

Sau ngày đại thắng quân Thanh (Xuân Kỷ Dậu - 1789), vào tháng 3, Vua Quang Trung về đến Nghệ An, lại mời Phu Tử đến bàn quốc sự. Vua lại cấp cho ông thêm thuế để làm Tuế Bổng thuộc xã Nguyệt Ao, quê ông. Ông dâng sớ từ chối, nhưng nhà vua lại xuống chiếu buộc ông phải nhận:

"Trẫm ba lần xa giá Bắc Thành, Tiên sinh đã chịu ra bàn chuyện thiên hạ. Người xưa bảo rằng "Một lời nói mà nổi cơ đồ". Tiên sinh hẳn có thế chứ không phải là hạng người bo bo làm việc gần mình mà thôi. Gần đây, vì Trẫm không biết lấy gì tỏ tình đãi hiền, nên đặc ban một xã làm lễ ưu lão. Ấy là Trẫm bởi lòng rất thành thật...".

La Sơn Phu Tử đã thật sự ra hợp tác với nhà Tây Sơn và được Quang Trung coi là bậc thầy rất trọng vọng. Nhà Vua mong muốn và đã sử dụng được tài năng *"Kinh bang tế thế"* của Phu Tử và cũng muốn lấy đó làm ảnh hưởng để thu phục Sĩ phu Bắc Hà vốn rất kính phục ông.

Đầu tháng 7 năm Tân Hợi (1791), nhận được chiếu triệu vào Kinh của vua Quang Trung, Phu Tử đã vào Phú Xuân và dâng lên vua bản tấu bàn về 3 việc mà ông cho là thiết yếu nhất. Đó là: Bàn về *"Quân đức"*, *"Nhân tâm"*, *"Luật pháp học"* và đều lấy *"Dân"* làm gốc... *"Sự đạo thành thì người tốt nhiều, người tốt nhiều thì triều đình chính mà thiên hạ trị"*.

Chưa đầy 10 ngày sau cuộc hội kiến, Nguyễn Thiếp vừa về đến núi Bùi Phong thì nhận được chiếu của vua Quang Trung:

"Ông tuổi đức đều cao, tất cả Sĩ phu đều trông ngóng như núi Thái Sơn, Sao Bắc đẩu. Nay trong nước đã yên. Trẫm toan hưng khởi chính học. Ông đã lấy học thuật biện rõ bên tà, bên chính trong phép học. Trẫm rất vui lòng. Trẫm định đặt Sùng chính Thư viện ở Vĩnh Kinh, tại núi Nam Hoa, ban cho ông làm chức Sùng chính Viện Viện trưởng. Cho ông hiệu La Sơn Tiên sinh và giao cho ông chuyên coi việc dạy...

Từ rày, phàm trong các viên tư nghiệp, đốc học, mỗi năm nếu có ai học hay, hạnh tốt thì sẽ kê quê quán, tên họ đạt đến thư viện, giao cho ông khảo sát đức nghiệp và hạnh nghệ, tấu lên triều để chọn mà dùng.

Ông nên giảng rõ đạo học dùng đức nhân tâm để cho xứng với ý trẫm khen chuộng kẻ tuổi cao, đức lớn"...

Nhà vua lại ủy cho ông việc dịch các sách Tiểu học, Tứ thư, Kinh thư, Thư dịch từ chữ Hán ra Quốc âm, để phục vụ cho chính sách cải cách giáo dục triều Tây Sơn - dùng chữ Nôm làm chính thống. Giúp việc này, cùng ông còn có các Nho sĩ nổi tiếng đương thời, như Hoàng giáp Bùi Dương Lịch, Tiến sĩ Phan Tố Định, Nguyễn Công, Nguyễn Thiện, v.v...

Chí hướng tốt đẹp của Phu Tử vừa hòa cùng nhịp đập trái tim lớn - minh quang của người Anh hùng áo vải thì bỗng đột ngột vua Quang Trung mất vào ngày 22 tháng 7 năm Nhâm Tý (16/9/1792). Sau đó, Nguyễn Thiếp trả hết bổng lộc cho triều đình Quang Toản, sống cảnh hàn Nho trên núi Bùi Phong cho đến cuối đời. Ngày 25 tháng chạp năm Quý Hợi (đầu năm 1804), Phu Tử không bệnh mà mất, thọ 81 tuổi. Trái tim của một bậc cái thế ngừng đập trong nỗi u hận, nhưng cũng đủ lưu lại cho hậu thế một nhân cách lớn - ưu dân, ái quốc của một kẻ sĩ.

---

(1) Hoàng Xuân Hãn. *La Sơn Phu Tử*.- H.: Giáo dục; 1998, Tr.1051

Tài liệu tham khảo:

- Danh nhân Hà Tĩnh - Sở Văn hóa Thông tin Hà Tĩnh, 1998
- Danh nhân Quân sự Việt Nam: T.2.- H.: Quân đội nhân dân, 2006

Học giả, nhà giáo dục
TRẦN TRỌNG KIM
(1883 - 1953)

LA GIANG

TRẦN TRỌNG KIM (1883 - 1953) LÀ MỘT TRÍ THỨC TÂN HỌC HỒI ĐẦU THẾ KỶ XX ĐÃ CÓ NHIỀU ĐÓNG GÓP QUAN TRỌNG XÂY DỰNG NỀN GIÁO DỤC MỚI VÀ LÀ TÁC GIA CÓ NHIỀU CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, VĂN HỌC, TÔN GIÁO CÓ GIÁ TRỊ LỚN.

Nhà giáo dục tân học tiên phong

Trần Trọng Kim, sinh năm 1883 [Gia phả ghi là 1886] tại làng Kiều Lĩnh, xã Đan Phố (nay là xã Xuân Phổ), huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh trong gia đình có truyền thống Nho học. Ông nội là Trần Văn Bính, đỗ 3 khoa tú tài. Cha là Trần Bá Huân (1838-1894) từng tham gia khởi nghĩa Hương Khê.

Trong hai năm 1897-1899, ông ra Nam Định theo học trường Pháp - Việt ở Nam Định, tiếp đó học trường Thông Ngôn đến năm 1903 rồi về Ninh Bình làm thông ngôn. Được Nguyễn Văn Vĩnh giúp đỡ, năm 1905, ông sang Pháp và theo học tại trường tư thục ở Bourg-Saint-Andéol, tỉnh Ardèche sau đó lên Lyon học tiếp. Đến năm 1908, ông xin được học bổng vào học trường Thuộc địa (Paris) rồi sau đó là trường Sư phạm Tiểu học (Ecole nor male des Instituteurs) ở Melun. Năm 1911, ông về nước bắt đầu con đường sư phạm của mình ở trường Bảo hộ rồi vào làm việc tại trường Hậu bổ. Đến năm 1919, trường Hậu bổ bị giải thế ông được chuyển sang trường Sư phạm. Đến năm 1921, Trần Trọng Kim làm Thanh tra các trường tiểu học; Năm 1924, là Trưởng ban Soạn thảo Sách Giáo khoa Tiểu học (1924); Năm 1931, dạy Trường Sư

phạm thực hành; Năm 1939, là Giám đốc các trường nam tiểu học tại Hà Nội. Ngoài ra ông còn tham gia các hoạt động xã hội. Ông là Phó Trưởng ban Ban Văn học của Hội Khai trí Tiến Đức, Nghị viên Viện Dân biểu Bắc Kỳ, Trưởng ban nghiên cứu Phật học của Hội Bắc kỳ Phật giáo. Ông về hưu năm 1942.

Năm 1943, Nhật Bản kéo vào Đông Dương và ông bắt đầu bị người Nhật cuốn vào chính trường đầy cạm bẫy, trở thành chính khách bất đắc dĩ, là Thủ tướng Chính phủ Đế quốc Việt Nam (4 - 8/1945).

Không đề cập đến tư cách chính khách, về Trần Trọng Kim, trước hết, ông là nhà giáo dục tiêu biểu có nhiều đóng góp trong giai đoạn đầu hình thành và phát triển nền tân/quốc học nước nhà. Bắt đầu từ truyền thống Nho học nhưng Trần Trọng Kim từ rất sớm đã hướng đến tân học, chủ động đi vào ngành sư phạm và gắn bó với công cuộc xây dựng nền tân học hơn 30 năm cho đến lúc về hưu.

Không chỉ là thầy giáo, là nhà sư phạm, ông soạn nhiều sách giáo khoa để định hình cho cả hệ thống giáo dục tiểu học.

Từ năm 1914, khi chưa bỏ giáo dục Hán học, phụ trách mục "Học khoa" trên Đông Dương tạp chí, ông đã viết rất nhiều bài có tính chất giáo khoa về khoa học sư phạm và luân lý. Cũng từ sớm ông đã cho xuất bản nhiều sách về giáo dục như: *Sơ học luân lý* (1914), *Sư phạm khoa yếu lược* (1916); *Sơ học An Nam sử lược* (1917); *Sư phạm yếu lược* (1918); *Quốc văn giáo khoa thư* (3 tập: lớp Đồng ấu, lớp Dự bị, và lớp Sơ đẳng), *Luân lý giáo khoa thư, Sử ký giáo khoa thư* (soạn chung với Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận, do Nam Sơn Nguyễn Văn Thọ vẽ minh họa, 1926).

Một trong những đóng góp quan trọng, thiết thực và hiệu quả nhất của Trần Trọng Kim, là khi đứng đầu Nội các Đế quốc Việt Nam đã chủ trương và thông qua Chương trình cải cách giáo dục trung học do Bộ trưởng Giáo dục và Mỹ thuật Hoàng Xuân Hãn chủ trì biên soạn, được ban hành từ ngày 30/6/1945.

Đây là chương trình cải tổ nền trung học Việt Nam sâu rộng nhất, chủ trương sử dụng tiếng Việt cho nền giáo dục, thay đổi cấu trúc nền trung học, đặt ra những môn học mới, thay đổi nội dung các môn học cũ. Đáng nói nhất là nó đã được thực hiện trong 2 tháng với số giáo sư tham gia ít ỏi nhất, mỗi môn chỉ có một hoặc hai người soạn thảo cho tất cả các lớp của bậc trung học từ lớp đệ nhất niên cho đến lớp đệ tam chuyên khoa.

Chương trình này được ban hành từ tháng 6/1945; được Bộ Giáo dục Việt Nam Dân chủ Cộng hòa áp dụng cho hết thời kỳ kháng chiến chống Pháp và Việt Nam Cộng hòa áp dụng tới năm 1972. Chương trình này còn có ảnh hưởng lâu dài đến các cuộc cải cách giáo dục về sau.

Trần Trọng Kim tích cực tham gia hoạt động báo chí với mục đích phổ biến chữ Quốc ngữ, phổ biến kiến thức và xây dựng nền quốc học. Ông tham gia viết cho Đông Dương tạp chí của Nguyễn Văn Vĩnh, Nam Phong tạp chí của Phạm Quỳnh. Trần Trọng Kim cũng đã hợp tác với Shneider cho ra tờ *Học báo,* mà ông là chủ bút đã phục vụ rất tốt cho hoạt động giáo dục, không chỉ phổ biến kiến thức mà còn góp phần xây dựng nề nếp văn hóa mới, nhất là văn hóa học đường.

Học giả Tây học bảo tồn vốn cổ

Với tư cách học giả, ông là một nhà nghiên cứu uyên thâm trên nhiều lĩnh vực và đều có tính tiên phong trong bối cảnh chuyển giao từ nền cựu học sang tân học. Các công trình của ông không chỉ dừng lại ở lĩnh vực sư phạm, giáo khoa mà còn trải rộng ở các lĩnh vực khác như văn học, sử học, văn hóa học, tôn giáo... Có thể kể đến một số công trình quan trọng của ông như: *Vương Dương Minh* (1914); *Việt Nam văn phạm* (Soạn chung,1941); *Việt Nam sử lược* (1920); *Truyện Thúy Kiều chú giải* (Cùng Bùi Kỷ, 1925); *47 điều giáo hóa triều Lê (có bản dịch ra tiếng Pháp-1928)*; *Nho giáo* (3 tập từ 1930-32); *Phật giáo thuở xưa và Phật giáo ngày nay* (1938); *Phật giáo, Phật Lục, Việt Thi* (1940); *Quan niệm về nhân sinh, Vũ trụ đại quan* (1943), *Đường thi; Lăng ca*

kinh;Hạnh thục ca, Một cơn gió bụi (Hồi ký)...

Việt Nam sử lược là cuốn sử Việt Nam đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ, phản ánh tương đối toàn diện về nhiều lĩnh vực trải khắp chiều dài lịch sử dân tộc từ thời kì dựng nước đến khi thực dân Pháp xâm lược một cách khách quan, ngắn gọn, súc tích, dễ tiếp nhận các vấn đề theo trình tự thời gian. Quan điểm sử học tiến bộ của ông là: "Sử là sách không những chỉ để ghi chép những công việc đã qua mà thôi, nhưng lại phải suy xét việc gốc ngọn, tìm tòi cái căn nguyên những công việc của người ta đã làm để hiểu cho rõ những vận hội trị loạn của một nước, những trình độ tiến hóa của một dân tộc. Chủ đích là để làm cái gương chung cổ cho người cả nước được đời đời soi vào đấy mà biết cái sự sinh hoạt của người trước đã phải lao tâm lao lực những thế nào, mới chiếm giữ được cái địa vị ở dưới bóng mặt trời này".

Trần Trọng Kim là người đi đầu trong việc nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam. Ông đã thực hành phương pháp nghiên cứu mới của tân học để nghiên cứu Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Bộ sách *Nho giáo* là công trình nghiên cứu về Nho giáo có quy mô, hệ thống đầu tiên đầu tiên ở Việt Nam. Phan Khôi nhận định: "Bộ sách Nho giáo của Trần Trọng Kim là một công trình lớn, nhiều công phu và lắm giá trị. [...] Nho giáo là sách của Trần tiên sanh đã dùng thực lực và lắm công phu nghiên cứu mà soạn ra, mọi người Việt Nam đều nên đọc".

Với tư cách đứng đầu Ban Khảo cứu của Hội Phật giáo Bắc kỳ, Trần Trọng Kim đã quy tụ các học giả, nhà nghiên cứu cả Tây học và Nho học có tiếng như Trần Văn Giáp, Bùi Kỷ, Nguyễn Thiện Chính, Lê Toại, Nguyễn Trọng Thuật,...để nghiên cứu, chuyển ngữ kinh Phật sang quốc ngữ. Riêng ông đã có nhiều nghiên cứu công phu như *Phật giáo thuở xưa và Phật giáo ngày nay* (1938); *Phật Lục* (1940). Ông còn viết cho báo *Đuốc Tuệ* và nhiều lần diễn thuyết về Phật giáo rất được hưởng ứng.

Ông còn có loạt bài trên Nam Phong tạp chí nghiên cứu Đạo Giáo, tiếc là chưa in thành sách. Ngoài ra ông còn có bản thảo *Vũ Trụ quan* và *Thiên văn học* chưa hoàn thiện và xuất bản. Ngoài ra, còn có nhiều bản thảo khác chưa công bố đã bị thất lạc trong thời kỳ chiến tranh.

Về dịch thuật, chuyển ngữ không thể không nhắc đến công trình *Việt thi* và nhất là *Truyện Kiều* (cùng Bùi Kỷ) chuyển từ chữ Nôm sang quốc ngữ. Cho đến hiện nay, theo giới Kiều học thì đây vẫn là bản Quốc ngữ được đánh giá là tốt nhất, được tái bản nhiều nhất.

Trần Trọng Kim còn cho biết có kế hoạch biên soạn *Việt Nam từ điển, Hán Việt từ điển, Pháp - Việt từ điển...* Tiếc là ông không kịp thực hiện các công trình này.

Về vai trò học giả của ông, Giáo sư Dương Quảng Hàm nhận định: "Trần Trọng Kim (hiệu Lệ Thần) là một nhà sư phạm đã soạn nhiều sách giáo khoa có giá trị và một học giả đã có công khảo cứu về Nam sử và các học thuyết cổ của Á Đông".

Còn nhà văn, nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan thì nhận xét: "Ông có cái khuynh hướng rõ rệt về loại biên khảo; chỉ đọc qua các đề sách của ông, người ta cũng có thể thấy ngay: hết lịch sử, đến đạo Nho, đến đạo Phật, rồi lại đến mẹo luật tiếng Việt Nam. Ông là một nhà giáo dục, nên thường những sách của ông toàn là sách học cả".

Nhà nghiên cứu Phạm Thế Ngũ, khái quát: "Ở Trần Trọng Kim ta thấy một đặc điểm là mặc dù sớm theo Tây học, lại sang cả Pháp du học, song ông đã có với văn hóa Đông phương một mối kính cẩn sâu xa. [...]. Sự phối hợp giữa một phương pháp biên khảo mới mẻ và một kho kiến thức phong phú cộng thêm vào một thiện chí theo đuổi "cúc cung tận tụy" đã khiến cho những công trình của ông có một giá trị vững bền và đặt ông vào hàng đầu các nhà biên khảo giai đoạn này".

Công cuộc duy tân văn hóa giáo dục đầu thế kỷ XX đã cách nay hơn trăm năm nhưng vai trò bản lề để Việt Nam chuyển sang hiện đại thì vẫn còn nguyên vẹn. Các đóng góp của học Trần Trọng Kim vào công cuộc đó vẫn còn ý nghĩa lâu dài với đời sống văn hóa, giáo dục và học thuật nước nhà.

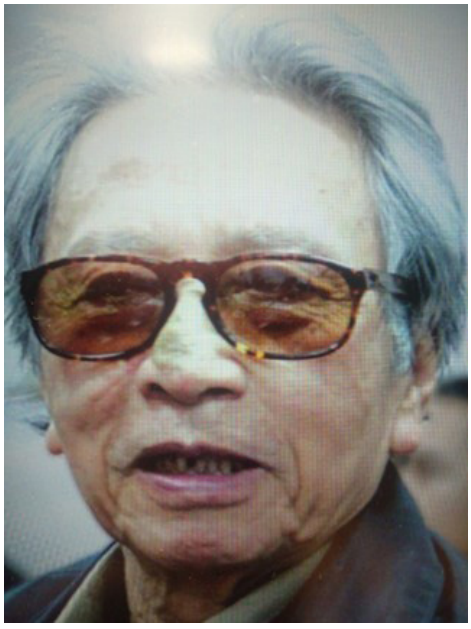

Nhạc sĩ TÂN HUYỀN & những ca khúc nổi tiếng đi cùng năm tháng

PHẠM BÁ NHIỄU

NHẠC SĨ TÂN HUYỀN TÊN THẬT LÀ PHAN VĂN TẦN, SINH NGÀY 5-4-1931 (TUỔI NĂM TÂN MÙI) TẠI HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH. ÔNG MẤT NĂM 2008, KHI ĐÓ TÍNH THEO TUỔI TA LÀ TRÒN 78 TUỔI. ĐẾN NAY, TRÒN 15 NĂM ÔNG ĐI XA, NHƯNG NHỮNG CA KHÚC CỦA ÔNG THÌ VẪN SỐNG MÃI & ĐƯỢC CÁC THẾ HỆ YÊU NHẠC THÍCH BIỂU DIỄN TRÊN SÂN KHẤU.

Tân Huyền & những ca khúc nhớ mãi

Trong kháng chiến chống thực Pháp, nhạc sĩ Tân Huyền làm công tác tuyên truyền về văn hóa - văn nghệ ở TP.Vinh - Bến Thủy (Nghệ An). Khi đó, trong bước chập chững vào nghề âm nhạc tại TP.Vinh - Bến Thủy, những tác phẩm đầu tay của ông đã ra mắt công chúng ở Nghệ An, như: "Mùa trăng về", đặc biệt là "Nhớ về quê em "(1950) là ca khúc được phổ biến rộng rãi từ những ngày đầu kháng chiến. Ông làm ở TP.Vinh - Bến Thủy cho đến ngày hòa bình lập lại thì về công tác ở Vụ Nghệ thuật (thuộc Bộ Văn hóa - thông tin), sau đó về làm việc tại Sở Văn hóa Hà Nội rồi về Hội Nhạc sĩ Việt Nam từ năm 1975 cho đến lúc nghỉ hưu.

Vốn là một thầy giáo dạy văn ở thành Vinh, song ông lại có năng khiếu âm nhạc, nên rồi tự tìm tòi thêm các sách nhạc để học. Sau này, khi chuyện trò với anh em đồng hương xứ Nghệ ở Hà Nội, nhạc sĩ chia sẻ, lúc đó làm công tác tuyên truyền về văn hóa - văn nghệ ở TP.Vinh còn cực nhọc lắm. Sách vở, đạo cụ biểu

diễn... hầu như là tự tìm lấy, mà tổ chức trong kháng chiến lấy đâu ra trang bị cho mình.

Tuy thế, những sáng tác đầu tay như "Nhớ về quê em" đã khiến thầy giáo Phan Văn Tần phải bỏ nghề dạy học đi theo tiếng gọi quyến rũ của âm nhạc. Ông chọn bút danh bằng cách chơi chữ cái tên của mình: "Tần Huyền". Vậy là khi chưa thành lập Hội Nhạc sĩ Việt Nam (12-1957), trong làng nhạc Việt, đã có một nhạc sĩ Tần Huyền vừa trữ tình, vừa đầy cá tính của con người xứ Nghệ.

Hơn ai hết, những người yêu nhạc nhớ tới ông qua một số ca khúc rất được yêu thích như *"Tiếng hò trên đất Nghệ An", "Xe ta đi trong đêm Trường Sơn", "Em đứng giữa giảng đường hôm nay", "Mỗi bước đi thêm yêu Tổ quốc", "Đường đi lên mỏ", "Ở vùng than chúng tôi", "Khi trở lại Cao Bằng", "Một mình với sông La", "Có một chiều như thế Hồ Gươm"*... Đặc biệt, hai bài hát quê hương ông, sáng tác rất sớm, như: *"Tiếng hò trên đất Nghệ An" và "Một mình với sông La"*, mà lúc những người con Hà Tĩnh như chúng tôi khi nhập 2 tỉnh, ra trường THPT Chuyên Phan Bội Châu học tiếp, ngày xa trường vẫn cứ cử bạn gái xinh nhất, hát hay nhất của trường, hát hai bài ca đó của Tần Huyền.

Ngoài viết những ca khúc về quê hương, đất nước, Tần Huyền còn được thiếu nhi biết đến với một số ca khúc rất vui nhộn: *"Chị ong nâu và em bé", "Cháu vẽ ông mặt trời"*... Bên cạnh thanh nhạc, ông còn sáng tác một số tổ khúc hợp xướng và ca cảnh đáng nhớ, như: *"Những người con của biển" (Đoàn Ca Múa Thái Bình dàn dựng, 1993), "Quê hương chúng tôi" (Đoàn Ca Múa Quảng Nam - Đà Nẵng, 1978), "Đường Trường Sơn đêm đêm" (Đoàn Ca Múa Trị Thiên - Huế, 1972)*... Đến nay, sau 15 năm ông đi xa, thế hệ trẻ vẫn thích thú những tác phẩm này.

Có nhạc sĩ nói Tần Huyền là người của ba miền. Ông là người rất yêu dân ca các vùng Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ, nhất là dân ca Nghệ - Tĩnh quê hương ông. Vì lẽ ấy, trong âm nhạc của ông luôn chứa đựng các giai điệu dân ca ngọt ngào với những điệu ví, câu hò của mảnh đất xứ Nghệ quê hương. Có thể nói, Tần Huyền là người có nhiều đóng góp trong việc tiếp thụ và nâng cao các làn điệu dân ca từ mảnh đất xứ Nghệ quê hương, cũng như bao miền quê khác, mà nay, điều này vẫn là khá hiếm hoi.

Nhạc sĩ Tần Huyền với "Cỏ non Thành cổ" bất tử

Lúc chúng tôi còn học lớp Cao học Báo chí (Học viện Báo chí - Tuyên truyền) tại Hà Nội, vào một sáng tháng 6-2008, khi lên quán nước Hồ Gươm quen thuộc từ thuở sinh viên tại ĐH Tổng hợp Hà Nội với mấy người bạn nhạc sĩ, vào sân số 51 - Trần Hưng Đạo (Hà Nội), mấy nhạc sĩ quen thuộc báo là Tần Huyền vừa trút hơi thở cuối cùng ở tuổi 78. Biết ông đã yếu sức mấy từ cuối năm trước, nhưng khi đọc bản nhạc *"Mười đóa hoa đồng trinh"* - sáng tác mới nhất của Tần Huyền trước lúc ông nhập viện, viết về sự hi sinh anh dũng của 10 cô gái TNXP Ngã ba Đồng Lộc - chúng tôi, những con người xứ Nghệ làm việc xa xứ, vẫn tin đây chưa phải là ca khúc cuối cùng của ông về những di tích lịch sử từng thấm máu xương của biết bao nhiêu đồng đội của ông.

Những lần anh em trong Hội đồng hương Nghệ - Tĩnh đến thăm, ông đã kể nhiều chuyện, trong đó, khi chúng tôi hỏi về ca khúc "Cỏ non Thành cổ", Tần Huyền trầm tĩnh kể: "Lần ấy, tôi cùng với nhạc sĩ Thuận Yến, Huy Thục, Vũ Thanh... , cùng đi vào tỉnh Quảng Trị thực tế sáng tác theo lời mời của Tỉnh ủy Quảng Trị. Lúc đó, Thành cổ Quảng Trị còn hoang sơ lắm, ta chưa xây được tượng đài, chưa có bảo tàng tại Thành cổ, chỉ thấy toàn cỏ là cỏ. Lúc đó, tôi đã ở Thành cổ Quảng Trị mấy hôm, khi thì ngồi ngoài trời cả đêm mà vẫn chưa tìm ra "ý, tứ" nào để viết. Tôi trăn trở lắm, vì những hi sinh mất mát của chiến sĩ ta ở thành cổ Quảng Trị quá lớn, mà mình chưa tìm ra tứ nhạc nào. Bỗng một sáng, tôi đang loanh quanh trong Thành cổ, thì gặp nhà văn Nguyễn Quang Lập. Anh Lập nói: *"Anh Huyền ơi, cỏ lên xanh đẹp thế này đấy, nhưng mỗi tấc đất dưới lớp cỏ xanh này đều thấm đẫm máu xương của các chiến sĩ ta đổ xuống. Có khi chỉ lật nhẹ lớp đất là có thể bắt gặp*

ngay hài cốt ở dưới".... Mấy câu nói đó của nhà văn Nguyễn Quang Lập đã gây xúc động mạnh cho mình vào sáng sớm đó, chưa biết phải làm sao. Và thế là cái "tứ" cỏ non đó, bài hát cứ bất ngờ bật ra, hồn của các liệt sĩ đã làm nên sự sống, máu xương đổ xuống và cỏ lên xanh, xanh đến không thể tin được nơi đây từng là chiến trường ác liệt nhất, đổ nhiều máu xương nhất...".

Sau đó, nhạc sĩ Tân Huyền tâm sự: "Tôi đã đi nhiều nhưng chưa thấy ở đâu lại có cỏ xanh non thế, đẹp đến thế, lại phơ phất gió đùa, đúng như lời bài hát cứ hiện dần, và tôi lập tức viết: "*Cỏ non Thành cổ, một màu xanh non tơ/ Bình minh thành cổ, cỏ mềm gió đong đưa...*", đó là khúc ca cuối, khi tôi còn hồi tưởng lại cảnh cỏ non Thành cổ Quảng Trị - nhạc sĩ Tân Huyền bùi ngùi cho biết thêm,

Theo nhạc sĩ Tân Huyền, ông viết bài này còn là vì có nỗi niềm riêng. Em trai ông đi bộ đội ở miền Nam và từ ngày em đi, cứ đến chiều chiều là bà mẹ già của ông lại đứng tựa cửa ngóng trông con về mà không thấy. Và em trai ông đã không bao giờ trở về nữa. Vì thế, "Cái đoạn lời bài hát: "*Người vợ nào, người mẹ nào ngậm ngùi nuốt lệ khi chồng con không trở về*" là có hình ảnh người mẹ của tôi đấy!" - nhạc sĩ Tân Huyền nghẹn lời. "Khi viết được bài ca "Cỏ non Thành cổ" xong, tôi cũng cảm thấy thanh thản hơn, thoải mái hơn, trong những ngày còn ở Quảng Trị. Bởi trong cái chung của dân tộc hy sinh quá lớn lao, vẫn nói được những tình cảm riêng với người em trai đã hi sinh của mình với người mẹ đã khuất, mà khi cụ mất vẫn chưa có tin tức về con trai mình hy sinh nằm ở đâu..." - nhạc sỹ chia sẻ thêm

Khi bài ca hoàn thành, Tân Huyền hát cho mọi người cùng nghe để góp ý thêm cho ông hoàn chỉnh, sau khi ông ca lên, ai cũng rưng rưng nước mắt vì thật sự tại Thành cổ, và sau đó bài hát "Cỏ non Thành cổ" có một sức lan tỏa mãnh liệt trong cả nước & bạn bè quốc tế: *"Cỏ non Thành cổ, một màu xanh non tơ/Bình minh Thành cổ, dập dờn trong gió đong đưa/Bình minh Thành cổ, một màu xanh non tơ/Nào có ai ngờ nơi đây một thời máu đổ/Cho tôi hôm nay vào thành cổ/thắp một nén nhang cho người nằm dưới cỏ..."*.

Về bài ca nổi tiếng này, nhạc sĩ Trương Ngọc Ninh cho rằng: "*Ta có thể xem "Cỏ non Thành cổ" là tấm lòng tri ân, là nén tâm hương của muôn triệu người dân Việt Nam dành cho những liệt sĩ đã ngã xuống vì Tổ quốc. Có thể xem đây là sáng tác xuất thần trọn vẹn cả về tư tưởng và nghệ thuật, một điển hình về sự chân thành, giản dị đến khôn cùng khi người nghệ sĩ biết chắt lọc cái tinh hoa nhất của đời sống*".

Trong hơn 50 năm sáng tác của mình, các tác phẩm của ông đã được trao nhiều giải thưởng cao quý: 6 giải thưởng Hội Nhạc sĩ Việt Nam, 1 giải Nhất của Bộ Quốc phòng, 4 giải về Hạ Long, 3 giải "Hoa Phượng Đỏ", 3 giải của Thủ đô Hà Nội. Ông được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, đặc biệt là Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật của đợt I - đợt đầu tiên, năm 1996.

Nay tuy ông đi xa đã 15 năm, song các tác phẩm của nhạc sĩ Tân Huyền đã xuất bản tuyển tập trong các ca khúc của Album *"Một thời con gái"* (do Sài Gòn Audio sản xuất), *"Nhớ về quê em"* (DIHAVINA sản xuất), làm ta luôn nhớ mãi. Ngoài ra, ông còn tham gia đào tạo một số nhạc sĩ trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và ở hai địa phương quê hương ông, qua các lớp và chương trình sáng tác âm nhạc.

Xuân Qúy Mão 2023 đang về, cầu chúc những âm hưởng mà nhạc sĩ để lại cho quê hương luôn sống trong lòng người dân quê hương xứ Nghệ.

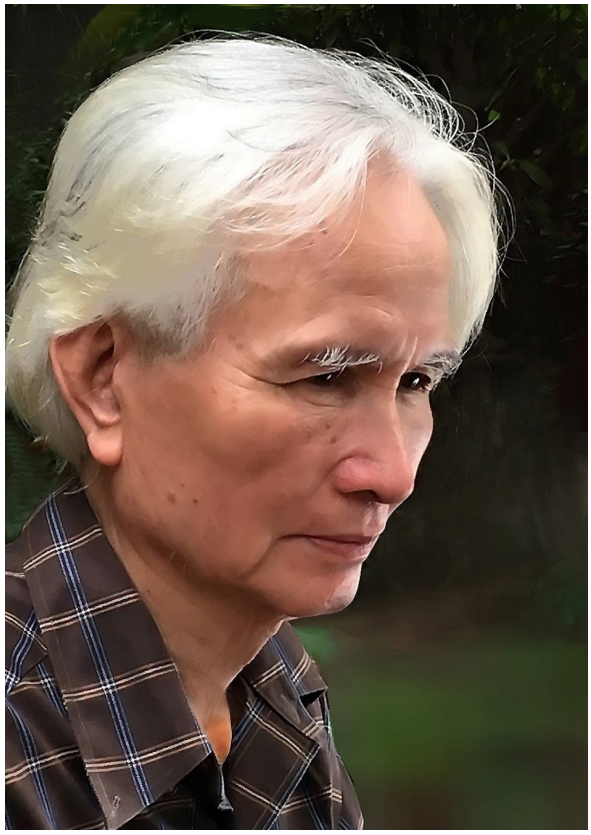

TS Trần Xuân Hoài (Trần Gia Ninh)

Khi nhà khoa học viết văn

ĐÃ TỪ LÂU, Ở VIỆT NAM, KHÔNG HIẾM CÁC NHÀ KHOA HỌC ĐÃ ĐẾN VỚI VĂN CHƯƠNG VỚI TƯ CÁCH NGƯỜI SÁNG TÁC VĂN CHƯƠNG. TUY NHIÊN, TRONG SỐ HỌ, NGƯỜI LÀM THƠ THÌ NHIỀU NHƯNG NGƯỜI VIẾT VĂN XUÔI, NHẤT LÀ VIẾT TIỂU THUYẾT THÌ RẤT ÍT. TIẾN SĨ TRẦN XUÂN HOÀI, NGUYÊN VIỆN TRƯỞNG VIỆN VẬT LÝ ỨNG DỤNG - VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC TỰ NHIÊN VIỆT NAM VỚI BÚT DANH THÂM GIANG TRẦN GIA NINH LÀ MỘT TRONG SỐ ĐÓ. SAU SỰ THÀNH CÔNG CỦA TIỂU THUYẾT KIM THIẾP VŨ MÔN, GẦN ĐÂY ÔNG ĐÃ XUẤT BẢN TẬP TRUYỆN THẰNG NGỐ TÀU (NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN - 2022) VÀ ĐANG ĐƯỢC ĐỌC ĐÓN NHẬN. NHÂN DỊP NÀY, ÔNG ĐÃ CÓ MỘT CUỘC TRAO ĐỔI NHANH VỚI BẢN TIN VHTTNA. TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU CÙNG BẠN ĐỌC.

VHTTNA: *Được biết ông vừa có buổi trò chuyện với độc giả nhân tập truyện "Thằng ngố Tàu" do Nhà Xuất bản Nghệ An mới phát hành cuối năm 2022, trước hết xin chúc mừng ông về buổi ta mắt sách mới thành công ngoài mong đợi. Tuy nhiên tôi vẫn nhớ cái cảm giác của mình khi nhận được sách tặng của ông gửi về, tiểu thuyết Kim thiếp Vũ Môn. Bất ngờ, và thú vị. Ngay cả cái tên tác giả Thâm Giang Trần Gia Ninh. Ông đã gắn Ngàn Sâu của quê hương Hương Khê vào vận văn của mình. Thật sâu sắc và có lý.*

Trần Gia Ninh: "Kim thiếp Vũ Môn" lấy bối cảnh lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIV sang đầu thế kỷ XV, tái hiện cuộc kháng chiến đầy gian khổ, hy sinh nhưng cũng lừng lẫy chiến công của nghĩa quân Lê Lợi chống giặc Minh xâm lược.

Từ tấm bia chữ Hán (Kim thiếp Vũ Môn) của ông nội để lại, tôi phỏng đoán đây là bìa một cuốn sách viết về những sự việc có liên quan tới thác Vũ Môn ở quê mình. Bởi vậy, hơn hai chục năm qua, ngoài công việc nghiên cứu chuyên môn, tôi hay đi về các địa phương vùng Nghệ - Tĩnh (trước đây gọi là Hoan Châu) để tìm thêm các tư liệu, thư tịch.

Ngoài ra, trong những năm làm khoa học, có điều kiện đặt chân tới Trung Quốc và một số nước châu Âu, tôi đã cố gắng sưu tầm được các tư liệu liên quan đã để giải mã mấy chữ trên tấm bia của ông nội để lại. Điều đó đã thôi thúc tôi viết và xuất bản tác phẩm "Kim thiếp Vũ Môn". Tôi viết tiểu thuyết đầu tiên này như một sự tri ân với ông nội tôi, với các bậc tiền nhân và quê hương.

VHTTNA: *Còn Thằng ngố Tàu?*

Trần Gia Ninh: Đó là câu chuyện chính trong tập truyện mới đây của tôi. Nhân vật trong truyện này ngoài đời là bạn thân thiết của chúng tôi ở trường Thiếu sinh quân Quế Lâm hồi chống Pháp. Sau khi rời trường, chúng tôi mỗi người một phương, một số phận với đủ vui, buồn... Chuyện bạn tôi là chuyện của một người lính. Lính chiến thật sự. Anh ấy đã nồng nhiệt cống hiến cho Cách mạng và sống một cuộc đời ngay thẳng đầy trách nhiệm làm người trong nỗi bức bách của thời hậu chiến của một người lính. Có lẽ bạn đọc sẽ hiểu thêm một góc nhìn, một cách suy nghĩ và hành động của những con người có lương tri và có trách nhiệm nhân văn.

VHTTNA: *Ông vốn là nhà khoa học đã thành đạt, ghi dấu ấn với nhiều công trình về Vật lý ứng dụng trong nước và thế giới. Vì sao từ một nhà khoa học ông lại trở thành nhà văn Thâm giang Trần Gia Ninh sáng tác văn chương?*

Trần Gia Ninh: Ngay bản thân tôi cũng tự hỏi và cũng không tự trả lời được. Nhưng có điều chắc chắn là tuy tôi có viết vài ba quyển tiểu thuyết, truyện dài, ngắn và tạp văn, may mắn được một số bạn đọc yêu thích, nhưng tôi không bao giờ dám nhận mình là nhà văn, là một thành viên trong ngôi đền Văn Chương, là nơi mà như Joseph Brodsky (1940-1996, Nobel Văn học 1987) đã nói: "Văn chương là thứ cổ kính và có sức sống hơn bất cứ hình thức xã hội hay nhà nước nào." (Literature is a far more ancient and viable thing than any social formation or state.).

Tôi nghĩ đơn giản, tôi viết văn vì tôi rất yêu văn chương, yêu tiếng tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ của tôi.

VHTTNA: *Cũng có lý. Người Việt ta có lẽ đều là những người rất yêu văn chương. Ai cũng làm thơ, từ vua quan ngày xưa đến quan chức ngày nay đều làm thơ. Từ kẻ bình dân nghèo nàn đến các đại gia đều làm thơ. Từ thôn bản, phường xã đến trung ương đều có các hội thi sĩ, thi ca. Nhưng sự thật thì rất hiếm người như ông, một nhà khoa học có địa vị khoa học đáng mơ ước, lại đi viết tiểu thuyết thành danh. Nếu chỉ vì yêu văn chương thôi thì có lẽ chưa đủ.*

Trần Gia Ninh: Vâng, tôi cũng biết người ta nói rằng "Lâu đài Văn chương chỉ có bốn loại là Tản văn, Tiểu thuyết, Thơ ca và Kịch nghệ, tiếng Anh họ viết là Prosa, Novel, Poem and Drama, trong đó tiểu thuyết là đệ nhất của văn chương". Còn tác giả vừa viết tiểu thuyết lại viết bằng thơ mà hay tuyệt trần như Truyện KIỀU thì xưa nay chỉ có thiên tài như Nguyễn Du mới làm được. Thực ra, tôi là người làm nghề khoa học tự nhiên cả đời, tay ngang mà đi viết tiểu thuyết thì cũng liều mạng thật. Nhưng Việt Nam ta đã có những nhà văn nổi tiếng mà xuất thân cũng từ nghề khoa học kỹ thuật như Nguyễn Quang Lập (điện tử), Bảo Ninh (sinh học), Nguyễn Thành Phong (Hóa thực phẩm)... Nhưng họ có khác tôi, vì họ là những tài năng văn học thật sự, không hành nghề khoa kỹ mà chuyển sang lĩnh văn chương từ tuổi trẻ. Trên thế giới cũng có những tấm gương như các tác giả đoạt giải Nobel Văn học là nhà toán học, triết học lớn Bertrand Russell (1950), hay nhà giáo Vật lý Aleksandr Solzhenitsyn (1970). Vì thế, tuy hiếm nhưng vẫn có gương để noi theo, nên cứ liều thôi dù đã già rồi. Tằm già nhả tơ, người già nhả trí.

VHTTNA: *Thế hóa ra chỉ cần yêu văn chương và liều mạng là viết được tiểu thuyết hay, ít nhất là như " KIM THIẾP VŨ MÔN", "THẰNG NGỐ TÀU" ư, khó tin lắm.*

Trần Gia Ninh: Tất nhiên đó là điều kiện CẦN, chứ chắc chắn là CHƯA ĐỦ.

Ai cũng biết viết tiểu thuyết là một loại hình lao động mệt nhọc nhất, có thể mang lại rủi ro rất cao cho người cầm bút nếu thiếu vốn sống, thiếu thời gian, lẫn ý chí và khả năng hư cấu (fiction) biện luận. Bản chất công việc viết tiểu thuyết là một hành trình dai dẳng, phiêu diêu và đơn độc để trải nghiệm trên con đường đầy rẫy những biến cố phức tạp... Tôi tự nghiệm thấy mỗi lần in xong một quyển sách, thế nào cũng lăn ra ốm nặng. Bàn về tiểu thuyết thì lắm chuyện lắm, nhưng thôi để lúc khác bàn chuyện này.

Nói riêng, làm khoa học, nhất là vật lý, cũng có thuận lợi cho người yêu văn chương và liều mạng viết tiểu thuyết. Nghiên cứu vật lý là khám phá bản chất của tự nhiên, viết tiểu thuyết là khám phá cuộc đời và thân phận con người, nhân vật và xã hội. Mà đem kỹ thuật khám phá tự nhiên sang nghệ thuật khám phá cuộc sống và thân phận con người thì sẽ rất tuyệt vời, sẽ tái hiện cuộc đời, thân phận con người một cách rất thật, logic, hư cấu mà như thật. Cái khó nhất là làm sao che dấu được cái văn phong khám phá tự nhiên sắc lẹm của khoa học, để người đọc vẫn bay bổng, phiêu diêu, bồng bềnh với những chữ đa nghĩa, những câu văn đa cảm hàm xúc, để giữ được những rung động với hình ảnh mơ hồ, mờ ảo, đầy suy tư khi đọc xong. Vì vậy trong tập truyện "Thằng ngố Tàu" tôi đã thử viết truyện dài (tiểu thuyết) theo văn phong trần thuật bình dân, chuyện vừa "Tiếng đàn đồng vọng" với kiểu lãng mạn quý tộc, còn truyện ngắn "Huệ mưa" thì ai đọc đều nhận ra phong cách huyền ảo, liêu trai. Tiếc rằng, vì lý do tế nhị mà NXB Nghệ An đã khuyến nghị tôi cắt bỏ "Cố sự tân luận - Thiên hạ trục lộc" là một dạng văn viết Truyện ký lịch sử, theo tôi là rất mới, thích hợp để viết về lịch sử vừa thật vừa hấp dẫn. Tiếc quá nhưng đành chịu vậy.

THẢO NGUYÊN *thực hiện*

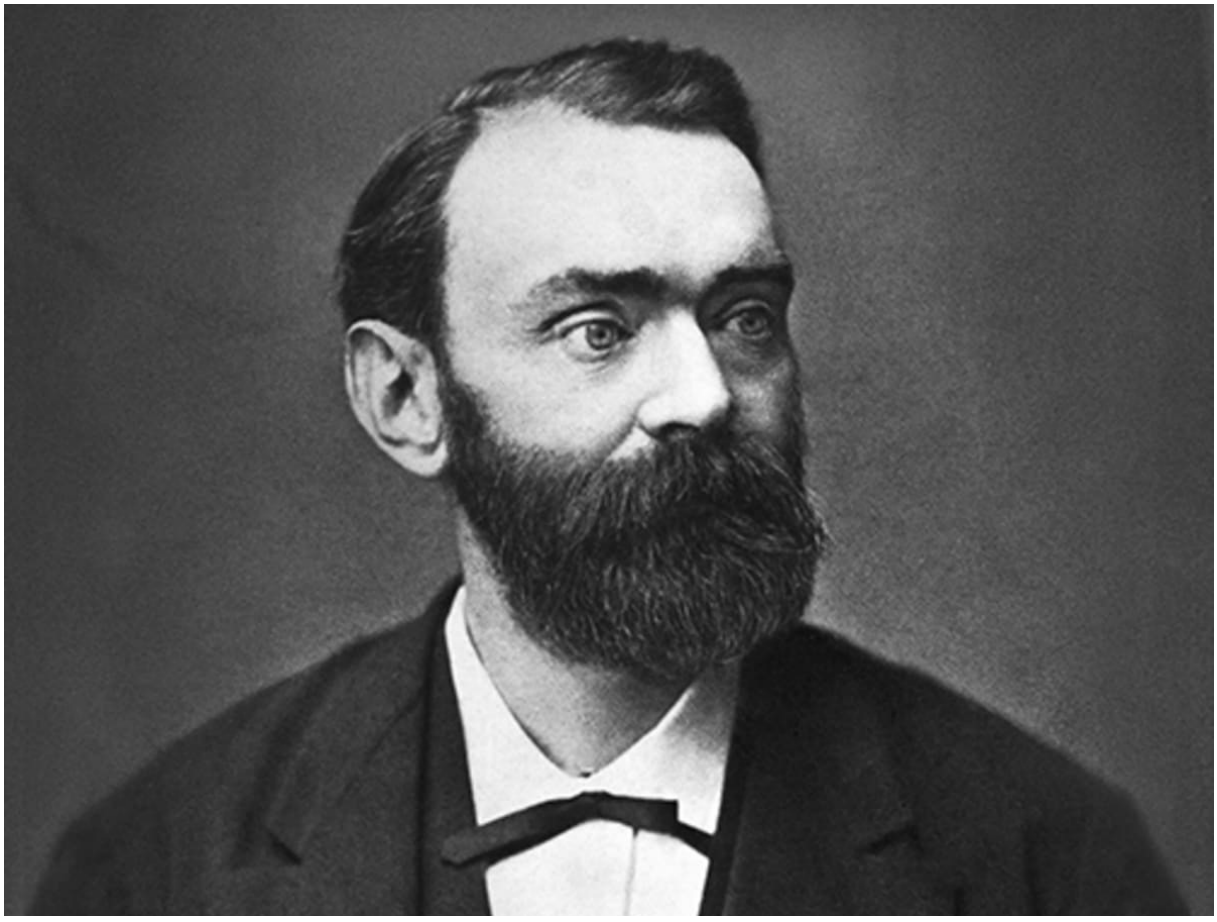

Alfred Nobel

Giải thưởng NOBEL VĂN CHƯƠNG

PHẠM XUÂN NGUYÊN

Lược sử giải thưởng Nobel

Người sáng lập: Alfred Nobel. Sinh: 21/10/1833. Mất: 10/12/1896. Nghề nghiệp: Nhà hóa học, nhà phát minh sáng chế, nhà doanh nghiệp. Nổi tiếng về phát minh thuốc nổ và nắm giữ 355 bằng phát minh khác.

Ngày 27/11/1895 A. Nobel ký bản di chúc thứ ba và cuối cùng tại Câu lạc bộ Thụy Điển - Na Uy ở Paris (Pháp). Trong di chúc đó ông viết: "*Tất cả tài sản còn lại của tôi được thực hiện như sau đây: Số tiền vốn sẽ được người thực hiện di chúc đầu tư vào các nguồn an toàn và lập nên quỹ, và lợi nhuận nói trên được chia thành các giải thưởng cho những ai trong những năm trước khi nhận giải đã phục vụ tốt cho nhân loại. Lợi*

nhuận nói trên được chia ra làm 5 giải thưởng bằng nhau, chia ra như sau: một phần cho người có phát hiện hay phát minh quan trọng nhất trong lĩnh vực vật lý, một phần cho người có phát hiện và phát triển quan trọng nhất trong hóa học; một phần cho người có phát hiện quan trọng nhất trong lĩnh vực sinh lý học hay y học; một phần cho người đã sáng tạo ra trong lĩnh vực văn chương tác phẩm nổi bật nhất với khuynh hướng lý tưởng hóa; và một phần cho người đã đóng góp nhiều nhất hay tốt nhất cho tình anh em giữa các dân tộc, cho sự xóa bỏ hay giảm thiểu quân đội thường trực và cho sự giữ gìn và tăng tình hữu nghị giữa các nước. Giải thưởng cho vật lý và hóa học sẽ do viện Hàn lâm Thụy Điển trao tặng; cho sinh lý học hay y học do viện Caroline ở Stockholm; cho văn chương do viện Hàn lâm Stockholm; và cho người đóng góp vì hòa bình do ủy ban 5 người được Quốc hội Na Uy bầu. Ý muốn của tôi là khi giải được trao không phân biệt quốc gia của người nhận, vì thế người xứng đáng nhận giải nhất sẽ nhận giải, dù cho người đó có là người Scandinavi hay không."

Theo di chúc này, Alfred Nobel để lại 31 triệu SEK (khoảng 265 triệu đô la hiện nay) làm quỹ giải thưởng. Một Quỹ Nobel được lập ra để điều hành giải. Các giải do các Ủy ban chuyên môn trong từng lĩnh vực xét trao.

Giải bắt đầu trao từ năm 1901 cho các lĩnh vực: Vật lý, Hóa học, Y học, Văn chương, Hòa bình. Năm 1968, Ngân hàng Thụy Điển căn cứ vào Di chúc của Nobel lập thêm giải về Kinh tế. Hàng năm, từ đầu tháng 10 công bố các giải được trao. Lễ trao giải diễn ra vào ngày 10/12 (ngày mất của Nobel) tại Viện Hàn lâm Thuỵ Điển. Trao giải ngày 10/12 hàng năm. Người được giải sẽ đọc một bài phát biểu gọi là "Diễn từ Nobel" (Nobel Lecture).

Giải Nobel văn chương

Giải công bố vào ngày 6/10 và trao vào ngày 10/12 hàng năm. Trong lời tuyên dương của Ủy ban Nobel sẽ có một câu ngắn gọn được rút ra làm công thức khen thưởng, nói rõ giải được trao cho tác giả này là vì cái gì trong sự nghiệp của họ.

Quá trình xét giải: từ sự giới thiệu của các nhà phê bình, học giả, nhà văn, của những người đã được giải lần trước với hàng trăm cái tên, Ủy ban Nobel chọn lọc rút lại một danh sách dài gồm 20 người có thể được trao giải. Sau đó danh sách này lại rút gọn lần nữa thành danh sách ngắn gồm 5 người có khả năng cao nhất. Từ đây Ủy ban tập trung đọc kỹ, phân tích, trao đổi, đánh giá tìm ra một ứng viên, sau đó bỏ phiếu quyết định. Khi kết quả đã có thì thư ký thường trực của Ủy ban sẽ gọi điện báo cho người được giải ở đất nước của họ.

Giải chỉ trao cho người còn sống. Nhưng nếu người được giải mất sau khi giải đã công bố và trước khi nhận giải thì giải vẫn được trao. Giải đã trao không bao giờ bị tước. Người được giải được nhận một Huy chương Vàng, một giấy chứng nhận và một khoản tiền theo thời giá lúc được trao giải (hiện nay tiền thưởng giải Nobel trung bình là một triệu đô la). Người được giải sẽ đến Stockholm - Thủ đô Thuỵ Điển nhận giải và đọc "Diễn từ Nobel" của mình. Nhưng vì những lý do khác nhau có người nhận giải song không đến Stockholm, chỉ gửi diễn từ đến nhờ đọc (Bob Dyland, 2016). Lại có người không đến và cũng không có diễn từ (Rabindranath Tagore, 1913). Rồi lại có người từ chối giải như nhà văn Pháp Jean-Paul Sartre (1964) vì ông không muốn gắn mình vào một tổ chức hay danh hiệu nào. Cũng lại có trường hợp buộc phải từ chối giải như nhà văn Nga Boris Pasternak (1958) do sức ép từ phía chính quyền nước mình.

Trước đây giải Nobel văn chương chỉ trao cho các tác giả viết hư cấu, và nhà văn thì phải có tiểu thuyết. Nhưng giải năm 2013 đã trao cho nhà văn Canada Alice Munro, người chỉ chuyên viết truyện ngắn, với lời tuyên dương là "bậc thầy của truyện ngắn hiện đại". Và năm 2015, giải đã được trao cho nhà văn Belarus viết tiếng Nga Svetlana Alexievich, người chuyên viết văn xuôi tư liệu, vì "những tác phẩm phức điệu, một tượng đài cho sự đau khổ và lòng dũng cảm trong thời đại chúng ta". Đặc biệt hơn nữa, năm 2016 giải Nobel văn

chương đã được trao cho ca sĩ người Mỹ Bob Dylan "vì đã tạo ra những cách diễn đạt thơ ca mới ở bên trong truyền thống ca hát vĩ đại của nước Mỹ".

Trong lịch sử 121 năm qua, giải Nobel văn chương đã trao 115 lần cho 119 người (có năm trao cho hai, ba người), tính từ người đầu tiên là nhà thơ Pháp Sully Prudhomme (1901) đến người mới nhất là nhà văn Pháp Annie Ernaux (2022). Trong số 119 người nhận giải có 17 phụ nữ. Người được giải trẻ nhất là 42 tuổi - Rudyard Kipling (1865 - 1936) nhà văn Anh nhận giải năm 1907, và già nhất là 88 tuổi - Doris Lessing (1919 - 2013) nhà văn Anh gốc Zimbabwe nhận giải năm 2007.

Ở châu Á người được giải Nobel văn chương đầu tiên là nhà thơ Ấn Độ Rabindranath Tagore (1861 - 1941) vào năm 1913. Ở khu vực Đông Á có ba người Nhật Bản được giải: hai tại chỗ (Yasunary Kawabata năm 1968 và Kenzaburo Oe năm 1994) và một gốc sinh (Kazuo Ishiguro ở Anh năm 2017); và có hai người Trung Quốc: một gốc sinh (Cao Hành Kiện ở Pháp năm 2000) và một tại chỗ (Mạc Ngôn năm 2012).

Nam Cao và ước vọng giải Nobel văn chương

Phần đông nhà văn nước ta vẫn coi giải Nobel văn chương là cái gì cao vời ngoài tầm với. Dường như các văn nhân Việt Nam rất biết và rất yên tâm với tầm vóc văn chương hạn định của mình. Nhưng có một người thì

Nhà văn Nam Cao

không thế. Một người viết văn năm 28 tuổi đã nói thẳng ra, nói to lên cái ước vọng "ăn" giải Nobel văn chương. Người đó là nhà văn Nam Cao (1915 - 1951). Trong truyện ngắn "Đời thừa" (đăng báo "Tiểu Thuyết Thứ Bảy" số 490, 4/12/1943) ông đã để cho nhân vật văn sĩ Hộ nói lên ước vọng đó của mình.

Hộ là một văn sĩ nuôi khát vọng văn chương lớn. Hộ như là một phiên bản của chính Nam Cao trong tư cách nhà văn: *"Lòng hắn đẹp. Đầu hắn mang một hoài bão lớn. Hắn khinh những lo lắng tủn mụn về vật chất. Hắn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hắn mỗi ngày một thêm nảy nở. Hắn đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Đối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả; ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa. Hắn băn khoăn nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời…"*

Nhưng rồi khi vướng vào gia đình vợ con cơm áo ghì sát đất, Hộ đã phải viết vội vàng một thứ văn đọc xong là quên. *"Khốn nạn, khốn nạn thay cho hắn! Bởi vì hắn chính là một thằng khốn nạn! Hắn chính là một kẻ bất lương! Sự cẩu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cẩu thả trong văn chương thì thật đê tiện. Chao ôi! Hắn viết những gì? Toàn những cái vô vị, nhạt phèo, gợi những tình cảm rất nhẹ, rất nông, diễn một vài ý rất thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá ư dễ dãi. Hắn chẳng đem một chút mới lạ gì đến văn chương. Thế nghĩa là hắn là một kẻ vô ích, một người thừa. Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một*

vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có…"

Cho đến một bữa. Hộ ra phố tình cờ gặp mấy bạn văn và nghe được cái tin cuốn "Đường về" của một người trong nhóm sắp được dịch ra tiếng Anh với bản quyền tác giả ba nghìn đồng. Thế là cái ước vọng làm văn chương đích thực, cao đẹp lại bùng lên trong Hộ.

"Và chỉ độ nửa giờ sau, Mão và Trung đã thấy Hộ đỏ tai, giộng một cái vỏ chai bia xuống mặt bàn:

- Cuốn "Đường về" chỉ có giá trị địa phương thôi, các anh có hiểu không? Người ta dịch nó vì muốn biết phong tục của mọi nơi. Nó chỉ tả được cái bề ngoài của xã hội. Tôi cho là xoàng lắm! Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn. Như thế mới thật là một tác phẩm hay, các anh có hiểu không? Tôi chưa thất vọng đâu! Rồi các anh xem... Cả một đời tôi, tôi sẽ chỉ viết một quyển thôi, nhưng quyển ấy sẽ ăn giải Nobel và dịch ra đủ mọi thứ tiếng trên hoàn cầu!"

Kết truyện khi trở về nhà Hộ lại thấy ân hận thương vợ con vì ước vọng văn chương của mình mà phải chịu khổ. Cuộc sống "cơm áo không đùa với khách thơ" nhiều khi đã giết chết phũ phàng mộng văn chương.

Nhưng câu nói của nhân vật cũng chính là ước nguyện của nhà văn. Nam Cao đã ngã xuống ở tuổi 36 vì đạn bắn, giữa lúc văn tài đang ở độ cao và độ chín. Quyển sách ông muốn viết để ăn giải Nobel cho thế giới biết văn chương Việt đã không thành hiện thực. Nhưng ước vọng đời văn của Nam Cao được gửi vào lời văn sĩ Hộ tôi coi là lời di chúc văn chương của nhà văn để lại cho hậu thế. Giải Nobel như một ấn chứng tầm vóc văn chương thế giới. Lời di chúc không phải viết văn để ăn giải mà phải viết văn ở tầm cao, phải biết vượt lên mọi khuôn thước hình mẫu, phải viết văn hay lay động sâu sắc tâm can trí não người đọc. Không phải ngẫu nhiên mà trong các tác phẩm của mình Nam Cao thường nói lên, khi là lời nhân vật khi là lời tác giả, những suy tư về nghề văn, về cách viết văn. Ông thích Anton Chekhov chứ không phải Maxim Gorky. Có lẽ trong thâm tâm ông cũng đã từng nghĩ như nhà văn Columbia Gabriel García Marquez (1927 - 2014), Nobel văn chương 1982: *"Trong nghề văn khiêm tốn là một đức tính thừa. Bởi vì nếu anh có ý định viết một cách khiêm tốn thì anh chỉ là một nhà văn ở mức khiêm tốn. Cần phải vũ trang cho mình tất cả sự hiếu danh của thế giới và đem các mẫu mực bậc thầy ra đặt trước mặt mình (…). Nhiệm vụ là phải tìm cách viết hay hơn họ."* (tôi dịch từ tiếng Nga).

Các nhà văn lớn đều nghĩ như vậy. Trước Marquez, Ernest Hemingway (1899 - 1961) Nobel văn chương 1954, khi trò chuyện với một nhà văn trẻ đã nói cái ý là bổn phận của nhà văn là phải viết vượt những người đi trước. Ông khuyên nhà văn phải đọc nhiều sách để biết mình phải đánh bại cái gì. *"Nghe đây. Viết ra những cái trước đó đã được viết rồi là một việc vô ích, trừ phi anh đánh bại được nó. Nhà văn thời đại chúng ta chỉ phải làm một việc là viết những cái chưa từng được viết trước đây hoặc là đánh bại những người đã chết vì những thứ họ đã viết ra. Cách duy nhất để hắn có thể nói mình đã viết ra sao là sự cạnh tranh với người đã chết. Hầu hết các nhà văn đang sống là không tồn tại."* (tôi dịch từ tiếng Anh). Cả Marquez và Hemingway nói ra những lời trên trước khi họ được giải Nobel và họ được giải chính vì phương châm viết đó.

Nhà văn Nam Cao của chúng ta, tôi tin, cũng đã có tinh thần văn chương như vậy. Tôi đưa lại ước vọng giải Nobel văn chương của ông như một cách trả lời câu hỏi bao giờ văn chương Việt vươn được tới tầm cao này mà nhiều bạn đã hỏi tôi cứ mỗi dịp trao giải Nobel hàng năm. Ước vọng đó là lời gửi gắm của nhà văn đi trước cho các thế hệ cầm bút về sau để đưa văn chương Việt Nam vang xa ra ngoài bờ cõi đất nước, góp phần vào kho tàng giá trị nhân văn chung của nhân loại.

Chân dung Tổng Bí thư Trường Chinh - người soạn thảo Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943. Ảnh: Tư liệu

ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM và hành trình nhận thức, lý luận văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam

VĨNH KHÁNH

1. Ngày 01/9/1939, chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ. Ngày 22/9/1940, phát xít Nhật tràn vào lãnh thổ Việt Nam. Người dân Việt Nam phải chịu cảnh một cổ hai tròng. Đất nước rối ren. Pháp và Nhật đều muốn dùng văn hóa của họ để trói buộc, thậm chí hủy hoại văn hóa Việt Nam. Lòng người chao đảo. Nhiều bộ phận, nhất là giới trí thức mất phương hướng. Nếu trước đó chưa lâu, khí thế đang lên, lòng người rạo rực trong phong trào bình dân, thì nay có chiều hướng nghiêng ngả, không biết chọn hướng nào, trở nên thờ ơ, chán nản, hoang mang.

Kiên định mục tiêu của Hội nghị Trung ương VIII (11/1940) chủ trương tập hợp lực lượng dân tộc để thực hiện phản đế, giành độc lập dân tộc, với "Chiến thuật lập Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế" của Đảng Cộng sản Đông Dương, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng tháng 2/1943, đã thông qua và ban hành *Đề cương về văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo.

2. Bản Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 rất ngắn gọn, chỉ 1.500 chữ, gồm 05 phần: Phần (I): "Cách đặt vấn đề"; Phần (II): "Lịch sử và tính chất văn hóa Việt Nam"; Phần (III):

"Nguy cơ của văn hóa Việt Nam dưới ách phát xít Nhật, Pháp"; Phần (IV): "Vấn đề cách mạng văn hóa Việt Nam" và Phần (V): "Nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa Mác xít Đông Dương và nhất là của những nhà văn hóa Mác xít Việt Nam". Đề cương trình bày hệ thống các quan niệm, phạm trù, các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, phương châm, nguyên tắc của nền văn hóa dân tộc, với phương pháp tiếp cận khoa học; nổi bật là những luận điểm sau:

i. Phạm vi vấn đề: Văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật.

ii. Quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị: nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc).

iii. Mối quan hệ hay là vai trò Đảng Cộng sản Đông Dương đối với vấn đề văn hóa:

a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa), ở đó người cộng sản phải hoạt động.

b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa.

c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả."

Đề cương văn hóa (1943) không chỉ là một văn kiện có tính chất sách lược nhằm xây dựng củng cố lực lượng cách mạng trên lĩnh vực văn hóa trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mà có ý nghĩa lý luận cơ bản và lâu dài về văn hóa của Đảng ta, đặt nền móng cho quá trình nhận thức về văn hóa của Đảng.

3. Từ nền tảng Đề cương văn hóa Việt Nam, trong triển trình lịch sử, để phù hợp với điều kiện cụ thể của từng thời kỳ, nhận thức và các quan điểm về văn hóa của Đảng đã được bổ sung, phát triển một cách phù hợp.

Không ngẫu nhiên mà trong bộn bề công việc của một nhà nước mới được thành lập, thù trong giặc ngoài, chiến tranh đang rình rập nhưng Đảng vẫn quyết định tổ chức Hội nghị Văn hóa toàn quốc vào ngày 24/11/1946. Trong diễn văn khai mạc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Nền văn hóa mới của Việt Nam phải lấy hạnh phúc của Nhân dân, của dân tộc làm cơ sở, phải học lấy những điều tốt đẹp của văn hóa nước ngoài, tạo ra nền văn hóa Việt Nam, sao cho văn hóa mới phải sửa đổi cho được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ, phải làm sao cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập". Người khẳng định: "Lấy văn hóa soi đường cho quốc dân đi".

Khi cuộc kháng chiến mới nổ ra, đang lúc khó khăn nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tài liệu "Đời sống mới". Cuốn sách giản dị, nội dung gần gũi, nhưng thể hiện quan niệm, quan điểm sâu sắc của Người về văn hóa: "Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ. Thí dụ: Ta phải bỏ hết tính lười biếng, tham lam. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý".

Năm 1948, trong khi đang chiến tranh ác liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng vẫn tổ chức Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai, từ ngày 16-20/7/1948. Điều này chứng tỏ vai trò của văn hóa, của đội ngũ văn nghệ sỹ tiếp tục được đề cao, văn hóa là vũ khí, là động lực của cuộc kháng chiến. Trong thư gửi các đại biểu tham dự Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta, văn hóa gánh một phần rất quan trọng... Các nhà văn hóa ta phải có những tác phẩm xứng đáng, chẳng những để biểu dương sự nghiệp kháng chiến kiến quốc bây giờ, mà còn để lưu truyền cái lịch sử oanh liệt kháng chiến kiến quốc cho hậu thế". Tại hội nghị, Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày báo cáo "Chủ nghĩa Mác và Văn hóa Việt Nam". Báo cáo đã hệ thống hóa, cụ thể hóa và phát triển các quan điểm, nguyên tắc, phương châm của Đề cương Văn hóa Việt Nam (năm 1943) của Đảng, có giá trị như là Cương lĩnh văn hóa của Đảng thời kỳ kháng chiến. Báo cáo nêu 6 nhiệm vụ chủ yếu của văn hóa: 1- Xác định mối quan hệ giữa văn hóa và cách mạng giải phóng dân tộc, cổ động văn hóa cứu quốc; 2- Xây dựng nền văn hóa dân chủ mới Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng mà khẩu hiệu thiết thực lúc này là dân tộc, dân chủ; 3- Tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở đại học, trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ; 4- Giáo dục lại Nhân dân, cổ động thực hành

đời sống mới; 5- Phát triển cái hay trong văn hóa dân tộc, đồng thời bài trừ cái xấu xa hủ bại, ngăn ngừa sức thâm nhập của tàn dư văn hóa thực dân, phản động, học cái hay, cái tốt của văn hóa thế giới; 6- Hình thành đội ngũ trí thức mới đóng góp tích cực cho công cuộc kháng chiến kiến quốc và cho cách mạng Việt Nam.

Hiện thực hóa quan điểm của Hội nghị văn hóa toàn quốc, sau đó 3 ngày, từ ngày 23 - 27/7/1948, Hội nghị Văn nghệ toàn quốc đã được tổ chức với sự có mặt của hơn 80 văn nghệ sỹ thuộc các lĩnh vực văn học nghệ thuật. Kết quả là Hội Văn nghệ Việt Nam được thành lập để tiếp tục sự ghiệp của Hội Văn hóa cứu quốc.

Vẫn là trong những năm kháng chiến, đường lối, quan điểm cơ bản về văn hóa tiếp tục được bổ sung, phát triển trong các văn bản và hoạt động thực tiễn của Đảng và Nhà nước. Trong thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa (năm 1951), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: "Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy"; "Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị".

Đại hội III của Đảng (9-1960) diễn ra trong bối cảnh đất nước đang tạm thời bị chia cắt với hai nhiệm vụ chiến lược là miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội và miền Nam đấu tranh thống nhất nước nhà. Đại hội xác định trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, văn hóa, tư tưởng là một cuộc cách mạng, tiến hành đồng thời gắn bó chặt chẽ với cách mạng quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học kỹ thuật. Mục tiêu là xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa mang đặc trưng dân tộc, khoa học, đại chúng tiếp tục được phát triển, bổ sung trong những năm đầu cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đất nước thống nhất, Đại hội Đảng lần thứ IV (12/1976) xác định mục tiêu là xây dựng con người mới, nền văn hóa mới, chống văn hóa phản động, độc hại.

Đại hội Đảng lần thứ V (3-1982) tiếp tục làm rõ khái niệm nền Văn hóa mới và Con người mới xã hội chủ nghĩa. Đó là nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc, thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đại hội V của Đảng xác định: "Công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật phải được nâng cao chất lượng. Mỗi hoạt động văn hóa, văn nghệ đều phải tính đến hiệu quả xã hội, tác động tốt đến tư tưởng, tâm lý, tình cảm, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ thẩm mỹ của Nhân dân. Quan tâm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu lành mạnh của các tầng lớp xã hội và các lứa tuổi".

Tuy nhiên, những năm sau thống nhất đất nước đến giữa thập kỷ 80 của thế kỷ trước, do bị chi phối bởi hậu quả chiến tranh và tư duy kinh tế - chính trị còn có những hạn chế thậm chí yếu kém, sai lầm nên dẫn đến tình trạng làm suy giảm động lực phát triển văn hóa, giáo dục; kìm hãm năng lực sáng tạo của văn nghệ sỹ, kìm hãm sự phát triển của đất nước.

Đại hội VI, với tư duy đổi mới toàn diện, trên lĩnh vực văn hóa đã xác định: "...mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa của thế hệ trẻ, đào tạo đội ngũ lao động có văn hóa, có kỹ thuật, có kỷ luật và giàu tính sáng tạo...".

Và: "Đối với trí thức, điều quan trọng nhất là đánh giá đúng năng lực và tạo điều kiện cho các khả năng sáng tạo được sử dụng đúng và phát triển".

Đại hội VII (6-1991) đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội xác định, xác định: "nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", là một trong sáu đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Phát triển luận điểm của Đại hội VII, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) đã lần đầu đưa khái niệm: "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội". Và: "Nền văn hóa mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

Tư tưởng này đã được Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII phát triển, cụ thể hóa bằng Nghị quyết về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam

tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Đây là một văn kiện thể hiện tư duy lý luận văn hóa toàn diện, sâu sắc và là đường lối, chủ trương phát triển văn hóa của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới.

Đến Đại hội IX (4-2001), Đảng chủ trương "Xây dựng nếp sống văn minh và gia đình văn hóa..., làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người, hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam... Nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân". Tiếp đến, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 23 NQ/TW, ngày 16-6-2008, về "Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới", khẳng định: "Tiếp tục đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mạnh mẽ, đa dạng của văn học, nghệ thuật về đề tài, nội dung, loại hình, phương pháp sáng tác, sự tìm tòi, thể nghiệm, nâng cao chất lượng toàn diện nền văn học, nghệ thuật nước nhà".

Đại hội lần thứ X của Đảng (4-2006) một lần nữa khẳng định: "Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội".

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta khẳng định: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.

Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, trên cơ sở thực tiễn đất nước sau gần 30 năm đổi mới, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9-6-2014, về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước".

Đại hội XII của Đảng xác định "Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học... Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế".

Bộ Chính trị, ngày 4-6-2020, tiếp tục ra Kết luận số 76-KL/TW, về "Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước", xác định: Xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định và phát triển quan điểm trên: "Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Quan tâm chăm lo công tác giáo dục, bồi dưỡng và bảo vệ trẻ em, thiếu niên, nhi đồng. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên". Và: "Tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về văn hóa".

Nhìn lại, cho thấy, Đề cương Văn hóa Việt Nam (1943) là văn kiện đầu tiên thể hiện cơ bản đầy đủ nhận thức lý luận về văn hóa của Đảng. Văn kiện này đã đặt nền tảng cho quá trình bổ sung, điều chỉnh và phát triển lý luận về văn hóa của Đảng trong tiến trình lịch sử và văn hóa của đất nước và thời đại. Mọi nhận thức về văn hóa đều không phải là bất biến, có thể và cần thiết được điều chỉnh, phát triển, hoàn thiện dần để phù hợp với xu thế thời đại và nhu cầu phát triển của quốc gia dân tộc. Quá trình phát triển nhận thức và lý luận của Đảng ta là nằm trong quy luật đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện thân mật với các đại biểu trí thức dự Hội nghị chính trị đặc biệt (tháng 3-1964) Nguồn: TTXVN

Trí thức Việt Nam với công cuộc "tự khai hóa" những năm đầu thế kỷ XX

NGÂN THANH

TỪ GIỮA THẾ KỶ XX, VỚI NHỮNG BIẾN ĐỘNG XÃ HỘI DO SỰ XÂM LĂNG CỦA THỰC DÂN PHÁP, TẦNG LỚP TRÍ THỨC VIỆT NAM ĐÃ CÓ NHIỀU THAY ĐỔI TỪ THÀNH PHẦN XUẤT THÂN, CON ĐƯỜNG HỌC TẬP, TRƯỞNG THÀNH, NHẤT LÀ TƯ TƯỞNG, Ý THỨC DÂN TỘC VÀ CÁCH HÀNH ĐỘNG. HỌ LÀ LỰC LƯỢNG TINH HOA MỞ ĐƯỜNG CANH TÂN VĂN HÓA NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX.

"Cựu học" và "tân học"

Trước hết cần khẳng định tầng lớp trí thức Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX có sự hình thành đa dạng hơn và đời sống tinh thần, tư tưởng phong phú hơn, mới mẻ hơn.

Bộ phận thứ nhất là trí thức "cựu học". Đó là các nho sĩ đã từng học tập, đỗ đạt theo hệ thống giáo dục Nho giáo. Theo truyền thống, một bộ phận lớn những nho sĩ đỗ đạt tham gia vào bộ máy nhà nước phong kiến với chức vụ

và địa vị khác nhau. Tuy nhiên cũng có nhiều người đỗ đạt nhưng không ra làm quan. Phan Bội Châu, Ngô Đức Kế, Lê Văn Huân, Hoàng Tăng Bí, Dương Bá Trạc, Nguyễn Hữu Cầu, Trần Quý Cáp...

Một số người đỗ đạt ra làm quan nhưng sau từ bỏ để hoạt động yêu nước, tham gia cuộc vận động Duy tân như Đào Nguyên Phổ, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Đặng Nguyên Cẩn, Nguyễn Quyền...

Trong bộ phận này cũng có nhiều nho sĩ đã tiếp nhận kiến thức tân học, biết chữ Quốc ngữ, chữ Pháp và nhiều kiến thức của nền giáo dục mới - tân học như Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Lương Văn Can, Đào Nguyên Phổ... Cũng có một số người đã đỗ đạt Hán học nhưng sau sang Pháp học tiếp như Bùi Kỷ.

Bộ phận thứ hai là "Trí thức Tân/Tây học" mới được đào tạo từ hệ thống giáo dục thuộc địa ở Đông Dương hoặc từ các trường tại Pháp. Có thể kể đến một số nhân vật tiêu biểu như Diệp Văn Kỳ, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Trần Trọng Kim, Phạm Duy Tốn, Nguyễn An Ninh, Trần Chánh Chiếu, Lê Văn Miến, Hoàng Trọng Phu... Một bộ phận khác là tự học theo hướng Tây học theo nhiều cách khác nhau như Nguyễn Ái Quốc (ở nước ngoài), Trần Huy Liệu (ở trong nước). Đội ngũ này bắt đầu thể hiện vai trò của mình trong những năm đầu thế kỷ xx và sẽ chiếm lĩnh vị trí dẫn dắt hầu hết các các cuộc vận động xã hội và văn hóa ở Việt Nam cho đến những năm giữa thế kỷ XX.

Thành phần xuất thân, con đường học vấn, môi trường giáo dục có thể khác nhau nhưng đa phần trí thức Viêt Nam, dù là "cựu học" hay "tân học", đều có tinh thần yêu nước và có khát vọng giành độc lập dân tộc, đều nhiệt thành cống hiến cho công cuộc duy tân văn hóa, chấn hưng đất nước những năm đầu thế kỷ XX.

Tiên phong "tự khai hóa"

Văn hóa Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đứng trước tình trạng bị đứt gãy truyền thống. Trước hết là văn hóa chính trị, khi mà hệ tư tưởng phong kiến, thể chế quân chủ đã lỗi thời và các hệ tư tưởng mới, tiến bộ hơn, và thể chế dân chủ chưa được thiết lập. Thay vào đó là một chế độ thực dân - phong kiến; Độc lập dân tộc không còn, người dân chịu cảnh "một cổ hai tròng". Xã hội rơi vào tình trạng khủng hoảng, văn hóa giáo dục ngày càng hủ lậu, lạc hậu không thể làm nền tảng cho công cuộc giành độc lập. Tìm con đường đi cho dân tộc trở nên bức thiết nhất vào lúc này. Giới trí thức yêu nước đã có những lựa chọn khác nhau với hai ngọn cờ, hai nhà đại ái quốc là Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh.

Phan Bội Châu là một trí thức Nho học, đỗ đạt nhưng không ra làm quan mà tìm đường cứu nước. Cựu học nhưng ông sớm tiếp thu tân thư, tân văn theo tư tưởng cải cách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu (Trung Quốc) và Minh Trị duy tân (Nhật Bản). Ông chủ trương bạo động để đánh đuổi thực dân Pháp xây dựng lại nền quân chủ. Điều đó có nghĩa là ông vẫn chưa thoát ly được hệ tư tưởng phong kiến. Để tổ chức lực lượng cho công cuộc này, năm 1904, ông và Nguyễn Hàm thành lập Hội Duy Tân, dựng Cường Để là hòang thân nhà Nguyễn làm minh chủ. Hội Duy Tân hướng đến sự giúp đỡ của Nhật Bản để chống Pháp. Phong trào Đông du do ông khởi xướng và lãnh đạo nhanh chóng thất bại vì chính quyền Nhật Bản thoả hiệp với người Pháp trục xuất toàn bộ du học sinh Việt Nam. Sau đó, Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang phục hội. Ông thay đổi tôn chỉ từ chủ nghĩa quân chủ sang chủ nghĩa dân chủ để đánh đuổi quân Pháp, "thành lập nước Cộng hòa Dân quốc kiến lập Việt Nam", nhưng vẫn chủ trương bạo động. Tuy nhiên, ông cũng thấy rõ vai trò của duy tân văn hóa, giáo dục khi đã chủ trương Đông du và cùng Phan Chu Trinh cổ vũ và bàn bạc với các sỹ phu về việc thành lập Đông Kinh nghĩa thục.

Cùng tư tưởng, cùng chí hướng với Phan Bội Châu còn có nhiều trí thức "cựu

học" như Nguyễn Hàm, Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân, Nguyễn Thượng Hiền, Tăng Bạt Hổ... và khá đông đảo thanh niên yêu nước.

Cũng xuất thân là trí thức Nho học, cũng sang Trung Quốc, sang Nhật Bản, tiếp kiến các nhà tư tưởng duy tân Trung Quốc và Nhật Bản, đọc tân thư, tân văn của họ nhưng Phan Chu Trinh lại lựa chọn con đường khác. Ông chủ trương bất bạo động và hướng đến tự chủ, tự lực, tự cường bằng con đường văn hóa và giáo dục; "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" để giành lại độc lập và "làm mới dân tộc". Dân tộc mới mà ông hướng đến là một thể chế mới, thể chế dân chủ tư sản, một kiểu nhà nước hiện đại và tiến bộ nhất lúc bấy giờ. Ông còn khác Phan Bội Châu ở chỗ, nếu Phan Bội Châu trông chờ sự giúp đỡ của Nhật Bản thì ông lại tận dụng các chính sách cải cách giáo dục của người Pháp ở Đông Dương, đặc biệt là tiếp nhận các tiến bộ về văn hóa, văn minh, khoa học kỹ thuật của phương Tây, kêu gọi sự hỗ trợ của người Pháp để chấn hưng nền văn hóa - giáo dục của đất nước, xây dựng sức mạnh nội sinh của nền văn hóa, của dân tộc để giành độc lập khi thời cơ đến.

Cùng chia sẻ và hưởng ứng tư tưởng của Phan Chu Trinh có đông đảo tầng lớp trí thức, cả "cựu học" và "tân học". Phong trào Duy tân do ông và các đồng chí phát động là cuộc vận động nhằm thay đổi nền văn hóa - giáo dục dân tộc theo hướng hiện đại.

Sau khi bàn bạc với Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu, năm 1907, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Đào Nguyên Phổ, Hoàng Tăng Bí, Nguyễn Hữu Cầu, Dương Bá Trạc, Lê Đại, Đặng Kinh Luân và các đồng chí của mình, đã thành lập Đông Kinh nghĩa thục. Trường còn có sự tham gia của nhiều trí thức tân học như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học... Đông Kinh nghĩa thục là mô hình giáo dục mới với công cụ mới là chữ Quốc ngữ. Chữ Quốc ngữ và các kiến thức khoa học hiện đại đã khai tử nền giáo dục Nho học đã lỗi thời và bắt đầu mở ra một kỷ nguyên mới của văn hóa, giáo dục dân tộc. Đông Kinh nghĩa thục không chỉ dạy chữ, dạy văn chương mà dạy cả kiến thức khoa học mới, hiện đại; Dạy cả bài trừ hủ tục và xây dựng nếp sống mới.

Không dừng lại ở mô hình trường nghĩa thục, tư thục, các nhà duy tân còn tổ chức thực hành các mô hình làm ăn mới như mở hiệu buôn, thành lập công ty sản xuất, buôn bán.

Những năm đầu thế kỷ XX, báo chí Quốc ngữ không còn "cát cứ" ở Nam Kỳ mà lan ra miền Bắc. *Đại Việt tân báo, Đông cổ tùng báo* (1907) đến *Đông Dương tạp chí* (1913), *Nam Phong* (1917)... xuất bản ở Hà Nội gắn liền với vai trò của các nhà sáng lập Đông Kinh nghĩa thục, với Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh... và các trí thức tân học.

Song hành cùng báo báo chí, về văn học có bước phát triển mới, đã có tiểu thuyết *Hà Hương phong nguyệt* của Lê Hoằng Mưu (1912), *Ai làm được* của Hồ Biểu Chánh (1912) và các tiểu thuyết khác của Nguyễn Thanh Long, Nguyễn Bân, Đặng Trần Phất, Huỳnh Thị Bảo Hòa... Nhiều tác phẩm vă học nước ngoài được dịch sang Quốc ngữ.

Duy tân là con đường để tiếp cận, du nhập các lĩnh vực, các thể loại, hệ hình sáng tạo văn hóa, văn học, nghệ thuật mới như kịch nói, hội họa, nhiếp ảnh... của phương Tây với nhiều giá trị mới; Tinh thần nhân văn, nhân bản được đề cao, các giá trị phổ quát được thừa nhận và đi vào cuộc sống. Đó cũng là con đường để tầng lớp trí thức giáo dục ý thức dân tộc, truyền bá tư tưởng cứu nước và chấn hưng dân tộc theo kiểu mới.

Công cuộc duy tân văn hóa - giáo dục những năm đầu thế kỷ XX đúng là một một cuộc "tự khai hóa" mà người dẫn đường không ai khác là các trí thức yêu nước. Công nghiệp này cho đến nay vẫn còn những bài học cho sự nghiệp chấn hưng văn hóa hiện nay, đặc biệt là cách ứng xử và phát huy vai trò của tầng lớp trí thức.

Bản Na Xai, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong. Ảnh: Nguyễn Hậu

Giao thoa, tiếp biến văn hóa *qua hôn nhân đa tộc người*

BÙI HÀO

Trong quan hệ hôn nhân đa tộc người, hai người từ hai cộng đồng khác nhau đã về ở chung một nhà. Đây là một sự biến đổi cấu trúc xã hội đối với các bên liên quan, nhất là hai vợ chồng và gia đình của họ. Điều đó tạo nên một môi trường giao lưu văn hóa của những người thuộc về hai nền văn hóa khác nhau nhưng lại tương tác với nhau hàng ngày.

Hôn nhân đa tộc người ở miền Tây Nghệ An

Năm 2016, trong một chuyến điền dã ở bản Ang, xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tôi được quen biết vợ chồng anh Lương và chị Lý[1]. Lương là một chàng trai người dân tộc Thái, còn Lý lại là một cô gái người Mông, là hai vợ chồng đến từ hai tộc người khác nhau, là một cuộc hôn nhân đa tộc người. Họ quen biết nhau cũng rất tình cờ, trong một lần Lương đi vào bản của Lý để mua dứa và Lý là người bán. Sau lần đầu gặp, họ trao đổi nhau số điện thoại rồi liên lạc trò chuyện với nhau nhiều hơn. Qua những câu chuyện qua lại, họ nẩy sinh tình cảm và thương yêu nhau. Khi Lương nói với gia đình muốn cưới cô gái Mông làm vợ thì gia đình anh không đồng ý với lý do là hai người đều không biết gì về văn hóa dân tộc của nhau. Gia đình Lý cũng có phản ứng tương tự. Nhưng khi hai người kiên quyết đến với nhau thì gia đình cũng chấp nhận. Qua những câu chuyện mà Lương và Lý chia sẻ thì tôi được biết thêm về tính phức tạp của hôn nhân đa tộc người. Lương và Lý đến với nhau là một sự quyết tâm lớn của hai người. Nhưng để sống được với nhau lâu dài thì mới là bản lĩnh cũng như sự nhẫn nại cùng tình yêu thương mãnh liệt đến khó tin. Hai người đến từ hai nền văn hóa khác nhau và họ

Phụ nữ Thái về làm dâu người Ơ đu ở bản Văng Môn, xã Nga Mi, huyện Tương Dương vẫn dệt, thêu thổ cẩm truyền thống của cả người Thái và người Ơ đu

phải sống giữa cả hai nền văn hóa đó. Lương khi qua nhà vợ cũng phải thực hành những phong tục tập quán văn hóa người Mông. Còn Lý thì phải thay đổi rất lớn để thích ứng với những phong tục tập quán từ văn hóa truyền thống người Thái của nhà chồng.

Câu chuyện thứ hai về hôn nhân đa tộc người mà tôi quan tâm là chuyện của bà Na, một phụ nữ Thái về làm dâu người Ơ Đu ở bản Văng Môn, xã Nga My, Tương Dương. Bà Na sinh năm 1972, ở xã Kim Đa. Từ nhỏ, bà đã được mẹ truyền dạy cho những kỹ năng, tri thức về nghề dệt may truyền thống của dân tộc Thái, cộng với sự khéo tay nên bà trở thành người dệt may giỏi và được nhiều chàng trai để ý. Nhưng rồi bà lại phải lòng một chàng trai Ơ Đu ở bản Pủng cùng xã. Khi quyết định lấy chàng trai này, gia đình bà đã không chấp nhận vì cho rằng người Ơ Đu không giỏi làm ăn, không biết các nghề thủ công mà làm ruộng làm nương cũng không bằng người Thái hay người Khơ Mú. Nhưng khi bà quyết tâm thì gia đình cũng đồng ý vì người Thái cũng tôn trọng quyền lựa chọn của con cái. Sau khi cưới, bà về bản Pủng sinh sống với gia đình chồng. Về làm dâu ở một tộc người khác thì bà phải học tập các phong tục tập quán bên nhà chồng để thích ứng với cuộc sống mới. Nhưng bà cũng không từ bỏ các nét văn hóa truyền thống của mình. Cả trong trang phục cũng vậy, bà tự dệt may cho mình cả trang phục theo kiểu của người Ơ Đu, và cả trang phục người Thái. Khi về nhà cha mẹ đẻ dự một việc gì đó hay đi ra gặp gỡ bạn bè bà mặc trang phục Thái, còn khi phải thực hành một số nghi lễ hay phong tục của người Ơ Đu thì bà mặc trang phục Ơ Đu. Năm 2006, cả gia đình bà tái định cư về bản Văng Môn. Lúc này gia đình gặp nhiều khó khăn vì không còn nương rẫy hay ruộng nước để sản xuất lương thực. Bà bắt đầu làm lại khung dệt và tiến hành dệt may quần áo để đem bán. Khi các dự án về khôi phục các nét văn hóa truyền thống của người Ơ Đu được thực hiện, nhu cầu về trang phục truyền thống của người Ơ Đu lên cao thì bà đứng ra đảm nhận việc dệt may. Các chương trình, dự án đặt bà sản xuất các trang phục truyền thống người Ơ Đu để sử dụng, nhất là trong các cuộc trình diễn văn hóa, văn nghệ truyền thống. Những việc này mang lại cho bà một nguồn thu nhập khá.

Còn vô vàn những câu chuyện liên quan đến hôn nhân đa tộc người ở vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Tây Nghệ An. Chỉ riêng bản Ang, nơi Lương và Lý sinh sống đã có 27 cặp vợ chồng quan hệ hôn nhân đa tộc người trong tổng số 213 hộ gia đình. Còn ở bản Văng Môn nơi bà Na sinh sống thì hầu hết là quan hệ hôn nhân đa tộc người khi mà có đến 96 cặp vợ chồng trong tổng số 99 hộ gia đình kết hôn với người ngoại tộc. Hầu hết

họ là những người quyết tâm vượt qua ranh giới định chế văn hóa để sống với nhau bằng tình yêu thương, mà quan trọng hơn là những nỗ lực bảo tồn một số giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình cũng như tạo ra những giá trị văn hóa mới trong bối cảnh phải sống giữa hai làn văn hóa của tộc người mình và của tộc người của người bạn đời. Và những câu chuyện của họ cũng là những gợi mở rất có giá trị trong việc tìm hiểu về bảo tồn bản sắc văn hóa.

Thực hành văn hóa trong sự thay đổi cấu trúc gia đình

Hôn nhân đa tộc người là một sự thay đổi cấu trúc xã hội. Phân tích trường hợp cụ thể như vợ chồng Lương và Lý hay vợ chồng bà Na để thấy rõ hơn quá trình thay đổi cấu trúc xã hội trong quan hệ hôn nhân đa tộc người. Với Lương, trước khi lấy vợ thì anh sống trong một cấu trúc gia đình truyền thống dân tộc Thái. Anh thực hành các yếu tố văn hóa của người Thái. Nhưng từ khi lấy vợ là người Mông thì cấu trúc gia đình anh đã có sự thay đổi là tiếp nhận thêm nhân tố mới. Và bản thân Lương cũng cũng thay đổi nhiều mối quan hệ trong cấu trúc của mình, tham gia vào các sinh hoạt văn hóa bên cấu trúc gia đình nhà vợ vốn mang yếu tố văn hóa dân tộc Mông. Trường hợp Lý thì phức tạp hơn. Từ việc sinh sống và thực hành văn hóa trong cấu trúc gia đình người Mông, cô chuyển hẳn sang sinh sống và thực hành văn hóa trong cấu trúc gia đình mới là người Thái. Nếu Lương chỉ tham gia vào các quan hệ với bên nhà vợ một cách mờ nhạt hơn, ít trực tiếp hơn, thì Lý lại phải tham gia hàng ngày và thực hành văn hóa gần như thay đổi. Hay trường hợp bà Na cũng thế. Từ nhỏ sống trong cấu trúc gia đình Thái cho đến khi lấy chồng thì bà chuyển sang sinh sống trong cấu trúc gia đình của người Ơ Đu. Sự thay đổi cấu trúc gia đình giữa hai nền văn hóa khác nhau cũng làm thay đổi hẳn các hành vi thực hành văn hóa của họ. Không chỉ vậy, với gia đình riêng của các cặp vợ chồng này sau khi tách khỏi gia đình bố mẹ thì hình thành một cấu trúc xã hội mới với các con cái của họ. Như vậy, một cuộc hôn nhân đa tộc người làm thay đổi ba cấu trúc gia đình gắn với ba thế hệ là cha mẹ, vợ chồng và con cái. Không chỉ vậy, còn ảnh hưởng đến cả cấu trúc của hai gia đình thông gia và rộng lớn hơn là hai dòng họ và hai cộng đồng tộc người. Trong bối cảnh đó, những người này, cụ thể hơn là Lương, Lý hay bà Na sẽ thích ứng, bảo tồn và kiến tạo những giá trị văn hóa như thế nào?

Lương kể rằng: "Nhà vợ em ở một bản người Mông cách nhà em 5km, trong một lần em đi vào trong đó mua dứa thì em quen và xin số điện thoại. Sau đó tụi em hay nhắn tin cho nhau và gặp gỡ đi chơi, rồi yêu thương nhau. Khi em nói với gia đình chuyện cưới vợ là người Mông, lúc đầu gia đình em cũng không ưng lắm. Nhưng sau đó em cũng kiên quyết nên gia đình đồng ý. Khi yêu nhau, em không biết tiếng Mông, còn vợ em lúc đó cũng không biết tiếng Thái. Tụi em chỉ nói chuyện bằng tiếng Kinh. Khi quyết định cưới thì em cũng có học một số phong tục tập quán bên nhà vợ, chủ yếu qua vợ chỉ cho. Vì nghĩ như vậy sẽ làm cho gia đình bên vợ dễ chấp nhận em hơn. Thời gian đầu, mỗi lần về thăm nhà vợ em thường bị mắc một số cái không đúng với phong tục bên vợ. Mỗi lần vậy thì bố mẹ vợ nhắc nhở và bày cho em. Dần em cũng biết và không bị nữa. Bên nhà vợ cũng thoải mái nên em cũng hay vào trong đó ăn nhậu".

Còn với Lý thì tình hình phức tạp hơn. Lý chia sẻ: ""Trước khi cưới, em đã biết về làm dâu bên người Thái sẽ gặp nhiều khó khăn hơn do em là người Mông, chưa biết nhiều về văn hóa nhà chồng. Em phải học tiếng Thái từ những người khác trong gia đình, khó khăn lắm, phải nói bằng tiếng Kinh trước. Rồi em phải học về văn hóa nhà chồng từ các phong tục tập quán trong các lễ cúng. Em phải hỏi mẹ chồng rất nhiều thứ và mẹ chồng cũng dạy cho em biết thêm. Có nhiều khi giận nhau, cãi nhau với chồng xong thì thấy tủi thân và muốn chạy về nhà mẹ. Nhưng nghĩ mình cũng lớn rồi, lấy chồng rồi là phải chấp nhận. Thế là em lại tiếp tục học và đi làm với chồng. Dù được bày dạy rất nhiều nhưng không phải lúc nào mình cũng thực hành đúng. Từ những quy định đơn giản về ngồi ăn cơm cho đến việc chuẩn bị các thứ đồ đạc cho những ngày lễ quan trọng, cố gắng lắm vẫn có

lúc sai. Cơ bản thì bố mẹ chồng cũng chỉ bảo chứ ít khi trách mắng. Nhưng cũng có lúc gay gắt khiến em buồn. Có lúc chán nản, giận dỗi lại đổ lên đầu chồng rồi cãi nhau. Nhưng dần rồi cũng quen. Sau gần 3 năm thì giờ em cảm thấy bình thường, không gặp khó khăn gì trong cuộc sống hàng ngày nữa. Em cũng có thể chuẩn bị được đầy đủ các thứ cần thiết cho các nghi lễ bên nhà chồng mà không cần mẹ phải bày từng cái một như trước. Giao tiếp tiếng Thái em cũng thành thạo hơn".

Còn bà Na câu chuyện cũng có những điều tương tự như cặp vợ chồng trẻ trên. "Ở quê cũ, người Thái và người Ơ Đu sống cũng gần gũi nhau. Về cơ bản, người Ơ Đu không còn nhiều phong tục tập quán quá phức tạp. Họ tiếp nhận nhiều yếu tố văn hóa người Thái, nên cuộc sống cũng không khác so với văn hóa Thái nhiều lắm. Lúc tôi mới về làm dâu, bố mẹ chồng cũng bày dạy cho những điều cấm kỵ và những thứ cần thiết liên quan đến các sinh hoạt trong gia đình. Tôi tiếp nhận một cách dễ dàng bởi gia đình chồng tôi đều nói tiếng Thái. Thậm chí các bài cúng trong các nghi lễ cũng bằng tiếng Thái và họ mời các thầy mo người Thái về làm lễ. Thế nên không gặp nhiều khó khăn lắm. Có điều, sau này, khi có con thì chồng tôi vẫn muốn con cái phải biết thêm một chút về người Ơ Đu nên tôi cũng phải biết để dạy con. Và khi tái định cư xuống Văng Môn thì có nhiều sinh hoạt văn hóa dân tộc Ơ Đu được khôi phục nên tôi cũng tham gia như một người Ơ Đu vậy".

Trong những câu chuyện của những người trong quan hệ hôn nhân đa tộc người, chúng ta có thể thấy được nhiều quá trình văn hóa diễn ra trong cuộc sống hàng ngày của họ. Trước hết đó là quá trình tiếp nhận yếu tố văn hóa mới. Hầu như mọi người có quan hệ hôn nhân đa tộc người đều tiếp nhận các yếu tố văn hóa mới khi cấu trúc xã hội của họ thay đổi, dù với những mức độ khác nhau. Lương tiếp nhận các yếu tố văn hóa Mông từ phía gia đình vợ. Lý tiếp nhận yếu tố văn hóa Thái từ gia đình chồng. Bà Na cũng tiếp nhận các yếu tố văn hóa Ơ Đu từ gia đình chồng. Nhưng mức độ khác nhau. Lương tiếp nhận một số yếu tố cần thiết của một con rể để tham gia thực hành khi cần thiết. Trong khi đó, Lý gần như phải tiếp nhận hầu hết các yếu tố văn hóa từ gia đình chồng và thực hành nó hàng ngày. Cô phải học các nghi lễ, phong tục tập quán và nhiều yếu tố văn hóa khác để ứng xử trong gia đình và sau đó còn tham gia giáo dục con cái. Còn bà Na cũng tiếp nhận các yếu tố văn hóa Ơ Đu từ phía nhà chồng nhưng ở mức độ thấp hơn vì cộng đồng Ơ Đu đã tiếp nhận các yếu tố văn hóa Thái khá phổ biến. Nhưng cơ bản thì quá trình tiếp nhận yếu tố văn hóa mới của bà Na cũng diễn ra theo những trình tự như Lý phải thực hiện. Tất cả họ đều có một quá trình tiếp nhận yếu tố văn hóa mới khi cấu trúc gia đình thay đổi.

Thứ hai là quá trình bảo tồn các yếu tố văn hóa truyền thống của tộc người mình. Trong trường hợp này, những người đàn ông có tham gia nhưng ít hơn. Vì họ có tiếp nhận một số yếu tố văn hóa mới bên nhà vợ nhưng cũng chủ yếu thực hành có đến nhà vợ. Còn với những người phụ nữ về làm dâu thì câu chuyện lại hoàn toàn khác. Cuộc sống hàng ngày của họ gắn với các sinh hoạt văn hóa trong gia đình chồng nên việc bảo tồn bản sắc văn hóa tộc người họ lại phải thực hiện bằng những nỗ lực khác. Bà Na luôn gìn giữ những giá trị văn hóa Thái và trường hợp bà cũng thuận lợi hơn khi quanh bà việc thực hành văn hóa Thái trở nên phổ biến. Những khúc hát, điệu múa Thái được bà Na giữ gìn và thể hiện mỗi khi có cơ hội. Bà vẫn mặc trang phục truyền thống người Thái, tham gia các sinh hoạt văn hóa người Thái. Còn Lý thì gặp nhiều khó khăn hơn. Tần suất về bản Mông của Lý ngày càng ít hơn do nhiều lý do. Những sinh hoạt văn hóa truyền thống người Mông ít khi được Lý thể hiện vì ít có điều kiện. Nhưng Lý chưa từ bỏ một cái gì thuộc về người Mông mà mình đã có. Những dịp lễ tết, Lý về bản Mông tham gia các sinh hoạt văn hóa truyền thống, khi đó, Lý thể hiện hết những giá trị văn hóa của một cô gái Mông. Trong quá trình sinh sống, Lý vẫn trao đổi với chồng để cả vợ chồng cùng về bên ngoại tham gia các sinh hoạt văn hóa quan trọng của người Mông bên Lý, nhất là những nghi lễ quan trọng như làm vía. Đó là những nỗ lực rất

lớn mà Lý đã thực hiện. Bởi như Lý nói: "Cái này thì không ai bắt buộc. Nhưng nếu em bỏ quên mất em là người Mông thì khi về bên nhà ngoại em sẽ không còn được tôn trọng. Dù làm dâu người Thái thì em vẫn là một người Mông".

Thứ ba là quá trình kiến tạo những giá trị văn hóa mới. Về cơ bản, quá trình kiến tạo giá trị văn hóa mới này được thực hiện chủ yếu khi cấu trúc gia đình thay đổi tiếp, tức là giai đoạn vợ chồng chuyển ra ở riêng và họ kiến tạo những giá trị văn hóa mới cho gia đình mình, đặc biệt là trong giáo dục con cái. Con của Lương và Lý sinh ra và lớn lên trong một gia đình có hai nền văn hóa đến từ bố và mẹ, nên một mặt được thừa hưởng cả hai giá trị văn hóa, mặt khác lại được tiếp nhận những giá trị văn hóa mới. Lý vẫn dạy con những giá trị văn hóa người Thái, nhưng bên cạnh đó, cô cũng dạy con thêm về văn hóa Mông. Con lớn lên vừa biết tiếng Thái, vừa biết tiếng Mông do mẹ dạy (và tiếng Kinh khi đi học). Lý cũng dạy con nhiều điều về văn hóa Mông, nhất là cho con thực hành mỗi khi về bên nhà ngoại. Ngoài ra, trong quá trình sinh sống với nhau, vợ chồng cũng tích hợp các giá trị phù hợp để giáo dục con cái, sao cho phù hợp với cả hai nền văn hóa nội ngoại, và cả quá trình hiện đại hóa rộng lớn hơn. Ví dụ như người Thái có những quy định chặt chẽ trong việc ngồi ăn cơm trong gia đình, nhất là trong sự phân biệt nam nữ, nhưng người Mông có thể cởi mở hơn, và trong gia đình Lương với Lý thì cũng sẽ cởi mở hơn đối với con cái. Tương tự vợ chồng Lương thì gia đình bà Na cũng vậy. Con của bà Na vừa có các giá trị văn hóa Ơ Đu, vừa học được những giá trị văn hóa Thái. Con gái bà có thể hát múa những bản truyền thống của người Thái, biết dệt may thêu thổ cẩm theo cách của người Thái. Ngoài ra còn có những giá trị văn hóa được cha mẹ tích hợp từ hai nền văn hóa. Quá trình kiến tạo văn hóa mới cũng là quá trình tích hợp văn hóa trong cấu trúc gia đình mới.

Bảo tồn di sản trong bối cảnh đa văn hóa

Hôn nhân đa tộc người chỉ là một ví dụ về sự biến đổi cấu trúc xã hội trong bối cảnh đa văn hóa hiện nay. Nhưng nó cũng đặt ta nhiều vấn đề liên quan đến bảo tồn di sản văn hóa. Di sản văn hóa của một cộng đồng tồn tại và có giá trị trong một cấu trúc xã hội nhất định, khi cấu trúc đó thay đổi thì những giá trị văn hóa đó cũng có những sự thay đổi. Bảo tồn di sản văn hóa, vì thế mà cần phải xem xét đến cấu trúc xã hội của nó. Trong bối cảnh đa văn hóa hiện nay, bảo tồn di sản phi vật thể cần sự linh động, đặt chủ thể vào trung tâm của việc bảo tồn và để chủ thể giữ vai trò quyết định.

Trong những câu chuyện cụ thể phía trên, nỗ lực của những người trong cuộc là nhân tố giúp họ tiếp nhận, bảo tồn và kiến tạo các giá trị văn hóa trong các cấu trúc xã hội của họ. Lương hay bà Na đã rất nỗ lực để giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng mình trong những điều kiện mà họ có thể. Quan trọng nhất, họ giữ tâm thức về một nền văn hóa mình được sinh ra, đó là một cô gái Mông, một phụ nữ Thái, và dù đi làm dâu một gia đình thuộc một tộc người khác thì họ vẫn luôn giữ được tâm thức đó. Từ đó, họ giữa được các giá trị văn hóa khác, từ những quan niệm, phong tục tập quán, nghi lễ hay cả những bài hát điệu múa. Họ không từ chối những giá trị văn hóa từ cấu trúc gia đình chồng, nhưng cũng không muốn đánh mất các yếu tố văn hóa mà mình thuộc về. Không những vậy, họ còn góp phần kiến tạo ra những giá trị văn hóa mới.

Qua những câu chuyện như vậy, chúng ta cũng cần thấy rằng, bảo tồn di sản văn hóa của một cộng đồng, sẽ liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau, nhưng nếu không đặt chủ thể văn hóa vào vị trí trung tâm và vai trò quyết định thì sẽ khó mà hiệu quả. Xét cho cùng, bản sắc không phải là cái gì đó bất biến, nó biến đổi theo cấu trúc xã hội, theo bối cảnh và điều kiện cụ thể. Thế nên việc đánh mất hay giữ gìn bản sắc, xét cho cùng là do chủ thể quyết định. Và các cơ quan liên quan, khi thực hiện công tác bảo tồn di sản, cần phải xem đây chính là nguyên tắc cơ bản.

1. Để đảm bảo tính riêng tư của người cung cấp thông tin, tên của các nhân vật trong bài viết đã được thay đổi.

Vai trò của đội ngũ cán bộ văn hóa trong xây dựng môi trường văn hóa cơ sở ở Nghệ An

ANH TUẤN

Giao lưu mô hình Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở gắn với nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu xóm 6, xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, Nghệ An. Ảnh: Ngọc Mai

THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ NĂM CÔNG TÁC 2022 MÀ BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH PHÁT ĐỘNG TRIỂN KHAI TỪ ĐẦU NĂM TẠI NGHỆ AN - "XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA CƠ SỞ VÀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ", NĂM QUA, CÁC LỰC LƯỢNG Ở NGHỆ AN ĐÃ CHĂM LO XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA TỪ GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TRƯỜNG HỌC, TRONG ĐÓ, ĐỘI NGŨ CÁN BỘ VĂN HÓA LÀ LỰC LƯỢNG CÓ VAI TRÒ ĐẶC BIỆT QUAN TRỌNG.

1. Cán bộ văn hóa có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong việc tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc xây dựng, ban hành chủ trương, chính sách để lãnh đạo, triển khai sự nghiệp phát triển văn hóa, đảm bảo đúng định hướng, mục tiêu của Đảng, Nhà nước tại địa phương.

Năm qua, đội ngũ cán bộ, công chức Sở Văn hóa và Thể thao Nghệ An đã làm tốt vai trò tham mưu xây dựng, ban hành và thực hiện văn bản, chương trình công tác năm 2022 của UBND tỉnh về lĩnh vực văn hóa thể thao. Đó là tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh làm tốt công tác tuyên truyền, tổ chức thành công các hoạt động, sự kiện kỷ niệm các ngày lễ lớn, phục vụ nhiệm vụ chính trị trong năm 2022. Đặc biệt, cán bộ công chức của ngành VH&TT đã tham mưu cho tỉnh ban hành nhiều chính sách để phát triển sự nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh nhà, xây dựng môi trường

văn hóa trong sạch, lành mạnh từ cơ sở. Trong đó có 02 nghị quyết quan trọng, gồm: Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển đời sống văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023 - 2027 (Số 20/2022/NQ-HĐND ngày 12/11/2022 của HĐND tỉnh); Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025 (Số 28/2022/NQ/HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh). Bên cạnh đó, cán bộ công chức của ngành còn tham mưu thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, quy hoạch phát triển văn hóa, thể thao và gia đình đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, như: Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030; Chương trình về phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới đến năm 2025; Chương trình giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình đến năm đến năm 2030; Chương trình thực hiện Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" giai đoạn 2022 - 2026,...

Các đơn vị trực thuộc ngành, theo lĩnh vực chuyên môn của mình cũng đã làm tốt công tác tham mưu UBND tỉnh (qua Sở VH&TT) về các lĩnh vực của đời sống văn hóa cơ sở, trên địa bàn tỉnh Nghệ An như: Thư viện tỉnh tham mưu tổ chức 2 cuộc thi lớn trong năm: *"Đại sứ văn hóa đọc"* và *"Tuyên truyền giới thiệu sách"*, Ban Quản lý di tích tham mưu về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích, Trung tâm Văn hóa tỉnh tham mưu về chính sách hỗ trợ phát triển đời sống văn hóa cơ sở,...

Đội ngũ công chức văn hóa cấp huyện, công chức văn hóa xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh cũng đã bám sát các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nhất là lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, từ đó, đề xuất, tham mưu cho chính quyền các giải pháp đẩy mạnh và nâng cao các phong trào văn hóa tại địa phương mình, như tham mưu cho chính quyền đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thực hiện các tiêu chí về văn hóa trong xây dựng nông thôn mới.. Qua đó, đưa phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ngày càng đi vào chiều sâu và đạt hiệu quả tích cực, tạo môi trường văn hóa trong sạch, lành mạnh từ cơ sở.

2. Cán bộ văn hóa là người trực tiếp hướng dẫn để cộng đồng tổ chức các hoạt động văn hóa nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân.

Với chức năng là đơn vị đứng đầu trong hệ thống tác nghiệp, hướng dẫn các hoạt động văn hóa ở cơ sở, đội ngũ cán bộ, viên chức Trung tâm Văn hóa tỉnh thực sự là những hướng dẫn viên tâm huyết trên nhiều lĩnh vực hoạt động văn hóa. Đó là, hướng dẫn cơ sở cách xây dựng, tổ chức một chương trình văn nghệ, xây dựng và tổ chức hoạt động các câu lạc bộ văn nghệ, xây dựng các mô hình văn hóa tiêu biểu, triển khai các nội dung xây dựng gia đình văn hóa, làng/thôn/bản văn hóa, xã văn hóa nông thôn mới; cách trang trí lễ nghi khánh tiết trong các sự kiện,... Việc hướng dẫn cũng rất linh hoạt, vừa cầm tay chỉ việc, vừa xuất bản và phát hành đĩa CD, sách gửi về cơ sở rồi tổ chức tập huấn nghiệp vụ,... Chỉ tính trong năm 2022, Trung tâm đã

Cán bộ Trung tâm Văn hóa tỉnh Nghệ An thuyết minh chuyên đề về phòng chống bạo lực và tuyên truyền đạo đức lối sống trong gia đình tại trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, TP. Vinh

xây dựng và ban hành 23 văn bản, sáng tác 12 mẫu ma két tranh cổ động, in sao gần 400 đĩa CD, biên tập và xuất bản gần 250 cuốn sách "Giới thiệu các gia đình văn hóa tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015-2022" làm tài liệu tuyên truyền và hướng dẫn cơ sở kỷ niệm các ngày lễ lớn và tổ chức hoạt động tại cơ sở. Mặt khác, Trung tâm Văn hóa, thể thao và Truyền thông các huyện, thành, thị cũng đã chăm lo, hướng dẫn đội ngũ công chức văn hóa xã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, văn hóa văn nghệ, thể thao tại cơ sở nhân các ngày lễ, ngày kỷ niệm lớn trong năm. Nhiều huyện mở các lớp tập huấn truyền dạy kỹ năng hát và soạn lời các làn điệu dân ca Ví, Giặm, dân ca Thái cho cơ sở, như: Nam Đàn, Thanh Chương, Hưng Nguyên, Đô Lương, Tân Kỳ, Anh Sơn..

Viên chức các đơn vị khác trong ngành VH&TT, ngoài việc tổ chức các hoạt động tại chỗ, đều là những cán bộ hướng dẫn cơ sở tổ chức các hoạt động theo lĩnh vực chuyên môn của mình. Trong năm 2022, Trung tâm Nghệ thuật truyền thống của tỉnh đã tổ chức các lớp truyền dạy Dân ca Ví, Giặm cho 04 huyện trong tỉnh và tổ chức lớp truyền dạy dân ca, dân nhạc, dân vũ tại Trung tâm cho các nghệ nhân. Thư viện tỉnh hướng dẫn cơ sở tổ chức Ngày sách và Văn hóa đọc, hỗ trợ xây dựng 12 tủ sách cơ sở tại 9 huyện khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xây

CLB Phòng chống bạo lực Gia đình bản Can biểu diễn văn nghệ trong buổi nghiệm thu mô hình văn hóa cấp tỉnh "Phòng chống bạo lực gia đình gắn với tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình" bản Can, xã Châu Bình, huyện Quỳ Châu, Nghệ An. Ảnh: Ngọc Mai

dựng video giới thiệu sách theo chủ đề, sự kiện trọng đại của đất nước, của địa phương đăng trên trang Facebook, trang Fanpage của đơn vị và kênh Youtube trong chuyên mục "Sách hay nên đọc" của Cổng thông tin điện tử Chuyên trang về Thư viện - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để hướng dẫn bạn đọc lựa chọn sách. Ban Quản lý di tích hướng dẫn cơ sở tổ chức các lễ hội, lễ giỗ các danh nhân, lễ đón bằng công nhận di tích; xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận di tích các cấp, hồ sơ tu bổ, tôn tạo di tích và các việc liên quan đến bảo tồn và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh...

3. Đội ngũ cán bộ văn hóa là người trực tiếp tổ chức các hoạt động văn hóa tại cộng đồng nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho Nhân dân

Rõ nhất là trong lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật. Các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp của Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nghệ An trong năm 2022 đã xây dựng hơn 20 vở diễn, chương trình nghệ thuật lớn nhỏ; tổ chức gần 200 buổi biểu diễn phục vụ Nhân dân, phục vụ du khách thập phương và các ngày lễ trọng đại của tỉnh, của đất nước. Các chương trình, vở diễn được đầu tư công phu, đảm bảo nội dung tư tưởng và chất lượng nghệ thuật đã có tác dụng giáo dục, định hướng thẩm mĩ nghệ thuật cho giới trẻ đồng thời nâng cao mức hưởng thụ các giá trị nghệ thuật cho công chúng. Trung tâm Văn hóa tỉnh và hệ thống Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông các huyện, thành, thị cũng xây dựng và tổ chức nhiều chương trình nghệ thuật quần chúng tạo cơ hội cho các tầng lớp nhân dân tham gia sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa nghệ thuật.

Trung tâm Văn hóa tỉnh trong năm 2022 đã xây dựng 9 mô hình văn hóa cấp tỉnh tại các huyện: Con Cuông, Nam Đàn, Tân

Học sinh trải nghiệm làm hoa tặng mẹ từ hạt tại Bảo tàng Nghệ An. Ảnh: Anh Tuấn

Kỳ, TP.Vinh, Anh Sơn, Thị xã Cửa Lò, Quỳ Châu, Hưng Nguyên và Quỳ Hợp với các loại hình bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc; Xây dựng và thực hiện tốt hương ước, quy ước; Phòng chống BLGĐ gắn với tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình. Những mô hình này bước đầu đã phát huy hiệu quả và là điểm sáng về hoạt động văn hóa cơ sở, đã và đang từng bước lan tỏa, góp phần phát triển phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" trên địa bàn toàn tỉnh. Trung tâm cũng xây dựng chuyên đề ảnh về Phòng chống bạo lực và tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình, tổ chức trưng bày lưu động ở 9 trường THPT trong tỉnh nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho học sinh, từ đó, khuyến khích các em tích cực tham gia xây dựng môi trường gia đình, môi trường học đường và rộng hơn là môi trường xã hội không bạo lực. Hệ thống Trung tâm VH,TT&TT các huyện, thành, thị cũng đã xây dựng được 22 mô hình hoạt động văn hóa tại các xã, phường, thị trấn góp phần xây dựng môi trường văn hóa cơ sở lành mạnh.

Thư viện tỉnh Nghệ An tổ chức thành công 2 cuộc thi lớn trong năm: *"Đại sứ văn hóa đọc"* và *"Tuyên truyền giới thiệu sách"*; tổ chức Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam; xây dựng tủ sách cơ sở, tổ chức luân chuyển sách,... nhằm góp phần xây dựng xã hội học tập, lan tỏa tình yêu sách trong cộng đồng, từ sách, nuôi dưỡng khát vọng phát triển đất nước. Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh đã tổ chức nhiều cuộc thi tìm hiểu, giao lưu văn hóa, nói chuyện chuyên đề Xô viết Nghệ Tĩnh, về các lãnh tụ cách mạng,... trong học sinh nhằm giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho thế hệ trẻ. Bảo tàng Nghệ An, ngoài việc đưa không gian văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số về thành phố Vinh qua trưng bày chuyên đề *"Thanh âm của núi rừng"* và trưng bày các chuyên đề *"Sen trong đời sống văn hóa Việt"*; *"Hổ trong đời sống văn hóa Việt"*; *"Tết cổ truyền của Dân tộc"*... phục vụ du khách tham quan, tìm hiểu còn tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm thú vị cho học sinh: Em làm quạt giấy truyền thống, Em nặn tò he, Em làm đèn ông sao, Nông dân nhí cùng mẹ đua tài, Em làm thiệp từ các loại hạt tặng mẹ nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20.10, tham gia các trò chơi dân gian (bịt mắt bắt vịt, nhanh tay nhanh mắt,... Ban Quản lý di tích tỉnh xây dựng hồ sơ, trình các cấp công nhận 13 di tích (trong đó: 10 di tích cấp tỉnh, 01 di tích Quốc gia đặc biệt, 02 di tích Quốc gia); tổ chức tốt các hoạt động tại 3 di tích trực thuộc (Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Hồng Phong, Nhà tưởng niệm Nguyễn Thị Minh Khai, Khu lưu niệm Phan Bội Châu); tu sửa 14 di tích, làm biển chỉ dẫn cho 16 di tích và bia dẫn tích cho 06 di tích,... Tất cả những việc đó nhằm góp phần bảo tồn và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn tỉnh nhà,...

Những chỉ tiêu đạt được của đời sống văn hóa tỉnh Nghệ An năm 2022: 2.565 làng, bản, khối phố (gọi chung là làng) đạt danh hiệu Làng Văn hóa; 325 xã, phường có thiết chế VHTT đạt chuẩn theo tiêu chí của Bộ VH,TT&DL; 85% số hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình Văn hóa càng khẳng định vai trò quan trọng của đội ngũ cán bộ văn hóa trong việc xây dựng môi trường văn hóa cơ sở ở Nghệ An.

Như vậy, đội ngũ cán bộ văn hóa có vai trò quan trọng trong việc tham mưu, định hướng, tổ chức và huy động sức sáng tạo trong Nhân dân, cùng với các nguồn lực khác xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố bồi đắp giá trị chân - thiện - mỹ. Đội ngũ cán bộ văn hóa là những người trực tiếp khơi thông những mạch nguồn văn hóa, để văn hóa thực sự trở thành nguồn lực nội sinh, là "sức mạnh mềm" trong phát triển đất nước hiện nay.

Cờ Tổ quốc nơi ngõ nhà ngày lễ

Tung bay lá cờ Tổ quốc

PHẠM THẠCH HOÀNG

Lá cờ Tổ quốc (còn gọi là Quốc kỳ) tung bay muôn phương trời nước Việt, cờ đỏ thắm sao vàng, cờ phơi theo gió lộng, cờ thấp thoáng nơi hải đảo, cờ sắc thắm biên cương, cờ trong cơ quan, trường học, cờ nơi ngõ nhà ngày lễ, cờ trang trọng treo trong hội trường, trên bàn làm việc, cờ hiện diện trong mỗi sự kiện trọng đại, mỗi lá cờ là cả mảnh hồn Tổ quốc neo đậu.

Lá cờ Tổ quốc được ai sáng tác vẫn còn có sự tranh cãi do có những thông tin khác nhau chưa thống nhất. Tuy nhiên, theo sử liệu, cờ được ra đời và xuất hiện lần đầu tiên là trong sự kiện Nam Kỳ khởi nghĩa (ngày 23 tháng 11 năm 1940). Lá cờ sau đó được Việt Minh sử dụng để hiệu triệu Nhân dân đấu tranh giành độc lập dân tộc. Tháng 8 năm 1945, Quốc dân Đại hội Tân Trào đã quyết nghị lấy cờ đỏ sao vàng làm Quốc kỳ của nước Việt Nam độc lập.

Sau khi giành được chính quyền, vào ngày 2 tháng 9 năm 1945, cờ đỏ sao vàng chính thức xuất hiện trong buổi lễ Tuyên bố độc lập tại Quảng trường Ba Đình. Ngày 5 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh ký sắc lệnh quyết định Quốc kỳ Việt Nam là cờ đỏ sao vàng. Trong cuộc họp khóa I, Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất, Quốc hội đã thông qua quy định cụ thể về Quốc kỳ vào ngày 2 tháng 3 năm 1946. Cũng chính vào dịp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu: "Lá cờ đỏ sao vàng đã thấm máu đồng bào ta trong Nam Kỳ khởi nghĩa 1940. Chính lá cờ này đã cùng phái đoàn Chính phủ đi từ châu Á sang châu Âu, từ châu Âu về châu Á; cờ đã có mặt trên khắp đất nước Việt Nam. Vậy thì trừ 25 triệu đồng bào, còn không ai có quyền thay đổi Quốc kỳ và Quốc ca".

Quốc kỳ có hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài. Nền màu đỏ, ở giữa có một ngôi sao vàng năm

cánh (Điều 13, Hiến pháp bổ sung, sửa đổi năm 2013).

Theo các nhà sử học: Nền cờ màu đỏ tượng trưng cho màu của cách mạng, màu máu của các anh hùng, liệt sĩ; ngôi sao vàng tượng trưng cho linh hồn dân tộc và 5 cánh sao tượng trưng cho năm tầng lớp gồm sĩ, nông, công, thương, binh.

Từ khi ra đời đến nay, cờ Tổ quốc đã từng chứng kiến bao sự kiện trọng đại của quốc gia. Lá cờ Tổ quốc được kéo lên trang trọng trong ngày Quốc khánh trên Quảng trường Ba Đình lịch sử 2/9/1945, lá cờ Tổ quốc được người chiến sĩ giải phóng quân Phạm Thận Duật treo lên nóc Dinh Độc lập thay cho lá cờ ba sọc của chính quyền Sài Gòn trong ngày 30 tháng 4 năm 1975, đó là thời điểm Quân đội Nhân dân Việt Nam tiến vào giải phóng Sài Gòn và làm chủ Sài Gòn, lá cờ đỏ sao vàng tung bay đã ghi dấu mốc ngày thống nhất non sông. Lá cờ ấy đã hiện diện và chứng kiến bao nghi lễ trang trọng của quốc gia và hiện diện trang trọng tại các hội nghị có yếu tố quốc tế, đó là các hội nghị thượng đỉnh, các lễ kí kết song phương đa phương, các hội nghị cấp khu vực.v.v...trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập, mở rộng quan hệ bang giao trên toàn thế giới.

Ở các trường học, đã thành thường lệ, vào mỗi buổi sáng thứ Hai đầu tuần thường có tiết mục chào cờ. Các em ngước nhìn lên lá cờ Tổ quốc như đang hướng về lịch sử hào hùng của dân tộc. Lá cờ ấy thắm máu đào bao liệt sĩ đã ngã xuống cho độc lập tự do trong cuộc trường chinh giải phóng dân tộc gần suốt thế kỷ XX. Cờ dạy học sinh, sinh viên lòng tự hào, sự biết ơn về lòng trung thành và sự hi sinh cao cả, lẫm liệt, sự cống hiến gian lao của các thế hệ cha anh.

Mỗi con thuyền dân sự hay con tàu của người lính biển ra khơi, đều mang trên mình lá cờ Tổ quốc. Trong sóng gió, lá cờ bạc màu, thậm chí không còn nguyên vẹn, nhưng nó vẫn hiên ngang khẳng định chủ quyền, khẳng định sức sống và niềm tự tôn dân tộc.

Đọc sử về sự kiện Gạc Ma năm 1988, thật xúc động với chi tiết, khi quân Trung Quốc xông vào cướp cờ, thiếu úy Trần Văn Phương cùng các chiến sĩ Hải quân của ta lao vào giằng giật lại. Anh đã ngã xuống trong làn đạn, nhưng tay vẫn ôm chặt lá cờ Tổ quốc thân yêu.

Trên đỉnh Lũng Cú với độ cao khoảng 1.470m so với mực nước biển, thuộc huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang quanh năm sương gió, có một cột cờ đã trở thành biểu tượng thiêng liêng trấn giữ biên ải đó là Cột cờ Lũng Cú. Trên đỉnh cột là lá cờ Tổ quốc với cán cờ cao 12,9m và bề mặt lá cờ có diện tích 54m^2, tượng trưng cho 54 dân tộc anh em. Ai một lần trong đời đặt chân đến nơi này, đều có một cảm xúc rất đỗi thiêng liêng. Lá cờ ấy điểm tô sông núi, một lá cờ thôi mà có sức biểu cảm của muôn vạn lá cờ.

Ở Hà Nội, hàng ngày, năm nay qua năm khác, có một nghi lễ rất thiêng liêng ngay Quảng trường Ba Đình lịch sử đó là lễ Thượng cờ (vào 5h sáng) và Hạ cờ (vào 21h tối). Đó là khi tốp chiến sĩ đi trong quân nhạc trầm hùng, từng động tác thành thạo kéo cờ lên và hạ cờ xuống, thật trang nghiêm và thành kính. Nghi lễ đó đã bao năm nay diễn ra nơi Quảng trường Ba Đình lịch sử, và khá quen thuộc với nhiều người Hà Nội. Từ nơi khác về Thủ đô, không ít người đã được chứng kiến nghi lễ này và khi đó, lòng dâng lên cảm xúc thiêng liêng.

Cờ Tổ quốc vinh quang hiện diện những dịp chiến thắng. Nỗi hân hoan trào dâng con tim lúc Quốc kỳ phấp phới bay. Đó là khi một vận động viên, học sinh nào đó có thành tích trong các cuộc thi, các giải đấu cấp khu vực hoặc quốc tế, lá cờ Tổ quốc được kéo lên lúc trao giải, ấy là lúc nhịp tim như nín nghẹn, chiến thắng này, chúng con xin dành tặng Tổ quốc thân yêu. Đó là những dịp các đội tuyển Việt Nam thi đấu mang chiến thắng trở về, muôn người tỏa ra vẫy cờ vui tươi chào đón, như là chiến thắng của chính con em mình.

Là con dân nước Việt, quan điểm chính kiến có thể khác nhau, nhưng đều chung mảnh hồn Tổ quốc. Cờ Tổ quốc chính là biểu trưng cao đẹp cho hồn sông núi và anh linh các anh hùng, liệt sĩ. Nên trước cờ Tổ quốc, ta phải trân trọng, coi đó như là báu vật không của riêng ta, ta phải coi đó như một biểu tượng tuyệt vời về nghĩa khí, sinh lực, vị thế của Quốc gia dân tộc.

Hướng dẫn 3420/HD-Bộ VH,TT&DL ngày 02/10/2012 về việc sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có chỉ dẫn cụ thể việc treo cờ Tổ quốc ở từng sự kiện, bối cảnh khác nhau. Năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị định 28/2017 sửa đổi, bổ sung xử phạt nặng nhiều hành vi trong hoạt động văn hóa, tín ngưỡng, trong đó có quy định về treo cờ Tổ quốc, đáng chú ý, sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000-5.000.000đ đối với hành vi treo cờ Tổ quốc ở khu vực lễ hội không cao hơn, không trang trọng hơn các cờ hội. Còn **theo quy định tại Điều 351 Bộ Luật hình sự 2015 (có hiệu lực ngày 01/01/2018) thì: Người nào cố ý xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.**

Vào mỗi dịp lễ trọng, cờ được treo lên, nhắc nhở ta về tính chất của mỗi sự kiện, ý nghĩa lịch sử của các sự kiện luôn gắn với sự tôn vinh, tô thắm lá cờ.

Mỗi dịp Tết đến xuân về, lòng hân hoan đón xuân, vui Tết, các gia đình người Việt thường treo Quốc kì trước cổng ngõ hay trên ban công. Lá cờ ấy với màu đỏ thắm và ánh vàng sao năm cánh như mang đến một nguồn dương khí, xua đuổi tà ma, như đón sự hiện diện của sinh lực chính nghĩa về vui Tết, vui xuân, với chính quê hương, gia đình mình. Ngắm nhìn lá cờ đỏ sao vàng trên nền trời xanh gió lộng, chúng ta thấy hồn thiêng sông núi và tinh anh nước Việt như tụ về, tráng chí tung bay.

- Năm Đinh Mão (547), tháng 2: Triệu Quang Phục đem hàng vạn quân đến đóng trong đầm Dạ Trạch (Châu Giang - Hưng Yên), lợi dụng địa thế hiểm trở và với nghệ thuật đánh du kích tài tình, đã bền bỉ chiến đấu và chiến thắng giặc Lương xâm lược.

- Năm Tân Mão (571): Lý Phật Tử xưng đế, đặt tên Hậu Lý Nam Đế, dời đô từ thành Ô Diên đến Phong Châu.

- Năm Đinh Mão (907), tháng 8: Kế nghiệp cha, Khúc Hạo với mục tiêu củng cố nền độc lập non trẻ đã thực hiện phương châm trị nước "khoan, giản, an, lạc" (khoan dung, giản dị, yên ổn, vui vẻ), đồng thời tiến hành những cải cách có hiệu quả về hành chính, kinh tế, xã hội, pháp luật. Có thể xem Khúc Hạo là người đầu tiên xây dựng được hệ thống chính quyền thống nhất từ trung ương đến cơ sở.

- Năm Tân Mão (931): Dương Đình Nghệ, một vị tướng của Khúc Hạo đã mộ binh rồi đem quân từ Thanh Hóa tiến ra Bắc đánh chiếm thành Đại La (Hà Nội), đập tan quân cứu viện của nhà Nam Hán, giải phóng đất nước và tự xưng là Tiết độ sứ.

- Năm Đinh Mão (969): Đinh Bộ Lĩnh, người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng (Ninh Bình) dẹp tan loạn 12 sứ quân cát cứ, quy giang sơn về một mối. Sau đó lên ngôi Hoàng đế, đặt Quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư.

- Năm Ất Mão (1075): Vua Lý Nhân Tông mở khoa thi tiến sĩ, còn gọi là Minh kinh bác học đầu tiên trong lịch sử Việt Nam để tuyển chọn người có tài văn học vào làm quan. Cũng năm này, biết được âm mưu xâm lược nước ta của nhà Tống, Lý Thường Kiệt đem quân chủ động tấn công trước vào doanh trại của quân Tống ở Châu Khâu, Châu Ung, xóa sổ lực lượng địch và bẻ gãy ý chí xâm lược của giặc rồi rút quân về, lập phòng tuyến ở bờ Nam sông Cầu. Lý Thường Kiệt đã cho người thổi sáo ngâm bài thơ nổi tiếng được coi là bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.

- Năm Tân Mão (1471): Vua Lê Thánh Tông cầm quân đánh Chiêm Thành để bảo vệ giang sơn xã tắc. Cũng năm này, Lê Thánh Tông đã tiến hành cải cách sâu rộng nền hành chính quốc gia ở cả trung ương lẫn địa phương, các đơn vị lãnh thổ được chia đặt lại, hệ thống quan chức và cơ cấu thuế khóa được cải tổ...

Những mốc son năm Mão trong tiến trình lịch sử Việt Nam

PHONG HỒ (sưu tầm)

- Năm Quý Mão (1483), tháng 12: Triều Lê Thánh Tông, Bộ Luật Hồng Đức, bộ luật lớn nhất và tiến bộ nhất của chế độ phong kiến nước ta được ban hành.

- Năm Ất Mão (1615): Chữ quốc ngữ Việt Nam (do các giáo sĩ Bồ Đào Nha khởi xướng) chính thức hình thành.

- Năm Tân Mão (1711): Ba anh em Nhà Tây Sơn là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ nổi dậy khởi nghĩa với mục tiêu lật đổ cả chúa Nguyễn lẫn triều đình Lê - Trịnh và đã giành thắng lợi hoàn toàn sau 16 năm.

- Năm Ất Mão (1915): Nguyễn Tất Thành sống ở Anh. Tại đây, Người phải làm nhiều công việc cực nhọc khác nhau để kiếm sống, nhưng vẫn sắp xếp thời gian để học tiếng Anh. Cuối năm 1917, Người rời Luân Đôn (Anh) trở lại Pháp hoạt động cách mạng. Từ một người yêu nước, Người đến với Chủ nghĩa Mác-Lênin, trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam và là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

- Năm Đinh Mão (1927): Tác phẩm nổi tiếng "Đường Kách mệnh" của Nguyễn Ái Quốc được Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông xuất bản ở Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 4-1927, Nguyễn Ái Quốc rời Trung Quốc đi Liên Xô, đến làm việc tại cơ quan Quốc tế Cộng sản, rồi đi dự Hội nghị chống chiến tranh đế quốc họp tại Bơ-rúc-xen (Bỉ).

- Năm Kỷ Mão (1939): Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô đến Tây An, rồi đi Diên An (Trung Quốc). Khi đại chiến thế giới lần thứ 2 bùng nổ, Người đến Hoa Nam (Trung Quốc) để bắt liên lạc với Trung ương Đảng ta. Lúc bấy giờ, phát xít Nhật đánh chiếm Trung Quốc và chuẩn bị vào Đông Dương. Tháng 11, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định thành lập Mặt trận Dân tộc phản đế Đông Dương nhằm tập hợp mọi thành phần tiến bộ, đấu tranh chống kẻ thù số 1 là chủ nghĩa đế quốc phát xít, giành độc lập cho các dân tộc Đông Dương.

- Năm Tân Mão (1951): Ngày 11-02-1951, khai mạc Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng. Đại hội quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Đông Dương thành Đảng Lao động Việt Nam và ra hoạt động công khai, lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đại hội đã bầu đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng và đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

- Năm Quý Mão (1963), ngày 02-01: Với quân số ít hơn địch 10 lần, các chiến sĩ ấp Bắc (Mỹ Tho - Tiền Giang) đã đánh bại cuộc càn quét của trên 2.000 lính ngụy, được trang bị vũ khí hiện đại, có cố vấn Mỹ chỉ huy, mở màn cao trào đánh Mỹ, diệt Ngụy khắp miền Nam.

Cũng năm này, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa đề nghị tặng thưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh Huân chương Sao Vàng. Nhưng Người từ chối và xin chờ đến ngày Tổ quốc thống nhất, đồng bào miền Nam sẽ trao cho Người phần thưởng cao quý nhất của Đảng và Nhà nước.

- Năm Ất Mão (1975), ngày 30-4: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Năm Kỷ Mão 1999, Hội nghị lần thứ 6 (lần 2), lần thứ 7 và 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII). Cũng trong năm này, diễn ra Kỳ họp thứ 5 và 6 Quốc hội khóa X.

- Năm Tân Mão 2011, Đại hội lần thứ XI của Đảng; Kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước; 80 năm Ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; 65 năm Tổng tuyển cử Quốc hội....

Lễ đón tiếng sấm đầu năm của người Ơ đu, bản Văng Môn, xã Nga My, huyện Tương Dương, Nghệ An. Ảnh: Hồ Hà

Phong tục tập quán cần phải được nhìn nhận phù hợp

TRANG TUỆ

Phong tục tập quán thường gắn với một cộng đồng nhất định trong một bối cảnh lịch sử nhất định. Và khi những người ngoài cuộc nhìn vào các phong tục tập quán của các cộng đồng khác sẽ có những nhận định khác nhau. Vậy nên, khi đánh giá, bày tỏ quan điểm và xây dựng các chính sách liên quan đến các phong tục tập quán của các cộng đồng khác nhau cần phải định vị rõ góc nhìn cụ thể.

Lâu nay, vấn đề những người ngoài nhận định, đánh giá về các phong tục tập quán của các cộng đồng thuộc các nền văn hóa khác nhau đang gây ra nhiều tranh cãi gay gắt. Cái nhìn của người ngoài cuộc đang ngày càng có vai trò quan trọng, nhất là trong bối cảnh các mạng xã hội đang ngày càng phổ biến rộng rãi và sự tương tác xã hội trên các mạng xã hội ngày càng mạnh mẽ hơn. Các ý kiến của người ngoài cuộc đang tác động mạnh đến các giá trị văn hóa của các cộng đồng khác nhau. Điều đó cũng dễ hiểu khi mà chúng ta thường

khó để tránh khỏi những thiên kiến của mình trong cuộc sống. Nhưng khi nhìn về một nền văn hóa khác, những thiên kiến của mình có thể làm cho lăng kính của mình thêm hạn hẹp, qua đó có thể khiến cho mình nhìn không rõ, thậm chí không đúng với bản chất của vấn đề. Vậy nên, nhìn về văn hóa của một cộng đồng khác, cần phải có một tâm thế phù hợp.

Tôi theo dõi một facebook của một người thầy giáo mà tôi rất ngưỡng mộ. Thầy là một nhà nhân học nổi tiếng trong nước và quốc tế. Tôi vẫn luôn mong chờ để đọc những status của thầy. Bởi đó là những ghi chép, mô tả dân tộc học sinh động và tạo ra những nguồn cảm hứng lớn cho người đọc, nhất là những ai đam mê theo đuổi dân tộc học. Và gần đây nhất, thầy tôi đã đưa lên trang của mình một bài viết mô tả chi tiết, sinh động về một lễ hiến sinh của người Mông ở Mèo Vạc (Hà Giang). Một gia đình người Mông gặp nhiều vận rủi khi vợ thì hay đau ốm, cậu con trai cưới vợ mấy năm mà chưa có con, còn một cậu con trai khác thì bị bọ xít đái vào mắt nên bị đau. Người ta bảo là trong nhà có ma ở lẫn với người nên phải mời thầy về cúng. Trong lễ cúng, cùng với các nghi lễ cúng tế, thầy mo đã ngậm máu của một con chó đen được gia đình mới cắt tiết phun lên người cặp vợ chồng trẻ. Rồi lại ngậm máu dê làm tương tự. Còn chủ nhà cũng cắt tiết gà đặt lên bàn thờ cúng tổ tiên và sau đó lấy tiết gà nhỏ vào mắt cậu con trai bị bọ xít đái vào... Buổi lễ hiến sinh được thầy mô tả chi tiết và khách quan, không đưa vào những nhận định hay đánh giá gì thêm.

Nghi thức chém trâu tại Lễ hội đền Chín Gian, huyện Quế Phong, Nghệ An năm 2013. Nghi thức này đã được Ban tổ chức Lễ hội đền Chín Gian bỏ từ năm 2016

Bài viết của thầy đã nhận được nhiều người quan tâm và tương tác. Có cả những ý kiến khen ngợi sự mô tả tỉ mỉ, sự cảm ơn hay mong chờ về những câu chuyện liên quan. Một số người bày tỏ sự tôn trọng các nghi lễ này với tư cách là một giá trị văn hóa thuộc về cộng đồng chủ thể. Cũng có những ý kiến nêu quan điểm khác nhau về vấn đề được đề cập. Nhiều người cho rằng đây là phong tục lạc hậu, dã man, cần phải loại bỏ. Người lại lo cho sức khỏe của người dân khi mà không đi điều trị theo y học hiện đại lại dựa vào mê tín dị đoan. Trong đó có một người cho rằng: "Đến năm 2018 mà vẫn giữ các hủ tục này thì khi nào miền núi tiến kịp miền xuôi. Giữ mãi cái nét văn hóa này thì cũng chẳng tiến đến văn minh được. Có lẽ dự định gặp thầy cúng chú chắc sẽ góp ý cho họ chứ?!" Những ý kiến thảo luận, những quan điểm được được nhiều người đưa ra. Điều này cũng đặt ra một vấn đề đã cũ nhưng còn tranh luận gay gắt: nhận thức về các phong tục tập quán của các cộng đồng bản địa sao cho đúng đắn, cho phù hợp?

Một thực tế là hơn một nửa thế kỷ qua, chúng ta nhìn các nền văn hóa khác với lăng kính hạn hẹp và nhiều định kiến. Đặc biệt là đối với các phong tục tập quán của các cộng đồng dân tộc thiểu số. Tâm thế của nhiều người bị cố định bởi một định kiến do ảnh hưởng của thuyết tiến hóa giản đơn khi cho rằng

những người dân tộc thiểu số là lạc hậu, kém phát triển và cần phải được giúp đỡ để tiến kịp miền xuôi, tiến kịp người Kinh. Vì vậy mà nhiều chính sách đối với vùng dân tộc thiểu số được xây dựng dựa trên nền tảng quan điểm như vậy nên vô hình trung các phong tục tập quán và nhiều nét văn hóa đặc sắc của người dân tộc thiểu số bị coi là lạc hậu, trì trệ, kém văn minh, thậm chí bị quy về mê tín dị đoan và cần phải được loại bỏ. Điều đó gây ảnh hưởng lớn đến sự phát triển văn hóa của các cộng đồng. Nhiều yếu tố văn hóa truyền thống bị mai một, mất mát vì các chính sách không phù hợp. Rồi đến những năm cuối thế kỷ XX, khi bắt đầu nhận thức lại vấn đề văn hóa cộng đồng ở vùng dân tộc, chúng ta lại xây dựng những chính sách mới nhấn mạnh đến việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các cộng đồng. Cách nhìn nhận về văn hóa, nhất là với các phong tục tập quán được thay đổi, cởi mở hơn. Nhưng tâm thế lấy người Kinh, lấy giá trị hiện đại vẫn còn ảnh hưởng nặng nề. Những người liên quan vẫn nhìn vào đó với ánh mắt của người ngoài cuộc. Vậy nên cuộc tranh luận về các phong tục tập quán vẫn còn chưa có hồi kết.

Cùng với sự phát triển của internet và các mạng xã hội, các phong tục tập quán của các cộng đồng ngày càng được biết đến rộng rãi hơn. Những thực hành văn hóa trong các phong tục tập quán cũng được nhiều người chia sẻ hơn. Sự đa dạng văn hóa cũng được thể hiện rõ nét hơn. Nhưng bên cạnh đó thì những ý kiến trái chiều, những nhận định, quan điểm của người ngoài cuộc cũng được thể hiện một cách trực tiếp hơn. Và những quan điểm, ý kiến này không chỉ tác động đến cộng đồng chủ thể mà còn tác động đến cả những người hoạch định chính sách. Và nhiều chính sách can thiệp trực tiếp vào các hoạt động thực hành văn hóa qua các phong tục tập quán đã được ban hành. Trong đó, có nhiều nghi lễ hiến sinh đã bị phê phán mạnh mẽ. Từ việc chặt đầu lợn đến giết mổ trâu bò hay nhiều nghi lễ liên quan đến hiến sinh của các cộng đồng gặp phải những phản ứng dữ dội từ các nhà nhân văn hậu hiện đại. Và nhiều khi được cổ súy bởi nhiều người vốn là những người ngoài cuộc nhưng có ảnh hưởng mạnh đối với các giá trị văn hóa cộng đồng. Thế nên câu chuyện quan điểm nào đúng quan điểm nào sai càng trở nên phức tạp hơn.

Quay trở lại câu chuyện về lễ hiến sinh của người Mông mà thầy tôi đã mô tả, trước nhiều quan điểm khác nhau, thầy vẫn giữ quan điểm của một nhà dân tộc học - nhân học: "Đối với dân tộc học thì cái xấu, cái tốt chỉ là tương đối thôi, bác ạ. Quan trọng là xấu hay tốt ấy được nhìn từ mắt của ai, còn người làm nghiên cứu thì chỉ cố gắng thấu hiểu vấn đề từ "bên trong", từ chính cách nghĩ và ứng xử của người trong cuộc, mà không giải thích hay phán xử theo quan điểm thiên kiến của mình. Thế nên nhà cháu quên mất góp ý cho thầy cúng rồi, bác ạ". Đây thật sự là một nguyên tắc, một điều cần phải quan tâm. Mỗi giá trị văn hóa, nhất là các phong tục tập quán thường thể hiện vai trò và ý nghĩa trong một cộng đồng, một bối cảnh nhất định. Và để nhận định về nó cần coi trọng quan điểm của những người trong cuộc, là người chủ thể của các hoạt động văn hóa đó. Những hệ giá trị bên ngoài, luôn có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động văn hóa của các cộng đồng chủ thể, và trong bối cảnh hiện nay, còn góp phần làm thay đổi các hoạt động văn hóa đó. Nhưng xét cho cùng, các giá trị văn hóa, nhất là các phong tục tập quán luôn dành riêng cho một cộng đồng nhất định. Vậy nên để nhận thức, đánh giá về nó cần đặt vào vị trí, tâm thế của chủ thể. Nếu bỏ qua yếu tố quan trọng này, không những không thể giữ gìn, phát huy các giá trị tích cực của các hoạt động văn hóa đó, mà còn tạo nên mâu thuẫn và xung đột xã hội giữa các nhóm với nhau. Vậy nên, dù ở bất kỳ trường hợp nào, cũng phải tăng quyền và trao quyền cho cộng đồng chủ thể khi đưa ra các quyết định liên quan đến các hoạt động văn hóa của họ, nhất là với các phong tục tập quán truyền thống.

Chợ quê giữ lại hồn quê những gì?

THẠCH QUỲ

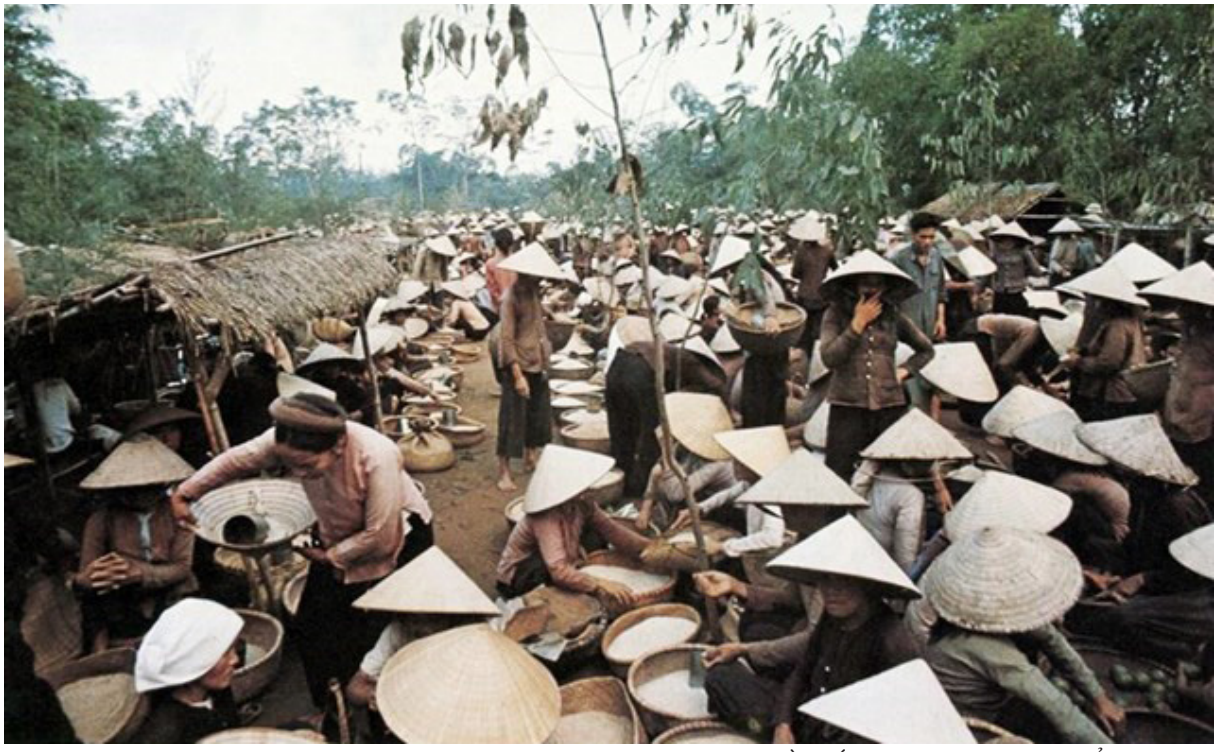

Chợ gạo tại một làng quê ở miền Bắc Việt Nam năm 1973. Ảnh: Corbis

Một đêm mưa, nhà văn Nguyễn Minh Châu gọi điện cho tôi:

- Đang làm gì đấy? Sang chỗ mình đi!

- Anh ở đâu? Khuya rồi còn đi đâu nữa?

- Đang ở Nhà khách Tỉnh ủy Nghệ An, mưa, ếch nhái kêu ran bốn phía, buồn lắm, sang ngay nhé!

Tôi đạp xe sang Nhà khách Tỉnh ủy. Anh Châu bảo: Tớ về Nghệ An lấy tư liệu để viết " Phiên chợ Giát". Hôm qua, hôm kia, tớ đã đi cả mấy cái chợ ở Nghệ An rồi.

Chúng tôi pha trà, uống nước, ngồi tỉ tệ nói về chuyện... cái chợ.

Theo nhà văn Nguyễn Minh Châu thì, từ xa xưa, nước ta là nước sản xuất nông nghiệp tự cung, tự cấp. Đặc điểm của nông nghiệp tự cung tự cấp là "tay làm hàm nhai", không có khái niệm về kinh tế hàng hóa. Khi sản vật nông nghiệp có chút dư thừa thì người ta trao đổi với nhau theo phương thức vật đổi vật. Chẳng hạn, con gà đổi con mèo. Nải chuối đổi cái rổ, cái rá vo gạo. Con lợn đổi cái cày, cái bừa...Từ xa xưa người ta không dùng tiền. Tiền bạc về sau mới sinh ra. Nền sản xuất nông nghiệp cao nhất cũng chỉ có thể sản sinh ra cái chợ, không thể sinh ra thành phố, đô thị. Thành phố, đô thị là do nền sản xuất thủ công nghiệp, công

nghiệp và đại công nghiệp sinh ra. Như nước ta chẳng hạn, cac thành phố lớn chỉ mới sinh ra từ thời người Pháp đến, còn như trước đó, cũng có những tụ điểm giao thương trên bến dưới thuyền, khá nổi tiếng, nhưng chủ yếu hàng hóa đem ra trao đổi vẫn cứ là các sản vật nông nghiệp: gạo thóc, hoa quả, tơ tằm...

Vì vậy mà có thể nói, cái chợ quê là nơi giao thương nội bộ của nền sản xuất nông nghiệp, gắn bó chặt chẽ với nền sản xuất nông nghiệp, phán ánh đời sống, mức sống vật chất và sau đó cũng là bộ mặt tinh thần vui, buồn, sướng khổ, giàu, nghèo của mỗi vùng quê ở trên đất nước ta.

Chợ quê được hình thành rất đơn giản. Đó là một bến đò ngang, nơi con người ở hai bên sông qua lại. Đó là một bãi đất trống với cây đa cổ thụ tỏa bóng mát giữa cánh đồng. Chợ cũng thường hình thành ngay trước cổng ra vào của các trụ sở hành chính, các huyện đường, các công sở. Ở vùng biển thì chợ hình thành ngay trên bờ biển, nơi những con thuyền ra khơi đánh cá và đem tôm cá trở về. Ở vùng rừng thì chợ mọc bên bìa rừng để giao lưu và trao đổi các sản phẩm của miền sơn cước: Củ nâu, củ mài, măng giang, tre nứa và các loại hoa quả của rừng. Mỗi vùng đất đều có phong vị riêng của cái chợ quê ở vùng đất quê ấy.

Với nền sản xuất nông nghiệp thì nền sản xuất thủ công dù phát triển đến đâu, chủ yếu cũng vẫn là để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Hay nói cách khác, nền sản xuất nông nghiệp đã đẻ ra nền sản xuất thủ công nghiệp. Bởi người cày ruộng cần có cái lưỡi cày, lưỡi cuốc, nên mới kéo theo sự phát triển của các lò rèn dao, cuốc, liềm, hái. Người cày cần cái bồ đựng thóc, cái dè đựng lúa, thúng, mủng, dần, sàng, cối xay, cối dã, cái cày, cái bừa...nên mới đẻ ra nghề thủ công đan lát, nghề mộc dân dụng. Từ đó, chợ quê là nơi giao lưu gặp gỡ của 2 loại hàng hóa: hàng nông nghiệp và hàng thủ công phục vụ nông nghiệp. Cuộc trao đổi giữa hàng nông nghiệp và hàng thủ công nghiệp là linh hồn của các chợ quê, nó đánh dấu một bước phát triển mới của nền sản xuất tự cung, tự cấp. Rõ ràng là, người sản xuất nông nghiệp không còn có thể sản xuất theo kiểu "tay làm hàm nhai", "tay vo miệng lốm" mà họ phải sản xuất nhiều sản phẩm nông nghiệp hơn để có thể mua được cái lưỡi cày, cái dao, cái cuốc, cái bồ đựng thóc, cái chum, cái vại...Và ngược lại, do nhu cầu mua sắm nông cụ, vật dụng của người nông dân ngày một tăng lên nên nền sản xuất tiểu thủ công nghiệp cũng phải phát triển theo để đáp ứng nhu cầu của " thị trường". Cuộc trao đổi hàng hóa ở các chợ quê đến đây, tự nó đã mang tính kích thích nền sản xuất, tự nó đã mang nhu cầu phát triển. Đến xem các chợ quê thì ngoài sản phẩm nông nghiệp, người tham quan, nghiên cứu rất nên để ý xem xét các sản phẩm thủ công nghiệp của miền quê đó. Ngược lại, chỉ cần xem xét các sản phẩm thủ công nghiệp ở chợ quê thì người tham quan cũng biết ngay được là mình đang đứng ở vùng đất nào, nghề nghiệp sinh sống của người dân ở vùng đất đó là gì, đời sống phát triển ra sao, đạt đến mức nào? Chẳng hạn, nếu nhìn thấy trong chợ quê bán nhiều lưới đánh cá, nhiều dao sẻ, dao phát thì ta cũng biết được vùng đất ấy là vùng biển hay vùng rừng. Nhìn vào vải vóc, tơ lụa, đồ mây tre đan, đồ gỗ sơn son thếp vàng thờ cúng, đồ gỗ mĩ nghệ chạm khắc, khảm xà cừ... ta cũng biết được ít nhiều về sự thịnh vượng và trình độ văn minh phát triển của vùng quê ấy. Nói cái chợ quê là bộ mặt tinh thần của mỗi vùng đất là vì vậy.

Chợ quê gắn bó với đời sống của người dân Việt đã nghìn đời nay nên nó là hình ảnh thân thương nhất của quê hương, xứ sở. Người Viêt đi xa làng không thể không nhớ làng. Mà mỗi lần nhớ đến làng thì không thể không nhớ đến cái chợ quê chông chênh lều lán ở đầu làng. Chợ quê gắn với hình ảnh của mẹ. Gắn bó với tiềm thức của tuổi thơ. Hình bóng người mẹ với quang gióng gồng gánh hay đội thúng trên đầu mỗi ngày ra chợ, mỗi chiều trở về trong niềm mong ngóng của những đứa con thơ mãi mãi là hình ảnh gắn bó thân thương với đời sống tinh thần của mỗi đứa trẻ đang dần lớn lên ở trên đất Việt. Trong ca dao dân gian, trong nền văn học truyền miệng và văn học viết đã có hàng trăm, hàng ngàn bài thơ nói về cái chợ quê mà hầu như không bài nào là không để lại những xúc động sâu xa trong tâm hồn chúng ta. Chợ quê là hồn quê, là hồn người, là tình yêu quê hương đất nước thẳm sâu trong trái tim của mỗi người dân Việt.

Chúng ta vui khi nhìn thấy ở cái chợ quê hàng hóa đủ đầy, phong phú. Chúng ta thương quê mình hơn khi thấy cái chợ quê mình lạnh lẽo, nghèo nàn. Tôi cũng đã nhiều lần đứng lặng trước những bà mẹ nghèo ngồi bên mé chợ với cái rổ tre bày bán mấy con ốc, vài bó rau, nải chuối, dăm quả trứng gà. Tôi cũng đã từng tự hào khi làng xóm tôi có nghề nuôi tằm, dệt lụa, các bà mẹ trong thôn gồng gánh vải vóc, tơ lụa nhuộm đủ màu sắc tươi vui mang ra chợ quê để bán.

Chợ quê là nơi "những cô hàng xén răng đen/Cười như mùa thu tỏa nắng" trong thơ Hoàng Cầm. Là "thúng gạo nếp đong đầy như núi tuyết" trong thơ Đoàn Văn Cừ. Là cái chợ tình trai gái hát si, hát lượn và bầu bạn ngồi thâu đêm suốt sáng bên nồi thắng cố ở Cao Bằng, ở Sa Pa. Nhưng với tôi, gắn bó nhất, gần gũi nhất vẫn là các chợ quê ở vùng quê xứ Nghệ. "Muốn ăn khoai sọ với đường/thì xin thầy mẹ ngược chợ Lường với anh". "Quê tôi ngọt mía Nam Đàn/Ngon khoai chợ Rộ, thơm cam Xã Đoài". "Sa Nam trên chợ, dưới đò/bánh đúc hai dẫy, thịt bò mê thiên!"...

Thời xưa trai gái "cấm cung", "nam nữ thụ thụ bất thân", muốn gặp nhau, tìm hiểu nhau rất khó. Chợ quê là nơi tạo ra cơ hội cho trai gái gặp gỡ nhau, tìm hiểu nhau. Ở quê tôi có tục đi "coi mắt" con gái ở các chợ quê. Chữ "coi mắt" là tiếng địa phương Xứ Nghệ, có thể dịch ra tiếng phổ thông là "xem mặt" cho bạn đọc dễ hiểu. Trai gái lớn lên, đến tuổi dựng vợ gả chồng mà muốn biết mặt nhau thì chỉ có một cách là phải sắm một ít hàng hóa, giả vờ đi bán hàng, hoặc giả vờ đi mua hàng để ngó mặt nhau. Ngoài cách đó, không còn cách khác. Vậy nên, cái chợ quê lại là cái đầu mối nối các mối tơ duyên cho các nam thanh nữ tú trong cái xã hội phong kiến hà khắc nam nữ cấm cung, cách biệt. Những người đã thành vợ thành chồng từ các cuộc gặp gỡ ở chợ quê thì chợ quê đối với họ là kỷ niệm riêng tư, là ơn nghĩa suốt đời của họ nên tình cảm những người đó gắn bó với cái chợ ở quê mình là thiêng liêng, sâu đậm. "Chợ Lường một tháng sáu phiên/Tìm em không gặp, anh quên đường về". "Khi mô cho đến truông Dùng/Cho qua truông Rạng, cho cùng truông Si/Chợ Lường cuốc bộ anh đi/Đường xa mấy dặm cũng vì nhớ em". Thế đấy, cái chợ quê đã nằm lòng trong tâm hồn người dân Việt là như vậy đấy!

Như trên đã nói, nền sản xuất nông nghiệp đã hình thành ra cái chợ quê với những tình cảm thân thương yêu dấu của các làng quê nông nghiệp. Còn nền sản xuất công nghiệp, đại công nghiệp sẽ đẻ ra thành phố, đô thị. Nay là thời điểm giao thời. Đất nước ta đã và đang hình thành các thành phố lớn, các đô thị lớn. Song song với sự phát triển các hàng hóa công nghiệp, các siêu thị ở các thành phố trên đất nước ta cũng đã mọc lên như nấm. Người các thành phố cũng đã quen dần với việc mua sắm ở các siêu thị. Tuy nhiên, về tình cảm, tôi nghĩ, có lẽ còn lâu, người Việt ta mới có thể yêu mến, gắn bó thân thương với cái siêu thị như tình cảm của họ với cái chợ quê ở trong tâm hồn mình. Vấn đề là, về lâu về dài, cái siêu thị phát triển có giết chết cái chợ quê thân thương ở các làng quê trong sự nuối tiếc của chúng ta hay không? Tôi nghĩ, không ai có thể ngăn cản được quy luật của sự phát triển. Tuy vậy, đôi khi chúng ta vẫn muốn giữ lại cái chợ quê như giữ lại một mảnh hồn làng. Chúng ta muốn cái chợ quê mãi mãi gần gũi với khung cảnh thiên nhiên, trên một bến đò, dưới bóng một cây đa cổ thụ với dăm ba dãy lều lán sơ sài như nó vốn có tự ngàn xưa. Điều đó có thể chăng, khi quỹ đất cho sự phát triển các đô thị đang ngày một bị thu hẹp? Dẫu chúng ta không ưa lắm những cái chợ bị bịt kín trong 4 tường rào xây gạch táp lô, hàng hóa được xếp ngay hàng thẳng lối vuông vức, gò bó ở trong các đình chợ, thì cái chợ quê bây giờ vẫn cứ phải thiết kế theo cái kiểu cách ấy! Những cái chợ như vậy, không phải là siêu thị đã đành nhưng nó cũng không còn giữ lại được bao nhiêu những hình ảnh của cái chợ đơn sơ mà rất đỗi thân thương ngày trước.

Hiện tại, việc xây dựng cái chợ quê đã là 1 trong 19 tiêu chí của việc xây nông thôn mới. Tôi nghĩ, cái khó của việc này chưa phải là ở tiền bạc, cũng chưa phải là ở việc tìm kiếm và mua sắm vật liệu gạch ngói, bê tông cốt thép mà khó nhất vẫn là việc giữ cho được tình cảm thân thương yêu mến của Nhân dân đối với cái chợ ở trên vùng đất của quê hương mình như họ đã từng mến yêu cái chợ quê cổ sơ ngày trước...

Người Tây Ban Nha ăn nho ngay khi đồng hồ chuyển sang 0h với hy vọng năm mới gặp nhiều may mắn. Nguồn ảnh: iStock

TẾT TÂY - TẾT TA

HỮU ĐỨC

Nhiều năm trở lại đây, câu chuyện có nên bỏ Tết Ta (Tết Âm lịch), gộp Tết Ta với Tết Tây (Tết Dương lịch) hay không luôn là đề tài thu hút tranh luận. Có cần phải tranh luận không khi thay đổi là một quy luật tất yếu và trong quá trình vận động, điều gì còn phù hợp sẽ được giữ lại, điều gì không phù hợp thì tự nó sẽ bị đào thải và biến mất? Vậy nên, thiết nghĩ, không cần một cá nhân hay tổ chức nào phải đứng lên lên tiếng bỏ hay thay thế Tết. Tết cổ truyền, nếu còn ăn sâu trong tâm thức người dân Việt thì không một ai có thể yêu cầu họ từ bỏ cả.

Tết, suy cho cùng, dù ở ta hay Tây cũng là thời khắc khép lại một năm đã qua, đón chào năm mới. Đó là khi người ta tổng kết những gì mình đã làm được, gác lại những muộn phiền, lo lắng năm cũ để cùng đón chờ, hy vọng vào một tương lai tốt đẹp hơn. Việc tính thời điểm kết thúc năm có sự khác biệt ở nhiều quốc gia, dân tộc, tùy thuộc vào loại lịch mà họ sử dụng.

TẾT TÂY

Trên thế giới hiện nay phổ biến nhất vẫn là đón năm mới theo Dương lịch, dân gian ta vẫn gọi là Tết Tây. Tết Dương lịch vốn được bắt nguồn từ hệ thống lịch của người La Mã cổ đại. Ban đầu là hệ thống lịch Romulus (1 năm chỉ có 10 tháng), đến thời đại của hoàng đế Julius Caesar thì hệ thống lịch này được cải tiến thành lịch Julius, đặt nền móng cho Dương lịch ngày nay. Năm 1582, lịch Julius được Giáo hoàng Gregory XIII cải cách thành lịch cơ bản như hầu hết các nước trên thế giới sử dụng hiện nay, người ta gọi đó là lịch Gregory hay lịch Gregorius. Theo lịch này, một năm có 12 tháng, 365 ngày và ngày bắt đầu năm mới là vào ngày 01/01 hàng năm. Hầu hết các nước phương Tây xem đây là một kỳ nghỉ lễ để thư giãn sau một năm căng thẳng làm việc, để tái tạo lại năng lượng trước khi bắt tay thực hiện những mục tiêu và kế hoạch mới. Mặc dù cùng tổ chức vào một thời điểm nhưng mỗi quốc gia lại có một tập tục, văn hóa đón Tết Dương lịch khác nhau.

Tại Tây Ban Nha, trong đêm giao thừa, người ta sẽ ăn nho ngay khi đồng hồ chuyển sang 0h với hy vọng năm mới gặp nhiều may mắn. Người Đan Mạch lại có tục lệ, vào đêm 31/12 sẽ ném đĩa, kính cũ vào trước cửa nhà người khác để xua đuổi điều xui xẻo năm cũ. Họ quan niệm nhà nào càng có nhiều mảnh vỡ trước nhà thì sẽ càng may mắn trong năm mới. Nhiều quốc gia khác cũng có những tục lệ mang tính tượng trưng vứt bỏ lại những điều không may năm cũ như: cắt bỏ giấy tờ, tài liệu cũ và ném những mảnh giấy vụn ra khỏi nhà (Argentina); ném bỏ đồ đạc cũ qua cửa sổ, ban công (Ý). Một số quốc gia khác lại có tập tục mang tính dự báo cho năm mới như: nung chảy mẩu chì hoặc thiếc nhỏ rồi đổ vào nước lạnh với niềm tin rằng hình dạng nó tạo thành sẽ là điềm báo cho cuộc sống người đó trong năm tới (Đức, Phần Lan), cắt đôi quả táo và xem hình dạng lõi bên trong tương tự hình ngôi sao (may mắn) hay thập tự (không may) (CH Séc); những cô gái độc thân đứng xếp hàng và để hạt ngô phía trước mình, nếu gà trống mổ vào hạt ngô của ai thì người đó sẽ kết hôn trong năm mới (Belarus). Ngoài ra, người ta còn có tục rắc muối trước cửa (Thổ Nhĩ Kỳ), ném kem xuống sàn nhà (Thụy Sỹ), ném hoa hay đồ ăn xuống biển (Brazil, Israel), viết điều ước ra giấy rồi đốt và uống (Nga),...với hy vọng năm mới sẽ tới cùng những điều may mắn, thịnh vượng, như ý.

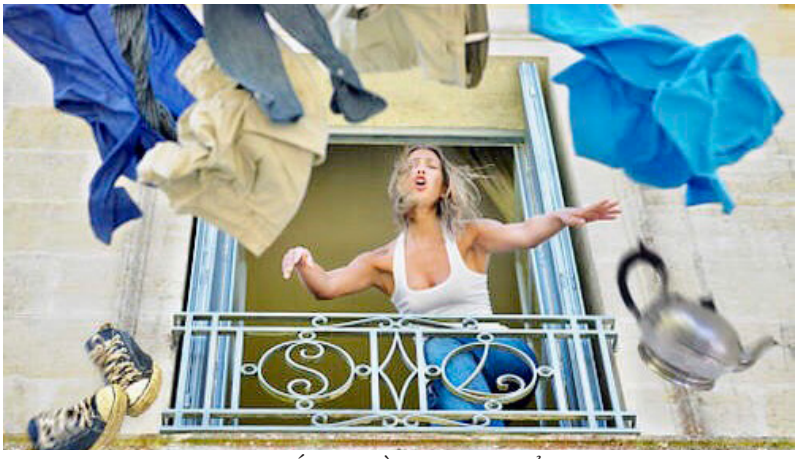

Người Ý ném đồ cũ qua cửa sổ vào ngày đón năm mới.
Nguồn ảnh: grandvoyageitaly.com

Như vậy, dẫu mỗi quốc gia có một tập tục, một quan niệm kiêng kỵ khác nhau nhưng các nghi thức đều hướng đến gác bỏ những điều không vui, không may năm cũ và hy vọng vào một năm mới đầy niềm vui, may mắn. Ngoài những nghi thức riêng, mang đậm nét văn hóa của từng quốc gia, hầu hết các nước phương Tây đều tổ chức tiệc đón giao thừa và cùng nhau tập trung bên ngoài để chiêm ngưỡng pháo hoa, nâng ly chúc mừng năm mới.

Ở Việt Nam, người ta biết đến và sử dụng lịch Tây từ thời Pháp thuộc song chỉ đến thời gian gần đây, trong thời đại toàn cầu hóa và có nhiều giao thoa văn hóa, chúng ta mới tổ chức nhiều hoạt động đón năm mới theo Dương lịch. Tuy nhiên, trong dịp này, các hoạt động chủ yếu hướng đến vui chơi, không đặt nặng các tập tục, nghi lễ. Các thành phố thường tổ chức chương trình ca nhạc, cùng đếm ngược và bắn pháo hoa đón chào năm mới. Những nghi thức quan trọng để khởi đầu một năm người Việt vẫn thường tổ chức vào dịp Tết Âm lịch.

TẾT TA

Tết Ta hay còn gọi là Tết Nguyên Đán, Tết Cả, là Tết được tổ chức theo âm lịch. Đây là loại lịch được tính dựa trên chu kỳ của Mặt Trăng so với Trái Đất. Ngoài Việt Nam, một số quốc gia châu Á khác cũng sử dụng lịch này như Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Malaysia,...Thực chất, loại lịch âm chúng ta sử dụng hiện nay là âm dương lịch, chứ không thuần âm lịch như các nước Hồi giáo sử dụng. Tết Âm lịch thường cách Tết Dương lịch ít nhất khoảng 21 ngày.

Dù theo thời gian, phong tục đón Tết có nhiều thay đổi nhưng Tết truyền thống vẫn là một sự kiện quan trọng, có ý nghĩa đối với người Việt. Đây không chỉ là dịp nghỉ lễ đơn thuần mà còn chứa đựng nhiều giá trị văn hóa, tinh thần to lớn. Đó là lúc gia đình được đoàn tụ, sum vầy; cùng hướng lòng nhớ về tổ tiên, ông cha. Bắt đầu từ tháng Chạp (tháng 12 Âm lịch) người ta

đã chuẩn bị đón Tết với nhiều hoạt động như: tảo mộ, dọn dẹp, trang trí nhà cửa, mua sắm.... Từ ngày 23 tháng Chạp trở đi, không khí Tết bắt đầu rộn ràng trên khắp mọi miền đất nước. Có rất nhiều phong tục, lễ nghi trong ngày Tết cổ truyền Việt Nam mà nghiên cứu về nó chắc chắn phải cần đến những công trình dày dặn. Trong bài viết này, tác giả không có ý đi sâu vào những phong tục mà chỉ điểm qua để thấy được nét giống và khác nhau giữa Tết Ta với Tết Tây. Nhắc đến Tết là người ta nhắc đến tục gói bánh chưng, dựng cây nêu, xông đất, lễ mừng thọ và lì xì đầu năm,...Người Việt rất coi trọng việc đi chúc Tết các bậc cao tuổi, người có công lao dạy bảo, giáo dục mình nên mới có câu "mồng một Tết cha, mồng hai Tết mẹ, mồng ba Tết thầy"... Cũng như các quốc gia khác trên thế giới, người Việt cũng có những tập tục, kiêng kỵ trong năm mới nhằm tránh những điều xui rủi, hy vọng một năm may mắn, thuận lợi như: tắm nước rau mùi vào chiều Ba mươi Tết, kiêng quét dọn vào ngày mồng 1 Tết, chọn người hợp tuổi xông nhà, mặc đồ màu đỏ để đón may mắn...

Điều khác biệt lớn nhất có lẽ là nếu như Tết Tây hướng ra bên ngoài với những hoạt động tập thể sôi động thì Tết Ta lại là dịp hướng vào bên trong mỗi gia đình, hướng vào chiều sâu tâm hồn mỗi người. Trong khoảnh khắc giao thừa thiêng liêng của Tết cổ truyền, con cháu sẽ tập trung thắp nén hương lên bàn thờ gia tiên rồi chúc nhau những lời tốt đẹp

Gói bánh chưng trong dịp Tết Nguyên Đán là phong tục truyền thống của người Việt. Nguồn ảnh: Báo QĐND

nhất chứ không phải đổ ra một điểm nào đó để cùng đếm ngược và ngắm pháo hoa rực sáng trên bầu trời. Dẫu rằng, theo thời gian, có những giao thoa, biến đổi trong cách đón Tết, đặc biệt là ở các thành phố và giới trẻ, nhưng rút cục, Tết Ta vẫn là dịp để mỗi người hướng về nguồn cội, bày tỏ sự tri ân với các thế hệ trước và thắt chặt thêm mối liên kết trong gia đình. Chính ý nghĩa đó làm cho Tết trở nên thiêng liêng và không thể nào thay thế để mỗi người dù có thành danh, lập nghiệp ở đâu thì vẫn khát khao được trở về nhà trong dịp Tết Nguyên đán.

Trên thực tế, không chỉ có hai loại Tết được kể trên mà một số dân tộc/ tộc người còn tổ chức Tết theo cách tính lịch riêng của họ. Ngay trên lãnh thổ Việt Nam, chỉ khoảng 30/54 dân tộc đón năm mới theo Tết Nguyên đán, còn lại đều tổ chức tết truyền thống riêng của họ. Như vậy, vòng quanh thế giới và trở về Việt Nam để thấy, chính sự đa dạng trong phong tục, cách thức, thời gian tổ chức Tết đã mang đến vẻ đẹp độc đáo, phong phú cho thế giới. Điều chúng ta cần làm là tôn trọng sự khác biệt và gìn giữ những vẻ đẹp đó bởi thế giới sẽ trở nên nhàm chán biết bao nếu các quốc gia không có sự khác biệt, không giữ văn hóa, tập tục của riêng mình.

Lễ, Tết chỉ đẹp khi nó gắn với những giá trị và hoạt động nhân văn chứ không chỉ đơn thuần là một kỳ nghỉ. Thời kỳ hội nhập, chúng ta cần bắt kịp các xu hướng chung của thế giới, cần năng động và chủ động thay đổi để phát triển nhưng cũng cần biết gìn giữ những giá trị văn hóa tốt đẹp riêng có của mình. Văn minh không có nghĩa là luôn chạy theo và làm theo những gì phần đông thế giới làm. Văn minh không có nghĩa là rũ bỏ những giá trị văn hóa đã là hồn cốt dân tộc để rồi một ngày nào đó chính ta cũng không nhận ra mình là ai trong thế giới đa sắc màu.

Tết ở nhà trường, khi ngày vui ngắn chẳng tày gang

THÁI HẠO

Trường tôi quá nửa là giáo viên ngoại tỉnh, mà chủ yếu là dân miền Bắc, miền Trung. Nghĩa là xa, xa lắm. Giáo viên phần đông là trẻ, nhiều người chưa có gia đình, đi dạy thì ở nội trú hoặc ở trọ bên ngoài. Tết đồng nghĩa với về quê.

Lương giáo viên chỉ đủ sống tằn tiện, tiết kiệm lắm thì mỗi năm đủ một chuyến đi về. Những đồng thưởng tết hay "lương tháng 13" trở thành to lớn. Nhiều người nhìn cả vào đó.

Thường, nhà trường tổ chức lễ tổng kết học kỳ 1 kết hợp với chia tay về Tết vào ngày cuối cùng của năm cũ. Để ngày hội được đông đủ hoành tráng và không ai vắng mặt, nhà trường không cho nhận tiền thưởng trước, mà đợi sau khi lễ hội xong xuôi hết mới cho thủ quỹ mở cửa phát tiền.

Cảnh tượng thật khó coi.

Người đứng thành hàng dài trên hành lang, trước cửa phòng tài vụ thì túm tụm. Có người đứng lâu quá, mỏi, nên ngồi xổm, có người leo lên lan can ngồi nhìn ra cổng. Lúc đầu người ta còn trò chuyện rôm rả với nhau, sau thưa dần, có lẽ vì không còn gì nhiều để nói. Rồi có người xin được lấy trước, vì vé đặt sớm, sợ trễ chuyến. Cả một "tập thể giáo viên" đứng ngồi lố nhố trước phòng phát tiền, tay xách nách mang; có người cười nói, kẻ lơ đãng, có người nóng lòng bồn chồn, người ngại ngùng lúng túng. Trong cái đoàn người ấy, có cả những người không về Tết vì đã có gia đình và nhà cửa nơi quê mới, nhưng nếu lúc ấy mà không đợi nhận tiền thì hết giờ thủ quỹ sẽ đóng cửa, không làm việc nữa. Tiền sắm Tết, quà Tết biết trông vào đâu...

Thưởng Tết vẫn là khái niệm xa xỉ với nhiều giáo viên (Ảnh minh họa: Báo Lao động)

Đồng tiền mà nhận như thế, nghĩ cũng ái ngại lắm, có người còn thấy ê chề, cảm cảnh.

Tết, theo truyền thống Việt Nam, phần thưởng mà mọi người dành cho nhau không phải chỉ là chút tiền mà còn có cả những lời chúc. Trước khi Tết đến thì phải đi chúc Tết, chúc từ đồng nghiệp đến lãnh đạo, và mang về những "nhiệm vụ mới". Trong khoảng 1 tuần nghỉ Tết, có người còn đang chấm dở xấp bài... Nhà trường, vì "khí thế làm việc đầu năm", giao luôn cho một mớ công việc, đôi khi lên lịch kiểm tra hồ sơ ngay khi vừa trở lại trường. Người ta sợ giáo viên nghỉ nhiều sẽ sinh hư!

Quà của học sinh thì là những "bài tập Tết". Ở những trường chuyên, trường chất lượng cao, áp lực thành tích rất lớn, phải luôn "vui chơi không quên nhiệm vụ". Thế là các em sẽ về nhà cùng với những chiếc cặp nặng trĩu. Có thể vì vui Tết, có thể vì chán hay bất cần, nhiều em không chịu làm, "muốn ra sao thì ra". Nhưng mà đâu có vui nổi khi món nợ còn đó. Liều mà cố quên đi hay phải tỏ ra là mình đã quên để mà "xõa" cùng bạn bè.

Nghỉ Tết, thành ra với ai cũng chỉ là nghỉ cái thân, còn tâm thì trĩu nặng. Trĩu nặng bài vở, trĩu nặng thành tích, trĩu nặng áo cơm...

Việt Nam là nước có nhiều ngày lễ tết hội hè, nhưng tuy thế, cái sự nghỉ ngơi thật sự thì càng ngày càng trở nên xa xỉ. Trong lúc tạm để công việc xuống, họ liền phải đặt những nỗi lo lắng mơ hồ mà thường trực lên ngực. Những niềm vui không bao giờ trọn vẹn.

Ở các nước công nghiệp hiện đại, họ làm việc với tần suất rất cao, làm việc như thể ngày mai là ngày cuối, nhưng nghỉ là nghỉ. Họ về nhà là để công việc xuống bàn trước khi bước về nhà, để về bằng tất cả thân tâm mà dành hồn mình cho bản thân và gia đình. Họ làm ra làm, chơi ra chơi, nghỉ ngơi là nghỉ

ngơi thật sự. Cuộc sống được bảo đảm bởi thu nhập, bởi các pháp luật và các tổ chức xã hội nghề nghiệp. Họ có cảm giác an toàn thả lỏng mà không bị những nỗi bất an vô hình dày vò ám ảnh.

Tết của nhà trường ở ta, cái niềm vui dường như chỉ là được thoát khỏi công việc ít ngày, dù không thoát được hoàn toàn. Người ta không nóng lòng trở lại, mà chỉ sợ mỗi khi nghĩ đến lúc đi làm. Ở đó, biết bao món nợ đang chờ trong một bầu không khí thường trực căng thẳng với tình đồng nghiệp mỗi lúc một rời rạc khô cứng.

Tiền không làm cho cuộc sống vì thế mà trở nên giàu có, nhưng tiền đảm bảo cho con người những điều kiện cần để sống tự tin, sống có phẩm giá. Sự thiếu trước hụt sau của người thầy là một cách rất dễ để khiến họ khó mà giữ được lòng tự tôn và sự tận tụy với nghề. Cái Tết của người giáo viên, vì thế, ngoài giây phút vui vẻ ngắn ngủi là sự nhắc nhớ, nhắc nhớ thường xuyên đến những thiếu thốn và tự ti.

Tất nhiên, có không ít giáo viên giàu, nhưng cũng tất nhiên, họ không giàu bằng chính thu nhập từ tiền lương, mà bằng những cách khác như môi giới đất, như bán hàng online, như dạy thêm... Lao động chính đáng thì đâu có vấn đề gì để phải ca thán, đúng, nhưng ngay cả khi nó hoàn toàn chính đáng thì người chịu thiệt thòi nhiều nhất vẫn là học sinh và tương lai xã hội. Vì một khi người thầy phải phân thân để lo cho cuộc sống thì có nghĩa là họ không thể dành trọn vẹn tâm sức cho sự nghiệp giáo dục. Đó cũng chỉ là mới nói một khía cạnh, chứ phân tích sâu thì còn nhiều nỗi lắm.

Cái Tết thành ra buồn, hoặc là vui theo một cách nào đó rất tệ hại, giống một sự giải khuây nhiều hơn. Giải quyết vấn đề lương là nhiệm vụ trước hết của Nhà nước, bên cạnh đó là những tồn tại dằng dai của những căn bệnh thâm căn cố đế trong ngành giáo dục, từ tình trạng thiếu dân chủ, bệnh thành tích, đến sự xơ cứng trong mối quan hệ gia đình - nhà trường - xã hội... Mục đích không phải là vì cái Tết, mà Tết, lúc này, sẽ trở thành tấm gương soi để thấy toàn cảnh nền giáo dục, toàn cảnh xã hội.

Tết đối với người Việt là một ngày thiêng liêng. Nhưng ngay cả cái Tết khi mà con người ta còn không hạnh phúc nổi thì không gì có thể chứng minh hùng hồn hơn cho một tồn tại nhiều nhức nhối cần phải canh cải không thể trì hoãn.

Dịp hè vừa rồi, nhóm bạn bè cùng khóa chúng tôi tổ chức gặp mặt kỷ niệm 50 năm nhập trường cấp ba.

Điểm đến đầu tiên của chúng tôi là trường cũ. Thực ra ngôi trường cũ không còn. Những dãy lán - nơi ngồi học của chúng tôi năm lớp 9 và 10 đã bị dỡ đi từ lâu rồi, sau chiến tranh chừng ba năm. Nơi trường xưa nay đã trở thành một xóm dân cư. Đứng từ ngoài ngắm vào một hồi, chỉ trỏ với nhau chỗ này là lán lớp A, chỗ kia là lán lớp B, lớp C..., một bạn đề xuất về cơ sở mới của trường cách đó hơn 10 cây số. Dùng dằng mãi bởi bạn đồng ý, bạn không nhưng rồi chúng tôi vẫn lên thăm trường. Đang dịp hè, nhà trường vắng hoe, chỉ có anh bảo vệ miễn cưỡng mở cổng cho chúng tôi vào thăm. Chúng tôi về trường cũ mà như đi tham quan một nơi xa lạ. Thầy cô cũ không còn. Không có một ký ức gì cả. Chúng tôi ra về. Nhẹ tênh. Hùng, cùng lớp với tôi, bỗng có sáng kiến thăm các gia đình nơi đặt các lán học năm 1972. Mọi người tán thành. Khi đang bom đạn, để đề phòng rủi ro, mỗi lớp một lán, cách nhau có khi hàng cây số và đều dựng trong vườn của dân. Chúng tôi đến được 3 gia đình như thế. Lán cũ không còn nhưng vẫn còn dấu vết của các lũy bao che quanh lớp học và những cây mít cạnh lớp mà mỗi giờ ra chơi chúng tôi vẫn tụ tập. Nói thêm, năm 1972, đầu năm học, thầy trò chúng tôi phải tự vác tranh, tre đến rồi tự làm lấy lán, đắp lũy, đào hầm mà học. Tuần đầu tiên của cấp ba là vậy. Vào một gia đình nơi chúng tôi ở trọ, ông bà chủ nhà mất đã lâu rồi. Giờ chỉ còn anh con trai nay cũng đã gần 60 tuổi. Lúc chúng tôi học lớp 8 ở đây thì anh còn nhỏ lắm mới học lớp 2, nhưng câu chuyện vẫn rất rôm rả và vui vì c ó chung ký ức về lớp học và về cha mẹ của anh đã bao bọc, cơm nước cho chúng tôi.

Rồi cuối cùng chúng tôi cùng quay về phố huyện để tiếp tục những câu chuyện "biết rồi nói mãi" đến tận lúc chia tay vào chiều tối với một nỗi tiếc chung là không còn mái trường xưa, dù đó chỉ là những ngôi nhà tạm mà ta vẫn thường gọi là cái lán, bao quanh là 4 chiếc hầm chữ A dài làm lũy.

Tuổi học trò của chúng tôi gần trọn trong 10 năm chiến tranh phá hoại của Mỹ (1965 - 1975). Chiến tranh, trường lớp tạm bợ, nay không còn là đương nhiên. Thế nhưng, chúng tôi vẫn tiếc, vẫn cảm thấy thiệt thòi vì không có một ngôi trường

Tranh minh họa (nguồn intenet)

Ký ức trường xưa và chuyện di dời các ngôi trường

THẢO NGUYÊN

để gim giữ ký ức. Chúng tôi có thầy, có bạn để nhớ nhưng không còn ngôi trường xưa để đi về.

Đọc sách, xem báo, xem TV, chúng tôi thấy mỗi dịp kỷ niệm, các thế hệ học trò của những ngôi trường lớn như Chu Văn An ở Hà Nội, Quốc học ở Huế... nô nức về trường và họ thường chụp những tấm ảnh gắn với không gian, kiến trúc của trường cũ. Sân trường, cổng trường, phòng học, những cây xanh trong trường... là một phần ký ức của các thế hệ học trò. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn, trong một bài viết đã mô tả ngôi trường Quốc học Vinh rất chi tiết và đều gắn liền với kỷ niệm thuở học trò của ông và bạn bè. Chỉ cần thấy ảnh cổng trường Quốc học Huế từng tồn tại hàng trăm năm nay như một biểu tượng của ngôi trường này chắc chắn hàng trăm thế hệ học trò Quốc học đều tự hào và yêu thương ngôi trường của mình. Tuy không cao to như cổng mới nhưng cổng parabôn của Đại học Bách khoa Hà Nội đã, đang và sẽ là niềm tự hào, niềm thương nhớ của hàng chục vạn kỹ sư ra đi từ mái trường này.

Hay như ở Nghệ An ta, rồi đây cổng trường và màu nâu sẫm của ngôi trường THPT Huỳnh Thúc Kháng (TP. Vinh) sẽ sống mãi với các thế hệ học trò Huỳnh Thúc Kháng.

Lan man vậy khi chợt thấy, chợt nghe đây đó chuyện dời trường này, trường nọ. Nhiều khi dời trường cũng là cần thiết, là bất đắc dĩ. Nhưng dời trường là không như dời một công trường, công xưởng. Vì mỗi ngôi trường gắn liền với vô vàn ký ức của các thầy cô và học trò trải suốt hàng chục, thậm chí hàng trăm năm. Kho tàng kí ức ấy, theo tôi, cũng là di sản văn hóa. Lớn hơn nữa, những ký ức ấy còn là cái neo để giữ lại, nhân lên tình cảm của họ với quê hương và đất nước. Tôi biết, nhiều chính khách, nhà khoa học, doanh nhân người Việt nổi tiếng thường chọn một nơi đến là ngôi trường cũ, thậm chí chỉ đến rồi dừng lại để ngắm cái cổng trường và nói với người đồng hành rằng tôi đã học ở ngôi trường này.

Vậy thì, nên chăng cần tính toán thật kỹ khi xóa bỏ hay di dời những ngôi trường. Và để tránh điều đó trong tương lai, ngay bây giờ các nhà quy hoạch, các nhà quản lý hãy cân nhắc thật kỹ khi chọn địa điểm mới cho các ngôi trường, bất kể là bậc học nào, từ tiểu học đến đại học, để sau này không phải cân nhắc nên hay không nên dời.

Những cái cổng trường, những ngôi trường đâu chỉ là vôi vữa, gạch gỗ mà rất khác, khác lắm. Khác vì nó là nơi chứng kiến quá trình Nên Người của hàng nghìn, hàng vạn con người; Nơi cất cánh cho những Trí tuệ; Nơi lưu giữ kho tàng Ký ức tuổi trẻ của cả huyện, cả tỉnh, thậm chí cả nước.

Một tiết mục trong chương trình "Thanh âm miền Ví, Giặm" Huy chương Vàng tại Liên hoan Âm nhạc ASEAN 2022. Ảnh: Quế Thương

Một năm thành công của nghệ thuật biểu diễn Nghệ An

NGỌC MAI

Năm 2022 đã khép lại với nhiều thành công trong hoạt động văn hóa của Nghệ An mà nổi bật là hoạt động biểu diễn nghệ thuật, cả nghệ thuật quần chúng và nghệ thuật chuyên nghiệp. Thành công này không chỉ đánh dấu sự nỗ lực, sáng tạo không ngừng của các đoàn nghệ thuật thuộc Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh và các đội nghệ thuật quần chúng thuộc Trung tâm Văn hóa tỉnh và Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông các huyện, thành, thị mà còn góp phần nâng cao mức hưởng thụ các giá trị nghệ thuật cho người dân tỉnh nhà.

Nghệ thuật chuyên nghiệp thăng hoa, tỏa sáng

Năm qua, các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp của Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh (Đoàn Dân ca truyền thống và Đoàn Ca Múa Nhạc dân tộc) không chỉ thành công trên sân khấu tỉnh nhà mà còn tỏa sáng trên sân khấu liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc.

Sau 2 năm tạm lắng vì dịch Covid-19, năm 2022, sân khấu nghệ thuật ở Nghệ An tưng bừng trở lại. Với nhiều sự kiện chính trị - văn hóa trong năm cùng với biểu diễn phục vụ đồng bào miền núi, các đoàn nghệ thuật tỉnh nhà hoạt động hết công suất. Có thể kể đến các chương trình nghệ thuật, các vở diễn lớn, như: *"Tình yêu người cộng sản"* phục vụ kỷ niệm 120 năm ngày sinh Tổng Bí thư Lê Hồng Phong, *"Hừng Đông"* phục vụ kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Phan Đăng Lưu, *"Bài ca không quên"* kỷ niệm 75 năm ngày

Thương binh liệt sĩ, *"Chỉ một con đường"* kỷ niệm 92 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; các chương trình nghệ thuật trong Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam, Lễ hội Làng Sen.... Đồng thời, nhiều chương trình nghệ thuật phối hợp với vai trò chủ đạo của các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp của Nghệ An tạo được dấu ấn, như: *"Truông Bồn - Bản hùng ca huyền thoại"* kỷ niệm 54 năm chiến thắng Truông Bồn, *"Ví đây đổi phận làm trai được"* vinh danh và kỷ niệm 250 năm sinh và 200 năm mất nữ sĩ Hồ Xuân Hương, *"Bản hùng ca bất diệt"* phục vụ Lễ hội Uống nước nhớ nguồn tại Nghĩa trang Liệt sĩ Việt Lào, chương trình phục vụ Lễ phát động triển khai chủ đề công tác năm 2022 của Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch: "Xây dựng môi trường văn hóa cơ sở và công tác tổ chức cán bộ", tại Khu Di tích Kim Liên, Nam Đàn,... Hầu hết các chương trình nghệ thuật đều đi vào chiều sâu và chất lượng, bám sát từng sự kiện chính trị của đất nước, của tỉnh, phản ánh kịp thời, khách quan, sinh động tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương; sân khấu biểu diễn được trải đều ở các vùng, miền vừa đáp ứng phục vụ kịp thời hiệu quả nhiệm vụ chính trị vừa phục vụ được đông đảo công chúng tỉnh nhà.

Đặc biệt, sân khấu biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của Nghệ An còn mở rộng ở nhiều địa phương trong nước, như: tại Hà Tĩnh với các chương trình: *"Vầng trăng nghĩa liệt"* kỷ niệm 55 năm chiến thắng Ngã Ba Đồng Lộc, *"Nẻo về nguồn cội"*; tại Quảng Nam với chương trình dân ca Ví, Giặm trong *"Triển lãm không gian Di sản Văn hóa Việt Nam"*, chương trình giao lưu văn hóa tại tỉnh Đắk Lắk; chương trình phục vụ Lễ kỷ niệm 40 năm quan hệ hợp tác tư pháp và pháp luật giữa Bộ Tư pháp Việt Nam và Bộ Tư pháp Lào và Hội nghị Tư pháp các tỉnh có chung đường biên giới Việt Nam - Lào lần thứ V; chương trình phục vụ tiệc chiêu đại Đoàn Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Phủ Thủ tướng Lào A-lun-xay Xủn-nạ-lặt thăm và làm việc tại Việt Nam và đồng chủ trì Hội thảo quốc tế trao đổi kinh nghiệm trong công tham mưu, tổng hợp phục vụ Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ;... Các chương trình này không chỉ tạo cơ hội cho các nghệ sĩ, diễn viên tỉnh nhà được giao lưu, trao đổi kinh nghiệm với các nghệ sĩ, diễn viên tỉnh bạn mà còn là dịp để tuyên truyền, quảng bá văn hóa nghệ thuật Nghệ An ra bên ngoài.

Một tiết mục trong chương trình nghệ thuật "Sắc" - Huy chương Vàng Liên hoan Ca Múa Nhạc toàn quốc tại Đăk Lăk. Ảnh: Quế Thương

Bám sát kế hoạch hoạt động của năm, Đoàn Ca Múa Nhạc dân tộc cũng đã chủ động tổ chức hàng chục buổi biểu diễn phục vụ đồng bào tại các huyên miền núi: Quỳ Châu, Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Quế Phong... Các chương trình nghệ thuật này mang đậm bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh nhà đã góp phần rất lớn vào việc nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào, tôn vinh các nét đẹp văn hóa của các dân tộc, đồng thời tăng cường sự gắn kết cộng đồng các dân tộc anh em trên địa bàn tỉnh nhà.

Năm qua, sân khấu biểu diễn dân ca Ví, Giặm cũng sôi nổi hơn tại các điểm du lịch: Khu Di tích Kim Liên, TX. Cửa Lò, Quảng trường Hồ Chí Minh,... với hơn 50 buổi biểu diễn phục vụ Nhân dân và khách du lịch. Đặc biệt, từ khi TP. Vinh vận hành phố đi bộ, không gian diễn xướng dân ca Ví, Giặm được duy trì hàng tuần tại Quảng trường Hồ Chí Minh, vừa hoạt động biểu diễn, vừa có đối đáp, ứng tác văn chương của

các thầy gà làm cho các đêm diễn sinh động, hấp dẫn hơn. Qua đó, Ví, Giặm - di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại được quảng bá rộng rãi hơn.

Trên sân khấu liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc, các đoàn nghệ thuật của Nghệ An liên tục thăng hoa và tỏa sáng. Tại Liên hoan Tuồng và Dân ca kịch toàn quốc (Nghệ An - tháng 5/2022), cả 2 vở diễn của Đoàn Dân ca truyền thống: *"Vầng sáng"* của tác giả Nguyễn Thị Nguyệt và *"Cánh cò trong bão"* của tác giả Nguyễn Quang Vinh được NSUT An Ninh chuyển thể sang kịch bản dân ca mang đậm màu sắc và phong cách con người xứ Nghệ, đã chạm đến trái tim người xem và được Hội đồng Nghệ thuật ghi nhận, đánh giá cao. Trong đó vở *"Cánh cò trong bão"* đạt HCV, ngoài ra còn có 06 HCV, 04 HCB và 04 HCĐ cho các vai diễn, Hội Nhạc sĩ Việt Nam cũng tặng Bằng khen cho nhạc công xuất sắc.

Tham gia Liên hoan Ca Múa Nhạc toàn quốc tại tỉnh Đăk Lăk (tháng 6/2022), Đoàn Ca Múa nhạc dân tộc Nghệ An trình làng chương trình nghệ thuật *"Sắc"*. Một chương trình đa hương, đa sắc khắc họa bức tranh sinh động của quê hương, thể hiện nét đặc trưng văn hóa của xứ Nghệ, tạo được ấn tượng mạnh mẽ đối với Hội đồng nghệ thuật, với bạn bè đồng nghiệp, được chuyên gia nghệ thuật đánh giá là có định hướng tốt trong việc bảo tồn giá trị truyền thống và quảng bá văn hóa địa phương. Chương trình *"Sắc"* đạt Huy chương Vàng. Ngoài ra, có 03 tiết mục đạt HCV, 03 tiết mục đạt HCB và 01 tiết mục đạt HCĐ. Đội múa của Đoàn biểu diễn xuất sắc được Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam tặng Bằng khen, nhạc công biểu diễn sáo trúc xuất sắc được Hội Nhạc sĩ Việt Nam tặng Bằng khen.

Năm 2022, lần đầu tiên Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh tham gia Liên hoan Âm nhạc ASEAN (Hội An - tháng 12/2022) với chương trình nghệ thuật *"Thanh âm miền Ví Giặm"*. Các tác phẩm trong chương trình sử dụng chất liệu âm nhạc Ví, Giặm và dân ca các dân tộc thiểu số miền Tây Nghệ An để giới thiệu những giá trị đặc sắc của nghệ thuật truyền thống Nghệ An tới bạn bè trong nước và quốc tế, góp phần xây dựng nền văn hóa nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc... Chương trình đạt HCV, 01 tiết mục đạt HCV, 02 tiết mục đạt HCB, 02 giải Xuất sắc (Đạo diễn Xuất sắc, nhạc công chính Xuất sắc). Chương trình thực sự trở thành cầu nối văn hóa, tạo cơ hội cho tỉnh Nghệ An thể hiện mối quan hệ đoàn kết, giao lưu hội nhập với các quốc gia trong khu vực, khẳng định vị thế của nghệ thuật Nghệ An trong nền nghệ thuật nước nhà.

Nghệ thuật quần chúng đa dạng, phong phú

Hoạt động nghệ thuật quần chúng (NTQC) Nghệ An năm 2022 cũng rất sôi động và gặt hái nhiều thành công. Trung tâm Văn hóa tỉnh và hệ thống Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông các huyện, thành, thị đã xây dựng và tổ chức biểu diễn nhiều chương trình NTQC phục vụ Nhân dân trong các lễ hội, các ngày kỷ niệm, các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước và của tỉnh. Với gần 30 lễ hội trải đều ở các vùng, miền trong tỉnh, rồi các lễ đón bằng công nhận các danh hiệu văn hóa, đón chuẩn nông thôn mới và mạng lưới câu lạc bộ dân ca Ví, Giặm, dân ca Thái, dân ca Thổ, CLB văn nghệ gần như phủ kín các xã, phường, thị trấn và nhiều cơ quan, đơn vị, trường học... sân khấu biểu diễn NTQC rộn ràng khắp mọi miền quê.

Liên hoan Tiếng hát Làng Sen là tâm điểm của hoạt động biểu diễn NTQC. Sân khấu Liên hoan Tiếng hát Làng Sen kỷ niệm 132 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh được tổ chức từ xã đến huyện, đến tỉnh. Đây là liên hoan thu hút đông đảo diễn viên quần chúng nhất và kéo dài trong thời gian lâu nhất, từ tháng 4 đến tháng 5. Các chương trình tham gia Liên hoan được các đơn vị đầu tư từ kịch bản, trang phục, đạo cụ; trau chuốt từng lời ca, tiếng đàn; thể hiện rõ bản sắc văn hóa của từng vùng, miền trong tỉnh. Sân khấu Liên hoan được các huyện, thành, thị đưa về các cụm xã, thu hút đông đảo người dân đến xem và cổ vũ. Liên hoan Tiếng hát Làng Sen toàn tỉnh năm 2022 tại Khu Di tích Kim Liên đã thu hút trên 500 diễn viên, nhạc công của 19 đoàn nghệ thuật quần chúng các huyện, thành, thị trong tỉnh với nhiều chương trình biểu diễn chất lượng.

Chương trình biểu diễn của Trung tâm Văn hóa tỉnh tại triển lãm hội họa "Hồ Xuân Hương - Tài năng và bí ẩn" nhân kỷ niệm 250 năm sinh, 200 năm mất nữ sĩ Hồ Xuân Hương. Ảnh: Anh Tuấn

Ngoài Liên hoan này, nhiều huyện, thành, thị còn tổ chức các liên hoan, hội diễn, các chương trình nghệ thuật nhằm tạo cơ hội để mọi tầng lớp nhân dân tham gia sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa nghệ thuật, như: Liên hoan NTQC các làng/bản văn hóa của huyện Quỳ Châu, Ngày hội Văn hóa Thể thao các dân tộc huyện Con Cuông, chương trình văn hóa nghệ thuật "Về miền Ví Giặm "; "Bảo tồn và phát huy Tuồng xứ Nghệ" của huyện Yên Thành,... Mỗi địa phương có những cách làm riêng nhưng tất cả đều hướng đến mục đích chung là nâng cao đời sống tinh thần cho người dân.

Trung tâm Văn hóa tỉnh trong năm 2022 cũng đã xây dựng nhiều chương trình nghệ thuật và tổ chức biểu diễn lưu động phục vụ cơ sở. Đó là chương trình nghệ thuật và kịch thông tin *"Những tấm lòng nhân ái"* với 8 đêm diễn tại các huyện Quế Phong, Tương Dương, Kỳ Sơn, Con Cuông, Anh Sơn và Thanh Chương; Chương trình nghệ thuật chào mừng kỷ niệm 50 năm thành lập Lữ đoàn Công binh 414 - Đơn vị kết nghĩa với Trung tâm và nhiều chương trình nghệ thuật khác phục vụ các sự kiện, các ngày kỷ niệm lớn của đất nước, của tỉnh. Chương trình "Làng quê xôn xao" tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới; được thu âm, ghi hình phát hành rộng rãi về cơ sở qua đĩa VCD.

Đoàn nghệ thuật quần chúng tỉnh Nghệ An cũng tham gia và giành nhiều giải cao tại các liên hoan toàn quốc, như: HCV chương trình cùng 02 HCV, 01 HCB tiết mục, 01 giải biên đạo xuất sắc và bằng khen của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tại Hội diễn NTQC *"Câu hò nối những dòng sông"* ở tỉnh Thừa Thiên Huế; 01 giải A, 04 giải B tiết mục và bằng khen của UBND tỉnh Kon Tum tại *Liên hoan Diễn xướng văn hóa dân gian các dân tộc khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên lần thứ III* ở tỉnh Kon Tum; 04 giải A, 02 giải B, 02 giải C và 02 Bằng khen trong *Ngày hội giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch vùng biên giới Việt Nam - Lào lần thứ III, năm 2022* tại tỉnh Điện Biên; Tham gia biểu diễn, diễn xướng tại lễ hội đường phố tại Festival Tràng An - Ninh Bình năm 2022,...

Tóm lại, hoạt động nghệ thuật của Nghệ An khép lại năm 2022 với những thành công đáng ghi nhận. Thành công không chỉ ở những tấm huy chương, bằng khen, các giải A, B, C mà các đoàn NTCN, các đội NTQC của tỉnh đạt được qua các kỳ liên hoan toàn quốc mà còn ở việc tạo cơ hội, môi trường cho các nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công (chuyên và không chuyên) được sáng tạo, được cống hiến, được sống hết mình vì nghệ thuật, được khẳng định mình; tạo cơ hội cho công chúng được thưởng thức các chương trình nghệ thuật có chất lượng, được tham gia sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa nghệ thuật do mình tạo ra; Bảo tồn và phát huy được vốn dân ca, dân nhạc, dân vũ của đồng bào các dân tộc trong tỉnh và tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước, con người xứ Nghệ với những đặc trưng văn hóa, nghệ thuật tiêu biểu, riêng có.

Những nét đẹp văn hóa của ngư dân vùng biển Quỳnh Lưu dịp đầu xuân

BAO ĐỜI GẮN BÓ VỚI BIỂN CẢ, VỚI SÔNG NƯỚC ĐÃ HÌNH THÀNH NÊN NÉT VĂN HÓA ĐỘC ĐÁO ĐẶC TRƯNG CỦA CÁC XÃ VÙNG BIỂN QUỲNH LƯU. TÂM LINH, TÍN NGƯỠNG HAY VĂN HÓA ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI DÂN NƠI ĐÂY CÓ NHIỀU ĐẶC THÙ PHẢN ÁNH NGUYỆN VỌNG VÀ ƯỚC MƠ CỦA NGƯ DÂN ĐI BIỂN.

THANH TOÀN

Trong tín ngưỡng dân gian của ngư dân vùng biển, các thần linh biển cả được thờ phụng rất đa dạng và phong phú. Trong số các vị thần đó, cá Ông (cá voi) được ngư dân vùng biển Quỳnh Lưu đặc biệt tôn sùng và coi trọng. Vì thế, Lễ hội Cầu ngư gắn với tục thờ cá Ông là lễ hội phổ biến, lớn nhất và quan trọng nhất đối với ngư dân các làng, xã ven biển ở đây.

Bà Trần Thị Thơm, Bí thư kiêm thôn trưởng thôn Phong Thắng, xã Tiến Thủy cho biết: "Hiện tại thôn Phong Thắng đang thờ di vật xương cá Ông có chiều dài 2,86 mét, nặng 60 kg. Di vật xương cá ông này được một ngư dân trong khi đi khai thác hải sản trên biển phát hiện và trục vớt lên tàu rồi mang về. Sau khi hoàn thiện các thủ tục, xương cá Ông được người dân trong thôn chôn cất và xây lăng mộ cẩn thận. Vào đầu năm mới, ngày Rằm, mùng Một hàng tháng hay chuẩn bị cho chuyến ra khơi thì ngư dân ở các thôn đều đến lăng cá Ông để thắp hương, khẩn cầu may mắn, sóng yên biển lặng, đánh bắt được nhiều tôm cá".

Ý thức tri ân đến các vị thần đầu năm mới cũng là niềm tin, sự vững tâm cho những chuyến biển bình yên. Anh Nguyễn Văn Công ở xã Tiến

Các đội tàu tham gia lễ hội cầu ngư

Rất đông người dân vùng biển Quỳnh Lưu tham dự Tế lễ đầu xuân

Đua thuyền trong Lễ hội Cầu ngư ở Quỳnh Lưu

Thủy chia sẻ: Đầu xuân năm mới, các chủ tàu thuyền trong, ngoài xã đều mang lễ vật, hương, hoa, trà về lăng mộ cá Ông để tế lễ đầu xuân, cầu an cho gia đình và cầu an cho nghề nghiệp năm tới sẽ thuận hòa mọi điều mọi việc, mọi người đều tin rằng có ngài phù hộ, độ trì, ngài ban tài, tiếp lộc cho nhà nghề.

Xã Tiến Thủy có 70% dân số trong độ tuổi lao động tham gia khai thác hải sản trên biển. Do đặc thù nghề biển nên họ luôn đặt niềm tin vào sinh vật khổng lồ vừa "hiền" vừa "thiêng" là loài cá voi, mà họ gọi một cách kính trọng là cá Ông, hoặc Ông. Mỗi khi gặp hoạn nạn sóng to, gió lớn, chìm tàu, ghe, người đầu tiên họ nghĩ và cầu cứu là cá Ông. Hoặc những mùa biển thất bát, vào lăng cá Ông cúng, cầu xin thì mỗi chuyến ra khơi thuyền lại đầy tôm, cá. Nhiều ngư dân cho rằng, họ đã được cá Ông giúp đỡ, tín ngưỡng đó đã trở thành văn hoá tâm linh, gắn bó không thể tách rời đối với ngư dân biển. Ngoài thờ lăng mộ cá Ông ở thôn Phong Thắng, ngư dân Tiến Thủy thường xuyên tới các đền, chùa như đền Chính, miếu Nam để thắp hương cho các các vị thần như Tứ Vị Thánh Nương, Hoàng Tá Thốn...

Bên cạnh tục thờ cúng cá Ông, thì một lễ hội đặc sắc mang yếu tố tâm linh được tổ chức hàng năm thu hút đông đảo người dân tham gia đó là Lễ hội Cầu ngư đầu năm. Đây được coi là lễ hội tâm linh của người dân vùng biển. Lễ hội cầu ngư có 2 phần: phần lễ và phần hội. Lễ tế chính diễn ra vào ngày 13 tháng giêng, bao gồm lễ tế âm linh và lễ tế thần. Văn tế trong lễ chủ yếu ca ngợi công đức cứu nhân độ thế của cá Ông. Về phần hội, chủ yếu là các trò chơi dân gian gắn liền với miền biển như: lắc thúng, đua thuyền, bơi lội, hát múa, thả hoa đăng, lễ thả thuyền cúng các linh hồn đã khuất trên biển...

Lễ hội Cầu ngư là một hoạt động mang đậm chất tâm linh với mong muốn cầu cho một năm mới mưa thuận, gió hòa, trời yên, biển lặng, ngư dân ra khơi thuận buồm xuôi gió, đánh bắt đạt năng suất cao. Lễ hội Cầu ngư không chỉ là tín ngưỡng của ngư dân vùng biển mà còn là một hình thái sinh hoạt văn hóa cộng đồng đặc biệt. Đây là dịp để người dân động viên nhau bám biển, giúp người dân địa phương gần gũi nhau hơn, đoàn kết, xây dựng nếp sinh hoạt văn hóa đầy ý nghĩa. Hơn nữa, những năm gần đây, Lễ hội Cầu ngư không còn gói gọn trong phạm vi cư dân tại địa phương mà thu hút nhiều người dân và du khách tham gia. Ngoài những ý nghĩa tốt đẹp về mặt nhân văn cũng như vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của ngư dân, Lễ hội Cầu ngư cũng cho thấy ý nghĩa lớn về mặt bảo vệ hệ sinh thái biển.

Anh Phạm Văn Giang - Trưởng phòng Văn hóa Thông tin huyện Quỳnh Lưu cho biết: Vào dịp đầu xuân hàng năm, các xã như Tiến Thủy, Sơn Hải, Quỳnh Long đều tổ chức Lễ hội Cầu ngư. Đây là nét văn hóa đặc sắc của ngư dân vùng biển. Các lễ hội dân gian của cư dân vùng biển đã góp phần làm phong phú thêm đặc trưng văn hóa miền biển. Thời gian tới, ngành Văn hóa dự định sẽ tiếp tục phát huy, bảo tồn nét văn hóa đặc sắc này lồng ghép vào các tour du lịch, tái hiện hoạt động nghệ thuật trình diễn dân gian miền biển, như: Lễ hội Cầu ngư, đua thuyền... Qua đó, giới thiệu đến du khách về nét văn hóa của người dân vùng biển Quỳnh Lưu.

Họa sỹ TRỌNG HIỆP
Tôi muốn làm điều gì đó cho hội họa xứ Nghệ

TRANG ĐOAN

Họa sĩ trọng Hiệp đang giới thiệu tranh cho tác giả. Ảnh: Ngọc Mai

Đó là trăn trở suốt bao lâu nay của một người họa sỹ giờ đây đã ở tuổi xưa nay hiếm. Thật không mấy ai có thể ngờ, người đàn ông đã ở tuổi U80 ấy lại khởi động nhiều ý tưởng, nhiều dự định táo bạo và mới mẻ đến thế.

Tin họa sỹ Trọng Hiệp khai trương phòng tranh vào cuối tháng 12/2022 khiến không ít người yêu tranh xứ Nghệ háo hức. Vậy là từ đây, ở thành phố Vinh chính thức có một phòng tranh nghệ thuật, có một nơi chốn để người yêu hội họa có thể đến để trao đổi, giao lưu. Phòng tranh nằm khiêm tốn trên đường Đinh Công Tráng, tại nhà riêng của ông. Dù không gian ở đây không quá rộng, trang thiết bị chưa được đầu tư nhiều nhưng vẫn đủ để gây ấn tượng với cách bài trí, sắp xếp; đủ trang trọng để trưng bày những tác phẩm tâm huyết. Và hơn hết, nó đủ để thắp lên những hy vọng cho tương lai tươi sáng hơn của mĩ thuật Nghệ An.

Phòng tranh hiện trưng bày 50 tác phẩm của họa sĩ Trọng Hiệp. Đây là những bức ông tâm đắc nhất trong số hơn 200 tác phẩm hiện có của mình. Người xem có thể nhận thấy phong cách Trọng Hiệp rất rõ qua những bức vẽ ở nhiều đề tài (chân dung, phong cảnh, tĩnh vật,...), nhiều chất liệu (phấn màu, sơn dầu, bột màu, acrylic,...), nhiều phong cách. Đặc biệt, qua các tác phẩm ở những giai đoạn sáng tác khác nhau, ta có thể hình dung phần nào chặng đường ông đã đi qua, thấy cả những thay đổi và những giá trị bền vững trong sáng tạo của người nghệ sỹ này. Tại buổi khai trương phòng tranh, 3 tác phẩm đã được giao dịch thành công.

Có thể nói, họa sĩ Trọng Hiệp là một trong số không nhiều họa sĩ tại Nghệ An bán được tranh cho các cá nhân, doanh nghiệp, nhà sưu tập không chỉ trong mà còn ngoài tỉnh. Đến nay, tranh của ông đã được các nhà sưu tập từ Hà Nội, Đà Nẵng, Hội An, Huế,...tìm mua. Tất nhiên, để bán được tranh thì điều kiện tiên quyết là phải có tranh vẽ chất lượng nhưng bên cạnh đó còn có nhiều yếu tố khác như việc quảng bá; tiếp cận thị trường, các sàn giao dịch, các nhà sưu tập... Điều đáng nói, dù không còn trẻ nhưng họa sĩ Trọng Hiệp lại khá nhanh nhạy trong tiếp cận cái mới, tận dụng tốt mạng xã hội và các sàn giao dịch trên mạng. Ông cũng là người có tư duy rất mới về thị trường tranh. Ông chia sẻ việc bán tranh là niềm vui, là động lực để mình tiếp tục sáng tạo, "những tác phẩm đẹp nên được quảng bá rộng rãi cho công chúng tiếp cận, chiêm ngưỡng".

Chính tư duy ấy và ngọn lửa đam mê với nghề đã giúp ông không ngừng sáng tạo. Đến nay, ông vẫn liên tục vẽ, khai thác mọi chất liệu từ cuộc sống quanh mình để đem vào tác phẩm. Nếu từ trước đến nay, nhắc đến Trọng Hiệp là người ta nhắc về một họa sĩ thành công trong khắc họa chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh với ba bức hiện được treo tại Bảo tàng Hồ Chí Minh thì tôi lại muốn nhắc đến ông ở một góc độ khác - Một người họa sĩ say nghề, nhạy cảm trước cái đẹp và luôn trăn trở cho sự phát triển của mĩ thuật địa phương.

Chính niềm trăn trở đó, chính tâm huyết đó đã thôi thúc ông mở phòng tranh. Ông chia sẻ: "*Lâu nay không khí hội họa ở xứ Nghệ trầm lắng quá. Chúng ta thiếu vắng những triển lãm tranh chất lượng, thiếu vắng những triển lãm cá nhân, những phòng trưng bày. Ta cứ than phiền trình độ thưởng thức nghệ thuật của công chúng chưa cao nhưng chúng ta đã tạo điều kiện để họ được tiếp xúc với nghệ thuật đâu!*" Và sau một thời gian ấp ủ, ông đã quyết định sửa sang lại nơi chốn của mình để có một điểm đến cho người yêu tranh. Ông dự định phòng tranh này không chỉ là nơi trưng bày, giao dịch tranh của mình mà sẽ tạo điều kiện để các họa sĩ khác, đặc biệt là họa sĩ trẻ, tổ chức triển lãm tranh cá nhân; là nơi diễn ra các buổi giao lưu, chia sẻ chuyện nghề; là nơi để người dân có thể biết đến, tiếp cận tranh nghệ thuật thay vì chỉ biết đến những bức tranh chép vô hồn như hiện nay. Ông muốn phòng tranh của mình sẽ thắp lên một ngọn lửa nhỏ, khích lệ tinh thần những người học trò của ông, những họa sĩ trẻ, tiếp tục niềm đam mê với nghề, không ngừng sáng tạo và đóng góp cho mĩ thuật tỉnh nhà.

Không chỉ dừng lại ở đó, họa sĩ Trọng Hiệp còn cho biết năm tới ông sẽ tổ chức triển lãm tranh cá nhân tại Bảo tàng Nghệ An với khoảng 150 tác phẩm, lập wesite riêng để tiện quảng bá, giao dịch tranh. Nhìn ông say sưa nói về những dự định, kế hoạch, tôi không tin trước mắt mình là một người họa sĩ đã ở tuổi U80. Hóa ra đam mê có thể khiến con người ta trẻ. Hóa ra lao động hăng say lại là một liều thuốc tuyệt vời!

Khi được hỏi có lúc nào ông hối hận với quyết định trở về quê làm việc thay vì ở môi trường khác (như Hà Nội) để thỏa khát khao sáng tạo, để thực hiện nhiều ý tưởng, dự định hơn; ông đã nhanh chóng trả lời "Không". Tôi biết lựa chọn nào cũng có cái giá của nó nhưng để nhanh chóng và dứt khoát trả lời không hối hận như thế thì rõ ràng người họa sĩ ấy phải yêu quê lắm, phải lao động hết mình lắm. Bởi, chỉ khi người

Một góc phòng tranh của họa sĩ trong Hiệp. Ảnh: Ngọc Mai

ta dồn hết tâm huyết cho việc mình làm, cho lựa chọn của mình thì mới không có phút giây nào hối hận.

Đúng như họa sĩ Trọng Hiệp chia sẻ, Nghệ An nói riêng, xứ Nghệ nói chung không thiếu những họa sĩ tài năng nhưng không khí hội họa còn thực sự trầm lắng. Mặc dầu Hội LH VHNT Nghệ An cũng đã có những nỗ lực để thay đổi, đã tổ chức nhiều chuyến đi thực tế sáng tác cho Ban Mĩ thuật song dường như chất lượng chưa cao. Chúng ta quá thiếu vắng những sinh hoạt chuyên môn, thiếu vắng triển lãm, thiếu vắng phòng tranh,... Chúng ta chưa tạo môi trường, điều kiện để phát huy sự sáng tạo. Và, có lẽ bởi vậy mà rất nhiều họa sĩ thiếu lửa nghề, nhiều họa sĩ chưa biết tìm tòi, hòa mình vào dòng chảy mỹ thuật chung để tiếp cận cái mới và thay đổi tư duy. Điều đó khiến không ít tài năng bị mai một, bị lãng quên; khiến nhiều họa sĩ bằng lòng với một vài tác phẩm trong quá khứ, không tiếp tục sáng tạo hay một số lại hời hợt trong chuyên môn. Điều này nhiều người nhận ra, nhiều người trao đổi nhưng lại ít người chịu hành động để đổi thay.

Trong khi chúng ta cứ mãi loay hoay tranh luận liệu có hay không thị trường mĩ thuật ở Nghệ An, mãi loay hoay phê phán những bất cập thì những cá nhân như họa sĩ Trọng Hiệp, bằng hành động cụ thể, đã từng bước đặt nền móng cho thị trường ấy. Hy vọng niềm đam mê nghề và những trăn trở, tâm huyết ông dành cho mĩ thuật tỉnh nhà sẽ là ngọn lửa thắp lên niềm tin, động lực cho các họa sĩ khác tiếp bước. Hy vọng ông sẽ có sức khỏe để tiếp tục những dự định của mình, để những người yêu hội họa xứ Nghệ có một nơi có thể đến và say sưa kể cho nhau những câu chuyện nghề, chuyện đời. Để, bất cứ khi nào chợt thấy chùn bước trước con đường chông gai đã chọn, những họa sĩ trẻ sẽ lại tìm đến ông, nghe cái khẳng định dõng dạc "không hối hận" khi trở về cống hiến cho quê hương của ông mà tiếp tục sáng tạo, cống hiến.

THỂ THAO NGHỆ AN KHÉP LẠI NĂM 2022 VỚI RẤT NHIỀU NIỀM VUI VÀ CẢ NHỮNG NIỀM TIẾC NUỐI, GIÁ NHƯ... NHƯNG KHÔNG THỂ PHỦ NHẬN RẰNG, BỨC TRANH THỂ THAO NGHỆ AN TRONG NĂM QUA, GAM MÀU SÁNG VẪN LÀ CHỦ ĐẠO. HÃY CÙNG NHÌN LẠI NHỮNG THÀNH QUẢ CỦA THỂ THAO NGHỆ AN NĂM QUA ĐỂ TIẾP TỤC CỐ GẮNG VÀ CÓ NHỮNG ĐIỀU CHỈNH CẦN THIẾT CHO NIỀM VUI ĐƯỢC TRÒN ĐẦY VÀO NĂM 2023 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO.

Những gam màu sáng

Nghệ An là tỉnh có diện tích rộng, dân số đông, phong trào thể thao thao quần chúng (TTQC) phát triển mạnh mẽ và sâu rộng khắp toàn tỉnh. Các giải đấu, các cuộc thi thể thao (nhất là bóng đá) từ tỉnh xuống huyện, xã đều thu hút đông đảo các huấn luyện viên, vận động viên, cổ động viên tham gia với khí thế tưng bừng, hứng khởi vì "màu cờ, sắc áo". Đại hội TDTT lần thứ IX các cấp là minh chứng rõ nhất cho sự phát triển của phong trào thể thao thao quần chúng Nghệ An. Nghệ An đã có một kỳ đại hội hết sức ấn tượng và thành công. Mặc dù trong điều kiện còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của Đại dịch Covid -19 nhưng với sự vào cuộc quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự đồng lòng hưởng ứng tích cực của Nhân dân, 460/460 xã, phường, thị trấn đã tổ chức thành công Đại hội TDTT với 5 - 7 môn/xã và 21/21 huyện, thành phố, thị xã đã tổ chức thành công Đại hội TDTT cấp huyện, thi đấu từ 08 môn trở lên (trong đó có 2-3

THỂ THAO NGHỆ AN 2022
Nhìn lại để vươn xa

NGUYỄN XUÂN

Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - TUV, Giám đốc Sở VH&TT trao phần thưởng của UBND tỉnh cho U13 SLNA - Đội Vô địch Giải Bóng đá Thiếu niên toàn quốc YAMAHA CUP 2022. Ảnh: Đức Anh

môn thể thao dân tộc). Đại hội TDTT cấp xã, huyện đã tạo nên bầu không khí hào hứng, sôi động, vui tươi, phấn khởi khắp mọi miền quê trong tỉnh sau 2 năm trầm lắng vì dịch bệnh Covid-19. Đồng thời, góp phần thắt chặt tình đoàn kết, gắn bó giữa các tầng lớp nhân dân. Thành công của Đại hội TDTT cấp xã, huyện đã tạo nên một kỳ Đại hội TDTT cấp tỉnh thật ấn tượng và thành công. Gần 2.200 cán bộ, HLV, VĐV của 21 huyện, thành phố, thị xã và ngành Công an đã tham dự Đại hội TDTT cấp tỉnh lần thứ IX với 18/18 môn thi đấu, gồm: Đẩy gậy, Bi sắt; Việt dã; Vovinam; Kartedo, Bóng chuyền, Bóng chuyền bãi biển; Võ cổ truyền; Vật, Bóng bàn; Đá cầu, Bóng đá, Cầu lông, Điền kinh, Bơi, Cờ vua, Bắn nỏ và Kéo co. 197 bộ huy chương đã được trao. Thông qua Đại hội cho thấy, năng lực quản lý, tổ chức, điều hành và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ làm công tác TDTT của các cấp được nâng lên; chất lượng chuyên môn của các giải được nâng lên so với các kỳ Đại hội trước; thành tích thi đấu của các đơn vị đã có những bước tiến bộ vượt bậc. Nghệ An vinh dự là 1 trong 15 tỉnh, thành, ngành trên cả nước được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tặng cờ đơn vị có thành tích xuất sắc trong tổ chức Đại hội TDTT các cấp lần thứ IX năm 2022.

Ngoài Đại hội TDTT các cấp, trong năm qua, ngành VH&TT đã tổ chức và phối hợp tổ chức thành công 05 giải TTQC, 01 hội thi (Hội thi Thể thao Lễ hội Làng Sen, Giải Thể thao cán bộ chuyên trách VHTT, Giải Gia đình thể thao, Giải Bơi "Đường đua Xanh",

Giải Bóng bàn học sinh tỉnh Nghệ An năm học 2022 - 2023, Giải Khiêu vũ thể thao tỉnh Nghệ An mở rộng). Các giải TTQC được tổ chức đã góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực cho người dân tỉnh nhà và cổ vũ cho phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại". Đồng thời, thành lập các đội tuyển, tổ chức tập luyện và tham gia thi đấu đạt kết quả cao các giải TTQC do Trung ương tổ chức: 03 HCV, 04 HCB, 08 HCĐ Giải Bóng bàn, Cầu lông gia đình toàn quốc; 01 HCV, 02HCĐ Giải Vô địch cúp các CLB đẩy gậy toàn quốc đạt; 02HCV, 01HCB, 07HCĐ Giải Vô địch kéo co toàn quốc.

Thể thao thành tích cao năm 2022 tiếp tục duy trì thành tích ở những môn mũi nhọn. Năm qua, Nghệ An đã tham gia thi đấu 72 giải trong nước và thế giới đạt 369 huy chương các loại (106 HCV, 102 HCB, 161 HCĐ); Tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022 đạt: 13 HCV, 15HCB, 28 HCĐ, đứng thứ 18 trên 65 tỉnh, thành, ngành trên cả nước, được Bộ VH,TT&DL tặng Bằng khen.

Đặc biệt, môn bóng đá tiếp tục khẳng định thương hiệu Nghệ An với sự bất bại của các đội trẻ, từ U9, U11, U13 đến U15 đều vô địch toàn quốc năm 2022; các đội U17, U19 đều đạt HCĐ; Đội 1 - Câu lạc bộ Bóng đá Sông Lam Nghệ An thi đấu xếp thứ 5 của Bảng xếp hạng Giải Bóng đá chuyên nghiệp quốc gia mùa giải năm 2022; Đội tuyển bóng đá nam đạt HCV tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX. Ngoài bóng đá, môn cử tạ cũng tiếp tục khẳng định thương hiệu của Nghệ An. Năm qua, VĐV cử tạ Phạm Thị Hồng Thanh liên tục đem vinh quang về cho tỉnh nhà,

Giải Bóng bàn học sinh tỉnh Nghệ An năm học 2022 - 2023 thu hút hơn 200 VĐV là các em học sinh trong toàn tỉnh tham gia

nước nhà với 3 HCV hạng 64kg nữ (giải Vô địch Cử tạ châu Á diễn ra từ ngày 06 - 16/10 tại Manama - Bahrain); HCV Sea Games 31 (là người phá cả 3 kỷ lục Sea Games ở hạng cân 64kg nữ các nội dung cử giật, cử đẩy và tổng cử); 03 HCV Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX.

Những kết quả đó không chỉ làm sáng lên bức tranh thể thao Nghệ An năm qua, khẳng định vị thế của thể thao Nghệ An trong nền thể thao nước nhà mà còn đóng góp quan trọng trong xây dựng thể lực, tầm vóc con người Nghệ An trên con đường hội nhập và phát triển.

Sự tiếc nuối và những điều chỉnh cần thiết

Có lẽ giới hâm mộ bóng đá Nghệ An vẫn chưa hết sự tiếc nuối về sự cố của đội tuyển Nghệ An trong vòng chung kết giải U21 quốc gia tổ chức tại Nghệ An và Hà Tĩnh tháng 12/2022. Ban kỷ luật Liên đoàn Bóng đá Việt Nam (VFF) đã ra quyết định kỷ luật xử thua đội U21 Sông Lam (SLNA) Nghệ An 3 trận liên tiếp vì sử dụng cầu thủ thi đấu sai quy định (cầu thủ Phan Bá Quyền đã đăng ký thi đấu chính thức cho ba đội bóng trong mùa giải bóng đá quốc gia năm 2022 mà theo quy chế thì cầu thủ có thể được đăng ký tối đa cho 3 câu lạc bộ trong một mùa giải, nhưng chỉ được quyền thi đấu các trận đấu chính thức cho 2 câu lạc bộ). Quyết định này đã khiến cho thầy trò huấn luyện viên Nguyễn Văn Tiến bị loại khỏi giải một cách ngậm ngùi và giới hâm mộ bóng đá tỉnh nhà đã không có được một niềm vui trọn vẹn. Có lẽ, đây là bài học đắt giá mà ban lãnh đạo đội bóng SLNA cần rút kinh nghiệm trong mùa giải sắp tới.

Cũng về bóng đá, nhìn lại mùa giải V.League 2022, phải thừa nhận rằng, có những thời điểm SLNA đã thi đấu rất thành công, kết thúc lượt đi, đội bóng xứ Nghệ đứng thứ 2 trên bảng xếp hạng. Tuy nhiên, sự sa sút trong các trận lượt về đã kéo SLNA tụt lại phía sau bảng xếp hạng. Kết thúc mùa

giải V.League 2022, SLNA có 9 trận thắng, 6 trận hòa, để thua 9 trận, ghi được 29 bàn thắng và lọt lưới 28 bàn, xếp thứ 5 trên bảng xếp hạng. Vị trí này không đạt được mục tiêu đã đặt ra từ đầu mùa của câu lạc bộ. Vẫn biết rằng, trong bóng đá có những yếu tố may rủi nhưng những trận đấu thiếu lửa, những pha bóng "khó hiểu" khó có thể qua được mắt người hâm mộ tinh ý. Mong rằng, trong mùa giải tới, SLNA luôn ra sân với khí thế "Tinh thần thép, chiến thắng đẹp" như Slogan mà Sông Lam đã chọn, luôn giữ được hình ảnh đẹp trong người hâm mộ tỉnh nhà.

Kết thúc mùa giải 2022, SLNA đã phải chia tay nhiều trụ cột. Từ cựu HLV trưởng Nguyễn Đức Thắng (người đã đưa Sông Lam Nghệ An lên ngôi vô địch Cúp Quốc gia năm 2017) đến các cầu thủ Phan Văn Đức, Hoàng Văn Khánh (cựu đội trưởng của SLNA), Trần Đình Đồng đều đã chia tay với SLNA để lại nhiều nuối tiếc cho người hâm mộ xứ Nghệ. Thiếu vắng những gương mặt tiêu biểu này, SLNA sẽ gặp rất nhiều khó khăn tại V.League mùa giải 2023. Hy vọng ban huấn luyện và các cầu thủ sẽ cố gắng hết sức để có một mùa giải thành công.

Ngoài bóng đá, thể thao thành tích cao Nghệ An nhìn từ Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX cũng cho thấy cần thiết phải có những điều chỉnh. Đoàn Thể thao Nghệ An tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022 với gần 270 VĐV thi đấu 21 môn. Ngoài các môn đã tham gia thi đấu các kỳ đại hội trước, kỳ Đại hội này, Nghệ An tham gia thêm môn lặn, gool và các môn thể thao dân tộc như: Đẩy gậy, kéo co. Qua Đại hội cho

Giải bơi Đường đua xanh

thấy sự nỗ lực, cố gắng hết mình của đội ngũ HLV, VĐV tỉnh nhà. Những môn thế mạnh của Nghệ An vẫn đảm bảo được phong độ và duy trì thành tích, như: Cầu mây (đạt 2HCV), cử tạ (3HCV). Đặc biệt, tại kỳ Đại hội này đã có sự bứt phá vượt bậc của những môn mới tham gia như: Lặn (đạt: 2HCV, 1HCB), kéo co (1HCV). Các môn: Bóng đá nam, điền kinh, Kicboxing cũng đã đạt HCV trong Đại hội này,… Với kết quả 13 HCV, 15HCB, 28 HCĐ đạt được tại Đại hội (tăng 18 huy chương so với Đại hội VIII), Đoàn thể thao Nghệ An được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tặng Bằng khen đơn vị có thành tích thi đấu nằm trong tốp 20 các tỉnh, thành, ngành trên cả nước. Tuy nhiên, với vị trí thứ 18 trong bảng xếp hạng, chúng ta chưa đạt được chỉ tiêu được giao (xếp thứ 15-17) và chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của thể thao tỉnh nhà.

Từ kết quả của kỳ Đại hội này, chúng ta cần phải nhìn nhận lại, thay đổi cách đầu tư cho thể thao thành tích cao của tỉnh. Cần tiếp tục rà soát, sắp xếp lại các môn thể thao thành tích cao hiện có và đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Với những môn thuộc về tiềm năng và thế mạnh của Nghệ An, đã có được thành tích ổn định trong các kỳ đại hội, giải vô địch quốc, giả vô địch trẻ như: Bóng đá, Điền kinh, Cầu mây, Cử tạ, đá cầu… nên đặc biệt quan tâm. Các môn thể thao mà thành tích thi đấu không ổn định, như một số môn võ (do không đủ VĐV, HLV để xây dựng các tuyến đào tạo kế cận), nên giảm dần và chuyển sang đầu tư theo hướng xây dựng thể thao phong trào hoặc sử dụng nguồn lực xã hội hóa để duy trì và phát triển. Đồng thời, cần tiếp tục triển khai thực hiện tốt đề án "Phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030" đã được phê duyệt.

Nhìn lại những gì đã đạt được, chưa đạt được để có những điều chỉnh hợp lý. Nhìn lại để vươn xa hơn nữa là sự cần thiết, là đòi hỏi tất yếu của thể thao Nghệ An hiện nay.

10 sự kiện

VĂN HÓA - THỂ THAO nổi bật năm 2022

VĂN HÓA THỂ THAO NGHỆ AN KHÉP LẠI NĂM 2022 VỚI NHIỀU SỰ KIỆN ĐÁNG NHỚ. BBT VĂN HÓA THỂ THAO NGHỆ AN BÌNH CHỌN 10 SỰ KIỆN VHTT TIÊU BIỂU DIỄN RA TẠI NGHỆ AN VÀ CỦA NGHỆ AN 2022 NHƯ SAU:

1. Lễ vinh danh và kỷ niệm 250 năm sinh (1772-2022), 200 năm mất (1822-2022) nữ sĩ Hồ Xuân Hương - danh nhân văn hóa thế giới (được UNESCO thông qua Nghị quyết vinh danh, cùng kỷ niệm 250 năm sinh, 200 năm mất tại kỳ họp Đại hội đồng lần thứ 41 vào tháng 11/2021) đã được tỉnh Nghệ An tổ chức trọng thể tại TP. Vinh (tháng 12/2022) với nhiều hoạt động: Dâng hương tưởng niệm tại di tích (xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu), Hội thảo khoa học quốc tế "Hồ Xuân Hương - Danh nhân văn hóa và giá trị di sản", Triển lãm hội họa "Hồ Xuân Hương - Tài năng và bí ẩn", biểu diễn chương trình nghệ thuật "Ví đây đổi phận làm trai được",... Tất cả nhằm tôn vinh nữ sĩ và các giá trị di sản thơ của bà - nhà thơ nữ kiệt xuất của Việt Nam cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, được tôn vinh là "Bà Chúa thơ Nôm".

2. Lễ phát động triển khai chủ đề công tác năm 2022 của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch "Xây dựng môi trường văn hóa cơ sở và công tác tổ chức cán bộ" được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với tỉnh Nghệ An tổ chức tại Khu Di tích Kim Liên, huyện Nam Đàn, Nghệ An với sự tham gia của Sở Văn hóa & Thể thao; Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch 63 tỉnh, thành trong cả nước và các đơn vị trực thuộc Bộ VH,TT&DL. Chủ đề này nhằm khẳng định thông điệp và quyết tâm cao của toàn ngành VH,TT&DL trong việc cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021... Trong đó, môi trường văn hóa được xác định là gốc của việc chấn hưng và phát triển văn hóa.

3. Lần đầu tiên Đoàn Ca Múa Nhạc dân tộc thuộc Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nghệ An tham gia Liên hoan Âm nhạc ASEAN (tổ chức tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam vào tháng 12/2022 với chương trình nghệ thuật *"Thanh âm miền Ví, Giặm"* và đạt Huy chương Vàng (là 1 trong 3 chương trình đạt HCV/14 chương trình tham gia Liên hoan). Trước đó, chương trình nghệ thuật *"Sắc"* của Đoàn tham gia Liên hoan Ca Múa Nhạc toàn quốc tại tỉnh Đăk Lăk (tháng 6/2022) cũng đạt HCV và vở diễn *"Cánh cò trong bão"* của Đoàn Dân ca truyền thống thuộc Trung tâm cũng đạt HCV tại Liên hoan Tuồng và Dân ca Kịch toàn quốc tổ chức ở Nghệ An (tháng 5/2022). Ngoài

ra, tại các liên hoan trên, nhiều cá nhân đạt HCV, HCB, HCĐ và nhiều giải Xuất sắc (đạo diễn, nhạc công chính, đội múa).

4. Đoàn nghệ thuật quần chúng tỉnh Nghệ An tham gia và giành nhiều giải cao tại các liên hoan toàn quốc, như: HCV chương trình cùng 02 HCV, 01 HCB tiết mục, 01 giải biên đạo xuất sắc và Bằng khen của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tại Liên hoan NTQC *"Câu hò nối những dòng sông"* ở tỉnh Thừa Thiên Huế; 01 giải A, 04 giải B tiết mục và Bằng khen của UBND tỉnh Kon Tum tại *Liên hoan Diễn xướng văn hóa dân gian các dân tộc khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên lần thứ III* ở tỉnh Kon Tum; 04 giải A, 02 giải B, 02 giải C và 02 Bằng khen trong *Ngày hội giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch vùng biên giới Việt Nam - Lào lần thứ III, năm 2022* tại tỉnh Điện Biên.

5. Lần đầu tiên Cuộc thi tuyên truyền, giới thiệu sách tỉnh Nghệ An với chủ đề "Sách và khát vọng cống hiến" được tổ chức với quy mô cấp tỉnh (tháng 10/2022). Gần 300 cán bộ thư viện đến từ 16 huyện, thành, thị trong tỉnh tham gia cuộc thi này đã tuyên truyền, giới thiệu nhiều cuốn sách được yêu thích; tuyên truyền, quảng bá cho hoạt động thư viện của địa phương mình. Cuộc thi này cùng với cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc tỉnh Nghệ An lần thứ IV, năm 2022 với chủ đề *"Khát vọng phát triển đất nước"* và Lễ Phát động hưởng ứng Ngày Sách và Văn hóa đọc tỉnh Nghệ An được tổ chức tại huyện Đô Lương,... đã khẳng định vị trí, vai trò, những giá trị tốt đẹp của văn hóa đọc trong việc nâng cao năng lực con người Việt Nam đối với việc tiếp cận thông tin và tri thức, góp phần nâng cao dân trí, phát triển tư duy, khả năng sáng tạo, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn, hình thành lối sống lành mạnh cho thế hệ trẻ, đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập. Các hoạt động này đã đóng góp tích cực vào việc "Chấn hưng văn hóa và Phát triển văn hóa đọc" trên địa bàn tỉnh nhà.

6. Hội Nghị tổng kết 10 năm thực hiện kiểm kê Di sản văn hóa phi vật thể (2011 - 2021) được UBND tỉnh Nghệ An tổ chức tại TP. Vinh vào tháng 12.2022. Trong 10 năm, ngành Văn hóa và Thể thao đã hai lần triển khai kiểm kê và đã kiểm kê được 463 di sản văn hóa phi vật thể (DSVHPVT). Trong đó, đã có 01 di sản đã được tổ chức UNESCO công nhận là DSVHPVT đại diện của nhân loại là Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh; 07 di sản được đưa vào Danh mục DSVHPVT quốc gia: Lễ hội đền Cờn (thị xã Hoàng Mai), Lễ hội đền Quả (huyện Đô Lương), Lễ hội đền Chín Gian (huyện Quế Phong), Lễ hội đền Bạch Mã (huyện Thanh Chương), Lễ hội đền Thanh Liệt, Lễ hội đền Ông Hoàng Mười (huyện Hưng Nguyên), Nghi lễ Xăng Khan của đồng bào dân tộc Thái miền Tây Nghệ An. Lần đầu tiên Nghệ An tổ chức **Cuộc thi tìm hiểu Di sản Văn hóa tỉnh Nghệ An** với chủ đề "Em yêu di sản quê hương" (tháng 11/2022) với sự tham gia của các đội tuyển đến từ các trường THCS thuộc 21 huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh và **Hội thảo khoa học "Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ An - Bảo vệ và phát huy giá trị"** thu hút trên 40 nhà khoa học, nhà nghiên cứu văn hóa trong cả nước tham gia (12/2022). Các hoạt động này đã tạo ra hiệu ứng truyền thông rất lớn trong công tác tuyên truyền, quảng bá di sản; bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Nghệ An.

7. Lễ hội Làng Sen năm 2022 kỷ niệm 132 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh được nhiều đơn vị (Hội LHPN Việt Nam, Cục Nghệ thuật biểu diễn, UBND TP Hồ Chí Minh...) phối hợp với tỉnh Nghệ An tổ chức trong thời gian dài (từ 14-28/5) với nhiều hoạt động mới, có ý nghĩa, tạo được dấu ấn. Đó là Liên hoan Tuồng và Dân ca kịch toàn quốc, Liên hoan Tiếng hát Làng Sen, Cuộc thi Sắc Sen xứ Nghệ; Chương trình Nghệ thuật Người mẹ Làng Sen; Triển lãm Ảnh nghệ thuật "Đời Sen" của Nghệ sỹ nhiếp ảnh Trần Bích (TP Hồ Chí Minh),... Sau triển lãm, toàn bộ tác phẩm được Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Trần Bích trao cho Hội LHPN Việt Nam tổ chức bán đấu giá để thực hiện các chương trình: "Đồng hành cùng phụ nữ biên cương", "Mẹ đỡ đầu" do Hội phát động. Đây là hoạt động chính trị, văn hóa có ý nghĩa quan trọng, thể hiện lòng biết ơn, thành kính của Nhân dân đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh; tuyên truyền, giáo dục và tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; giới thiệu, quảng bá về văn hóa Làng Sen, quê hương Nghệ An tới bạn bè, du khách trong và ngoài nước.

8. Hai nhạc sĩ Nghệ An được tặng giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật 2022. Đó là Ns Dương Hồng Từ với các ấn phẩm sách: *Âm nhạc dân gian dân tộc Thái ở Nghệ An và Âm nhạc dân gian dân tộc Mông ở Nghệ An* và Ns Lê Hàm với cụm tác phẩm: *Người mẹ Làng Sen, Gái sông La và Việt Nam trong trái tim ta*. Đồng thời, **26 nghệ nhân Nghệ An được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" năm 2022.** Đây là sự ghi nhận của Nhà nước với những nhạc sĩ, nghệ nhân đã có nhiều đóng góp cho văn học nghệ thuật.

9. Nghệ An tổ chức thành công Đại hội Thể dục Thể thao lần thứ IX năm 2022 với sự tham gia của 21 huyện, thành phố, thị xã và ngành Công an. Gần 3.000 vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài; tham gia tranh tài ở 18 môn thi đấu, gồm: Đẩy gậy, Bi sắt, Việt dã, Vovinam, Karatedo, Bóng chuyền, Bóng chuyền bãi biển, Võ cổ truyền, Vật, Bóng bàn, Đá cầu, Bóng đá, Cầu lông, Điền kinh, Bơi, Cờ vua, Bắn nỏ và Kéo co,... Đã có 197 bộ huy chương được trao tại Đại hội.

10. VĐV cử tạ Phạm Thị Hồng Thanh liên tục đem vinh quang về cho tỉnh nhà, nước nhà với 3 HCV hạng 64kg nữ (giải Vô địch Cử tạ châu Á diễn ra từ ngày 06 - 16/10 tại Manama - Bahrain); HCV Sea Games 31 (là người phá cả 3 kỷ lục Sea Games ở hạng cân 64kg nữ các nội dung cử giật, cử đẩy và tổng cử); 03 HCV Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX. Năm 2022 cũng là một năm Vàng của bóng đá trẻ Nghệ An. Các đội U9, U11, U13, U15 đều đạt HCV toàn quốc. Thể thao thành tích cao của Nghệ An năm 2022 tham gia 72 giải toàn quốc đạt 106 HCV trong tổng số 369 huy chương các loại; tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX đạt 13 HCV, 15HCB, 28 HCĐ (xếp thứ 18/65 tỉnh, thành, ngành). Những kết quả đó không chỉ khẳng định vị thế của thể thao Nghệ An trong nền thể thao nước nhà mà còn đóng góp quan trọng trong xây dựng thể lực, tầm vóc con người Nghệ An trên con đường hội nhập và phát triển.

NGỌC MAI - HỒ HÀ (*thực hiện*)

VĂN HÓA

Hội nghị Tổng kết công tác Văn hóa & Thể thao năm 2022 và triển khai nhiệm vụ năm 2023 được tổ chức tại TP. Vinh vào ngày 06/01/2023.

Năm 2022, ngành Văn hóa và Thể thao đã bám sát các nhiệm vụ trọng tâm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tỉnh ủy, UBND tỉnh để cụ thể hóa thành kế hoạch hoạt động ngành và đã chủ động tổ chức thực hiện. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, gia đình và thể thao tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, tham mưu xây dựng các nghị quyết của HĐND tỉnh; quyết định, kế hoạch... của UBND tỉnh đúng tiến độ. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm được triển khai chủ động, quyết liệt, tạo chuyển biến rõ rệt trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của ngành. Hoạt động của các đơn vị sự nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch giao trong năm 2022. Công tác tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị đạt hiệu quả. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, gắn với việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Công tác gia đình được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện đạt hiệu quả. Hoạt động TDTT quần chúng ngày càng phát triển sâu rộng, gắn với cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại". Thể thao thành tích cao tiếp tục duy trì và phát huy thành tích tại một số môn thể thao mũi nhọn.

Tại Hội nghị, có 2 cá nhân được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 4 tập thể được nhận Cờ Thi đua xuất sắc của Bộ VH,TT&DL; 5 tập thể và 13 cá nhân được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL; 4 tập thể được nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc của UBND tỉnh; 13 cá nhân được nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh vì đã có thành tích xuất sắc; 4 tập thể, 5 cá nhân được nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức kỷ niệm 250 năm sinh và 200 năm mất của nữ sĩ Hồ Xuân Hương.

Năm 2023, ngành VH&TT Nghệ An tiếp tục triển khai 06 nhóm nhiệm vụ và 04 nhóm giải pháp xây dựng, gìn giữ và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chỉ đạo tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021. Mục tiêu, nhiệm vụ xuyên suốt là *"Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc",* góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIX và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025). Hội nghị cũng đã đề ra 10 nhiệm vụ trọng tâm của ngành cần tập trung thực hiện trong năm 2023.

Chương trình nghệ thuật đặc biệt Chào năm mới 2023 đã diễn ra tại Quảng trường Hồ Chí Minh vào tối 31/12/2022 do Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thu hút rất đông người dân tới xem và cổ vũ. Với chủ đề *"Hào khí Sông Lam",* chương trình gồm 2 phần: *Sắc Xuân sông Lam* và *"Khát vọng sông Lam - Chào năm mới 2023"* (gồm các tiết mục ca múa nhạc đặc sắc, những màn biểu diễn vui nhộn mang âm hưởng mùa Xuân và khát vọng về một Nghệ An phát triển - hội nhập). Chương trình thực sự là bữa tiệc âm nhạc gửi đến Nhân dân tỉnh nhà với sự tham gia biểu diễn của các nghệ sỹ, diễn viên của Trung tâm Nghệ thuật Truyền thống tỉnh Nghệ An; các ca sỹ đạt giải thưởng Giải Sao Mai toàn quốc, quán quân giọng hát Việt nhí, các ban nhạc, nhóm nhảy DJ đến từ Nghệ An, Hà Nội; các vũ đoàn,…

Nghệ An đạt 02 HCV, 02 HCB và 02 giải Xuất sắc tại Liên hoan Âm nhạc ASEAN - 2022. Liên hoan do Cục Nghệ thuật biểu diễn chủ trì, phối hợp với Cục Hợp tác quốc tế, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam từ ngày 19-24/12/2022**.** Tham gia Liên hoan có 14 đoàn nghệ thuật đến từ các quốc gia: Cộng hòa DCND Lào, Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Liên bang Myanma, Malaysia và nước chủ nhà Việt Nam với hơn 200 nghệ sĩ, diễn viên. Kết quả, Ban Tổ chức đã trao 03 HCV, 03 HCB cho các chương trình; 14 HCV, 23 HCB và 5 HCĐ cho các tiết mục và một số giải Xuất sắc cho các cá nhân có sáng tạo. Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nghệ An, ngoài HCV cho chương trình còn có 01 HCV, 02 HCB tiết mục; 2 giải xuất sắc (Đạo diễn xuất sắc và Nhạc công chính xuất sắc).

Hội thảo khoa học "Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ An - Bảo vệ và phát huy giá trị" đã diễn ra vào ngày 24/12, tại TP Vinh. Tham dự Hội thảo có đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh Nghệ An; lãnh đạo các huyện, thành, thị xã; Trưởng phòng VHTT, Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông các huyện, thành, thị trong tỉnh; cán bộ, công chức các đơn vị trong khối di sản trực thuộc Sở VH&TT cùng gần 40 nhà khoa học,

nhà nghiên cứu văn hóa, nhà quản lý trong cả nước. Tại Hội thảo, Ban Tổ chức đã nhận được 42 báo cáo tham luận của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, nhà quản lý văn hóa, các nghệ nhân thực hành di sản, trong đó có 8 tham luận được trình bày tại hội thảo, tập trung làm rõ 2 vấn đề: Nhận diện DSVH PVT tỉnh Nghệ An - Tiềm năng và thực trạng bảo vệ, phát huy; Định hướng và các giải pháp bảo vệ, phát huy giá DSVH PVT Nghệ An.

❁ Chiều 23/12, tại TP. Vinh, UBND tỉnh tổ chức **Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể (2011 - 2021) và trao tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân (NNND), Nghệ nhân Ưu tú (NNƯT)** trong lĩnh vực DSVH PVT. Từ năm 2011 - 2021, toàn tỉnh đã thực hiện kiểm kê được 463 DSVH PVT. Trong đó, có 01 di sản đã được tổ chức UNESCO công nhận là DSVH PVT đại diện của nhân loại là Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh; 07 di sản đã được đưa vào Danh mục DSVH PVT quốc gia: Lễ hội đền Cờn (thị xã Hoàng Mai), Lễ hội đền Quả (huyện Đô Lương), Lễ hội đền Chín Gian (huyện Quế Phong) Lễ hội đền Bạch Mã (huyện Thanh Chương), Lễ hội đền Thanh Liệt, Lễ hội đền Ông Hoàng Mười (huyện Hưng Nguyên), Nghi lễ Xăng Khan của đồng bào dân tộc Thái miền Tây Nghệ An.

Qua 03 đợt triển khai xét tặng NNND, NNƯT, toàn tỉnh có 01 cá nhân được phong tặng danh hiệu NNND, và 91 cá nhân được phong tặng danh hiệu NNƯT. 01 NNND và 25 NNƯT được phong tặng đợt 3 năm 2022 đã được vinh danh tại Hội nghị này.

❁ **Hội nghị đối thoại bàn giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023** được tổ chức tại TP. Vinh vào ngày 23/12. Tham dự hội nghị có đại diện lãnh đạo Sở VH&TT và các phòng thuộc Sở; đại diện một số ban, ngành của tỉnh; Trưởng phòng VHTT; Giám đốc Trung tâm VH,TT&TT các huyện, thành, thị trong tỉnh; đại diện lãnh đạo UBND, công chức Văn hóa các địa phương có Mô hình Văn hóa được công nhận Mô hình Văn hóa cấp tỉnh năm 2022; Ban Chủ nhiệm các Mô hình Văn hóa cấp tỉnh năm 2022,… Tại Hội nghị, các đại biểu được xem phóng sự truyền hình về kết quả hoạt động văn hóa cơ sở và công tác xây dựng mô hình trên địa bàn tỉnh trong năm 2022; phát biểu tham luận của 3 mô hình đại diện cho 9 mô hình văn hóa cấp tỉnh được xây dựng trong năm 2022. Hội nghị cũng được nghe 6 ý kiến phát biểu từ cơ sở, tập trung vào những khó khăn, vướng mắc về đội ngũ cán bộ, về thiết chế văn hóa, về kinh phí hoạt động.

❁ **Lễ dâng hương tưởng niệm nhân kỷ niệm 155 năm ngày sinh của nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu (26/12/1867 - 26/12/2022)** đã được Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức vào ngày 26/12, tại Di tích Quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Phan Bội Châu, huyện Nam Đàn. Dự lễ có các đồng chí đại diện lãnh đạo Tỉnh ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh, Huyện ủy Nam Đàn. Cùng dự có đại diện một số sở, ban, ngành; Hội Hữu nghị Việt - Nhật tỉnh Nghệ An; Ban Giám hiệu, Hội Cựu học sinh Trường THPT chuyên Phan Bội Châu, con cháu và Hội đồng Gia tộc họ Phan... Đây là hoạt động có ý nghĩa nhằm tưởng nhớ, tôn vinh những đóng góp to lớn của cụ Phan Bội Châu cho đất nước trong những năm đầu thế kỷ XX, đồng thời góp phần giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho thế hệ trẻ.

❁ **Lớp truyền dạy dân ca, dân vũ cho hạt nhân văn nghệ người dân tộc Thái** do Sở VH&TT phối hợp cùng UBND huyện Anh Sơn tổ chức từ ngày 23-28/12/2022 tại bản Vều, xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn. Tham dự lớp có 60 hạt nhân văn nghệ của các xã: Thành Sơn, Đỉnh Sơn, Thọ Sơn, Tam Sơn, Cẩm Sơn, Tường Sơn, Hoa Sơn, Phúc Sơn huyện Anh Sơn. Tại đây, các học viên được các Nghệ nhân Ưu tú, nghệ sĩ của tỉnh truyền đạt các nội dung: Ý nghĩa của các làn điệu dân ca dân tộc Thái; cách thức thực hành các làn điệu: lăm, nhuôn, suối khắp, hát ru; cách thức diễn tấu khua luống, cồng chiêng, một số tổ hợp trình diễn dân vũ như xòe Thái, nhảy sạp…; cách thức biên tập, dàn dựng các chương trình phục vụ sinh hoạt cộng đồng và quảng bá du lịch. Ngoài ra, các học viên còn được chia sẻ, trao đổi những vấn đề trong việc bảo tồn các loại hình di sản văn hóa dân tộc Thái gắn với phát triển du lịch tại địa phương và tham quan một số mô hình hộ gia đình làm du lịch cộng đồng tại xã Phúc Sơn.

THỂ THAO

❁ **Khen thưởng huấn luyện viên (HLV), vận động viên (VĐV) đạt thành tích cao tại các giải thể thao quần chúng (TTQC) toàn quốc năm 2022.** Tại các giải TTQC toàn quốc năm 2022, đoàn thể thao Nghệ An có 62 VĐV được triệu tập vào đội tuyển tỉnh tham gia thi đấu, tranh tài ở các giải: Vô địch Cúp các CLB đẩy gậy, kéo co và giải Gia đình thể thao toàn quốc. Các VĐV Nghệ An đã đạt: 01 HCV, 02 HCĐ (môn đẩy gậy); 02 HCV, 01 HCB, 07 HCĐ (môn kéo co); 03 HCV, 04 HCB, 08 HCĐ (giải Gia đình thể thao). Lễ trao thưởng cho các HLV, VĐV đạt thành tích cao tại các giải TTQC toàn quốc năm 2022 đã được Sở VHTT tổ chức vào sáng ngày 08/01/2023.

NGỌC MAI - HỒ HÀ *(thực hiện)*